

Hà Ân

Khúc khải hoàn đang dở



KIM ĐÔNG

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐÔNG

Khúc Khải Hoàn Dang Dở

Tác Giả: **Hà Ân**

NXB: Nxb Hà Nội

Thể loại: Truyện lịch sử

Năm: 2002

Typing: kitty263

Giới thiệu

Sau ***Người Thăng Long***, nhà văn Hà Ân định viết tập tiếp theo với nhân vật chính là Trần Quốc Tảng, một ông hoàng trẻ văn võ song toàn lại rất ngạo đời. Nhưng khi biết những vần thơ hào sảng trong bài Phóng cuồng ca không phải của Trần Quốc Tảng, ông đã thất vọng và đốt đi hàng trăm trang bản thảo. Tưởng rằng tác phẩm không thể hoàn thành. Nhưng rồi ông bắt “gặp” Đỗ Vĩ, một tinh báo tài giỏi của Nhà Trần, một nghệ sĩ đàn ngọt, thơ hay, bút vẽ thần tình, đường kiếm siêu việt... Và thế là ***Khúc khải hoàn đang dở*** ra đời, sau hai mươi năm. Như một bản hùng ca mãi mãi âm vang trang sử hào hùng và ghi dấu bóng hình người tinh báo chiến lược tài ba Đỗ Vĩ cùng những tướng sĩ kiêu hùng, những người con ưu tú của dân tộc.

Nhà văn HÀ ÂN (1928-2011)

Tên thật là Hoàng Hiến Mô, quê ở Hà Nội.

Ông gia nhập Trung đoàn thủ đô liên khu I năm 1947, rồi làm trưởng ty Hoa kiều vụ tỉnh Lào Cai năm 1948. Năm 1955, ông về làm giáo viên văn hóa ở Trường Quân y và Hậu cần.

Từ năm 1964, ông làm biên tập viên tại Nhà xuất bản Hà Nội...

Ông nổi tiếng với các tác phẩm tiểu thuyết lịch sử, truyện kể lịch sử, dã sử và được tặng các giải thưởng: Giải C Giải văn học thành phố Hà Nội cho tiểu thuyết lịch sử Ngàn năm Thăng Long; Giải bò câu vàng kịch bản phim hoạt hình Ông Trạng thả diều; Nhiều lần giải A văn học thiếu nhi Trung ương Đoàn; Giải khuyến khích kịch bản hoạt hình Ngựa thần Tây Sơn.

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

- Tướng quân Nguyễn Chích (truyện lịch sử, 1962)

- Quận He khởi nghĩa (truyện lịch sử, 1963)
- Nguyễn Trung Trực (truyện lịch sử, 1964)
- Phú Riềng đỏ (ký lịch sử, 1965)
- Bên bờ Thiên Mạc (truyện lịch sử, 1967)
- Tổ quốc kêu gọi (tiểu thuyết lịch sử, 1973)
- Trên sông truyền hịch (truyện lịch sử, 1973)
- Trăng nước Chương Dương (truyện lịch sử, 1975)
- Người Thăng Long (tiểu thuyết lịch sử, 1980)
- Lưỡi gươm nhân ái (truyện lịch sử, 1981)
- Ông Trọng thả diều (truyện lịch sử, 1982)
- Cái chum vàng (truyện lịch sử, 1986)
- Vụ án trâu cánh phượng (truyện lịch sử, 1990)
- Kho báu dưới gốc hoàng đào (truyện lịch sử, 1993)
- Mùa chim ngói (tập truyện, 1995)
- Khúc khai hoàn dang dở (tiểu thuyết lịch sử, 2002)

Chương 1

Trần Quốc Tuấn bồi hồi đi giữa doanh quân. Mấy hôm trước chỗ này đã xảy ra một cuộc chiến đấu lớn. Lớn về quy mô - mỗi bên tham chiến hơn vạn quân - nhưng không lớn về sự ác liệt. Bởi vì đây là một tổng kho lương thảo của địch. Sông Cái chia nước chảy vào Sông Luộc. Quân Nguyên đã lập ở đây một hệ thống kho lớn chứa toàn bộ lương dữ trữ kê, ngô, lúa mì, lúa mạch cả gạo của Lương Quảng, cả cỏ khô thu từ đồng cỏ hoang mạc Tây Bắc phơi khô đánh thành từng khối lớn, mỗi khối dùng cho mười con ngựa ăn trong ba ngày... Nhưng lính thì toàn là lính vận tải, lính chiến rất ít. Tướng thì giỏi tính toán, không giỏi đánh nhau. Trong khi đó, bên ta lực lượng chủ công là quân Thánh Dực Thượng Đô của Phạm Ngũ Lão. Đơn vị này là những người còn lại của đội quân Trần Bình Trọng cũ. Khi họ chia đi để làm kế nghi binh, lòng ai cũng xao xuyến tiếc nuối những người ở lại quyết tử cùng Bảo nghĩa Vương Trần Bình Trọng.

Và giờ đây ai nấy sôi sục lòng căm thù. Như hỏ vào đàn dê, những chiến sĩ của ta xông xáo, họ đốt là chính. Những bó cỏ gặp lửa bùng lên thành một bể lửa. Lửa cháy lan sang kho lương, lửa cháy không tài nào dập được nữa, gió nam đầu mùa thổi ù ù làm cho tiếng lửa cháy rít lên như tiếng sấm. Trận đánh quả không cân sức: quân thiện chiến đánh với lính vận tải thì thắng lợi gần như sự khôi hài. Quân giặc hàng, hạ giáo, vẫn đông tương đương với quân đánh. Chúng đành chịu đi thành hàng ngũ về phía cuối sông. Trận đánh thắng lớn vì sau trận này hết lương thảo, không một tên tương giặc nào có gan ở lại thêm nữa ở nước ta.

Trần Quốc Tuấn đi về phía cuối doanh trại. Chỗ này trước kia tướng giặc Vạn Hộ Hầu Lưu Thế Anh chỉ huy A Lỗ đã cầm lều trận. Bây giờ, đoàn tùy tùng của Hoành trung doanh đã dựng lều trận của Quốc công. Ngay trước cửa lều, là phước Thanh Long, Bạch Hổ của đức ông Tiết chế đường bộ phe phẩy. Ngoài cửa lều trận là một

ngồi lính trong đội quân viễn thám của Hoàng Đổ cầm ngang giáo đứng canh. Trần Quốc Tuấn ngồi xuống ghế bọc da hổ. Tuỳ tùng mời trà thơm giải khát. Phạm Ngũ Lão bước tới cửa lều trận thì vừa lúc đó, một người lính viên thám khác đã phi ngựa đến:

– Thừa Tướng quân có tin cấp báo từ biên giới phía Bắc gửi về.

Anh ta đưa ra một cái que. Phạm Ngũ Lão kinh ngạc:

– Chỉ có thế này thôi à?

– Thừa và một câu nói: Đó là Trần Kiện đã bị quân ta trừng trị ở biên giới.

Phạm Ngũ Lão vội vàng báo tin chiến thắng lên đức ông tiết chế. Trần Quốc Tuấn mân mê cái que suy nghĩ rồi khẽ nói với Phạm Ngũ Lão:

– Đây là tín vật ta đã trao cho Đỗ Vĩ. Không hiểu sao ai đưa được đến đây ? Gọi người lính đã đưa tín hiệu lên đây cho ta hỏi.

Theo lời người lính kể lại, tín hiệu do một cô con gái trong đoàn thị nữ hậu cận công chúa An Tư đưa về. Cô ta trốn khỏi doanh trại Thoát Hoan trong thế mười phần chết một phần sống, bản thân cô ta cũng bị trọng thương, một mũi tên bắn trúng bả vai máu ra rất nhiều. Cô chỉ trao được tín vật và dặn câu nói quan trọng để trình quốc công tiết chế. Bây giờ cô ta còn đang dưỡng thương tại doanh trại của Trần Quốc Tuấn, ở bãi Mả Trờ. Trần Quốc Tuấn ngay lập tức phái Phạm Ngũ Lão đi ngay tìm người con gái.

Phạm Ngũ Lão bước vào lều trận nơi cô gái đang dưỡng thương. Ông sửng người nhìn vẻ mặt xanh xao mất máu của cô gái. Một nét gì đó quen thuộc gợi trong trí nhớ của ông những kỷ niệm thời trai trẻ, còn hơn thế nữa, những kỷ niệm lúc ấu thơ. Đó là những cậu bé cô bé còn đang để trái đào học hành vui chơi với nhau. Đó là thuở người ta chơi với nhau những trò một cái que tre cũng thành một con ngựa. Đó là thuở quen gọi là thanh mai trúc mã. Những kỷ niệm bồi hồi đến trong tâm trí ông. Thừa hàn vi ông ở làng Phú Ứng với mẹ già. Hai mẹ con chỉ có túp lều nhỏ, bên kia hàng rào rau ngót cũng có hai mẹ con nữa nhưng người con là một cô gái kém ông hai tuổi. Cả hai ông bố đều chết trận ở biên thủy phía Tây, hai gia đình sống với nhau rất thân mật, hai đứa trẻ sống với nhau cũng thân

thiết như anh em. Cũng vì thân thiết như anh em cho nên khi chúng lớn lên tình cảm có biến chuyển, cũng chẳng đứa nào dám đẩy tới lên thành tình yêu, cho đến khi Phạm Ngũ Lão thành gia tướng của Trần Quốc Tuấn, cuộc sống của quân ngũ làm cho họ không gặp nhau được nữa. Gần đây mẹ Phạm Ngũ Lão có báo tin cho ông biết bà cụ hàng xóm đã bị bao bệnh qua đời, cô con gái được triều tuyển làm thị nữ cho công chúa An Tư. Bà cụ rất thương cô gái, trong lòng bà muốn kén cô gái làm con dâu mình và bà tin rằng con trai mình cũng muốn có cô gái đó làm vợ. Đó là cô Tầm hiện đang bị thương nằm kia. Nhưng lòng Phạm Ngũ Lão rồi bời bời vì mới đây ông đã được Trần Quốc Tuấn cho cô con gái nuôi làm vợ, đó là quận chúa Nguyễn Thanh.

Phạm Ngũ Lão ra lệnh ngay cho doanh quân gọi mấy ông lang trong quân đội đến ngay chân mạch cho cô gái. Trong số họ có một người rất giỏi châm cứu. Chỉ bằng những cái kim bằng vàng, ông ta lấy ngay lại dục sắc mặt hồng hào của cô gái. Ông ta nói:

– Con nguy cấp đã qua, bây giờ là thuốc bổ và thời gian. Tuổi trẻ của cô này chắc là một hổ trợ rất mạnh. Tướng quân cứ yên tâm, chỉ trong mười ngày chắc cô ta đã đứng dậy ăn uống được rồi.

Phạm Ngũ Lão ra lệnh cho doanh quân lấy thêm chăn ấm, quần áo thay đổi cho cô gái. Ông ra lệnh cho quân doanh hết sức chăm sóc cho người bị thương, sau đâu đó ông quay lại ngay hành trung doanh để tường trình với quốc công Tiết chế.

Dọc đường đi Phạm Ngũ Lão chợt thấy lòng xốn xang. Khi thoát nhận ra cô gái, ông thấy thương cô như cô em gái, mà thực ra xưa nay hai người vẫn coi nhau như anh em. Hai người vẫn chưa hề có sự tỏ tình hoặc hứa hẹn gì. Hai bà mẹ cũng không có giao ước gì với nhau. Phạm Ngũ Lão thấy mình hoàn toàn chẳng có một lỗi lầm gì. Nhưng bây giờ ông thấy lòng mình không yên. Một cảm giác mơ hồ ở đâu đó trong đáy lòng ông da diết, trách móc ông đã làm một điều không nên với người bạn thanh mai trúc mã. Ông tự trách rồi ông lại cho rằng mình chẳng mình chẳng có lỗi gì, rồi ông lại tự trách...

Phải chăng ông đã vì công danh mà phạm lỗi, ông tự xét và thấy mình không phải như vậy. Nhưng tại sao lại nên cơ sự ấy thì ông không trả lời được. Về đến hành trung doanh, Phạm Ngũ Lão vẫn còn ở tâm trạng như vậy.

Ông đưa trình Trần Quốc Tuấn cái que tín vật. Trần Quốc Tuấn xem lại cái que một lần nữa. Ông lẩm bẩm:

– Đúng là que chuyền Dã Tượng là cho em nuôi của nó.

Đây đúng là que chuyền Dã Tượng đã làm cho bé Tiểu Bội. Dã Tượng đã coi bé Tiểu Bội như em nuôi. Trần Quốc Nghiễn, con cả của ông đã nhận bé Bội làm con nuôi, như thế là cháu nội ông. Cô quận chúa Tiểu Bội hiện nay đang cùng với trẻ con thái ấp Vạn Kiếp lánh giặc ở nơi nào đó trong rừng già Yên Tử.

Như vậy tin này phát đi là từ Đỗ Vĩ. Có điều gì trong tin này khiến Đỗ Vĩ phai cấp báo về cho ông? phải chăng Đỗ Vĩ muốn báo cho ông rằng, quân gia bình của ông ở Đông Bắc, lực lượng sơn chiến của đồng bào Tây, đồng bào Nùng vẫn xiết chặt hàng ngũ chung quanh của các đô chính quy của triều đình. Như vậy giá trị chiến lược mà Đỗ Vĩ muốn thông báo với ông là lực lượng của ta ở mặt Đông Bắc rất mạnh và chặt chẽ sẵn sàng chờ khi ông đuổi giặc khỏi Thăng Long, chúng sẽ rút chạy qua một vùng mà quân ta đã dàn sẵn đánh những trận phục kích tiêu diệt...

Thật là một tin báo cực kỳ quan trọng khiến ông bày trận yên tâm hơn, chắc thắng hơn. Nhưng Đỗ Vĩ bây giờ ở đâu, số phận anh ta bây giờ ra sao.

Trần Quốc Tuấn ngẩng lên nhìn Phạm Ngũ Lão dăm dăm.

– Nhà người có chuyện gì thế? Phải chăng cô gái đó là người thân của người?

Ông hỏi rồi ông thăm tự trả lời ngay Phạm Ngũ Lão chỉ có hai mẹ con và ông chăm chú chờ câu trả lời của viên tướng dưới quyền.

– Thừa đấy là cô bạn hàng xóm của mặt tướng, bố cô ấy chết trận, mẹ cô ấy cũng vừa mới qua đời. Cô đó cũng chỉ có một mình trên đời này.

– Trong cuộc chiến tranh này, dân ta chẳng có ai là một mình trên đời này. Có điều lúc nhỏ, hai người thân thiết với nhau, tình bạn ấy không dễ phai nhạt được.

Trần Quốc Tuấn không nói hết ý mình, ông tin rằng tình bạn thanh mai trúc mã chỉ có hoàn cảnh chiến tranh mới không thành một hôn nhân êm dịu. Ông hỏi tiếp:

– Nhà người rất thân với Nguyễn Chế Nghĩa phải không?

Và ông bỏ lửng cũng không nói tiếp ý muốn gả cô Tầm làm vợ Nguyễn Chế Nghĩa. Những việc như thế này, lòng của Phạm Ngũ Lão, của Nguyễn Chế Nghĩa, của cô Tầm cũng khó rạch ròi việc vui, việc mừng, xốn xang, tiếc nuối.

Ba hôm sau cô Tầm đã có thể trả lời những câu hỏi của Trần Quốc Tuấn.

Cô là một trong mấy thị nữ được đưa lên Đông Bắc để chuẩn bị chỗ ở cho công chúa An Tư, cô phải thu xếp ở cả hai bên biên giới. Ở bên kia biên giới tên tướng giặc chỉ huy trấn giữ biên thù, hậu cần, kể cả việc hành chính nữa, đó là tên Mã Lộc, một tên tướng nhiều tài, thông minh có bản lĩnh, đi từ hồ Phiên Dương xuống. Hắn rất thích cô Tầm, một cô gái duyên dáng sắc sảo, lại là người được Thoát Hoan phải lên.

Doanh nhân Trì thôn nằm cách biên giới mấy chục năm dặm được quản lý rất tốt, an toàn trật tự. Mã Lộc hàng ngày dẫn quân đi tuần tiểu mấy chục dặm xa. Doanh quân thường có tiệc thết đãi những quan tướng Việt theo Trần Ích Tắc và Trần Kiện đầu hàng nhà Nguyên. Lệnh ngầm từ Hành trung doanh của Thoát Hoan đưa xuống hết sức biệt đãi hàng binh Việt, trọng đãi hàng tướng Việt.

Mã Lộc giữ rất đúng kế hoạch đó. Cho nên khi cô Tầm đến Trì Thôn, Mã Lộc đã cho người theo cô gái đi chọn chỗ ở cho công chúa An Tư. Y nói: “Lệnh bà sẽ được tiếp đón trọng thể. Còn bây giờ tôi sẽ đưa cô nương đi thăm Trì Thôn.”

Chính một lần đi thăm Trì Thôn, cô Tầm đã được gặp Đỗ Vĩ. Khi ấy anh vẫn được tự do xông xênh đi quanh Trì Thôn, Mã Lộc đã lệnh cho anh không được rời Trì Thôn.

Những tin tức về Đỗ Vĩ làm cho Trần Quốc Tuấn trầm ngâm, Quốc công đứng dậy ra khỏi lều trận đi lang thang ven sông Luộc.

Phạm Ngũ Lão ngồi lại trong lều, anh không nghĩ về Đỗ Vĩ mà trong lòng anh xốn xang bao kỷ niệm về thời thơ ấu...

...Năm mười bốn tuổi Phạm Ngũ Lão được ông Cán Nguyễn thu nhận làm đồ đệ võ. Ông Cán Nguyễn là một người nổi tiếng vùng sông Luộc, sông Hóa. Cứ mỗi độ xuân về vùng huyện hai bên ven sông đều có mở hội. Tiếng trống hội vật vang dội ven sông trong suốt tháng Giêng, tháng Hai. Ở hội phủ Long Hưng, giải nhất bao giờ cũng về tay ông Nguyễn. Cho đến năm ngoài bốn mươi, ông không tranh tài nữa mà chỉ đóng khổ bao ra ngồi chiếu trịch ở hội vật cho trai phủ thi tài với trai tứ phương. Do đó có cái tên là ông Cán Nguyễn. Được ông Cán Nguyễn thu làm đồ đệ chẳng phải chuyện dễ. Ông chẳng những vật giỏi mà quyền, đao, thương cũng xuất sắc. Trường dạy võ của ông không thu nhận nhiều học trò mà chỉ nhận một số chọn lọc mà ông cho là những người có căn cơ, có đức. Ông thường nói học môn này không có đức không thể theo học được. Cậu bé Phạm Ngũ Lão được ông già chăm làm đồ đệ vì một lần ông chứng kiến cậu bé bệnh vực các bạn bé chống lại mấy kẻ vô lại, chúng lớn hơn và đáng cũng rất dữ nhưng cậu bé cứ lăn xả vào cản lại không kể bươu đầu sút tai. Ông thu cậu bé làm đồ đệ và dặn một câu: “Đã tập là tập hết lòng, thầy cho nghỉ mới được nghỉ.” Ông Cán Nguyễn rèn cậu bé đến nơi đến chốn. Đã có hôm mùa đông tháng giá ông đưa cậu bé ra ven sông tập cho cậu quen với cái rét cắt ruột. Phạm Ngũ Lão mới về tới nhà, người lê lét tả tơi, bụng đói, cật rét. Phạm Ngũ Lão về lục nồi, chẳng có gì ăn, cậu kiếm được một củ khoai lang sống, hà mất một nửa, lay lắt ở góc bếp. Phạm Ngũ Lão lau củ khoai vào áo mình cho sạch rồi đưa lên miệng ăn sống. Lúc bảy giờ chợt thấy con chó vàng thân thường quấy đuôi mừng tíu tít. Phạm Ngũ Lão hỏi ngay: “Tầm phải không?” Cô bé năm ấy mười một tuổi tóc phủ kín má len qua cửa bếp vào. Dưới ánh lửa bếp bập bùng, cô bé sáng bừng lên như một cô tiên hai mắt lấp lánh, đôi môi hồng tươi hé hàm răng trắng nõn. Cô bé chìa tay đưa cho Phạm Ngũ Lão một cái gói: “Em vừa nướng lại cho nóng rồi.” Đó là một cái lá sen nhỏ gói một nắm xôi nướng lại còn ấm tay. Có

lẽ Phạm Ngũ Lão chưa bao giờ được ăn một nắm xôi ngon như vậy. Ngay cả đến bây giờ nhớ lại ông vẫn thấy mùi thơm của lá sen, và bây giờ ông cho rằng mấy ngón tay nhỏ của cô Tầm như búp ngọc lan cũng thơm như mùi hương sen...

Trần Quốc Tuấn đi dọc theo ven sông. Ông nhớ lại lần gặp Đỗ Vĩ ở Vạn Kiếp khi anh treo bức tranh thứ tư vẽ phong cảnh đất nước ở căn phòng nhĩ đầu thư viện của ông. Đó là cánh cửa Đầu Quỷ về mùa đông. Lần ấy ông đã giao cho Đỗ Vĩ nhiệm vụ làm gián điệp ở bên kia biên giới, không phải loại gián điệp thông thường mà là loại gián điệp quan trọng chuyên nghiên cứu về các mưu lược của địch. Ông đã giao cho Đỗ Vĩ bộ que chuyền của bé Bội để làm tín vật. Đỗ Vĩ đã gửi về cho ông bốn que. Một que so sánh hai tên tướng cầm đầu đạo quân xâm lược. Một tên là Thoát Hoan, tướng trẻ cương cường tài hoa ăn chơi làm chánh nguyên súy. A Lý Hải Nha, tướng già, đanh thủy giỏi, đánh lửa giỏi, nuôi quan giỏi, làm phó nguyên súy. A Lý Hải Nha lại chính là thầy của Thoát Hoan. Tên trẻ ít kinh nghiệm làm chánh, tên già giàu kinh nghiệm là thầy của tên kia lại làm phó. Chính nhận định này của Đỗ Vĩ đã giúp cho ông định ra cách đánh đối với hai tên. Tín vật thứ hai, que chuyền thứ hai là quân thủy. Thoát Hoan chỉ huy đoàn thuyền vận tải. Tín vật này làm cho ông tập trung thuyền nhẹ đánh tiêu diệt trên mấy ngã ba sông. Đem thuyền chiến dù là nhẹ đánh thuyền vận tải dù là nặng thì dễ như lấy đồ trong túi. Que chuyền thứ ba, tín vật thứ ba là tin về số lượng ngựa của quân giặc. Ngựa nhiều thế này, đánh câu liêm là thích hợp nhất. Ngựa mà đã bị ngoặt ngã thì tên cưỡi ngựa chạy làm sao được. Con bây giờ là que chuyền thứ tư, tín vật thứ tư đưa tin Trần Kiện bị bắn chết. Trong chiến tranh người chết như rạ, Trần Kiện cũng là một tên quan trọng nhưng có đáng gì đâu mà phải đưa...

Bây giờ Đỗ Vĩ ở đâu? Ông còn nhớ lúc tiễn Đỗ Vĩ, ông còn cầm tay của Đỗ Vĩ đưa lên ngắm. Một tay võ nghệ tuyệt luân như Đỗ Vĩ mà có một đôi tay tài hoa mười ngón tay như mười búp măng mềm mại trắng muốt như tay mỹ nữ. Đúng là tại có chiến tranh, đất nước bị xâm lược, ông mới dám sẵn lòng hy sinh những bàn tay quý giá như vậy của dân tộc.

Bây giờ Đỗ Vĩ ở đâu?

Chương 2

Đỗ Vĩ dừng lại trên bờ con sông nhỏ, đây là con sông chảy ngược từ Đại Việt về phía Trung Quốc. Từ đây chẳng nhìn thấy con đường về cửa quan phân chia hai nước nhưng từ đây Đỗ Vĩ nhìn thấy trạm kiểm soát người qua lại giữa đôi bên. Đây là thời kỳ chiến tranh nên trạm kiểm soát này làm việc rất ngặt nghèo. Chủ yếu đội quân đặc biệt của Trung Doanh do tên Bạt Đô A Rich chỉ huy. Bạt Đô nghĩa là dũng sĩ, là hầu tước vạn hộ được mang thẻ phủ hình con hổ có gắn hạt châu. Thẻ phủ của A Rich được gắn hai hạt châu. Y được phái đến thay Mã Lộc đã được mấy ngày nay. Đỗ Vĩ mỗi buổi chiều lại được A Rich gọi đến cho uống rượu. Tiếng là rượu mời nhưng thực ra là rượu tù. A Rich muốn đảm bảo Đỗ Vĩ vẫn có mặt. Có nghĩa là hắn muốn bắt lúc nào cũng được.

Nhưng Đỗ Vĩ vẫn đến các bữa rượu chiều rất hào hao, sảng khoái. Vẫn cười tươi, lúc nào cũng cầm cây quạt nhỏ. Chiều hôm nay, Đỗ Vĩ còn mang đến cây sáo trúc. Anh nói với A Rich để tạ ơn mỗi chiều cho uống rượu, hôm nay Đỗ Vĩ sẽ tặng A Rich một điệu sáo đồng quê của quê anh. Và anh thối say sưa, điệu sáo thật quyến rũ làm cho A Rich cũng phải mê đắm.

A Rich vẫn xếp cho Đỗ Vĩ một căn nhà nhỏ, nói cho đúng hơn là một cái lều nhỏ lợp tranh của trúc. Nhưng là một căn nhà nom bình yên, lặng lẽ và kín đáo. Nhưng đội vệ binh của A Rich lúc nào cũng có hai tên đứng canh phòng từ xa, dường như không phải canh lều mà là canh con đường đi qua đó. Nhưng Đỗ Vĩ thừa biết những tên này canh mình. Bởi vì chúng không phải là những tên lính thường mà là những võ sĩ võ tuyệt luân. Đỗ Vĩ vào nhà. Anh đi qua trước mặt trên lính canh phòng, còn đưa cho nó một nậm rượu nói là quà tặng. Căn lều đơn sơ chỉ có một cái giường đơn, một cái văn án, một cái ghế. Đỗ Vĩ ngồi xuống ghế và mơ màng. Anh nghĩ lại tám tháng trước đây một buổi chiều mùa thu, anh theo một con thuyền buôn Cao Ly từ cửa biển Phú Sơn xuống Nam và theo Sán Đầu vào

sông lớn Trung Quốc. Anh có mang theo thẻ phù của đạo quân Mông Cổ ở Cao Ly cho phép vào Trung Quốc.

... Đỗ Vĩ đã lên Hán Thành, tìm đến nơi đóng quân của đạo quân của Hoa Dương quân. Hoa Dương quân là tước phong của hoàng tử Lý Long Quý, em ruột của thái tử Sảm. Thái tử là chồng của bà Trần Thị Dung, người đàn bà long thao hổ lược của họ Trần, người đã lấy gọn ngai vàng của nhà Lý về cho nhà Trần qua quyền bà vua cuối cùng là con gái bà: Lý Chiêu Hoàng.

Hoàng tử Lý Long Quý qua đời đã lâu, các tướng tùy tùng của ông cũng qua đời đã lâu, chỉ còn hậu duệ của những người ấy. Đỗ Vĩ tìm đến Đàm phủ, tìm con và cháu của Đàm Ông, viên tướng cận vệ thân thuộc của Lý Long Quý, may sao cháu của Đàm Ông có mặt tại Hán Thành. Đây là người mà anh đã mấy lần trao đổi thư từ theo yêu cầu của bố anh. Mà bố anh cũng trao đổi thư từ với con Đàm Ông theo yêu cầu của ông nội anh. Ông nội anh là Trương lão phái võ Yên Tử, là Thiết Diện đại sư, Thiết diện đại sư là thầy dạy của Đàm Ôngm theo truyền thống của phái võ thì Đàm Ông và bố anh là anh em, bố anh là sư huynh của Đàm Ông, đây là viên tướng tùy tùng của thiếu gia Hoa Dương quân, đó là tướng quân Đàm Lĩnh. Đàm Lĩnh nghe tin anh đến vui mừng ra đón tận cửa đưa sư bá vào chính đường mời trà và hỏi han sức khỏe và tình hình đất nước.

Chính kiến dòng Hoa Dương rất rõ ràng: không chung sống với họ Trần, nhưng không để ai làm thiệt hại đến nước Đại Việt. Với quân Nguyên, Hoa Dương đã từng cầm đầu phe chủ chiến chống lại mà chống lại được, nên tước Hoa Dương chính là để thưởng công thắng giặc của ông, tước của ông được tập ấm cha truyền con nối. Bây giờ Hoa Dương đời thứ ba là cháu nội ông.

Đỗ Vĩ và Đàm Lĩnh chuyện trò với nhau thân mật mấy ngày rồi Đàm Lĩnh tiễn Đỗ Vĩ về Sán Đầu. Trước khi lên thuyền lớn vượt biên, Đàm Lĩnh nói với Đỗ Vĩ:

– Ý của sư bá cũng phải. Quân Nguyên là kẻ thù. Dòng họ Đàm tôi lại không thể sống chung với họ Trần. Nhưng để giúp đánh quân Nguyên là nghĩa vụ chung của người Đại Việt. Đồ tôn thiết nghĩ nếu có thể sẽ thu xếp về nước. Còn bây giờ sư bá về Sán Đầu đi theo

thuyền buôn này, đây là thuyền buôn của những người có nhiều ân nghĩa với Hoa Dương quân doanh. Họ sẽ bảo vệ để sư bá được an toàn. Riêng đồ tôn có vật này tặng sư bá, may ra có thể giúp sư bá được phần nào chăng.

Anh ta đưa tặng Đồ Vĩ một mảnh trúc Thiên Sơn. Đồ Vĩ reo lên:

– Đây là que tẩm ngựa của một tướng Mông Cổ. Làm sao cháu có được?

Mỗi một kỵ sĩ Mông Cổ thường có một mảnh trúc Thiên Sơn để làm que gạt mồ hôi ngựa khi tẩm cho ngựa. Ai có một mảnh trúc Thiên Sơn thường giữ rất kỹ. Các kỵ sĩ kiệt xuất của Mông Cổ ai cũng có một mảnh trúc này, họ thường khắc lên đấy những bài thơ, những dấu hiệu. Que trúc này dùng đã lâu, đã mòn vẹt. Mặt cắt khắc một cung thủ Mông Cổ đang bắn cung, dưới chân anh ta là một con chó sói lông xám xác xơ.

– Đây là một trong lần tòng chính ở cao nguyên mé Bắc Tứ Xuyên, đồ tôn đã gặp một tên tướng Mông Cổ, vết thương bắn trúng cổ nhưng không vào họng, y được đồ tôn chăm sóc cho thuốc dầu, chữa lành vết thương rồi tha cho hắn. Hành hạ một kẻ thù bị thương thì đâu phải là hảo hán. Ngày xưa sư tổ đã dạy thế mà. Cho nên y cảm ơn tặng đồ tôn cái que trúc này. Y còn nói: “Nếu gặp người Mông Cổ thì cứ đưa que trúc này ra sẽ được giúp đỡ.” Đồ tôn cũng chẳng biết giá trị nó đến đâu, cứ đưa nó tặng cho sư bá may ra lại hay.

Đàm Lĩnh chuẩn bị hàng cho một chuyến buôn lớn về Trung Quốc để làm bình phong che mắt thế gian cho Đồ Vĩ. Anh đã đổ bộ Sán Đầu với một số hàng rất lớn và rất quý gồm da điếu, da cáo, da cáo tuyết, sâm Cao Ly, thực Bắc... Thương nhân Đồ Vĩ vào Sán Đầu đi sâu vào nội địa đi đến đâu cũng được đón tiếp long trọng...

Một buổi sáng cuối hè, một chiếc kiệu hoa lệ đỗ trước cửa sông bạc Lư Châu. Đây là sông bạc lớn nhất ở phía đông sông Dương Tử. Lư Châu ngày xưa là một trung tâm buôn bán giao dịch rất lớn của nhà Nam Tống. Còn bây giờ nó còn bành trướng lên hơn nữa. Vì nó phải làm một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng đó là căn cứ vận tải thủy của An Nam hành đạo. Bộ tư lệnh quân Nguyên tập trung ở

đây toàn bộ của cải của cuộc Nam chinh. Thóc gạo, lương ăn của năm mươi vạn lính và phu vận tải trước khi phân phối đi các đạo quân đều phải qua kho chính ở đây. Thuốc men cho đội quân Nam chinh, kể cả thuốc bổ dùng cho các tướng. Những bó tên vận tải từ Bắc Đại Hoàng về cho đúng với vũ khí quen dùng của lính cung thủ Mông Cổ. Quần áo rét, lông thú, chủ yếu là lông hồ li... Vải bố dệt thật dày, sơn để gắn mũi sấu vào các cánh tên, gắn các mũi giáo. Rồi còn nhiều thứ khác nữa, thậm chí có những thứ người ta không thể tưởng tượng được trong chiến tranh thì nó dùng làm gì. Ví dụ lụa cat-sơ-mia mỏng tang như khói hương tưởng chỉ thổi cũng rách, sơn môi, thuốc bôi hôi nách... Vì nhiều thứ này như vậy cho nên viên tướng chỉ huy cái tổng kho là một tên nho tướng, một tên người Hán đầu hàng phản bội nhà Tống, đã từng dẫn đường cho quân Mông Cổ đuổi bắt tể tướng Văn Thiên Tường, vị trí thức đã đổ trạng nguyên. Viên tướng chỉ huy kho vốn dĩ ngày xưa đỗ tiến sĩ cùng khóa với Văn Thiên Tường. Hắn là tiến sĩ Triệu Hán Thần. Sau vụ phản loạn bức tử được tể tướng Văn Thiên Tường và vua Tống, Triệu Hán Thần được cho đổi tên là An Nha và được phong Vạn Hộ Hầu ba hạt châu. Vạn Hộ Hầu An Nha còn được chọn để quản kho này bởi vì ở đây không cần phải đánh nhau mà cần coi quản không lẫn, không mất, cấp phát đầy đủ đúng vật, đúng người cho người đến lĩnh.

Sáng nay An Nha cũng đang ngồi trong sòng bạc Lư Châu. Như thông lệ, ở đâu có chiến tranh là ở đó có những ông tướng rất giàu, mặc dù những ông này không ra trận.

An Nha là khách của sòng bạc Lư Châu. Chủ sòng muốn chiều An Nha nên đã định dọn ra một bàn để An Nha đánh tay đôi với dòng. Nhưng An Nha không muốn, y nói: “Ta muốn có không khí đông người ồn ào náo nhiệt tranh nhau từng nước bạc mới thích.”

Và hắn cứ đánh bàn chung với tất cả mọi người. Tất nhiên là những người khác đánh từng lạng bạc, còn hắn, hắn đánh từng đĩnh bạc vàng lớn. Nước bạc đang hăng, An Nha đã thua tới sáu đĩnh. Nhưng hắn coi như không. Với ông tướng chỉ huy tổng kho Lư Châu thì sáu đĩnh vàng là cái quái gì. Chợt hắn thấy ngoài cửa có tiếng xôn xao, chắc có khách. Quả nhiên là có khách. Một người đi vào,

dáng thanh tú, ăn vận lịch sự, giàu sang, tay cầm chiếc quạt Nhật. An Nha quan sát: đây chắc không phải thư sinh vì cs thư sinh nào lịch sự giàu sang thế kia. Đây cũng chắc không phải thương nhân vì có thương nhân nào thanh tú nhường ấy. Vị khách mới đến mặc áo bào màu nguyệt bạch, đai lưng đeo một viên ngọc bích to bằng trái trứng. Chỉ trông viên ngọc bích cũng biết nó đáng liên thành.

Ông khách áo bào trắng đưa ra hai viên hồng ngọc cho hồ lì để đổi lấy thẻ. Hai viên ngọc đổi được năm thẻ, ông ra nói.

– Ta có thói quen chỉ đánh hai tiếng. Được thua cũng thôi.

Cả sòng bạc lặng ngắt như tờ. Ông khách chia năm thẻ làm hai phần bằng nhau đặt vào cửa đại một phần. An Nha cảm thấy đĩnh vàng của mình đánh vào cửa đại quả thật nhỏ nhoi. Gã hồ lì kêu to: “Mọi người đặt cửa đi.” Cả sòng bạc cũng ngó người ra, một người đặt cửa bằng một đĩnh vàng, còn một người đặt cửa bằng số thẻ đổi được từ một viên hồng ngọc quý. Vậy thì chẳng nhẽ lại đặt cửa bằng mấy đồng tiền. Cho nên chẳng ai đặt tiếp. Gã hồ lì gào ba lần rồi hô: “Mở này.”

Nước bạc này ra đại, như vậy, An Nha được một đĩnh vàng còn vị khách bào trắng được một số thẻ nữa. Ông ta gộp cả thẻ đặt cửa, thẻ được và số thẻ cong lại đặt tất cả vào cửa tiếng thứ hai. An Nha cũng đánh tiếp cửa đại. Cả sòng bạc lại lặng thinh, sòng bạc mà lặng thinh thì quáỉ đản. Đó vốn là nơi ồn ào hò hét còn hơn chợ vỡ. Thế mà mọi người mồm cứ há ra thở hỏn hển. Gã hồ lì cũng khiếp không dám mở chuông. Hắn phải chạy vào gọi chủ sòng ra để hỏi ý. Chủ sòng nói. “Mình mở sòng bạc, khách đến chơi đặt bao nhiêu lí ra là phải bằng lòngm có điều nhiều quá thì ra cũng chẳng thể giam nổi, chi bằng xin với ông khách thư cho tiếng bạc này.” Hai ông khách bật cười nhìn mặt nhau.

– Đã vậy ta tha cho người, hai đứa ta đánh với nhau tiếng bạc này.

Ông khách mặc áo trắng mời An Nha đặt cửa. An Nha vẫn đặt cửa đại. Vậy là ông khách nhận cửa tiểu. An Nha nói: “Như vậy không công bằng. Số thẻ này gấp nhiều lần đĩnh vàng của ta và chẳng ông cũng đã chọn cửa đại trước.”

Ông khách cười xòa. “Đánh bạc là để tìm cảm giác lạ, được thua có nghĩa gì. Ông cứ đánh cửa đại.” Nước bạc này lại ra đại. Ông khách bảo trắng dùng bán xềng gạt chỗ thẻ sang cho An Nha. “Thế là túc hạ được rồi mà ta đúng như đã định đánh xong hai tiếng bạc.” Nói xong ông khách bảo trắng ra cửa. An Nha áy náy không yên theo ra. Thấy ông khách lên kiệu đi về phía bờ sông, An Nha lên ngựa theo. Ngoài sông có quán Anh Hùng nổi tiếng Lư Châu. Đây là một quán rượu cực kỳ lịch sự, món nhắm thật ngon. Mà rượu thì đủ các loại nổi tiếng từ rượu Phần, Trạng nguyên hồng, rượu cúc Vân Nam, rượu đại mạch Đại Lý. Ông khách vào quán Anh Hùng. Tửu vảo xum xoe mời lên gác. Trên này nhìn ra sông Dương Tử thấy một bầu mây nước hữu tình. Đã cuối hạ sang thu trời hơi se lạnh, mây thấp vờn vũ bầu trời.

– Một căn Trạng nguyên hồng loại thượng hạng, cá chép tươi nướng chả, cua luộc một đĩa. Hăng thế đã.

Rồi chợt nhìn thấy An Nha cũng bước lên gác. Ông khách bảo trắng cúi đầu thi lễ:

– Chúng ta vừa có duyên trên chiếu bạc, bây giờ lại có duyên trên bàn rượu. Không biết tại hạ có vinh dự mời túc hạ cùng ngồi ngắm cảnh mà uống với nhau ba chén rượu chăng?

Bữa rượu hai người rất hợp nhau. Sức uống ngang nhau. Và chẳng hai bên vừa uống vừa quan sát ngầm nhau. An Nha tin rằng cái đất Lư Châu này biết mình là ai, còn ông khách áo bào trắng thì thản nhiên như không, nét mặt không đổi sắc dù đã dăm chén rượu cạn rồi. Sông Lư Châu mùa này đang nước cường, thuyền xuôi cũng rất nhiều, còn thuyền biển nhập vào cửa sông chiếc nào cũng chở nặng. Ông khách áo bào trắng giơ quạt chỉ vào con thuyền gỗ lớn:

– Đây là thuyền của tại hạ. Thuyền mới tới địa giới Lư Châu tối qua. Tại hạ ngồi thuyền từ Cao Ly tới đây từ chân đã hơn một tuần trăng nên hôm qua tại hạ lên bộ, duyên may gặp được túc hạ. Chẳng hay túc hạ làm nghề gì vậy?

An Nha suýt phì cười. Ở cái đất Lư Châu này mà có người không nhận ra ta chăng.

– Tại hạ là người coi quản đất Lư Châu này.

Ông khách áo bào trắng sừng sốt nhìn chăm chăm An Nha:

– Vậy thì tại hạ có lỗi lớn rồi. Tướng quân trấn thủ Lư Châu mà tại hạ không nhận ra. Thất lễ, thất lễ.

Ông khác áo bào trắng đứng vậy vòng tay vái. An Nha xua tay:

– Người không biết là người không có lỗi. Tôi vốn là người đọc sách vì hoàn cảnh là cầm quân chứ một chiêu quyền một chiêu kiếm cũng không biết. Tôi làm tướng vì tôi biết làm tính ghi sổ sách đó thôi.

Ông khách cũng cười:

– Đã vậy hai ta cùng nâng một chén mừng mối tâm giao mới. Nên chăng?

Hai người uống cạn chén rượu, rồi ông khách bào trắng ném chén rượu xuống sông gọi to:

– Tửu bảo, bày tiệc mới. Giang hồ mấy khi gặp nhau bất ngờ như thế này. Tại hạ họ Đỗ tên Vĩ, người Đại Việt.

An Nha kinh ngạc. Tình hình hai nước sắp đánh nhau đến nơi căng như dây cung mà bây giờ có người lớn tiếng nhận là người nước Đại Việt. Y có điên không đây?

– Đỗ tiên sinh không phải ngại. Ta không phải là người khe khắt, dù tiên sinh là người Đại Việt cũng không lo bị bắt.

Cái ông tiên sinh họ Đỗ cũng thản nhiên như không cười lớn:

– Tiên sinh là người của triều Lý.

– Không đâu, tôi đâu có may mắn như vậy. Nhưng ông nội tôi là vệ sĩ của hoàng tử Lý Long Quý.

– Tiên sinh từ Đại Việt đi?

– Không đâu, tôi từ Cao Ly xuống. Tôi mang hàng xuống phương Nam bán. Thuốc, sâm, da hồ li, đa điều.

– Thế thì ngay mai chắc lại gặp tiên sinh rồi.

– Tất nhiên rồi, thưa tướng quân, tôi đã được chỉ dẫn một khi thuyền tới Lư Châu tôi sẽ vào trình diện với tướng quân trấn thủ. Xin

lỗi ngại, hàn dân này vô lễ dám đánh bạc uống rượu với tướng quân.

– Uống rượu, đánh bạc là hai thứ không có phân biệt trên dưới. Đồ tiên sinh đừng ngại. Chỉ có một điều tôi muốn hỏi rõ thương nhân như tiên sinh làm sao có đôi tay nuột nà như thế kia?

– Cũng vì hoàn cảnh thôi. Cũng như tướng quân là văn nhân bắt buộc phải làm tướng quân. Còn tôi là lãg tử làm thương nhân.

Chỉ một khắc canh sau hai người đã chén thù chén tạc như hai người bạn tri kỷ đã lâu đời.

Chương 3

Con thuyền đưa Trần Quốc Tuấn theo sông Luộc sang sông Hóa. Trời đã về chiều. Đất Long Hưng màu mỡ phơi lên một mùa màng tốt tươi. Cò trắng từng đàn bay ra biển. Vạc trắng cũng từng đàn đường bệ bay về phía nam. Xa xa là vùng đồng chiêm mùa này đã gặt xong lâu rồi. Từng đoàn thuyền thúng chở lương đến Bát Đụn. Thuyền đang vào bến. Trần Quốc Tuấn lẩm bẩm:

– Chắc họ giao lương.

Trong lòng ông dâng lên niềm biết ơn trăm họ. Người ta đã đủ ăn đâu mà gọi lương là có ngay. Dã Tượng đứng sau lưng ông khẽ thưa:

– Thưa Quốc công, hình như là Nguyễn Chế Nghĩa.

Đúng là Nguyễn Chế Nghĩa thật. Ông ta đến nhận lương cho đạo quân bắc Thăng Long. Khi biết thuyền Quốc công tới, ông ta mừng rỡ vội đến ra mắt:

– Thưa Quốc công, quân Thánh Dực của mặt tướng đã hành quân được hai hôm rồi. Chắc bây giờ họ gần tới chỗ mai phục ở Vạn Kiếp. Mặt tướng ký nhận xong lương rồi sẽ đuổi theo ngay đêm nay. Tướng quân Hoài Văn hầu chắc đã giao chiến với giặc trên bờ sông Thiên Đức.

Trần Quốc Tuấn kín đáo tò mò ngắm Nguyễn Chế Nghĩa. Ông cứ ngắm xem chàng trai này có đẹp đôi với cô Tầm không?

Vào đến Bát Đụn trang, không khí ồn ào náo nhiệt. Người đến nhận lương rất đông, người phát lương tuy không đông nhưng quát tháo còn to hơn mọi người. Ngoài ven sông, hàng trăm thuyền thúng lật úp. Dẽ phải thuyền của mấy lộ mới nhiều thế. Có một loạt người mới từ biển vào. Họ không đi thuyền, Họ đi cà kheo. Một số lớn đã đến rồi, kheo đã hạ xuống buộc lại. Còn một số nhỏ đang đi tới. Địa hình quanh Bát Đụn trang là vùng đất bồi đang dang dở, nước còn vây quanh những gò đồng thấp, trên dựng những kho lương. Ở đây,

quân ta đã chọn làm nơi tụ lương bởi đất này quân kỵ binh Mông Cổ không dễ gì tung hoành được. Mà nếu chúng liều lĩnh tiến vào thì coi chừng dân binh Đại Việt đi càn kheo vượt qua vũng lầy vũng lội nhanh như chớp, mỗi bước kheo vượt hơn một trượng. Trần Quốc Tuấn nhìn những người sỏi chân trông xa như những con hạc chân dài đang bước.

Phạm Ngũ Lão xuất hiện. Hôm qua khi ngang qua đường về quê Phạm Ngũ Lão, ông đã cho phép viên tướng dưới quyền tạt nhanh qua nhà về thăm mẹ ở Phù Ứng. Mệnh lệnh: Thăm nhà hai trống canh rồi trở lại đơn vị ngay trong đêm. Và bây giờ Phạm Ngũ Lão đã tới đây.

– Mẹ người có mạnh khỏe không? Cụ có cần gì không?

– Thứ Quốc công, mẫu thân của mặt tướng vẫn bình an, bà con trong xóm đã đưa cụ lánh vào sâu trong cồn bãi ngô giữa sông Luộc.

Trần Quốc Tuấn nhìn viên tướng dưới quyền dăm dăm. Anh này đang có chuyện gì khó nói. Mẹ anh ta là thông gia với ra, có thể coi như người trong nhà, ta có thể hỏi được.

– Bà thông gia của ta cong ít tuổi hơn ta, chưa thể coi là thật già. Người bắn khoản thế kia chắc không phải vì sức khỏe của bà. Vậy thì chuyện gì vậy? Người nói ta nghe.

– Thừa cha, (Phạm Ngũ Lão đổi cách xưng hô thân mật) mẹ con nghe tin em Tầm thì buồn lắm.

– Chuyện ấy ai không buồn nhưng chắc còn có gì nữa?

– Mẹ con tâm nguyện từ lúc trẻ là có người con như Tầm.

– Chắc không phải cụ muốn là con gái đâu. Nhưng mà thôi, ta đã nghĩ chín rồi. Ta đích thân chọn cho cô gái này một người chồng danh giá. Ta đã chọn Nguyễn Chế Nghĩa. Trước khi gả cho Nghĩa, ta muốn mẹ con nhận Tầm làm con nuôi. Con cũng đừng nghĩ vẩn vơ nữa. Chiến tranh là thế đấy, tan hợp bất thường. Số mệnh xui khiến nên trắng nên đen. Bây giờ, nhân lúc binh lính ở đây tập tring đông ta muốn có một trận tập thật lớn. Người sẽ là tướng giữ kho lương. Hoàng Đỗ sẽ là tướng đánh.

– Gọi Đỗ đến cho ta dặn - Trần Quốc Tuấn ra lệnh.

Một lát sau Hoàng Đỗ đến ra mắt Quốc công Tiết chế. Hoàng Đỗ không còn là cậu bé mười ba mười bốn tuổi nữa. Đây đã là một chàng trai, hùng tráng, nhuộm bụi chiến trường, bộ áo chiến bạc màu, thanh quát vỗ thau đập đùi bên phải, chứng tỏ đây là một võ sĩ thuận tay trái. Nom Hoàng Đỗ có chút gì trẻ nãi và coi thường. Một nụ cười nửa miệng, cái khăn võ cuốn trễ trang bên tóc mai.

– Đây chỉ là một trận đánh tập. Cho nên chỉ dùng hiệu cờ. Kho quân lương Bát Đụn trang sẽ do Phạm Ngũ Lão giữ. Đó là một tướng cẩn thận, dững lược. Để ta xem có khe hở nào không trong việc phòng bị và cũng để ta xem có cách đánh nào hay không trong việc tấn công. Người có thể dùng số dân binh ven biển vào đội viễn thám của người. Bây giờ là xế chiều, có khi trận đánh diễn ra lúc mặt trời lặn.

Hoàng Đỗ trở về đơn vị riêng của mình. Anh cho gọi các dân binh đến. Anh hỏi về khả năng đi cà kheo, mức độ cao của chân kheo. Anh trầm ngâm nghĩ... Trời đổ tối thì các đơn vị đánh bật hồng vây xung quanh Bát Đụn trang. Phạm Ngũ Lão cũng cho các đơn vị bật hồng chung quanh trang. Chính giữa ngay lều tướng có dựng một cọc nêu cao treo một ngọn đèn lồng lơ lửng vàng. Lệnh đã ban từ lâu nếu ngọn đèn lồng bị hạ thì coi như bên đánh thắng, bên giữ thua.

Dân binh đội thuyền độc mộc đánh thẳng vào cổng giữa, đây là đường nước đi thuận lợi nhất. Nhưng Phạm Ngũ Lão đã tính đến điều này từ lâu, cho nên một số cự mã đã được tung ra chặn ngay bên lên, những chiếc cự mã là những ngáng tre buộc chéo, vút cách nào cũng có một mặt ngựa lên. Cánh dân binh quân thủy bị chặn đứng. Hoàng Đỗ cho tốp bộ binh xông vào từ phía bắc, đây là miền đất nhiều gò đồng thấp rất thuận tiện cho bộ binh và kỵ binh. Nhưng họ gặp phải những bó tregai vút ngổn ngang, đường tiến chẳng thuận lợi chút nào, những cây sáo màn buộc lưa ở đầu, lưa xám, lưa xanh tượng trưng cho câu liêm. Nếu trận đánh cho thật thì những cây liêm này quả thực lợi hại, nếu quân đánh là kỵ binh thì còn tổn hại nhiều hơn nữa. Trận đánh đã diễn ra hơn một trống canh quân giữ Bát Đụn trang vẫn hoàn thành công việc. Thành linh có tiếng tù

và rúc lên từ mé nam của Bát Đụn trang, nơi lau sậy dày đặc, tiếng hò reo bỗng nổi lên, khoảng hơn mười người chân dài như ma mỗi bước hàng trượng vượt qua vũng lầy lội nhanh chóng tiến sát đến hàng rào Bát Đụn trang, đến hàng rào họ vắt một chân qua hàng rào rồi tung nốt chân kia qua...Chỉ nháy mắt họ đã đến bên chân cột nêu đèn lồng. Chiếc đèn lồng bị hạ xuống, thay vào đó không phải là đèn lồng màu vàng mà là đèn lồng màu xanh dương. Trong khi quân sĩ giữ Bát Đụn trang tập trung giữ đường đòi và đường nước thì cánh quân Hoàng Đỗ đã vào qua đất lầy và đánh chiếm Bát Đụn trang thành công.

Trần Quốc Tuấn gọi các tướng đến trước lều trận của mình và nói:

– Quân giữ Bát Đụn trang là quân Thánh Dực thiện chiến còn quân đánh Bát Đụn trang chỉ là dân binh. Vậy mà chỉ nhờ có ngón sở trường là cà kheo họ đã tấn công và đốt gọn Bát Đụn trang.

Bát Đụn trang bừng sáng lên trong ngọn lửa khao quân của Trần Quốc Tuấn. Ngày mai họ tiến về Vạn Kiếp để đánh trận phục kích đạo quân Thoát Hoan. Bát Đụn trang ngay từ tiền triều là ấp phong của An Sinh Quốc Tảng, vương tử thứ ba của Trần Quốc Tuấn. Tên thôn được dùng làm hiệu vương của Quốc Tảng. Đây gần như là đất cơ bản của chi trưởng Vạn Kiếp. Khi tiệc đã đến lúc say la đà thì có một đội kỵ binh tiến vào, dẫn đầu chính là Trần Quốc Tảng. Vương tử thứ ba xuống ngựa thi lễ trước Quốc công Tiết chế:

– Con từ sông Hóa về đây gấp. Nghe nói có tin của Đỗ Vĩ. Con về xem thế nào ngày mai cha đem quân về Vạn Kiếp. Con muốn được cầm một đội kỵ binh lên phục trên Quỷ Môn quan.

– Con muốn tìm bạn con chứ gì. Ta cũng đồng ý nhưng trong chiến đấu không nên để tình riêng làm loạn trí con người. Có thể nào, chúng đã lường trước được. Nhưng con xin lên của Đầu Quỷ ta cũng tán thành. Ta còn nghiêm lệnh cho con phải tìm cho được Đỗ Vĩ.

Chương 4

Trần Nhật Duật đứng trên mũi thuyền tướng nhìn về phía trước. Đoàn thuyền kéo dài trên sông Cái theo cự li hành quân vào trận đánh. Thuyền long phụng chở hai vua đi vào trong giữa đoàn. Hiệu phướn long phượng hạ xuống, cờ long phụng cũng không trương ra. Không có lọng, không có tàn, cũng không có những tiêu binh đứng cạnh bên trên sàn thuyền duy một lá cờ nhỏ cắm ở đuôi thuyền chỉ ra đây là thuyền của vua. Khi đoàn thuyền đi ngang ngã ba Hoàng Giang và sông Cái thì một đoàn thuyền của dân binh ven biển ra đón. Họ từ Trường Yên tới. Rất nhiều thuyền là thuyền nan chuyên di chuyển trên đồng chiêm.

Một tướng nhỏ đi một chiếc khinh chu cập mạn thuyền của Trần Nhật Duật thưa:

– Mạt tướng ở Hương Hoảng, mạt tướng trình đức ông là toàn bộ ven biển Trường Yên đã sẵn sàng theo lệnh của đức ông.

Nghe đến Hương Hoảng, Trần Nhật Duật chăm chú hỏi lại:

– Người ở Hương Hoảng hay chỉ là quân của Hương Hoảng?

– Mạt tướng vừa là người Hương Hoảng vừa là quân của Hương Hoảng. Có người gửi cho đức ông cái này.

Anh ta tỉnh quá cười và đưa cho một Trần Nhật Duật một vật. Đó là một bộ xà tích bằng bạc. Trần Nhật Duật tái mét mặt. Làm cho ông biến sắc thế này chẳng phải dễ. Chỉ có một chuyện thôi!

Trần Nhật Duật hỏi:

– Người ấy đâu rồi?

– Em tôi đang chỉ huy dân quân nữ làm lương khô cho quân đội. Đức ông yên tâm, nó là em họ tôi, bây giờ thì yên rồi, mạnh khỏe và sôi nổi.

– Hiện cô ấy ở đâu?

– Hiện ở căn cứ biện lương ở Thái Vi.

Trần Nhật Duật hỏa tốc lên thuyền long phụng. Trận đánh sắp bắt đầu chỉ có việc chờ dân binh đến tăng viện thì dân binh đến rồi. Lên đến trên thuyền, thấy bày một chiếu bánh trái, có rượu nếp, những bát rượu nếp cẩm, những hạt rượu mọng tím sản phẩm của vùng Long Hưng phì nhiêu.

– Ô thế là hôm nay đã mừng năm tết Đoan Ngọ, nhanh thế.

Trần Nhân Tông đứng dậy đón mừng:

– Chú Sáu còn nhớ được ngày tết Đoan Ngọ cơ à.

– Lễ tết nước ta sao quên được. Anh Hai đâu rồi?

Là chỗ thân tình ruột thịt, những lúc vắng người Trần Nhật Duật và thượng hoàng vẫn xưng hô với nhau như anh em.

– Cha cháu đang nghỉ ngơi.

Vừa lúc ấy, thượng hoàng Thánh Tông vén lá rèm che khoang nhỏ bước ra. Mấy hôm nay việc quân tối mắt, được một lúc nghỉ cũng tốt. Thánh Tông mời Trần Nhật Duật:

– Em Sáu ngồi đây, rượu nếp Long Hưng đây, nếp cẩm. Em nếm tí chút đi đã. Chắc em có việc quân muốn nói.

Trần Nhật Duật nâng bát rượu, đĩa là hai cái que rất nhỏ, rất mảnh, vót kỹ lưỡng. Đúng là đĩa ăn rượu nếp cẩm ở vùng Long Hưng. Hơi nếp cẩm thơm ngào ngạt. Trần Nhật Duật hít một hơi dài reo lên:

– Thơm như đồng lúa vùng Tinh Cương đang chín vàng... Thừa anh, có việc quân quan trọng, hiện nay quân ta đang vây chặt đám quân giặc ở động Hoa Lư. Mà ta lại có tin cấp báo rằng cánh quân Toa Đô muốn vào đồng bằng sông Cái. Vậy phải trình ngay để anh biết.

Thánh Tông trầm ngâm giờ lâu mới chậm rãi:

– Vậy phải chặn không cho chúng đi từ hướng Hoa Lư lên. Tốt nhất là tung quân tiêu diệt chúng ở chúng quanh đèo Tam Điệp và chặn ở Kẽm Trống, buộc chúng phải lên bằng sông Cái. Ta đánh tiêu diệt chúng ở dọc sông, một trận chưa hết thì hai trận, hai trận chưa hết thì ba, đến lúc nào chúng không còn tên nào nữa thì thôi.

– Nếu vậy ta nên không nên tiến sâu xuống nữa. Quân ta chia tản ra mai phục theo dọc sông. Một cánh tiến rất nhanh xuống sát Hương Hoàng, đánh một trận tan cánh quân địch bám ở cái đất này đẩy chúng ra biển. Chúng sẽ phải kéo chạy ra biển vào sông Cái bằng cửa Thần Phủ. Chúng đi theo theo dọc sông để về Thăng Long, đường đi này của chúng là trận địa mai phục của ta. Em tính em đem quân xuống hạ lưu sông đánh tiêu diệt bọn chúng ở cửa biển, Anh và cháu cầm quân tinh nhuệ rải ven sông làm mấy điểm chờ chúng nó lên, ngược nước, mệt nhọc. Còn ta, quân đã nghỉ dưỡng sức chờ chúng như một cái bẫy giương lên sẵn, chắc phải thắng lớn.

Sau đó, Trần Nhật Duật lĩnh một đội thuyền nhẹ tiến rất sâu về phía nam, rất nhanh cướp đường mà đi.

Trong khi đó đại quân dưới quyền chỉ huy của hai vua rải làm ba điểm mai phục dọc theo sông Cái. Nhưng trước khi Trần Nhật Duật ra đi, thượng hoàng nhìn kĩ em và nói:

– Lần nay qua Hương Hoàng, em làm cho xong việc riêng của em đi. Việc ấy ta chuẩn y cho em rồi.

Trận đánh ở hạ lưu sông diễn ra chớp nhoáng. Thực ra quân đội của Trần Nhật Duật không có bao nhiêu nhưng dân binh của Hương Hoàng và Hoa Lư rất đông. Họ lại rất thuộc đường. Họ cùng với quân triều đình tiến như bão táp vào hàng trận giặc, những đồn lẻ của chúng bị quét rất nhanh. Chỉ trong một ngày tiến quân, quân giặc đã bị tiêu diệt.

Trần Nhật Duật gặp cô Mơ khi trận đánh kết thúc. Vốn tính quả quyết đức ông ra lệnh cho quân lính mở tiệc mừng.

Sẩm tối hôm ấy, đội quân của Trần Nhật Duật quần áo bảnh báo như đi dự tiệc. Mà dự tiệc thật chứ có đùa đâu, tiệc cưới. Lễ cưới của ông, quân ông được lệnh mặc đẹp. Đây là quân nhà trai, họ nhà trai. Lễ vật thì không có, chỉ có những hũ rượu dán giấy đỏ lên nắp. Và những chiếc đèn lồng lợp lụa có viết chữ hỉ, chữ đen lụa đỏ. Nhà gái là dân quân Hương Hoàng đóng trong một ngôi đình. Chú rể là Trần Nhật Duật. Chủ hôn là ông tham quân Trần Lễ, ông này đứng về thế thứ là chú của Trần Nhật Duật, ông ta coi việc sổ sách giấy

tờ. Cô dâu là cô Mơ, phù dâu là nữ binh hương Hoàng. Đường từ chỗ đóng quân của Trần Nhật Duật đến ngôi đình nhà gái cách nhau hai dặm mà là hai dặm của một con đầm sen. Thuyền nhà trai đi qua đầm sen mùa này đang nở rộ, hương sen ngào ngạt. Đêm nay lại là đêm mừng mười trăng vàng vạc, họ chỉ đốt một cây đuốc ở đầu đoàn thuyền và chẳng cần phải thuyền nào cũng có đuốc. Từ đằng xa họ đã nhìn thấy sân đình đông kín người. Đèn nến thấp sáng đỏ đây, tiếng đàn, tiếng hát vang lên. Họ đang hò những điệu hò sông Mã lâng lâng, vời vọi, khoáng đạt và hạnh phúc như người sông Mã.

Chỉ lúc chiều thôi, Trần Nhật Duật đã gặp cô Mơ. Ý kiến hai người rất khác nhau. Trần Nhật Duật muốn làm đám cưới ngay. Cô Mơ muốn hoãn lại vì nhiều lý do: thứ nhất là lễ cưới phải có chuẩn bị chứ đâu mà làm gấp được quần áo của cô dâu, của các phù dâu. Đâu phải mỗi lúc làm xong được ngay. Thứ hai, đây là đám cưới của thân vương phải có lệnh của vua, phải có phép tặc triều đình, phải có phép tặc của dòng họ, phải có người thay mặt đứng ra làm chủ hôn. Thứ ba, hoãn một tuần trăng, hoãn một tháng cũng chẳng sợ gì có điều chi ngăn cản đám cưới. Nhưng Trần Nhật Duật nói: Cưới người chứ có phải quần áo đâu mà sợ quần áo cô dâu với cả quần áo phù dâu không được chuẩn bị kịp. Thứ hai thân vương cũng là người, vậy thì không phải làm cho rườm rà lễ. Thượng hoàng đã chuẩn tấu của ta rồi. Có ông tham quân Trần Lễ thay mặt triều đình và dòng họ là đủ. Thứ ba ta không muốn chờ cái gì nữa. Quyết là làm thế thôi.

Có giới mà ngăn nổi ông lúc này.

Và lễ cưới diễn ra từng bừng đêm nay, cô dâu chú rể là chiến binh, mặc áo chiến làm lễ gia tiên. Chén rượu hợp cần là cái bát vại, rượu là rượu nếp hương Hoàng bằng nếp cải hoa vàng. Tiệc cưới của hai người cũng là tiệc khao quân cho trận chiến thắng vừa qua.

Trần Nhật Duật từ dưới thuyền bước lên bờ, bồi hồi nghĩ đến đám cưới năm trước của Hoàng Mãnh với nàng Hai ở trên Châu Mai. Lần ấy cô Mơ đưa trầu xin dâu. Trần Nhật Duật thay mặt họ nhà trai đến nhà Trịnh Giốc Mật cướp dâu cho ngọpi em đồng tuế. Khi Trần Nhật Duật đi sau lưng cô Mơ, ông nắm cái gáy trắng ngần của Mơ và cứ lạ lùng làm sao người con gái ven biển không có

nước da trắng lấm mà sao cái gáy trắng thế kia. Và ông đã nảy ra cái ý thèm muốn một lễ cưới của ông với Mơ không trịnh trọng và giàu sang như đám cưới của Hoàng Mạnh và nàng Hai mà chỉ là lễ cưới bình thường của dân lành.

Và bây giờ lễ cưới của ông diễn ra không chỉ là lễ cưới bình thường của dân lành mà còn là lễ cưới của hai chiến binh trong đó phù dâu phù rể còn gác vũ khí ở đầu điểm để vào tiệc rượu. Rượu không uống bằng chén mà bằng những cái đọi lớn, ánh đèn còn thua ánh đuốc và lửa đuốc đêm rất ấm làm hồng má của những cô gái đi dự lễ cưới. Các cụ bô lão của Hương Hoàng rất sung sướng. Cụ già nhất nói:

– Hương Hoàng mời đức ông về coi đất này khi đã xong chiến tranh.

Trần Nhật Duật nói:

– Đây bây giờ là quê tôi mà.

Kể từ tối đến giờ, đứng ra là từ lúc bước từ thuyền lên đến sân đình Trần Nhật Duật thấy tất cả như là một đám mây mù ngũ sắc vây trong xung quanh. Ông không nhận ra ai, cũng không phân biệt được ai với ai cười, Ông như một người đang ngủ một giấc mơ đẹp. Người ta dẫn ông đến trước mặt ông Trương và bà Trương, và người ta đưa đến một cô gái mặc áo tứ thân thắt lưng thiên lí. Trần Nhật Duật nhìn cô, nhìn kĩ, định thần nhìn kĩ và nhận ra đó là Mơ giữa một đám binh nữ phù dâu, áo của Mơ là màu áo lụa nâu non, bên trong là áo dài bằng là không nhuộm. Đây là quần áo của những cô gái không phải đi lấy chồng mà là đi trẩy hội. Trong lúc cấp thời người ta không kịp chuẩn bị quần áo cho cô dâu, người ta lấy luôn quần áo hội năm trước cho cô dâu mặc. Mơ che mặt sau một lá quạt, đây là một lá quạt Hới. Đó cũng không phải là quạt dùng cho cô dâu trong đám cưới, nó chỉ có tác dụng nụ cười cho đỡ thẹn. Cô đang nhìn Trần Nhật Duật, ánh mắt của cô là ánh mắt của một người đang cười. Cô rất tinh quái khi thấy Trần Nhật Duật đang cuống. Chính vì cái cười của cô vừa có vẻ chế giễu, vừa có vẻ khuyến khích làm cho Trần Nhật Duật định thần nhận ra mọi điều chung quanh, ông trở lại sự bình tĩnh thường nhật mà ông vốn có và

ông làm chủ ngay tình thế. Ông nhận ra bà mẹ nuôi rất thân thương của mình đứng trước mặt mình. Và bên cạnh bà là ông bà Trương, bố mẹ của Mơ.

– Đến bây giờ con mới nhận ra mẹ.

Bà Trương cười:

– Bây giờ cô dâu chú rể làm lễ gia tiên đi.

Trần Nhật Duật và Mơ song song bước vào chiếu. Chiếc chiếu cặp chiếu, trải ngay ngắn, Mơ ngồi xếp thễ, Trần Nhật Duật đứng ngay sau lưng. Cặp trai gái nghiêm trang lễ gia tiên bốn lễ hai vai. Trong khi đó, đội dũng thủ của Trần Nhật Duật làm vai phù rể và đội nữ binh Hương Hoàng của Mơ trong vai phù dâu đứng vây chung quanh.

Bây giờ ông Tham quân họ Trần thay mặt triều đình tuyên chỉ của thượng hoàng tứ hôn cho Trương Thị Mơ và hoàng tử Trần Nhật Duật thành đôi vợ chồng. Lễ nghi này rất quan trọng với gia đình họ Trương bởi xưa nay người bách tính lê dân không được kết hôn với người hoàng tộc. Nếu không là phạm pháp.

Sau đây là tiệc vui diễn ra ồn ào, rượu chảy như suối, đồng thời cũng là để khao quân chiến thắng vùng Trường Yên. Rượu mới được nửa chừng thì có một đoàn khinh thuyền đuốc sáng trưng tiến vào bến. Hoàng Mãnh là người ngẩng lên bộ đầu tiên. Mãnh chạy đến trước Trần Nhật Duật hô to:

– Bây giờ đức ông là em tôi đây nhá.

Tốp quân đi theo Hoàng Mãnh cũng chạy vào vòi rượu:

– Rượu mừng là phải uống.

Trần Nhật Duật hô lớn:

– Được uống và uống thật nhiều. Và còn rượu thưởng nữa – Ông đưa tay chỉ ra xung quanh – Đây là nữ binh của Hương Hoàng, có người là chị em, có người là bạn bè của vợ ta. Nhiều cô chưa có chồng. Nếu có cặp nào nên vợ nên chồng, sau hôm nay thì ta sẽ thưởng.

Nữ binh dân làng và chiến binh cùng reo hò cười râm ran.

– Làm sao người lại đến đây được?

– Tôi vừa ở mặt trận sông Thiên Đức về đây. Trên ấy chúng ta thắng lớn, đạo binh sơn chiến của sông Đà đánh phục kích trên bờ Bắc của sông, chém hơn bốn trăm đầu giặc. Nhưng ở bờ nam chúng ra có một tổn thất mất một tướng oai hùng. Đó là Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản. Tôi mang tin chiến thắng về Long Hưng thì gặp đoàn tùy tùng của Thượng Hoàng và quan gia lên Thái Đường thăm mộ. Thượng Hoàng ra lệnh cho tôi về đây triệu đức ông đem quân về chặn suốt ngã ba Vương về cửa Hới. Thượng Hoàng dặn không bức cho địch phải chó cùng dứt đuôi, nhưng cũng không thả lỏng cho chúng đi dễ dàng. Còn tôi thì đám cưới của em tôi, làm sao tôi lại không có mặt.

– Còn ta thì bao giờ phải lên đường?

– Mai sớm nhờ sao. Tôi đã ra lệnh cho thủy đoàn sẵn sàng. Còn bây giờ cho tôi đi uống rượu với anh em.

– Đi đi, uống cho từng bưng. Bây giờ thì không ai ngăn cản được ta làm lễ cưới.

Trần Nhật Duật nhe răng cười:

– Nếu ta không quyết tâm thì hôm nay em Mơ cũng định hoãn lại. Mai sớm ra trận rồi cũng chẳng sao.

Mờ sáng cả đám cưới lên đường ra trận, phù dâu thành nữ binh, phù rể thành dũng thú. Toán nữ binh tiến về vùng chung quanh ngã ba Vương để làm bốn phận nuôi quân. Đạo binh của Trần Nhật Duật tiến trên thuyền lớn nhanh chóng tiến qua cửa sông về phía Long Hưng. Ngay chiều hôm đó, Trần Nhật Duật đã được diện kiến Thượng Hoàng. Đêm hôm đó, Trần Quang Khải mang quân từ Chương Dương về hội sự.

Một cuộc họp bàn quan trọng diễn ra trên thuyền lớn của Thượng Hoàng. Thượng Hoàng rất dăm chiêu:

– Đạo quân địch lần này tiến vào đất ra chính là đạo quân từ Thanh Hóa tránh đường Hương Hoàng và Trường Yên, tiến vào Thiên Trường Đô không phải là một đạo quân mạnh, mặc dù chúng còn rất đông. Tường giặc Toa Đô đã bị mòn mỏi mấy năm trời ở Chiêm Hóa và Hoan Diễn. Bây giờ chúng tìm về Thăng Long để hội quân với Thoát Hoan mà chúng không biết tên này đã bỏ Thăng

Long chạy trốn. Chúng định hội sự nhưng sự đâu mà hội. Người mệt lương thiếu, khí giới cùn gãy, ta đánh là chắc thắng lớn, tuy nhiên không thể coi thường chúng được. Không được dồn nó vào đất chết để chó cùng dứt đuôi, ta tính từ đây về Thăng Long mấy trăm dặm ta bố trí đánh nhiều trận phục kích nhỏ và vừa, không đánh rát mà cũng không cho chúng kịp thở mà bỏ chạy. Trận đầu chú Ba đánh trước. Hãy đem tinh thần chiến thắng Chương Dương mà áp đảo nó. Trận thứ hai ta và quan gia sẽ ngự giá thân chinh trượng cờ Long Phụng để làm cho chúng mất hết nhuệ khí. Trận thứ ba, chú Sáu sẽ đem binh sắc nhọn lấy tinh thần Hàm Tử đánh tiêu diệt trận cuối. Trận này may ra ta chém được tướng giặc. Ta dặn lại trận lại không được đánh rát cho nó chó cùng dứt đuôi.

Thánh Tông ngừng nói mặt có vẻ buồn:

– Cũng vì bị dồn chó cùng dứt đuôi mà bọn địch đánh quật lại một trận làm ta mất đi một chiến tướng anh hùng.

Tất cả các tướng im lặng, một không khí buồn bã không ai nói ra nhưng tất cả đều nghĩ đến Trần Quốc Toản với khí thế hào hùng tuổi trẻ nuột trâu. Có thể đây cũng không phải là vì đánh rát và chó cùng dứt đuôi. Có khi trong chiến trận chỉ may và không may một chút mà xảy ra chuyện lớn. Trong chiến tranh có tướng nào là không có mũi tên bắn sạt mang tai. “Vinh, lợi, sỉ, tử, thị vị tứ tử” có nghĩa là cái vinh cái lợi cái hổ thẹn và cái chết chóc là bốn điều mọi người phải hết sức chú ý trong chiến tranh. Vinh phải là cái vinh trong quang minh. Lợi phải là cái lợi trong chính đáng. Sỉ là đừng có làm cái gì hổ thẹn cho lương tâm. Chết là phải cái chết lưu tên muôn thuở. Như cái chết của Trần Bình Trọng, Trần Quốc Toản vậy.

Mờ sáng các tướng chia nhau về nắm quân. Họ đã có khu vực chiến đây vạch sẵn rồi. Trần Nhật Duật đem thuyền nhẹ vào trong vùng lầy để tiến về Màn Trò. Ông truyền lệnh cho quân ta đóng quanh Thăng Long giữ vững trận địa và giữ trật tự trong ven thành đã sạch bóng giặc.

Chương 5

Lê Văn Hưu dẫn đầu đoàn người tiến vào làng Trần Thái Tông. Vùng làng mộ hiện nay lưu giữ mộ tổ của dòng họ Trần, kể cả mộ của Thái Tổ, Thái Tông, gần chung quanh là mộ của những cột trụ triều đình như Trần Thủ Độ, Trần Thị Dung.

Sau lưng Lê Văn Hưu là hai vua, sau nữa là Trần Quang Khải dẫn đầu văn võ tùy tùng tiến vào làm lễ dâng hương. Trước tiên là dâng hương trước ban thờ bản cảnh thô thần. Quang cảnh thực cực kỳ trang trọng. Theo như nghi lễ của ta, đây là việc trình diện của tất cả con cháu cảm ơn bản cảnh thô thần đã trông nom cho tổ tiên được an nghỉ bình yên. Thượng Hoàng nhìn ra đằng sau thấy bô lão của Thái Đường đứng từ đằng xa chưa dám vào. Ngài ra lệnh:

– Xin mời lại đây, hoàng tộc xin cảm ơn các vị đã trông nom mộ tổ được chu đáo. Mời cụ đứng lên đây.

Quân sĩ lập nghiêm đàn rẽ ra mở đường để các bô lão đi vào. Thượng Hoàng cho mời các bô lão Thái Đường đứng ngay sau lưng hai vua. Ông chủ tế là Lê Văn Hưu cho làm lễ dâng hương trước mộ Thái Tổ, Thái Tông. Nhân Tông chăm chú nhìn các bô lão Thái Đường. Nhà vua trẻ thấy rằng các cụ hẳn sẵn sàng hi sinh tất cả để giữ cho làng mộ dòng họ an toàn.

Vị vua trẻ phán:

– Cảm ơn các cụ, ta ban thưởng cho mỗi cụ một bộ quần áo lụa đỏ và mười lạng bạc. Ta ban cho các người canh làng mỗi người mười lạng bạc. Ai có mẹ già được tặng chày cối giã trầu, áo nâu non, khăn lụa thâm. Ta ra lệnh cho giết trâu khao thưởng hương Thái Đường.

Trần Nhân Tông nhìn Lê Văn Hưu và trang trọng nói:

– Ông sử gia, ông cho ghi điều này vào chính sử.

Sau đấy là cả một buổi chiều tiệc khao thưởng diễn ra trong đình làng Thái Đường. Còn các nhà cũng chuẩn bị thiết đãi đàn bà trẻ

con để bù cho họ không được dự tiệc ở đình làng.

Trần Quang Khải nhanh chóng phái quân sang bên hữu ngạn sông mai phục trong những vùng lau sậy. Tất cả đều chuẩn bị những mũi tên buộc giẻ, tẩm dầu sắn. Họ cũng chuẩn bị những chiếc bè gỗ, bè tre nhỏ trên để những chất dễ bắt cháy. Hôm nay là mười bốn, nếu nhanh, giặc có thể ngay đêm nay. Nhưng chắc tinh thần của chúng đang hoảng loạn rụt rè, sợ hãi thì có khi bốn ngày nữa chúng mới có thể tới được. Trước khi Trần Quang Khải đem quân đi, thượng hoàng còn dặn một câu:

– Nếu chúng đến sớm tức là chúng còn chút tinh thần chiến đấu, như vậy không cần đánh rát. Nếu chúng đến muộn hơn tức là chúng mất tinh thần thì đừng có đánh rá để chúng sợ không dám vào sâu nữa.

Như thế có nghĩa là nếu chúng đến sớm thì đánh vừa phải tiêu diệt một bộ phận nhỏ quân chúng. Còn nếu chúng đến muộn thì còn phải đánh nhẹ hơn nữa để chúng đỡ sợ mà tiến vào sâu.

Trận đánh đầu tiên diễn ra mé trên cửa sông Luộc. Trần Quang Khải chờ cho thuyền giặc lọt hẳn vào sâu trong trận địa mai phục của ông mới cho quân tiến ra đánh vào khúc đuôi. Quân lính không được lệnh tiến vào sát thuyền địch mà chỉ từ xa bắn tên lửa vào đoàn thuyền. Thuyền của chúng ngược sông Cái nhưng lại thuận gió nồm nam. Tuy thuyền ngược nước nhưng cứ thuận gió nên chúng tiến cũng khá nhanh. Nhưng vì ngược nước nên phải đi chữ chi trên sông Cái. Thuyền giương hết buồm. Đây là những đoàn thuyền chúng tịch thu ở Hoan Diễn và Chiêm Thành, có đủ cả thuyền Hoan Châu to nặng, thuyền Chiêm Thành vỏ dừa chuyên dùng đi biển, buồm của chúng là buồm nâu. Tên bắn trúng buồm bắt dính vào bốc cháy bùng bùng. Đứng từ xa trông những con thuyền đang cháy buồm trôi chệch choạng như anh say thuốc lào lảo đảo, mất sức rướn và tụt lại. Đoàn thuyền chưa trúng tên bỏ mặc những chiếc thuyền bị cháy cứ ù chạy, bỏ lại những chiếc thuyền không còn sức di chuyển tạt xuống theo chiều gió vào bờ tây. Lúc bảy giờ mới là lúc quân của Trần Quang Khải áp sát bắt tù binh. Hơn hai mươi chiếc thuyền giặc bị cháy buồm và bị bắt. Hơn năm trăm giặc bị trói thành xâu dẫn lên bộ và bị đưa đến lều trận của Trần Quang

Khải. Ông đang đứng trước cửa lều trận, hai bên ông là đoàn dũng thủ hộ vệ kiếm tuốt trần. Sau lưng ông là lá mộc cổ sơn biểu trưng của Chiêu Minh Vương.

Đoàn hộ vệ đưa đức ông đến trước bọn giặc. Một tùy tướng ra lệnh cho chúng:

– Đây là đức ông Chiêu Minh Vương. Bọn mày muốn sống thì làm lễ bái tạ xin tha mạng đi.

Lũ tù đầy lay như té sao. Chiêu Minh Vương bật cười. Ông tò mò nhìn chúng. Quần áo của chúng khác nhau. Có thể trong số bọn chúng có tướng chỉ huy, như thằng kia chẳng hạn ra trận mà mặc áo gấm, mũ thì lại còn nạm ngọc. Ông vẫy nó và hỏi:

– Trong đám binh khí kia, cái nào là của mày?

Ông chỉ vào đám binh khí thu được của chúng xếp đồng ở cửa lều trận. Tên giặc rút rờ chỉ vào một cây kiếm vỏ nạm vàng chuôi nạm ngọc cây kiếm cong loại kiếm của người Duy Ngô Nhĩ.

Trần Quang Khải cầm thanh kiếm lên xem rồi đưa cho tên tướng giặc, tên này sợ quá xua tay gạt đi. Trần Quang Khải gặng hỏi:

– Đúng là cây kiếm của mày chứ? Mày làm chức gì, tên mày là gì?

Tên giặc run rẩy trả lời:

– Thưa đúng. Tên tôi là Trương Hiền, tổng quản đô úy. Tôi xin hàng, xin tướng quân tha cho tôi.

Các tướng hộ vệ của Trần Quang Khải trừng mắt nhìn. Trương Hiền biết mình thất thố, lắp bắp:

– Xin đức ông tha chôi tội, tôi quên mất.

Trần Quang Khải bật cười. Ông cho Trương Hiền vào lều trận, cho ghế hán ngồi, cho rượu hán uống vài chén cho đỡ sợ. giờ lâu ông mới hỏi:

– Trong đạo quân của người có những tướng nào, có bao nhiêu quân, tinh thần thế nào?

Ông hỏi dần dà Trương Hiền trả lời lần lượt. Quân riêng của hắn có hai nghìn. Chết một nửa còn bị bắt một nửa. Còn tướng chỉ huy

cả đạo là tả thừa Toa Đô. Hai tướng nữa Tổng quản Ui Ma và Ô Mã Nhi. Cả ba tên đều là Vạn hộ hầu ba hạt châu. Nhưng trong ba tên, Ô Mã Nhi là tướng giỏi nhất. Còn Toa Đô là quyền to nhất, mục đích đạo quân này tiến về Thăng Long là hợp quân với nguyên soái Thoát Hoan. Là để dựa vào nhau may ra rút thoát về nước nhưng chẳng ai có ý chiến đấu nữa.

Những tin tức về địch được Trần Quang Khải chi dùng hiệu lửa truyền ngay về đạo quân do Thượng Hoàng Thánh Tông chỉ huy. Cho nên có thể nói tàn quân địch chưa chạy được xa mười dặm sông thì ta đã chuyển xong tin tức về chúng.

Trần Quang Khải ngoài việc truyền tin tức ông còn đưa một đề nghị thay đổi kế hoạch diệt đạo quân Toa Đô, bởi đó là một đạo quân bạc nhược rồi. Thượng Hoàng không cần thiết phải xung trận. Chỉ cần người xua quân, cho các bè chày xông vào hàng trận giặc cũng đủ khiến chúng ta vỡ. Như vật nhiệm vụ tiêu diệt đạo quân Toa Đô, bắt tướng là giao cho Trần Nhật Duật. Ngay bây giờ đạo quân của Trần Quang Khải cũng ra trận ngay.

Trần Quang Khải như cái nút vò không cho giặc lùi xuống hạ lưu. Sau khi truyền tin xong, đức ông cũng ra lệnh toàn đội nhổ neo. Buồm kéo lên, thuận gió nam, đoàn thuyền phời phời tiến về phía Thăng Long.

Từ vũng lầy sau bãi Mản Trò, Trần Nhật Duật đưa quân ra sông Cái. Chỗ này chỉ mới tháng trước ông đã đánh trận Hàm Tử lẫm liệt buộc quân địch ở Thăng Long phải bỏ chạy. Hôm nay ông sẽ đánh một trận lừng lẫy nữa. Hiệu cờ của quân ta từ các đồn bên hữu ngạn sông Cái đưa về: đoàn thuyền giặc đang cố sống cố chết chạy về phía Thăng Long. Chúng đi tìm một chỗ dựa cho đạo quân hết sức chiến đấu. Nhưng chỗ dựa đó không còn nữa. Triệu Trung, viên hồ tướng, được lệnh đi một con thuyền nhẹ xuôi xuống đón đầu đạo quân Toa Đô, mang theo một lá thư của Trần Nhật Duật gửi cho Toa Đô khuyên cáo gã đầu hàng, hạ khí giới cho khỏi tổn sinh linh vô ích. Trần Nhật Duật tính là thư này sẽ gieo sự hoảng loạn vào quân Toa Đô. Nếu y chấp nhận đầu hàng thì đây là việc may cho y, còn nếu y không chấp nhận đầu hàng thì tin Thoát Hoan đã bỏ chạy là cho quân giặc không có lòng dạ chiến đấu nữa.

Quả nhiên khi thuyền của Triệu Trung nhập vào đạo quân của Toa Đô chưa tới một khắc thì trạng thái thế trận quân Nguyên thay đổi hẳn. Chúng ngừng lại không tiến nữa, sau đó quay thuyền đi xuôi. Thuyền của Triệu Trung thấy rời hàng trận giặc tạt sang bờ hữu ngạn sông Cái. Thế là sứ giả quay về! Thấy vậy, Trần Nhật Duật sai đánh trống trận ra hiệu tiến quân. Từ các khe lạch ven sông Cái, thuyền mai phục tiến ra, các bè chát chát cháy được lệnh đốt lên đẩy lên trước cho trôi vào hàng trận giặc. Cùng lúc đó từ hạ lưu sông đạo quân của Thượng Hoàng của vua Nhân Tông và đạo quân của Trần Quang Khải cũng nhập một bọc đạo quân của Toa Đô bên ngoài bến Tây Kết. Trên sông lửa cháy ở các bè và các thuyền, khói bốc nghi ngút. Tiếng reo hò dậy sóng. Các thuyền quân ta không áp sát quân giặc mà chỉ đứng ở tầm tên bắn tên lửa vào. Từ các thuyền quân đội dùng câu liêm sắt vớt những tên giặc rơi xuống nước đang nổi bập bênh. Chúng là người thuộc vùng phương bắc hoang mạc chẳng biết bơi nên khi vớt lên chúng van lạy như tể sao cảm ơn.

Trần Nhật Duật nhìn thấy một đội thuyền giặc xúm xít quanh một con thuyền có lầu. Ông đoán đấy là thuyền tướng. Ông chỉ cờ và ra lệnh áp sát gói hàng. Con thuyền này cố chọc một hướng đi xuôi xuống mạn hạ lưu. Nhưng bên dưới đã có một đạo tinh binh dựng cờ long phụng ra chặn. Trời đã về chiều. Hơn hai chục dặm sông thuyền bè tan nát, lửa cháy, khói đen bốc nghi ngút. Mặt trời hoàng hôn nhuộm vàng quang cảnh trên sông. Thuyền chiến giặc chột đỏ như màu đỏ của máu. Đạo quân của thượng hoàng đánh rẽ vào đám thuyền giặc chia chúng làm hai. Đuổi những chiếc thuyền không có lầu ra bên tả cho chúng đi xuôi. Còn vây đánh chiếc thuyền có lầu, đó chính là thuyền của Toa Đô. Các chiến binh của đạo quân Thần Sách reo hò hươi câu liêm ra. Toa Đô bị tới sáu câu liêm giật ngã. Gã bị chém đầu. Tên giặc xâm lược vào loại đầu sỏ đã phải đền tội.

Khi viên tùy tùng của đạo quân Thần Sách dâng đầu của Toa Đô lên thượng Hoàng trên một chiếc mâm. Bấy giờ thuyền tướng của ta có đủ mặt các tướng đã tham gia cuộc đánh diệt này. Thượng Hoàng nhìn các tướng và nói:

– Làm bầy tôi như thế là đáng khen. Đây là một tướng trung dũng. Ông ta xứng đáng được chôn cất tử tế.

Thượng hoàng sai lấy lụa đỏ phủ lên đầu Toa Đô và ra lệnh làm lễ chôn cất. Trần Quang Khải nói trong đạo quân giặc còn những tên tướng giặc rất nhiều tội ác cần phải truy đuổi nhưng thượng hoàng cản lại. Thượng Hoàng chỉ ra lệnh đem quân đuổi nhưng không đuổi sát. Ngài nói:

– Đừng làm chó cùng dứt đuôi.

Tàn quân giặc chạy được ra biển rút thẳng về nước, trong đó có dũng tướng Ô Mã Nhi.

Đoàn quân chiến thắng trở về Thăng Long giải phóng. Trung Thành vương đã đem quân bản bộ vào Thăng Long giữ trật tự, chữa chạy, cứu dân.

Tiến quân vào đầu tiên là quân Thần Sách. Từ kinh thành đạo quân của Trung Thành vương đã ra đón. Hoàng Thành đã được dập tắt các đám cháy từ ba hôm trước. Các phường phố đã có dân về. Loáng thoáng ở cửa sông Tô mấy quán bán rượu đã thấy bán hàng. Vị vương lưu thủ kinh thành là Trung Thành vương đã ra sức khôi phục trật tự từ mấy ngày nay, chôn cất những xác giặc chết dẫm dúi ở những chỗ khuất nẻo nhưng mùi xú uế vẫn xông lên nồng nặc. Tuy thế không khí chiến thắng phấn chấn vẫn tràn lan. Quân đội được phái ra canh phòng tứ phía, vừa đi vừa hát vừa reo hò. Trần Quang Khải đưa quân qua ngõ rẽ vào phủ Hưng Đạo. Phủ đã bị đốt trụi, chỉ còn một bãi trống với một vài cây cột cháy dở. Trần Quang Khải cùng Lê Văn Hưu đi thăm kinh thành. Nhớ thuở ông được phong vương, hoàng tộc cử ông bằng nhậm Lê Văn Hưu làm phó quan cho Chiêu Minh vương. Phó quan là một chức quan vừa dạy học cho vương tử sao cho vương tử giỏi giang, đồng thời cũng là người coi sóc hành vi và thái độ đối với vương triều. Vương tử ấy phải trở thành một vương tử trung thành với hoàng triều và giỏi giang có thể đảm đương được những chức vụ quan trọng. Việc thành đạt của vương tử là công của hai người: bản thân vương tử và ông phó quan. Cũng vì thế khi Chiêu Minh vương giữ những chức vụ quan trọng thì ông phó quan cũng lần lượt giữ những trách

nhệm cực kì long trọng. Ông đã trải qua ngựa sử đài, rồi sử quan, đôi lúc còn vào cung hoàng tử học. Quan hệ giữa hai người cực kỳ mật thiết. Đó là lẽ tại sao Chiêu Minh vương đi thăm Thăng Long mới giải phóng. Thoạt tiên ông đi về phía phường Yên Hoa, không dùng kiệu dềnh dàng, cũng không dùng ngựa ồn ào mà ông đi bộ. Cổng phủ Chiêu Minh đã mở toang. Lính gia đồng của Trung Thành vương đứng canh phòng. Trong thời kỳ bị chiếm đóng, phủ Chiêu Minh là nơi Thoát Hoan dùng làm nơi nghỉ ngơi cho nên vương phủ không bị đốt phá. Khi Thoát Hoan rút quân, nguyên soái quân xâm lược cũng không kịp đốt phá. Trung Thành vương đã vào Thăng Long trước đây hai ngày. Ông đã ra lệnh cho tả hữu coi sóc kỹ lưỡng những nơi chưa bị đốt phá. Nghiêm lệnh cho binh lính cái gì ở đâu vẫn để nguyên như cũ. Trần Quang Khải bồi hồi đi vào phủ của mình, ông thấy như vừa gần gũi vừa xa lạ. Phòng khách, phòng sách có thêm những đồ vật mới, chứng tỏ có người khác đã đến ở. Vó những vật dùng trong việc quân như thẻ bài, cung tên. Và có những vật là của phụ nữ dùng, ví dụ như đệm ghế ngồi bọc lụa, những ấm chén trà, đồ gốm của nước Đại Lý. Còn phòng ngủ thì ngày xưa là phòng ngủ của chính ông treo nhiều tranh của những người vẽ tranh nổi tiếng tài hoa của nước ta. Nhưng bây giờ cũng là phòng ngủ của phụ nữ. Trước hết là hương brazier, hương trầm còn ượp ở chân gối bỏ lại. Chỗ ngày xưa ông đặt một cái văn án thì bây giờ là một tấm gương đồng to và trên bàn là phấn son là bàn chải là lược. Ông nhìn lên trên các bức tường và nhận ra rằng có thiếu một bức tranh mà ông thích nhất, đó là bức đánh cá trên sông Nhị, đây là bến cá từ phủ Chiêu Minh nhìn ngay ra sông. Đây là tranh của một người ông rất quý, rất trọng mặc dù anh ta không làm quan trong triều đình, cũng không làm khách trong vương phủ của ông. Đây là một người ông kính trọng về tài năng, văn võ toàn tài, đàn hay vẽ giỏi, tính khí ngang tàng. Đó là một người mà Hưng Ninh vương Trần Tung đã giới thiệu cho ông để vẽ cho ông một bức tranh cảnh sông trước cổng Chiêu Minh. Đó chính là Đỗ Vĩ. Anh ấy bây giờ ở đâu? Có còn trên thế gian này hay không? Mới đây, ông đã được Hưng Đạo Vương cho biết đã dùng Đỗ Vĩ ở bên kia chiến trường. Một dòng chữ đề bên cạnh tường nơi treo bức tranh: “Nguyên soái Thoát Hoan lấy tranh đi!”

Lê Văn Hưu và Trần Quang Khải rời khỏi phủ Chiêu Minh tiến về phía hoàng thành Thăng Long. Đây là nơi bị đốt phá nặng nề, điện Càn Nguyên cũng không còn, binh lính dọn dẹp những vật cháy còn bỏ lại, chỉ còn vài nền cung và những bậc thềm rỗng. Hậu cung cũng không còn nhà ở, một vài dãy nhà trơ trụi, ngày xưa là nơi ở của các cung nữ. Trung Thành vương đã ra lệnh cho quân đội cho tu sửa lại mấy dãy còn lại, làm thêm mấy dãy nhà nữa cho thượng hoàng và quan gia ở tạm. Lê Văn Hưu nhắc ông đi thị sát đền Bạch Mã:

– Đây là nơi thờ Quốc đô Thăng Long thành hoàng đại vương. Ta phải cử hành lễ tế thật long trọng. Ngài là thành hoàng Thăng Long, thành hoàng Quốc đô là thành hoàng của đất nước.

Hai thầy trò ra cửa đông thành đi về phía phố phường mọi khi buôn bán tấp nập, đến bây giờ mới có một số dân về nhà. Trăm họ đã biết vua hoàng thành cho nên việc đầu tiên họ làm là bày hương án dọc mấy phố phường chào đón.

Nhưng tất cả những cảnh tàn phá đó không làm mất đi tinh thần chiến thắng phấn khởi. Tại đền Bạch Mã bên bờ sông Tô, binh lính của Trung Thành Vương đã dọn dẹp sạch sẽ. Ông từ giữ đền đã cho bày lại đồ thờ quét dọn trong ngoài tinh tươm, nhà tiến tế đã được trang hoàng lồng lẩy. Hậu cung trên ban thờ thành hoàng khói hương đã nghi ngút. Trần Quang Khải hỏi Lê Văn Hưu: “Ai sẽ là chủ tế ngày mai?”

– Đây không phải là lễ thờ của dòng họ như ở đền thờ trổng đồng. Đây cũng không phải là lễ dâng hương ở lăng các tiên đế mà đây là lễ tế long trọng của cả nước. Vậy thì người đứng đầu triều đình sẽ làm chủ tế. Đại Vương sẽ là người chủ tế ngày mai. Vinh dự này không thể chia sẻ cho ai được mà phải đảm đương lấy.

Trần Quang Khải gặng hỏi:

– Nếu như Quốc công Tiết chế có mặt ở Thăng Long thì ngài có thể là chủ tế ngày mai không?

– Không được. Quốc công là người chỉ huy cao nhất của quân đội. Mặc dù Đại Vương là tướng dưới quyền của ngài nhưng đại vương là tể tướng coi cả triều đình và tướng tá. Vinh dự này thuộc về Đại Vương. Tôi đã từng nói “Vinh lợi sĩ tử thị vị tứ thủ,” đây là bốn

điều phải giữ trong toàn bộ cuộc đời. Nếu cái vinh, cái lợi mà đòi quá mức được hưởng là người tham đáng chê trách. Cái hổ thẹn và cái chết không biết giữ cho mình trong sạch thì sẽ là điều ô danh muôn thuở.

Trên đường về phủ Chiêu Minh, Trần Quang Khải thấy mình lòng phơi phới, ông tự thấy mình xứng đáng được hưởng niềm vinh quang làm chủ tể thành hoàng Bạch Mã ngày mai. Đêm ở phủ Chiêu Minh yên tĩnh, Trần Quang Khải làm mấy vần thơ phù vua về Thăng Long :

Đoạt sáo Chương Dương Độ

Cầm hồ Hàm Tử quan

Thái bình tu nỗ lực

Vạn cổ cưu giang sơn (1)

Chú thích:

(1) Dịch:

Chương Dương cướp giáo giặc

Hàm Tử bắt quân thù

Thái bình nên gắng sức

Non nước cũ nghìn thu.

Chương 6

Nguyễn Chế Nghĩa được lệnh lên đánh trận phục kích ở ven sông Sách. Nhưng ông phải đánh ở mé tả ngạn sông mà bây giờ quân Nguyên đang ùn ùn bỏ chạy về hữu ngạn. Chúng đang cho những cánh quân nhỏ đi ngược đi xuôi ở hữu ngạn để kiếm thuyền bè sang sông. Như vậy Nguyễn Chế Nghĩa phải vòng sau lưng của chúng, lên vùng đồi trung du để tìm lối sang sông. Đi như thế này ông không thể mang quân đông được mà ông chỉ có một đội tùy tùng ba chục người hộ vệ. Trước khi đi Trần Quốc Tuấn còn giao cho ông một việc: trên đường đi ra trận sông Sách, Nguyễn Chế Nghĩa sẽ ghé vào Phù Ứng vãn an mẹ của Phạm Ngũ Lão. Nguyễn Chế Nghĩa thay mặt Trần Quốc Tuấn đưa tặng bà lão mười lạng bạc, một bộ chày cối giã trầu bằng ngà. Nhưng cái điều chủ yếu mà Nguyễn Chế Nghĩa phải nói với bà lão là cô Tầm bị thương và đã lập công lớn. Trần Quốc Tuấn biết cô Tầm mồ côi cha mẹ không người thân thích, ông muốn bà lão nhận Tầm làm con nuôi. Tầm trở thành em nuôi của Phạm Ngũ Lão. Khi Nguyễn Chế Nghĩa nói ý định của Trần Quốc Tuấn ra thì bà lão rất mừng, bà nói:

– Tôi rất muốn có một cô con gái như vậy. Quốc công đã ra lệnh, tôi vui lòng tuân theo. Cô Tầm hiện chẳng có ai là thân thích. Tôi sẽ đảm nhận việc dựng vợ gả chồng của nó. Kì này tướng quân về qua đây thật thỏa lòng tôi lắm.

Bà lão ngắm nhìn Nguyễn Chế Nghĩa, nghĩ thầm nếu ông tướng này chưa có vợ thì hay biết mấy. Quốc công sai ông ấy đến làm cái việc bảo ta nhận Tầm làm con nuôi chắc Người cũng có chủ ý. Bà biết Nguyễn Chế Nghĩa mang họ Nguyễn như vậy có khả năng ông trước họ Lý phải đổi sang họ Nguyễn. Nhưng dưới triều Trần, trong quân đội nhà Trần ông tướng họ Nguyễn này lập công rất lớn, nếu Tầm được người chồng thế này thật là hạnh phúc. Bà nói với Nguyễn Chế Nghĩa: “Từ đây ra đường cái quan phải đi tắt một cánh đồng rộng. Bây giờ đang ban ngày nên chưa đi. Tướng quân hãy ở

đây, cho quân nghỉ ngơi, chiều tối ăn cơm rồi ra đi, chỉ đến canh tư là đến bờ sông Sách ở thượng lưu thì đúng lúc qua sông. Như vậy việc ra đi an toàn. Già sẽ xếp người thuộc đường đưa cho quân đội đi. Người này cũng biết nghề sông nước, và cũng có thể đưa được quân đội qua sông. Cô này là cũng là đội nữ binh với em Tầm trước khi em nó đi hầu công chúa An Tư.”

Nguyễn Chế Nghĩa ở Phù Ứng được trẻ con trong làng quây lấy nghe ông kể chuyện đánh giặc. Đội nữ binh ở trong làng giết gà làm cơm cho đội quân của Nguyễn Chế Nghĩa. Đám tùy tùng của Nguyễn Chế Nghĩa được chiều hết mức. Một tướng tùy tùng của Nguyễn Chế Nghĩa ba tợn ba tạo nói với họ: “Già có cô nào lên mời ông tướng của chúng tôi uống rượu thì vui biết mấy.” Bọn họ cũng tợn tạo không kém: “Ông tướng của các anh đã có chị Tầm chúng tôi, còn bây giờ việc của chúng tôi là chăm lo cho các anh một bữa rượu thật vui trên đường ra trận.”

Quả thật bữa rượu tiên chân quân đội ra trận thật chân tình. Các cô gái làng Phù Ứng nổi tiếng đẹp và cũng là những chiến binh lừng lẫy ở vùng đồng ruộng này. Các chiến binh vì sắp lên đường không dám uống nhiều, họ chỉ uống ba chén và hứa là khi chiến trận xong sẽ trở về và bữa rượu ấy không từ một chén nào cả. Trong khi đó, Nguyễn Chế Nghĩa ngồi hầu rượu bà cụ mẹ Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa cũng hứa sau chiến tranh sẽ về Phù Ứng thăm mẹ. Bà mẹ Phạm Ngũ Lão bảo:

– Tướng quân đã có vợ chưa? Già nói thật gái làng này đảm đang hết mức, xinh đẹp cũng hết mức. Chưa có vợ về đây già chọn một đứa cho. Tướng quân có muốn làm rể làng này không?

Đầu canh một đoàn quân lên đường. Dẫn đường cho đội quân là một nữ chiến binh thông thạo đồng ruộng đất đai vùng này. Chính xác là một cô gái đồng đội cũ của Tầm.

Sang đến bên kia sông, Nguyễn Chế Nghĩa và đoàn tùy tùng gặp một toán quân nhộn nhạo gồm toàn những chiến binh người thiểu số vùng sông Cà Lồ và sông Đà. Ông chưa nghỉ ngơi lại sức thì viên tướng chỉ huy quân Đà giang và Trịnh Mác đã đến. Trịnh Mác nói với Nguyễn Chế Nghĩa:

– Chiêu Văn vương đã có lệnh cho tôi là theo lệnh chỉ huy của tướng quân. Quân Đà giang là quân thiện chiến, quân vùng sông Thao và Cà Lồ cũng là quân thiện chiến. Bây giờ toàn bộ số quân ấy sẽ theo lệnh của tướng quân. Đây là thư của đức ông Quốc Tảng để lại.

Anh ta đưa lá thư cho Nguyễn Chế Nghĩa. Thư viết rằng Quốc Tảng và Hoàng Mạnh đã đi xuyên rừng lên đón trên địa đầu Lạng Giang. Còn ở đây Nguyễn Chế Nghĩa sẽ thống lĩnh tất cả số dân binh, quân gia đồng các phủ đánh phục kích đánh chặn quân địch rút lui, dễ đánh thì đánh, khó đánh thì lùi, không bức quân mình phải hi sinh vô ích và cũng không buộc địch phải chó cùng dứt dậu.

Nguyễn Chế Nghĩa kinh ngạc là đã có người tiến lên phía trước mình:

Trịnh Mác nói:

– Đây là vì vương tử Quốc Tảng muốn mau chóng cứu được người bạn chí cốt của mình.

Nguyễn Chế Nghĩa nói:

– Vậy là ai thế?

– Đó là Đỗ Vĩ mà tôi cũng coi như bậc đàn anh.

Tối hôm ấy dân làng quanh vùng giết bò khao quân. Hình như dân với quân hễ gặp nhau là phải mở tiệc rượu, nửa đêm tiệc tàn, hành quân ngay. Mờ sáng Nguyễn Chế Nghĩa bắt gặp một toán giặc đang bị nghẽn sông chờ thuyền sang ngang. Đây là một toán không đông cho nên trận đánh diễn ra dễ dàng. Trịnh Mác bảo dễ như ăn gỏi cá, nhưng quan trọng là bắt một viên tướng khai báo rằng đoàn hộ tống Thoát Hoan mới sang sông lúc chiều. Đây là một tin quan trọng. Nguyễn Chế Nghĩa ra lệnh cho một đơn vị thiện chiến quân không đông: đuổi thật nhanh không ăn không nghỉ, đuổi kịp, chỉ cần đánh giữ chân chúng lại, không cần tiêu diệt tiêu hao gì cả. Nguyễn Chế Nghĩa chọn đơn vị của Trịnh Mác và dặn:

– Tướng quân không được ham đánh. Giữ chân chúng là chủ yếu.

Chiều tối đạo quân mới của Nguyễn Chế Nghĩa đã áp sát hậu quân của địch. Chúng bị ứ lại bên bờ sông Sách. Những toán quân giặc từ đây tỏa ra chiếm cứ một số vị trí chung quanh để tọa thế an ninh cho toàn quân. Nguyễn Chế Nghĩa bàn với Trịnh Mác:

– Bọn chúng sẽ phải tìm cách để sang sông. Trong ngày nay, ngày mai chúng cũng không có cách đem quân qua sông được. Phải ít nhất ba ngày chúng mới có thể đóng đủ bè qua sông. Nhưng chúng ta sẽ không cho chúng rảnh tay làm việc này.

Chương 7

Thoát Hoan ra lệnh triệu các tướng dưới quyền đến lều tướng của y để họp. Y muốn mọi việc diễn ra rất đường hoàng thung dung như không có việc gì nguy hiểm xảy ra. Ngay cả phó nguyên soái A Lý Hải Nha cũng không làm trở ngại công việc. Hai viên tướng quan trọng nhất là tả thừa Tang-gu-tai và hữu thừa Lý Hằng cũng có mặt.

Nhưng tất cả mọi người đều biết mục đích chính là chạy cho thoát. Điều ấy nói ra thì hổ thẹn nhưng mà tình thế rõ ràng là như vậy. Trước tiên là qua được sông. Toàn quân của y ở đây ứ lại khoảng năm vạn quân mà số qua được mới khoảng hơn một vạn.

A Lý Hải Nha nói:

– Hiện nay còn ba ngày lương, cướp bóc chúng quanh còn có thể được thêm ngày nữa. Như vậy chúng ta có bốn ngày để qua sông. Mà phải sang cùng một lúc để không bị đánh chặn. Nếu không toàn quân sẽ tan vỡ. Không còn thời gian để lưu ý đến đạo quân phía Nam nữa.

A Lý Hải Nha nói thế có nghĩa là sự an toàn của đạo quân Toa Đô là do chính đạo quân ấy phải tự lo. Đạo quân chính của Thoát Hoan còn lo cho mình chưa xong. Tả thừa Tang-gu-tai trình ra một bản báo cáo của du binh hậu quân: có thể đạo quân Toa Đô đã bị đánh tan. A Lý Hải Nha nói:

– Nguyên soái phải quyết định ngay: một là giết bọn con tin người Đại Việt mà chính yếu là bọn con gái mà họ Trần đã đưa đến đây cho nguyên soái, hai là việc vượt sông ta giao cho hữu thừa Lý Hằng.

Y chọn Lý Hằng vì tên này là người vùng nam Dương Tử thông minh thâm hiểm cho nên việc đốt phá thanh dã hấn sẽ làm đến nơi đến chốn, còn Tang-gu-tai là người thượng nguồn sông Hoàng thuộc một dân tộc rất thiện chiến vùng núi nên rất thích hợp với việc tổ chức phòng thủ.

– Ta đồng ý việc giết các con tin. Duy có nàng công chúa An Tư là do họ Trần gả cho ta làm vợ. Ta không thể nào ra lệnh giết vợ ta được. Và ta cũng không thể ra lệnh giết hết những thị nữ tùy tùng theo hầu vợ ta. Còn con tin khác ở tất cả các mặt trận đều giết sạch.

Thái độ của Thoát Hoan rất cứng rắn. A Lý Hải Nha biết tính học trò mình nên không cãi lại mà chỉ thêm một câu:

– Nhưng đàn bà con gái đi theo sẽ làm vướng chân quân đội. Cho giải mau chúng về nước.

Các tướng mau chóng đi làm các công việc được giao.

Thoát Hoan đi vào hậu trường, nơi đây công chúa An Tư được lưu giữ cùng thị nữ tùy tùng.

– Tất cả bọn bay sửa soạn đưa vợ ta lên đường. Thiếu gì cho ta biết. Không thể để vợ ta gặp khó khăn khi đi đường. Ta đã ra lệnh cho chuẩn bị thuyền nhỏ đưa đoàn tùy tùng và bà phi sang sông ngay đêm nay.

An Tư nói:

– Tướng quân đã biết tôi không có bụng nào rời xa đất nước này.

Thoát Hoan nói:

– Phong tục nước nàng đã nói lấy chồng là phải theo chồng. Ta lấy nàng làm vợ là được cả họ nhà nàng đồng ý. Nàng không phải là người con gái ta bắt được trên chiến trường. Nếu phải như vậy thì ta đã không đối xử nàng như vợ mà có thể ta còn quăng cho binh lính làm nhục. Nàng phải biết các tướng dưới quyền ta luôn đòi ra trừng trị nàng và tùy tùng. Ngay hôm nay đã có ý kiến xin ta chém nàng đi. Nhưng ta đã không làm. Ta không nhẫn tâm đối với một người vợ mà ta đã coi là trời xe duyên. Chỉ mong về đến nước ta nàng biết nghĩ đến phận gái lấy chồng phải theo chồng, gánh vác việc nhà chồng.

Công chúa An Tư cũng chăm chăm nhìn Thoát Hoan. Chỉ mấy tháng sống bên nhau nhưng cũng đủ hiểu nhau. Thoát Hoan là một thanh niên tài ba, có học, lịch sự. Khi lui về trường, Thoát Hoan luôn luôn là một chàng trai phong nhã. An Tư chưa bao giờ thấy Thoát Hoan thô lỗ, Thoát Hoan luôn luôn chăm chút cho An Tư mọi sự.

– Tướng quân cũng biết tôi đi theo tướng quân sẽ mang tiếng là lấy quân cướp nước làm chồng.

Thoát Hoan cười ha hả:

– Nàng lấy ta là do cả họ nhà nàng đồng ý. Họ Trần còn cho sứ giả đưa nàng đến tận nơi cho ta. Sao họ lại gọi là nàng lấy giặc cướp nước. Và chẳng ta nghĩ từ bấy đến nay ta chưa hề có một câu nói, một cử chỉ xúc phạm đến nàng. Lần này về nước ta sẽ tâu vua cha phong nàng làm phi của Trần Nam Vương, địa vị của nàng ai còn nói được điều gì. Ta có đem về một bức tranh vẽ cảnh đánh cá trên sông Nhị đẹp lắm. Ta biết nó lưu giữ kỷ niệm của ta và nàng ở doanh quân Thăng Long.

Thoát Hoan lục trong đồ đạc dọn đi từ Thăng Long lấy ra bức tranh đánh cá cho An Tư xem.

– Đây là tranh của Đỗ Vĩ.

– Nàng biết người vẽ bức tranh này à?

– Đây là một người tài hoa nổi tiếng ở nước Đại Việt, đàn hay vẽ giỏi, văn võ kiêm toàn.

– Nếu vậy thật đáng tiếc. Ta đã ra lệnh giết hết các con tin.

– Tướng quân nói vậy là nghĩa sao? Chẳng lẽ tôi và các tùy tùng cũng bị giết.

– Không phải đâu, giết hết con tin nhưng trừ vợ ta và các tùy tùng của vợ ta.

Thoát Hoan rời lều trại của mình đi sang lều trại của A Lý Hải Nha, hai lều cách nhau cũng khá xa. A Lý Hải Nha ngạc nhiên khi thấy Thoát Hoan đi tới. Quân hầu dâng trà giải khát. Bấy giờ là cuối tháng Sáu, tiết trời đang hết sức nóng nực, các quần áo của chiến binh xứ tuyết xem ra chẳng hợp chút nào với thời tiết. Hôm nay lại có một thứ gió thổi từ phía tây lại khô rang mà nóng như chàm lửa. Thoát Hoan nói:

– Bữa nay còn rảnh. Chúng ta có ba ngày lo cho việc quân. Tôi muốn dùng lúc rảnh rỗi này để nói chuyện của hai chúng ta. Trước hết muốn nghe thầy có điều gì trách tôi không.

A Lý Hải Nha vốn là viên tướng văn võ toàn tài, thao lược, trung thành, trí dũng được chính Hốt Tất Liệt chọn làm thầy rèn luyện cho Hoàng tử Thoát Hoan. Thế là kể từ bấy đến nay mười hai năm thầy trò quần quýt chẳng còn điều gì ngạc nhiên về nhau nữa. Tài năng và sở trường là do chính tay A Lý Hải Nha luyện cho Thoát Hoan. Còn sở đoản, còn nhược điểm của Thoát Hoan có điều gì A Lý Hải Nha cũng biết đến nơi đến chốn, duy có câu nói vừa rồi làm cho A Lý Hải Nha cảm động về nghĩa học trò đối với thầy của Thoát Hoan. Viên tướng già cúi đầu ngẫm nghĩ. Chẳng có gì có thể trách được học trò. Chiến tranh thắng bại là sự thường của binh gia. Vả chẳng đối phương làm cho ta kinh ngạc.

– Kẻ địch của chúng ta rất thao lược. Hôm nay, ta chuẩn bị một cuộc rút quân. Trở ngại chính là dòng sông trước mặt. Chỉ có một dòng sông thôi mà đã làm cho lo lắng nhiều bề. Trong khi đó mấy tháng vừa qua quân đội hai bên đối diện nhau nhiều trận, có nhiều lúc ta tưởng nếu chiến cuộc xảy ra là ta sẽ thắng lớn, nhưng rồi đến lúc cuối cùng chúng rút mất mà trở ngại của chúng đâu phải chỉ có một dòng sông. Trần Vạn Kiếp đánh hụt. Trần Thu Vật đánh hụt... Rút lui mà địch không bị tổn hại thì sao gọi là thắng được ở những trận ấy. Bây giờ vương tử tính sao?

– Thưa thầy, tôi muốn bàn đến chuyện qua sông. Nhưng bàn ở bên lều của tôi e tai vách mạch rừng.

A Lý Hải Nha cười vang. Y thấy thoải mái. Như vậy là học trò của y không phải ý chí chiến đấu bị tê liệt, cũng biết đề phòng bọn con gái Đại Việt truyền được tin ra ngoài. Tuy vậy, trong số đó có người là vợ Thoát Hoan. Lẽ thường chẳng ai ra lệnh giết vợ mình dù có là thú dữ. Vả chẳng giết bọn đàn bà con gái thì ai giết chẳng được. Chỉ có một điều A Lý Hải Nha nhận ra học trò của mình sinh ra là để làm vua chứ không để làm tướng.

– Đáng tiếc là vương tử không đủ kiên nhẫn để làm tướng. Nếu như hai ta có những ý kiến xung đột nhau chính là vì tôi không nhận ra điều này. Mà trong cuộc chiến chinh này tôi đặt mục tiêu kiếm lợi về cho tôi. Tôi muốn cuộc chiến tranh này ta thắng, vương tử sẽ được làm vua ở đất này. Mà quyền hành trọng yếu thuộc về tôi. Nếu vậy trong chiến tranh quyền nguyên soái phải giao cho tôi không

chia sẻ. Tôi cũng chẳng trách vương tử nương tay với bọn con gái ấy. Thoạt đầu tôi muốn vương tử nhận và đối xử với bọn con gái này như là bọn con gái bắt được ở chiến trường. Nhưng vương tử lại coi cô ta như một người vợ. Đáng ra tôi phải can ngay từ lúc đầu. Còn bây giờ vương tử không xử tội vợ là lẽ đương nhiên, tôi trách làm sao được.

– Việc rút quân tôi định thế này: Ngày mai chuẩn bị một số thuyền bè, sắm tối thầy dẫn qua sông đánh chiếm bến, mở rộng đất đứng. Ngày kia đại quân sang sông, tôi đích thân dẫn quân qua. Tang-gu-tao sẽ tử chiến chặn đường rút cho ta. Khi thầy qua sông, thầy đem cả bọn con gái Đại Việt qua. Có một tên bỏ chạy rồi. Thầy cho hai đứa lên trước biên giới để thu xếp chỗ ở cho vợ tôi. Đồng thời thầy cho một tướng mang nghiêm lệnh cho A Rích bắt chém Đỗ Vĩ ở bên kia.

– Ủa, thế sao được. Chúng ta đã biết Đỗ Vĩ có mang theo người que trúc Thiên Sơn tấm ngựa của một hoàng thân dòng Hãn Lều Vàng. Như vậy đây là một người anh em kết nghĩa của dòng Hãn Lều Vàng. Chúng ta thuộc dòng Hãn thứ tư từ Mông Kha Hoàng Đế đến Đại Hãn Hốt Tất Liệt, xưa nay hai dòng Hãn vốn là đồng minh. Bây giờ Đỗ Vĩ mang que trúc Thiên Sơn khắc tín hiệu của dòng Lều Vàng, vậy thì nếu muốn xử chém Đỗ Vĩ chỉ có thể là lệnh từ dòng Hãn Lều Vàng ban ra.

– Bởi vậy thầy chọn tướng đi thi hành lệnh này phải khôn ngoan. Cần phải thử xem Đỗ Vĩ có đúng là gián điệp của Đại Việt không? Tháng trước một đứa con gái Đại Việt là thị nữ của vợ ta được giao đi chọn nơi ở trước ở bên kia biên giới đã bỏ trốn. Chứng cứ cho biết ả có được sự giúp đỡ của Đỗ Vĩ. Quân canh phòng đã bắn một phát tên trúng bả vai nhưng ả vẫn trốn thoát. Ta không bắt được cho nên cũng không có chứng cứ buộc Đỗ Vĩ phải nhận là gián điệp. Ta nghĩ bây giờ dù Đỗ Vĩ có hay không là gián điệp thì ta vẫn phải xử chém. Có điều để tránh việc sau này có chuyện gay cán với dòng Lều Vàng thì tốt nhất là ta gây một tai nạn chết người. Nếu cần ta cũng có một người chết kèm vào đấy.

A Lý Hải Nha và Lý Hằng chỉ huy việc sang sông. An Tư và mấy thị nữ tùy tùng phải mặc quần áo chiến binh Mông Cổ để lẫn lộn vào

đám quân. Một tướng thảo nham đã được lệnh đem hai thị nữ nhanh chóng tiến về phía bắc trong một mũi tiến công thật mãnh liệt. Hai cô thị nữ này sẽ thu xếp nơi ăn chốn ở của công chúa An Tư ở Trì thôn bên kia biên giới. Viên tướng thảo nham chỉ huy một đội quân nhỏ bảo vệ hai thị nữ đến tận Trì thôn. Y còn được giao một mệnh lệnh bí mật khác cho viên tướng chỉ huy Trì thôn là gây một tai nạn giết Đỗ Vĩ.

Chập tối quân Nguyên sang sông. Lý Hằng tung quân đánh rộng ra xung quanh. Y được lệnh tử chiến để mở rộng bến sông đủ mức an toàn cho đại quân vượt qua rút chạy. Nhưng Lý Hằng gặp ngay sự phản ứng quyết liệt của quân Đại Việt. Từng toán lưu binh dùng ngựa, dùng thuyền lướt qua quân Nguyên lúc trước mặt, lúc sau lưng, lúc bên sườn, những toán lưu binh này dùng cung tên bắn loạn rồi thoát biến đi nhường chỗ cho toán khác. Sự khốn đốn đến với quân Nguyên không phải là ở trên bờ mà là ở dưới sông. Từng đoàn thuyền thoi nhanh nhẹn từ khe lạch mé thượng lưu xông ra. Họ đẩy theo những bè nứa trên có chứa chất cháy như nhựa trám, nhựa trấu, nhựa thông. Những cháy bốc cháy này được đốt lên và quân Việt đẩy những bè lửa vào bến đỗ của quân Nguyên. Sự hỗn loạn cùng cực. Nhiều thuyền của quân Nguyên đã bắt cháy. Những thuyền bắt cháy lại bị quân Việt dùng câu liêm móc ra xa. Có những thủy thủ lặn ngụp dưới nước đục đáy thuyền. Những thuyền bị đục không nhiều, chỉ đôi ba chiếc nhưng khi chúng chìm thì gây sự náo loạn tràn lan trong hàng ngũ quân Nguyên. Thoát Hoan dùng tất cả tinh lực giữ trật tự cho đội quân sang sông. Viên Nguyên soái Mông Cổ ra lệnh cho cung thủ Mông Cổ bắn chế áp thuyền thoi của Việt. Y ra lệnh một đội quân dùng thuyền chiến mang giáo dài nhọn những nơi có bong bóng nước nổi lên chứng tỏ bên dưới có người đang lặn mà đâm xuống. Phải vất vả mới lập lại trật tự cho đội quân sang sông. Đầu tiên là hi sinh đám lính đoạn hậu. Tang-gu-tai viên tướng chỉ huy đánh mở rộng cửa bến cũng bị tổn thất nặng. Đại quân kéo theo tàn binh bỏ chạy. Lý Hằng trúng thương ở cổ, mũi tên đã rút được ra, máu ra nhiều nhưng y mới chỉ bị trọng thương chưa chết. Thoát Hoan cho khiêng Lý Hằng tháo chạy.

Công chúa An Tư bảo hai thị nữ được chia đi trước:

– Ở Thăng Long ta có sáu thị nữ. Em Mơ đã trốn đi được từ Thăng Ling. Em Tầm tháng trước đã thoát hiểm từ biên giới Lạng Giang. Bây giờ hai em lên trước, còn hai em ở lại đi cùng với ta. Ta được biết một tin mật: A Lý Hải Nha đã ra lệnh cho viên tướng dưới quyền đưa các em lên biên giới, nhưng thực ra y còn một mệnh lệnh bí mật nữa là giết Đỗ Vĩ ở Trì thôn nơi ta sẽ đến ở, khi qua biên giới. Đây là một người tài hoa mà ta rất quý. Em Thủy sẽ đem lời ta đến cho Đỗ Vĩ bảo cho anh ta trốn đi. Bọn giặc đã khẳng định Đỗ Vĩ là gián điệp.

– Nếu như vậy anh ta là một người anh hùng.

– Chắc chắn như vậy. Một người anh hùng không thể để tình trạng không có người hầu hạ, kể cả lúc sống lẫn lúc qua đời. Đáng tiếc ta là gái đã có chồng, nếu không ta tình nguyện làm vợ của Đỗ Vĩ.

– Công chúa làm thế sao được. Công chúa đã là phu nhân của nguyên soái Thoát Hoan, chắc chắn tướng quân Đỗ Vĩ không nhận.

– Đúng là như thế, dù sao ta đã là vợ của tướng giặc. Nhưng việc kén người hầu hạ Đỗ Vĩ không thể không làm.

– Thừa công chúa, việc ấy giao cho em có được không?

– Ý ta cũng muốn thế. Ta với các em nghĩa là thầy trò, tình là chị em. Trong hai em, em nào tình nguyện làm vợ của Đỗ Vĩ?

Cả hai người tranh nhau nói:

– Em xin nhận. Mong sao đền đáp được phần nào cho người trai anh hùng đó.

Nửa đêm đó toán quyết tử mở một đường máu đưa hai cô thị nữ thoát khỏi vòng vây. Hai hôm sau họ vượt biên giới vào đất Nguyên. Buổi chiều họ tới Trì thôn.

Chương 8

Từ cửa sông Hóa, Hành trung doanh của Hưng Đạo vương tiến về hướng Lục Đầu giang. Ở mặt trận này, Trần Quốc Tuấn dùng dân binh ven biển và dân binh vùng đồng chiêm. Ông dự tính đánh một loạt trận phục kích nhỏ và vừa nhằm vào những đội binh vận tải của giặc đang bỏ chạy trên sông. Ông đã cho thông báo bằng hiệu lửa đốt tại đài phong hỏa ban đêm cho các tướng biên thủy phía bắc và vùng trung du ra lệnh cho dân binh miền núi cũng đánh các trận phục kích nhỏ và vừa vào những toán bộ binh đang bỏ chạy sau trận thua to trên sông Sách. Ở mặt trận này các tướng chỉ huy là Hưng Vũ vương Quốc Nghiễn con trai cả của ông, dũng tướng Nguyễn Chế Nghĩa chỉ huy đạo quân xung kích ngoài ra còn có Hưng Nhượng vương Quốc Tảng con trai thứ ba của ông giữ một nhiệm vụ riêng biệt tìm cách cứu trợ Đỗ Vĩ.

Trời đã vào đêm, sông đêm đen lạnh, mạn tây bắc có chớp nguồn, có thể trên ấy có mưa. Nếu có mưa và mưa ti thì các suối sẽ no nước, bộ binh của quân Nguyên nghẽn đường chẳng chạy được, du binh miền núi của ta dễ dàng bắt tù binh. Để tránh chạm địch khi mình chưa có chuẩn bị, quân ta kiêng thuyền nan hành quân đường bộ, thuyền gỗ ván vì nặng quá bỏ lại. Đạo binh của Phạm Ngũ Lão có đội viễn thám của Hoàng Đỗ trợ lực tiến quân rất nhanh. Hoàng Đỗ rất vui vì mới đây một người bạn cũ từ cửa sông Nam Sách về tăng viện. Đó là đội quân của Hoa Xuân Hùng. Họ đi không có thuyền, hành quân bộ, người ngậm tăm không nói ồn ào. Mờ sáng họ đã bắt kịp dòng sông Kinh Thầy. Giặc chưa chạy đến nơi, Phạm Ngũ Lão chia quân lên chiếm các đồi cao ven sông. Họ được lệnh dùng tên cứng, nỏ cứng và cung đơn, chặn đánh những đoàn thuyền giặc sẽ bỏ chạy qua. Dự kiến khoảng gần trưa sẽ có những tên giặc đầu tiên dẫn thuyền tới đây. Hoàng Đỗ vì thạo bơi lội được dẫn một toán giỏi bơi qua sông bên kia chặn những nơi có khả năng giặc bỏ chạy lên bộ. Đó là những bãi cát vàng lúc này trải dài ven

sông. Khi Hoàng Đổ sang sông cả một triền sông hoang vắng. Những khi anh đi vào sâu, một toán dân binh cả nam lẫn nữ reo mừng ra đón. Toán này do một cô dân binh ven biển chỉ huy. Hai đoàn quân tay bắt mặt mừng vui vẻ. Hoàng Đổ cho biết anh được lệnh đến đây bố trí đánh phục kích những đoàn thuyền vận tải của giặc bỏ chạy về nước. Một dân binh nói:

– Việc ấy phải hỏi chị Hồng. Nước sông lên cao thấp ra sao chị nắm rất rành. Nhà chị ấy đã bao đời lái đò ở bến đò Rừng đầy.

Hồng chính là cô nữ binh chỉ huy toán dân binh. Cô trạc tuổi mười tám đôi mươi, mắt sáng như sao, nước da bánh mật của dân ven biển. Cô phá lên cười rất tươi:

– Ông anh định phục ở trong này mà tới trưa giặc mới qua thì các bãi cát ven sông kia đã ngập nước hết rồi. Muốn phục thì phải phục ở ngay gần bờ sông ấy. Nếu cần anh chị em chúng tôi sẽ huy động một số thuyền nan từ các sông lạch con mang theo chất cháy.

Hoàng Đổ reo mừng:

– Cảm ơn bà chị. Chúng ta làm theo, ai nhanh nhẹn và có vũ khí dài như giáo, câu liêm, gậy trượng thì theo tôi. Ai vũ khí ngắn thì theo quân cung nỏ phục ở các thuyền.

Cô Hồng hỏi:

– Ông tướng tên là gì? Để cho tiện xưng hô thôi.

Hoàng Đổ cũng cười:

– Chắc bà chị chê em còn bé chứ gì?

– Thì đúng là bé chứ còn gì nữa. Bé tí nữa.

– Tôi là Hoàng Đổ ở đội viễn thám.

Đoàn dân binh ven biển reo mừng:

– Đây là ông tướng nổi tiếng ở lộ Khoái. Ông tướng đã từng đánh trận Hàm Tử. Chúng tôi biết tiếng ông rồi. Nhưng mà ông bé thật, bé và cay như ớt chỉ thiên.

Từ trên đồi cao vùng Hàng Kênh, Trần Quốc Tuấn quan sát thế trận. Ông ra lệnh cho Phạm Ngũ Lão điều đoàn thuyền ra xa nữa mé

biển. Ông ra lệnh cho Hoa Xuân Hùng ra phục ven sông. Lệnh phải bắn trúng phát tên lửa đầu tiên vào thuyền tướng.

– Bây giờ thì bố bảo chúng cũng không dám kéo cò tướng ở các thuyền. Nhưng bắn cái thuyền nào trông chắc chắn nhất, buồm và lái còn tốt nhất thì thằng tướng giặc sẽ ở đấy. Tên lửa làm sao bắn cho chát buồm ngay phát đầu.

Trận địa phục kích im lìm. Chỉ xa xa trên ngọn đồi Hàng Kênh thấy phe phẩy cờ hiệu. Trời đã vào giữa mùa hạ. Gió Nam hôm nay thổi mạnh từ biển vào không một vẩn mây, nắng như đổ lửa. Các chiến sĩ của ta ẩn kín trong những hẻm đào ven sông. Ở các lạch sông, các chiến sĩ dân binh ven biển cũng ẩn kín trong những bụi lau sậy. Các chất cháy được các chiến sĩ trông nom rất kỹ trên các thuyền. Trời gần trưa, lá cờ hiệu trên đỉnh đồi cao phe phẩy báo hiệu những thuyền giặc đã xuất hiện. Chưa kịp bã trà thì thuyền địch tới. Đó là những thuyền vận tải to nặng, cao thành chạy rải rác trên sông không thành hàng lối. Hoa Xuân Hùng quan sát: chẳng có cái thuyền nào là cái thuyền có thể có tướng giặc. Nhưng không lẽ để chúng qua. Hùng điểm lửa vào mũi tên nhắm bắn chiếc thuyền đi đầu. Phát tên đầu tiên trúng ngay buồm giặc. Đấy cũng là phát hiệu lệnh, quân ta ào ạt điểm lửa cho các mũi tên bắn tiếp theo. Từ bên kia sông những chiếc thuyền nan chứa chất cháy cũng được đốt lên và đẩy ra sông. Những chiếc thuyền bốc lửa to ngọn, khói mù mịt xông vào giữa những con thuyền vận tải của giặc đang cháy tan tác ven sông. Quả đúng như dự đoán của cô Hồng, lúc này triều cường. Đêm qua lại mưa ở thượng nguồn cho nên tất cả các bãi ven sông đều ngập nước gần như ngừng cháy. Toán giặc bỏ thuyền chạy lên bộ. Chỗ chúng bỏ thuyền lên bộ chính là chỗ phục binh của Hoàng Đổ và cô Hồng. Một trận chém giết toại bời. Chỉ nháy mắt những tên giặc còn lại hạ giáo đầu hàng. Nói hạ giáo đầu hàng là lối nói quen thuộc mà thôi, thực ra chúng còn giáo đầu nữa mà hạ.

Tổng cộng trên ba mươi thuyền giặc bị đốt bị đắm, bốn trăm thuyền giặc bị bắt làm tù binh. Cuộc gặp Hoàng Đổ và Hoa Xuân Hùng diễn ra ngay trên sông. Đổ dẫn Hùng đến trước mặt cô Hồng:

– Đây là bạn chiến đấu của tôi. Người này tên Hoa Xuân Hùng. Chắc cô không chê anh ta là bé như tôi nhé.

Tất cả những người xung quanh cười vang làm cho cô Hồng và Hoa Xuân Hùng thẹn đỏ mặt lên. Hoa Xuân Hùng quát:

- Đồ quỷ, muốn chết à?
- Không muốn chết chỉ muốn giới thiệu cho ông anh bà chị tôi
- Cái sai là ở cái ý ngầm bên trong của chú mày. Đồ quỷ.

Buổi tối trong ngôi đình làng Ngộ mé sâu bên trong. Dân binh bản địa và dân binh do Hoa Xuân Hùng dẫn đến làm lễ kết nghĩa. Phong tục kết nghĩa này có từ thời xưa thời xưa. Từ các thời người ta chỉ mới có tên để gọi chứ không có họ, trẻ con đẻ ra chỉ biết có mẹ không biết cha. Theo cái tục này thì dân kết nghĩa hai bên sẽ lựa chọn lứa tuổi dựng vợ gả chồng vào năm tới và chọn trước ngày thành lập những gia đình mới. Trong ngày này, các ông chồng tương lai, có khi chưa tới hai mươi được dẫn đến đình làng Ngộ. Ở đây diễn ra buổi đọc văn tế cực kỳ long trọng và người ta dẫn đến các bà vợ tương lai. Các ông chồng hoặc các bà vợ chia làm hai bên đứng ở sân đình. Lễ tế thành hoàng cực kỳ long trọng. Đây là một ngôi đình thờ thành hoàng là đức ngài Thiếp Hoàng, một thần thoại cổ của người Việt ven biển tượng trưng cho gia đình đầm ấm và con cháu đầy đàn đầy lũ.

Hoa Xuân Hùng cũng được xếp vào đám trai kén vợ. Anh lăm lét nhìn đám con gái kén chồng, trong đó có cô Hồng.

Khi ông đọc chúc đọc văn tế thì một số cụ được chỉ định trước cứ đến những đoạn quan trọng mà mọi người đang chú ý lắng nghe thì các cụ tắt đèn. Khi ấy các chú rể tương lai cứ việc quờ quạng nắm được cô dâu nào thì đó là vợ của mình. Chỉ trong một lúc đèn lại được thắp lên, lòi tù mù nhìn không rõ ai vào ai. Văn tế lại được đọc tiếp và một lát sau đèn lại tắt và người ta lại quờ quạng tìm vợ bởi có người chưa tìm được thấy cô nào và có cô cũng chưa ông nào vớ được. Phải ba lần tắt đèn thì cuộc chọn vợ chọn chồng mới đâu vào đấy. Bây giờ các cụ lại cho thắp thêm đèn. Ông chủ tế mặt tươi hớn hở, chẳng gì thì gái làng ông năm nay kén được chồng toàn trai anh hùng. Ông tin là chẳng có cô nào chê người chồng thế kia, vừa khôi ngô tuấn tú vừa ăn nói bẻm mép, uống rượu giỏi mà đánh giặc thật tài.

Đèn đã thấp lên thêm soi tỏ mặt người. Hoa Xuân Hùng nhìn kĩ cô gái anh tóm được. May quá anh tóm đúng cô Hồng. Bây giờ cô đang đứng bên cạnh anh, về yên phận vì đúng lệ làng và cũng đúng lòng mình mơ ước. Hai người nhìn nhau cố dò xem có phải người kia đã ngấm mình trước không mà sao tóm được nhau đúng thế. Hoàng Đổ chưa đến tuổi trong lễ tục này nên phải đứng ở đằng xa. Bây giờ anh ta lại gần ghé tai cô Hồng mà ồm ồm hỏi:

– Anh này có bé tí không?

– Phải gió!

Cô phát một cái vào vai Hoàng Đổ.

Rồi cô lại quay sang nhìn Hoa Xuân Hùng, cả hai mới chỉ là vợ chồng chưa cưới. Cô vợ phải đưa ông chồng về qua nhà nghe bố mẹ thách cưới. Còn sang năm, tháng Hai mới là tháng đón dâu và chính thức thành vợ chồng với nhau. Trong lúc tất cả mọi người trong đình vui vẻ cười đùa thì có lệnh của đức ông Trần Hưng Đạo:

– Tất cả vượt lên thượng lưu sông mười dặm mai phục ở bên bờ sông nào có luồng lạch chạy gần nhất. Chỉ được dùng tên lửa, cứ hễ thuyền giặc chạy qua là bắn cháy thuyền còn việc bắt thuyền, bắt tù binh là việc của Thần Sách.

Trưa hôm sau lại đến triều cường, thuyền giặc xô nhau chạy ra biển, hàng ngũ tả tơi, thuyền cái không đủ buồm, cái chỉ còn có bơi chèo để chạy. Những chiếc thuyền này là thuyền vận tải, không phải thuyền chiến, binh lính người Hán cũng không phải lính chiến cho nên khi những thuyền giặc dạt vào bờ gần như không có sự chống cự.

Phạm Ngũ Lão chú trọng tìm bắt một vài tên tướng nhưng chỉ tìm được vài tên cấp thấp, thiên hộ, bách hộ. Ông muốn tra tìm xem có tên tướng giặc đầu sỏ nào trong đám giặc hay không. Cũng may ông bắt được Lý Bình. Trông hắn có vẻ là một tên thư lại. Đoán chừng tên này là tên có thể biết được nhiều điều. Hoàng Đổ nói với Phạm Ngũ Lão:

– Hai mắt nó lác liên mà mặt mũi thì sáng sủa. Nó có thể là thằng ghi chép trong quân mà đã là thằng ghi chép thì nó phải biết nhiều.

Phạm Ngũ Lão nhìn thẳng bị bắt hỏi:

- Tên mày là gì?
- Thừa tên con là Lý Bình.
- Làm việc gì trong quân?
- Tả văn thư và ghi chép sổ sách.
- Ở đội quân nào?
- Ở hành doanh của phó nguyên soái A Lý Hải Nha.
- Thế tại sao mày tách chạy đi đường này?
- Phó nguyên soái có một số đồ vật riêng. Tôi là người được cử đi áp tải số đồ vật đó.
- Của riêng hấn à?
- Cũng không phải của riêng, cũng không phải vàng bạc châu báu – Hấn chỉ con thuyền bị quân ta bắt – Nó ở kia, trong thuyền này.

Và hấn xin phép đi lấy cái đó cho quân ta. Đó chỉ là một cái tráp và một chồng sổ sách. Phạm Ngũ Lão mở tráp thấy toàn giấy tờ, toàn là những bức thư, tờ trình, tấu cáo. Ông cầm một tờ xem thử. Đó là lá thư gửi nguyên soái Thoát Hoan của một người ký tên Lê Tắc. Hấn tường trình là hấn là trảo nha của Chương Hiền hầu Trần Kiện, muốn xin nội phụ nhưng mặc cả là gia đình Trần Kiện phải được trọng dụng. Hấn nói Trần Kiện là con của Trần Quốc Khang dòng đích của họ Trần và vì vật Trần Kiện đủ điều kiện để nắm giữ việc thờ phụng họ Trần.

Phạm Ngũ Lão toát mồ hôi. Ông biết ngay tầm quan trọng của tờ giấy này. Ông không dám xem thêm một tờ nào nữa mà bưng cả hòm tráp đến trình Quốc công Tiết chế. Trần Quốc Tuấn trầm ngâm hỏi:

- Người có đọc thêm tờ nào nữa không?
- Thừa quốc công, không ạ.

Trần Quốc Tuấn cho gọi Trương Hán Siêu, thư đồng đi theo Hành trung doanh ra lệnh niêm phong hòm sớ này cho kỹ lưỡng. Ông cho gọi Hoàng Đỗ về nghe lệnh mật:

– Tướng quân mang hòm tráp này về ngay Thăng Long dâng thượng hoàng và đức ông Chiêu Minh. Tướng quân nói thêm giấy tờ trong này chưa một ai được đọc cả.

Chương 9

Từ sườn mé phải rặng núi đá ngã ba sông Công, Trần Quốc Tảng dẫn đoàn người ngựa tùy tùng tiến về phía Bắc. Ông đã bỏ lại đằng sau chiến tuyến sôi động của đôi bên. Từ đây trở đi lên tới biên giới phía Bắc là đất hoạt động của dân binh áo chàm người Tày, người Nùng, người Dao, người Hmông. Dẫn đường cho ông là một dân binh người Tày rấy thông thạo chiến trường vùng này. Anh ta có thể nhận biết tất cả những dấu tích gần như bí mật vô hình ở khắp nơi. Nơi này có một cành lá héo rũ chưa bị bể gãy lìa ra khỏi cây báo hiệu có quân canh. Lập tức anh ta tháo khăn chít đầu ra khoa lên ba vòng, bên vệ đường liền có người bước ra làm dấu hiệu nhận biết nhau và mở đường cho đoàn ngựa tiếp tục tiến về phía trước. Một giẻ lụa khô từ mùa chiêm cài ở vệ cỏ ven đường, đó là dấu hiệu của nơi có thể kiếm lương ăn. Nếu đoàn người ngựa cần có người địa phương chỉ lối thì người hướng đạo Tày hú lên ba tiếng, lập tức có tiếng hú đáp lại và người chủ địa phương bước ra đón.

Lần này người ra đón là một cô gái sơn cước người Nùng áo chàm, vòng bạc, một lưỡi dao lá mía cài chéo ngang lưng. Cô gái sơn cước trao đổi mật hiệu với người hướng đạo Tày. Rồi cô làm hiệu cho đoàn người theo mình. Trần Quốc Tảng ra hiệu cho đoàn tùy tùng xuống ngựa dắt theo cô gái đi vào rừng sâu. Họ đi ba thoi đường, leo ba quả đồi, lội chín khúc suối, tới một bản Nùng chừng bốn mươi nóc nhà. Những căn nhà sàn xinh xắn dựng trên bờ con suối mà họ vừa lội vào. Một tiếng chó sủa báo hiệu một cuộc sống êm đềm đang diễn ra nơi đây: những căn nhà sàn ẩn sau vùng cây lá rậm rạp của những bụi mai xanh tốt. Trần Quốc Tảng rất biết những cây mai, một loại tre rất thẳng, thân to tới một chét tay, rất dài, dóng rất thẳng. Đồng bào người Nùng thường hạ những cây mai xuống, băm vỡ các đốt, banh ra thành những mảnh chiếu dùng để lát sàn. Đoàn người ngựa vào sân, những con ngựa được buộc

chung quanh những bụi mai, ông trưởng bản mời tất cả lên nhà. Căn nhà sàn rất dài rất rộng, dài rộng còn hơn một ngôi đình ở dưới xuôi. Khi biết Trần Quốc Tảng là ai, cả bản reo cười.

– Ô đức ông Hưng Nhượng. Ngày xưa vùng này có nhiều người làm lính trong đạo binh của ông. Nay ông đem quân qua đây, bản phải mở tiệc mừng mới được.

Ngay lập tức rượu mừng được bưng ra. Dân bản hôm nay mới săn được một con hoẵng. Thịt hoẵng xào ngay ở bếp trên nhà sàn, rượu ngô men lá rót ra bát lớn. Ông trưởng bản nói:

– Bây giờ sắp tối rồi, uống rượu xong đi ngủ. Mai sớm lại lên đường. Chúng tôi cho người dẫn đường xuyên qua núi Hồng lên triền

– Xin chăm cho đàn ngựa của chúng tôi, chúng tôi còn phải lên biên giới cũng xa.

– Xin đức ông yên tâm.

Mọi việc diễn ra như đã nói. Đàn ngựa được chăm thật tốt. Trần Quốc Tảng và đoàn tùy tùng được uống một bữa rượu men lá rất vui. Dân binh của thôn cả nam lẫn nữ bồi tiếp quân triều đình rượu đã ngà ngà say, họ vác đàn tính ra, những cây sáo tre bầy lũ và một buổi ca nhạc tưng bừng diễn ra trong sàn. Lính đồng bằng mắt sáng lên long lanh trước các điệu múa giản dị nhưng không kém phần duyên dáng của các cô gái nữ binh sơn cước. Họ vừa có duyên, vừa thành thực, vừa bạo dạn, họ mời rượu nhau, họ nói những câu chúc tụng thực lòng, có khi lại còn hơi lộ liễu.

Hai ngày sau, Trần Quốc Tảng và đoàn tùy tùng tới biên giới. Họ đã phải vượt qua một vùng rừng núi đèo cao suối khá vất vả. Đúng như lời ông trưởng bản nói họ đã vượt qua những người đi đường chính ít nhất bốn ngày. Nhưng mệt ới là mệt.

– Người đi tìm cho ta chỗ đóng quân của tướng bản địa.

Tướng bản địa chính là một tùy tướng của Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn. Hưng Vũ vương là anh cả của ông. Viên tùy tướng bản địa là bạn chiến đấu của Nguyễn Địa Lô ở đạo quân thuyền độc mộc phía Bắc. Đây là là Phạm Vũ người Kinh nhưng lấy vợ vùng rừng sinh sống ở đây là đã trở thành người ở đây. Phạm Vũ nói:

– Thừa đức ông, cả một dải biên giới này nằm trong tay anh em chúng tôi. Tên nào đi qua lọt đây là giới lắm. Tháng trước quân của chúng tôi đã chặn đường đánh tan đoàn tùy tùng của Trần Kiện, hấn trúng một mũi tên vài lưng chạy thoát. Nhưng mặt tướng tin rằng hấn khó lòng sống được. Mũi tên hấn trúng là mũi tên mai rất thẳng, không có ngạnh nhưng chỉ làm một vết xước để thành ngạnh ở gần mũi. Mà mũi tên có tấm nhựa sui trắng thì chắc chắn không thể qua được một ngày.

Củ sui trắng thì Quốc Tăng biết rồi. Đây là một cây cho nhựa rất độc. Thường người ta lấy nhựa sui ở thân cây làm nhựa độc nhúng tên thuốc. Loại này hổ trúng cũng không sống được ba ngày, trừ phi có rễ tầm gửi hoa báo để làm thuốc giải. Còn củ sui thì độc không có thuốc giải. Người ta còn nói trúng độc củ sui đi ba bước là chân tay tê liệt, nằm đấy một ngày chờ chết.

– Các người có cho người lọt qua bên kia biên giới không?

Phạm Vũ vốn là người thông thuộc thông thổ vùng này. Dân vùng hai bên vẫn đi lại với nhau. Khi chưa có chiến tranh, họ còn lấy vợ gả chồng cho nhau, thành họ thành hàng với nhau. Phạm Vũ nói:

– Tiểu tướng chưa sang nhưng người đôi bên vẫn có đi lại với nhau thường xuyên. Họ còn đi vào sâu trong đất của nhau hàng ngày đường. Tình hình ra sao đã làm tướng trình rất rõ với đức ông Hưng Hiếu.

– Ta sẽ xem các bản tường trình. Nhưng ta hỏi liệu có ai dẫn ta qua bên kia biên giới không?

– Nếu đức ông ra lệnh sẽ có người đảm nhận.

Nhưng tình hình đột nhiên trở nên khó khăn. Ở các xã ven biên giới quân canh phòng được lệnh tra soát tất cả những người không phải là dân ở bản địa. Nhiều đồn tuần phòng vào từng nhà để xem xét. Hình như có một nghiệm lệnh từ trên, cho nên ở các thôn xã, các viên quan chỉ huy các thôn các xã phải đảm bảo rằng không được có một người lạ lưu lại. Họ được thông báo rằng họ hàng đôi bên không được qua lại thăm nhau và ngủ đêm. Ba hôm liền người của Phạm Vũ phải đi đều phải quay trở lại. Những đường quen thuộc sử dụng mọi khi đều tắc nghẽn. Về sau Phạm Vũ phải tìm lên

đồng bào người Dao Đỏ. Đồng bào Dao Đỏ ở trên độ cao lưng chừng núi. Họ đến với nhau bằng những con đường cũng ở lưng chừng núi. Một ông già Dao Đỏ nói với Phạm Vũ:

– Chắc là được thôi, đường chúng tôi đi chẳng bao giờ gặp lính, gặp quan. Nhưng mà phải đi chậm. Mà phải chuẩn bị lương thực ăn đường. Từ đây đi ba ngày đến đường rẽ đi Tĩnh Tây. Cách Tĩnh Tây ba dặm đường có đường xuyên xuống Trì thôn cộng ra bảy ngày. Nhưng bây giờ ông tướng đi không được. Chỉ tôi hoặc người già thì các quan nó mới không ngờ.

Trần Quốc Tảng nài mãi nhưng ông già không chịu. Ông già tỏ ra thông thuộc đường bên kia biên giới. Trần Quốc Tảng đành để ông ta đi thử để mở đường mới. Mười lăm ngày chờ tin từ bên kia biên giới, Trần Quốc Tảng như ngồi trên than hồng,

Phạm Vũ theo lệnh của Trần Quốc Tảng tiến sát xuống sông Kỳ Cùng. Nhiều toán giặc cả lũ bị thương cùng kéo nhau lếch thếch qua biên giới. Quân Nguyên quả là đạo quân thiện chiến. Chúng đã thua cùng mặt mà vẫn cảnh giới canh phòng cho hậu quân rất tốt. Cũng không quan sát được tướng giặc đã vượt biên giới chưa. Trần Quốc Nghiễn nóng nảy ép quân đánh nhiều trận chặn đường. Chúng liều chết cự lại đâm cả hai bên đều có tổn thương. Bảy giờ mới có lệnh của Trung doanh là sáng suốt: đánh giặc cùng đường đừng có dồn chúng vào đất chết. Mùa này là mùa mưa. Mưa rất to. Các suối sông no nước làm cho giặc chạy không được nhanh. Chúng nghe đường chống cự liều lĩnh. Trần Quốc Nghiễn nghe lời Trần Quốc Tảng khuyên, không đánh ép sát các toán tàn quân. Mười ngày liền là mười ngày vác cơm nắm đi gọi hàng binh cho ăn. Cứ như vậy tính ra còn hơn là đánh áp sát.

Ông già người Dao Đỏ mới mười ngày đã quay trở lại: nghiêm lệnh ở Trì thôn là trong năm dặm không được người lạ nào trú ngụ.

– Như vậy tôi là người gần như bản địa mà cũng không vào được Trì thôn. Nhưng nếu lần này không thì từ hướng Tĩnh Tây về mà tôi sẽ vượt vào sâu nữa rồi mới vòng xuống thì có thể vào được Trì thôn.

Như thế sẽ phải mất thêm mười ngày nữa. Trần Quốc Tảng sốt ruột, bụng như có lửa đốt nhưng không làm thế nào được, đành phải nghe lời ông già. Ông cụ người Dao Đỏ nói:

– Tôi có con gái lấy chồng ở Trì Thôn. Tôi sẽ tìm cách gặp được người mà tướng quân muốn tìm. Đây phải là một người anh hùng, tôi có phải bồn phận phải cứu người anh hùng ấy.

Mờ sáng ông già lại ra đi. Nhưng ông không đi đến nơi. Mới khỏi biên giới một ngày đường đã bị bắn chết. Thậm chí ông chưa đi đến ngã ba Tĩnh Tây. Lúc ông già bị bắn chết không một ai biết. Mãi ba ngày sau khi ông ta bị chết, tin mới về đến trong nước. Tất cả mọi tia hy vọng tắt ngấm trong lòng Trần Quốc Tảng.

Chương 10

Đỗ Vĩ nằm dài trên giường ngắm cảnh rừng qua khe cửa sổ. Hôm nay trời mưa to. Cơn mưa giữa mùa hạ như trút nước. Tiếng nước ào ào rơi trên mái lá. Đỗ Vĩ nhắm tính lại xem mình sai sót ở chỗ nào? Điều gì gây cho giấc sự nghi ngờ anh là gián điệp?

Điểm lại từ Lư Châu, khi cuộc sống của anh gắn chặt với An Nha, viên tư lệnh căn cứ hậu cần Lư Châu cho đạo quân chinh thảo của Thoát Hoan. Bắt đầu từ canh bạc ở sông Lư Châu. Không thể có gì để lộ ra thân thế của Đỗ Vĩ mà chỉ có gây ấn tượng rất mạnh vào trong lòng của An Nha. Hai tiếng bạc bằng số thẻ đổi được của hai viên ngọc đỏ, Đỗ Vĩ đã làm cho An Nha phục sát đất. Sau đấy là tiệc rượu bên bờ sông Đại Giang. Hai người đã trở thành thân thiết. Từ đó những canh bạc, những bàn tiệc diễn ra đều đều giữa hai người, mặc dù mỗi canh bạc chỉ có hai tiếng, không bao giờ quá hai tiếng. Và những bàn tiệc diễn ra luôn luôn có đổi món. Đổi múa, đổi gió, trắng lên, hoa nở là chén rượu ném xuống sông mở đầu một bàn tiệc mới. Chẳng bao giờ có một sự gì trái ý đối với An Nha. Đỗ Vĩ chiều hết.

Sau đó là những buổi nghe hát thâu đêm trong các kĩ viện từ Lưu Châu đến An Châu. Viện Hồng Ngọc nổi tiếng là một viện chỉ khách hào hoa quý tộc mới dám đặt chân tới mà mỗi khi cặp An Nha, Đỗ Vĩ đến thăm là các mỹ nữ trong viện nháo nhác. Bắt đầu từ một tối, cô Phụng chúa Ly Ly đánh đàn tì bà. Phụng chúa vốn là người nổi tiếng tài hoa cả một triều song Đại Giang. Ngay cả nàng kĩ nữ đất Dương Châu Tuyết Hồng cũng phải phục. Ngón đàn của Ly Ly mỗi khi cất lên là làm cho tất cả người nghe nao lòng. Chẳng có thể mà Ly Ly được coi là Phụng Chúa, được tất cả chim phụng của toàn vùng đồng thanh suy tôn.

Hôm ấy, Đỗ Vĩ sau khi nghe Ly Ly đàn bản Tứ Thời thì vốc một nắm hồng ngọc tặng người đẹp. Sự kiện này làm cả kĩ viện có không khí trầm trọng nghẹt thở. Sau đó Đỗ Vĩ nói:

– Tứ thời là bốn mùa, đây là bản nhạc dành cho các tiểu thư. Còn chúng tôi và tướng quân đây phải thích một bản nhạc khác.

Sau đó Đỗ Vĩ mượn cây đàn tì bà của Ly Ly. Anh so dây và đàn bản Tây Giang Nguyệt. Tiếng đàn hào hoa của anh ca ngợi cảnh đêm trăng trên sông Tây Giang làm cả khách sảnh của kĩ viện từng bừng, ai nấy đều thấy lòng phơi phới. Anh biết hôm ấy An Nha thích lắm. Được liệt vào khách hào hoa cùng với Đỗ Vĩ chẳng phải chuyện thường.

Từ đây Đỗ Vĩ và An Nha là khách đặc biệt của viện Hồng Ngọc. Chẳng những chỉ là của viện Hồng Ngọc mà còn tất cả các viện ca kĩ hai bên triền sông Đại Giang. Hai người đến kĩ viện nào cũng được các cô kĩ nữ hết sức chiều chuộng. Các kĩ nữ còn ghen ghét nhau, tranh nhau được chiều khách.

Đầu mùa hạ, mưa rào đầu mùa không đi chơi xa được hoặc đi chơi gặp mưa lưu lại, Đỗ Vĩ bày ra đánh cờ tướng. Cờ tướng là một môn chơi tài hoa trí tuệ nên không dung những đầu óc ngu dốt. Đỗ Vĩ biết An Nha cũng là một tay chơi cờ giỏi và An Nha đánh giá rất cao kĩ lược của mỗi người. An Nha có lối xuất quân từ lối đánh pháo đầu cổ điển nhưng biến hóa rất nhiều. Đỗ Vĩ đã dùng lối đánh bình phong mã làm cho đối phương không biết anh tiến quân bên phải hay bên trái. Đỗ Vĩ đã làm cho An Nha phải bái phục nhưng những ván cờ thường diễn ra chỉ chênh một chút, có thể một phần tốt nhưng giữa bàn hoặc cuối bàn, Đỗ Vĩ cố ý để sảy một chút thất thố, đủ làm mất sự chênh giữa đôi bên, dẫn đến ván cờ hóa, vui vẻ cho cả đôi bên. Anh nhớ đã có lần nói với An Nha ở bên nước Đại Việt anh biết có một cô gái trẻ rất tài hoa đánh cờ rất cao, có nước pháo song tiên đánh mạnh còn hơn xe. An Nha đã hỏi anh:

– Đây có phải là cô gái mà anh hứa hẹn không?

– Không, tại hạ làm sao với được cô ta.

Khi trả lời câu nói đó, anh nhớ đến công chúa An Tư, nhớ đến lời khen của Trần Quốc Tảng về cô gái có sắc đẹp thiên hương quốc sắc, nhớ đến cô gái tài hoa, cây đàn độc huyền, tài thơ lừng tiếng kinh thành.

Một buổi đi chơi bằng ngựa vào sâu trong đất liền, Đỗ Vĩ và An Nha gặp một khung cảnh hoang sơ. Đây là một vùng bán sơn địa, dân cư cực kỳ thưa thớt, chỉ loáng thoáng một vài chòm nhà ở tít mãi chân núi phía xa. An đã rủ An Nha vào sâu nữa, một ý nghĩ đã nảy ra trong đầu anh: đập cho hắn một gậy chết tốt rồi thoát về nước. Nhưng sau rồi anh không làm như vậy. Thực ra có ai nghĩ anh đâu, mà tên này gan ruột của hắn có gì bày ra hết trước mặt anh rồi. Anh ở đây có lợi hơn, bảo vệ cho tên này sông càng có lợi hơn nữa. Và từ hôm ấy mở đầu những cuộc săn kì thú ở vùng bán sơn địa này. Nếu đánh bạc thì hai người tương đương; uống rượu cũng tương đương, nghe đàn hát cũng tương đương, đúng là hai người ngang vai phải lứa nhưng đến săn bắn thì khác. Đỗ Vĩ là thầy của An Nha trong săn bắn. Trước tiên là cây cung không phải ai giương lên cũng nổi; phải từ cung nhẹ bắn gần, lên cung nặng bắn xa. Rồi từ bắn gần trúng đích đến bắn xa trúng đích. Rồi từ bắn trúng đích tĩnh lại đến bắn trúng đích di động. Đỗ Vĩ dẫn dắt An Nha từ biết bắn đến đam mê, từ săn chim đến săn thú, từ bắn phục đến việc dẫn cả một đạo quân mang lưới mang cồng xua muông thú cả một cánh rừng chạy ra ruộng lầy cho hai người đón bắn.

Từ những cuộc săn bắn này địa vị của hai người dần dần có thay đổi, từ đôi bạn, An Nha dần dần coi Đỗ Vĩ là bậc thầy của mình.

Đạo này chính là lúc tâm trạng Đỗ Vĩ rất mông lung. Anh rất nhớ những hòn đảo xanh rờn ngoài biển Đông. Từ cửa Lục nhìn ra vịnh Hạ Long, những hòn đảo đẹp như vẽ. Anh nhớ đến những cảnh đẹp ven sông Đà từ thác Bờ đến ngã ba sông, cảnh sông hùng vĩ hùng dữ đẹp một vẻ man dại. Anh nhớ đến những đồi thấp Phong Châu có đền Hùng và những chuyện kể lại về Sơn Tinh, Thủy Tinh thật hùng tráng và tình tứ. Anh nhớ đến Thăng Long với Hồ Tây rợp bóng chim sầm cầm mỗi độ đông về. Chính vì tâm trạng mông ung chẳng biết làm gì cho khuây khỏa, anh liền vẽ tranh.

Loạt tranh đầu tiên anh vẽ tranh sơn thủy. Anh chỉ dựa trên kí ức vẽ cảnh Tây Bắc, cảnh sông Đà, cảnh sông Mã, cảnh vùng đảo Hạ Long. Những tranh phong cảnh anh vẽ, An Nha là người khen trước tiên, kính phục hoàn toàn ngọn bút tài hoa của. Những bậc tài danh trong vùng được biết An Nha kính trọng ngòi bút Đỗ Vĩ, đã tìm đến

anh, xin được xem anh vẽ tranh, được xin những chỉ giáo về việc vẽ tranh, bình phẩm. Đỗ Vĩ rất khéo léo, không tỏ ra mình là người giỏi hơn mà anh chỉ nói ý kiến của mình về việc vẽ tranh, về đánh giá một tranh đẹp. Nhưng vô hình trung anh trở thành bậc thầy của tất cả những người tài danh ấy. Khi mối quan hệ đã thân mật, Đỗ Vĩ vẽ tặng cho mỗi người một bức. Nếu là một ông già có tuổi, Đỗ Vĩ tặng tranh tùng lộc, thường là một con hay một đàn hươu dưới gốc thông gốc tùng. Nếu là một nàng kĩ nữ tài hoa xin tranh, loại này không phải là ít, họ xin tranh và yêu cầu Đỗ Vĩ kí tên vào đáy và nũng nịu đòi Đỗ Vĩ đề tặng cho mình; Đỗ Vĩ chiều tất cả và với các cô này anh tặng tranh hoa điều vẽ một con chim sơn ca đang hót trong bụi đỗ quyên hoặc một con chim bách thanh đậu trên bụi trúc. Anh rất nhớ bức tranh anh tặng cho An Nha. Anh biết đây là một tên ơ hải thần nhà Tống, một tên Hán gian, một tên thất tiết. Đã là phản thần, là Hán gian, là thất tiết thì lại rất thích cái gì thẳng thắn, là trung thực. Anh tặng y bức tranh một cây cô tùng cheo leo bên vách núi. Dáng cây cô tùng thật hiên ngang hùng vĩ, vách núi thật hiểm trở cheo leo. An Nha thích bức tranh vô cùng, hẳn yêu cầu Đỗ Vĩ kí tên và đề tặng cho y. Bức tranh ấy hẳn treo tại trung doanh đại sảnh Lư Châu.

Vào lúc cuối xuân đầu hạ, chiến tranh có những biến chuyển mới, trước hết là căn cứ lương thảo chiến cụ Lư Châu có nghiêm lệnh chuẩn bị cung cấp cho mặt trận gấp nhiều lần tháng trước. Thế là chiến tranh diễn ra căng thẳng hơn. Một sự không có lợi chắc chắn đã xảy ra với đội quân Nguyên xâm lược. Sau đó có nhiều tù binh, hàng binh Đại Việt và gia đình của họ chạy sang đất Nguyên. Họ được lệnh đến kho lương Lư Châu để nhận lương thảo cho cả đội người. Họ đến đem theo cả những tin tức về chiến tranh ở bên Đại Việt.

Những trận quân Việt đánh thắng đầu tiên đã diễn ra ở đồng bằng sông Nhị và cả ở ven biển. Ở mặt Hoan Diễn chiến sự cũng chẳng hơn gì. Đạo quân Nguyên từ Chiêm Thành tiến ra trầy trật, khó khăn, tử sĩ nhiều, thương binh cũng lắm. Một số đạo hàng binh của quân Việt lại bỏ chạy quay trở về với quân Việt. Một số vương hầu tướng lĩnh Trần đã xin nội phụ chẳng còn được quân Nguyên

coi trọng. Chúng sợ họ lại quay trở về với hàng ngũ của quân Đại Việt. Nguyên soái Thoát Hoan sau khi nghe lời khuyên của A Lý Hải Nha đã ra lệnh đưa một số gia đình vương hầu tướng tá Việt đầu hàng về đất Nguyên để cắt đường hồi hương của bọn này. Nhưng kèm vào đấy là một số tin không hay. Chẳng hạn vua Trần cho nội thị dâng công chúa An Tư cho Thoát Hoan làm vợ.

Đỗ Vĩ nghe những tin này rồi bình thần tính toán. Anh biết tin tức đưa đi, loan đi là do nó thích hợp với tâm trạng của người đưa tin. Do đó phải lọc và xác minh lại. Có hai tin đáng chú ý: các vương hầu xin hàng trong đó có Trần Kiện, thứ hai là tin công chúa An Tư được dâng cho Thoát Hoan.

Trần Kiện là một nhân vật đặc biệt: y vừa là người của ngành trưởng, vừa là ngành thứ của họ Trần. Y có thể là nhân vật được Mông Cổ chọn để quy tụ cả vương hầu của cả ngành trưởng lẫn ngành thứ.

Công chúa An Tư là em gái út của Trần Thánh Tông. Vị thế của nàng trong họ Trần rất cao. Đưa An Tư dâng cho Thoát Hoan là một việc không còn riêng của chi ngành nào. Vậy khi đưa dâng An Tư phải là một lúc tình thế cực kỳ quần bách của vương triều Trần.

Trong khi những suy nghĩ mông lung đến với Đỗ Vĩ thì anh nảy ra ý nghĩ che giấu sự suy nghĩ của mình bằng vẽ tranh.

Và thế là loạt tranh vẽ mỹ nữ của anh kế tiếp nhau. Trước hết à những cô ca kĩ của các viện quanh Lư Châu và hai bên bờ Đại Giang. Và khi anh vẽ thì tất cả kính trọng công việc sáng tạo của anh, không ai dám làm ồn. Và anh vừa mài miết vẽ vừa mài miết suy nghĩ về những vấn đề đang bận tâm.

Và que chuyện thứ ba của anh được gửi về nước: Trần Kiện đã bị dân binh miền núi phía Bắc bắn chết.

Như thế này ở bên nhà có thể đoán ra tên giặc đầu sỏ có khả năng làm chiêu bài tụ họp đám vương hầu đầu hàng đã bị trừng trị, xóa sổ.

Nhưng những tranh anh vẽ trong giai đoạn này được đón mừng nhiệt liệt, khen ngợi nhiệt liệt, kể từ tranh thiếu nữ vận cung trang đến những cô gái Mường, giá Thái, những cô gái mặc áo tứ thân

vùng đồng bằng sông Nhị; từ những cô gái người Việt đến những cô gái người Ui Gua, những cô gái Hán, những cô gái Kim. Cô nào cô nấy mặc áo của dân tộc mình, tươi cười phô diễn tâm hồn phong phú thông minh của dân tộc mình. Cho nên tranh của Đỗ Vĩ càng nổi tiếng. Mặc dù anh không bán, có nhiều bức tranh anh tặng cho những người thân quen nhưng bây giờ người ta cứ vác vàng đến biểu anh mong được đổi lấy một bức tranh có thể là tranh treo ở đại sảnh, tranh treo phòng khách, tranh treo nhà sách... Ngôi nhà của anh ở Lư Châu treo nhiều tranh, trong đó có một bức mua anh không bán mà cũng không tặng cho ai. Đó là một bức tranh mỹ nữ người Việt, quần áo quý tộc Việt, tuổi chừng đôi tám. Người trong tranh thật đẹp, thật duyên dáng, lịch sự, thông minh nhưng anh nói với người thân quen là người thật còn duyên dáng lịch sự hơn trong tranh. Tranh vẽ mực màu trên lụa Hàng Châu theo kiểu nhất thi nhất họa, đề hai câu thơ:

Thái cô dĩ lai vô thốn thảo

Tá vấn xuân tông hà xứ quy.

Hai câu thơ không đề là thơ của ai, nhưng tranh thì Đỗ Vĩ kí tên.

Ngôi nhà Đỗ Vĩ là nơi qua lại của nhiều người Việt đến lĩnh lương thảo ở Lư Châu. Tha hương ngộ cố nhân (ở nơi đất khách gặp người quen) thật là một chuyện rất thú vị với Đỗ Vĩ vì anh biết thêm nhiều tin tức, được nghe tiếng Việt, được nói tiếng Việt. Đỗ Vĩ và An Nha nhiều lần cũng tiếp khách bên Việt sang. Đỗ Vĩ còn mở tiệc mời An Nha và những vị khách người Việt đến dự. An Nha còn giới thiệu với họ rằng: Đỗ Vĩ là một người đã từng kết nghĩa với một hoàng thân Hãn Lều Vàng và đã được hoàng thân này tặng một que trúc Thiên Sơn có khắc biểu hiệu hoàng thân Hãn Lều Vàng.

Thế rồi đột nhiên An Nha bị gọi về triều. Khi đi rất cấp bách không kịp sửa soạn. Còn Đỗ Vĩ có lệnh phải trình diện ở hậu doanh của đạo quân chinh thảo và sau đó Đỗ Vĩ phải trình que trúc Thiên Sơn. Và ở hậu doanh người ta vẫn đối xử với Đỗ Vĩ rất trịnh trọng như đối xử với một hoàng thân Mông Cổ.

Mặc dù được đối xử tử tế nhưng Đỗ Vĩ thành tù giam lỏng của Bạt đô A Rích.

Mọi sự đi lại của Đỗ Vĩ ở chung quanh nơi ở được tự do thoải mái. A Rích chỉ nói cho Đỗ Vĩ rõ anh không được đi đâu khỏi nơi ở năm mươi dặm. Mọi việc buôn bán của Đỗ Vĩ, A Rích không can thiệp vào, thậm chí còn giúp được gì thì giúp. Trong nhà của Đỗ Vĩ vẫn trang hoàng bình thường, không thay đổi. Những tranh anh vẽ vẫn treo đầy trên tường, những bậc tài danh hâm mộ tài anh vẫn thường đem lễ vật đến thăm, mua tranh hoặc đổi bằng giá cao. Cho đến một hôm có những người mới từ đất Việt đến. Họ là những người nhà của những vương hầu nội phủ Mông Cổ. Đây là theo cách nói của Mông Cổ, còn theo tâm tư của Đỗ Vĩ họ đều là những phản thần, những bày tôi cũ của nước Việt bỏ theo giặc vì sợ chết, vì danh, vì lợi. Đỗ Vĩ bảo thềm trong dạ: “Bọn bay rồi sẽ vì hổ thẹn mà chết thôi.” Tuy vậy anh cũng vẫn tiếp họ như những lần trước khi An Nha chưa bị đổi đi. Thậm chí anh còn mở tiệc mời họ.

Trong một bữa tiệc anh tiếp mấy tả hữu của Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc.

Trần Ích Tắc là một nhân vật mà Đỗ Vĩ biết tiếng và kính trọng khi còn ở trong nước, một vị vương học rộng tài cao, văn võ song toàn, tạp nghệ cực giỏi, cò cao vẽ đẹp, đàn hay, luyện ngựa nức tiếng kinh thành. Hồi ở Thăng Long đã có lần Đỗ Vĩ được xem một trận đánh phết mà Trần Ích Tắc là tướng chỉ huy một đội. Đỗ Vĩ rất phục cách cưỡi ngựa, cách đánh phết hào hoa của Ích Tắc. Đỗ Vĩ còn biết Ích Tắc có mở một trường riêng dạy học. Nhà vị vương này là nơi lui tới của những bậc danh sĩ Thăng Long. Cho nên mấy người tả hữu hầu cận của Trần Ích Tắc đến nơi chắc phải giỏi lắm. Hai người hầu cận của Trần Ích Tắc hôm ấy là một người là vẽ sĩ, một người là thư nhi. Tướng võ là Lê Huy, người này ở trong nước, Đỗ Vĩ được biết qua một người bạn hát xẩm quen thuộc, anh nhớ lúc bấy giờ người bạn hát xẩm khen Lê Huy là người thẳng thắn, có lòng. Thư nhi là Phùng Thất, anh này vốn là bạn của Trương Hán Siêu trong phủ của Hưng Đạo Vương. Đây là một nhân vật tài năng, đọc rộng, thông minh và tự kiêu ngạo rất cao.

Bữa tiệc có cả ca kĩ đến hát giúp vui. A Rích không dự, viên bát đo này không có thói quen dự những bữa tiệc với Đỗ Vĩ như An Nha. Bữa tiệc diễn ra sôi nổi. Những người Việt xa xứ gặp nhau, họ

có những kỉ niệm chung về sông Nhị, về hồ Tây, về đất Ái Châu, Hoan châu và về kinh đô Thăng Long. Tất nhiên không thể tránh được việc làm thơ trên chiếu rượu. Mặc dù trong bụng không thích nhưng Đỗ Vĩ bề ngoài vẫn tham gia nhiệt tình. Ngoài làm thơ xướng họa với nhau, Đỗ Vĩ còn hạ cây đàn bầu treo trên tường xuống và anh vừa gảy đàn bầu vừa hát một bài hát xẩm quen thuộc vùng ven biển. Lê Huy nói: “Tiệc vui tôi xin góp vui. Tôi là tướng võ không làm thơ được, tôi xin đi một bài quyền để góp phần mình vào.” Và Lê Huy đi bài quyền ba mươi hai thế của dòng võ họ Trần. Đỗ Vĩ đã từng được xem bài võ này do Trần Quốc Tảng múa cho anh coi. Bài võ có ba mươi sáu thế, vậy Lê Huy còn thiếu bốn thế. Đỗ Vĩ đứng dậy nói: “Võ phải múa có đôi, bây giờ tôi xin góp vui. Không múa quyền mà hai chúng tôi múa bài kiếm Vạn Kiếp. Không dùng kiếm mà dùng hai lá quạt để thay.” Đỗ Vĩ lấy ra một đôi quạt Hới anh đem từ nhà sang trước đây, là những chiếc quạt thóc các cụ già vùng sông Luộc thường dùng, nắng thì xòe ra chụm đầu, nóng thì phe phẩy quạt cho mát, khi cần thiếp trở ngược cán để đánh chỏ. Đỗ Vĩ và Lê Huy múa bài kiếm Vạn Kiếp bằng đôi quạt như thế. Lê Huy cũng là một tay giỏi kiếm, hai người xoắn lấy nhau, hai cây quạt bay lượn tung hoành, rõ ràng là những đường kiếm tinh thâm tuyệt vời. Lê Huy nói: “Túc hạ thức là một tay kiếm giỏi.” Mấy người cần chén đi trong đại sảnh vừa uống vừa xem tranh. Họ bình luận những tranh của Đỗ Vĩ và cả những tranh của các bậc tài danh từ Yên Kinh trở xuống đã đem đến đổi cho Đỗ Vĩ. Đến một bức châm, Phùng Thất trăm ngâm đọc. Văn nhân này lẩm bẩm nói một mình:

Phong đá tông quân nguyệt triều đình

Tâm kì phong cảnh thê thanh

Cá trung tư vị vô nhân thức

Phò giữ sơn tăng thưởng đáo minh

(Thơ Lục Du)

– Đây chả phải là một bài châm. Mà đây là một bài thơ. Một bài thơ nhuộm thi vị của đạo Thiền.

Đỗ Vĩ cười nói:

– Đúng thế, tôi đã tạm dịch:

Cửa thông gió đập mạnh trắng lòng

Một vẻ trong êm cảnh hện lòng

Thú vị ở đây ai kẻ biết

Thâu đêm vui thưởng mặc sư ông.

– Lê Huy tôi kính phục bài thơ này. Tôi không phải là người tu thiền nhưng tôi biết những cảnh chùa đẹp như thế này. Ngày còn ở trong nước, tôi đã theo đức Chiêu Quốc đi vãn cảnh núi Yên Tử. Chùa nơi đây nằm trên cao lưng chừng núi. Các sư ông đêm ngủ, cửa sổ mở, ánh trăng thanh, sư ông nằm chung với khói mây. Đây chính là cảnh mấy câu thơ kia.

Đỗ Vĩ cười:

– Đúng vậy, có đi tu cũng là để đạt sự thanh tĩnh của tâm hồn. Cứ gì phải có cà sa, có chuông, có mõ mới là thiền. Ngủ ở gốc tùng Yên Tử không tu cũng đạt thiền.

Mấy người đi xem những tranh gần đây Đỗ Vĩ vẽ. Anh vẽ cảnh thôn quê xơ xác tiêu điều ở mé nam sông Đại Giang. Lê Huy cười nói: “Cảnh trong tranh như thơ Đỗ Phủ.” Y liếc nhìn Đỗ Vĩ và bắt gặp ánh mắt của Đỗ Vĩ nhìn lại.

– Chiến tranh là thế. Bên đánh, bên bị đánh, dân đều khổ cả. Đây là chưa nói đến những gia đình cha anh ra trận, da ngựa bọc thây, một đi không trở lại. Chiến tranh là thế.

Đến loạt tranh mỹ nữ, loạt này thông thường Đỗ Vĩ vẽ các cô kĩ nữ và tặng các kĩ nữ, chỉ còn mười bức mà anh thích anh giữ lại, có cả tranh vẽ thiếu nữ Mông Cổ, thiếu nữ Ui Gua, thiếu nữ Mèo, thiếu nữ Mán bên nước Đại Việt, cả những cô thôn nữ đồng bằng sông Nhị áo mớ ba mớ bảy như sắp đi hội chèo và ở một chỗ trang trọng là bức tranh nhất thi nhất họa vẽ một mỹ nữ người Việt mặc cung trang và có hai câu thơ đề bên cạnh. Lê Huy lẩm nhẩm đọc:

Thái cổ dĩ lai vô thôn thảo

Tá vãn xuân tông hà xứ quy (1).

– Thơ sao thê thảm vậy. Ai làm hai câu thơ này? – Lê Huy vừa hỏi vừa ngược nhìn Đỗ Vĩ. Anh không đáp lại ngay chăm chú sửa lại bức tranh cho ngay ngắn rồi chậm rãi đáp:

– Đây là một vần thơ của nhà thơ Nam Tống đã qua đời lâu rồi.

Chú thích:

(1) *Bài Minh Phi khúc thơ Lục Du.*

Dịch nghĩa:

Cô lai không hề này được ngọn cỏ

Thì hỏi xuân còn từ đâu về.

Chương 11

Đoàn thuyền đưa Trần Nhật Duật và vợ từ cửa Hàm Tử về Thăng Long. Sau khi tham gia vào các trận đánh quét sạch quân của Toa Đô. Trần Nhật Duật phải chỉ huy việc tuần tiễu ở mé hạ lưu sông Nhị, bắt tàn binh. Thực tế không phải là bắt mà che chở cho chúng khỏi bị dân chúng và dân binh giết. Việc làm này cũng chẳng phải dễ dàng gì vì bọn chúng là những kẻ mới đây còn gây bao tội ác với nhân dân ta hai bên bờ sông Nhị. Cho nên khi bắt được chúng, chẳng những chúng bị ăn đòn nặng mà không chừng mất mạng như chơi. Những hành vi đánh đập, thậm chí còn hơn nữa đối với tù binh không bị dân các làng phản đối, có khi còn tán thành hùa vào. Cho nên can được dân làng không xuống tay với tù binh là một việc cực kỳ khó, phải nài nỉ, phải xin nhủ lòng thương, thậm chí Trần Nhật Duật phải nhũu uy vũ của mình để che chở cho một tên tù binh nào đấy mà dân làng biết rất rõ tội ác của y. Vợ chồng Trần Nhật Duật ngược sông Nhị đổ bộ lên một bến nhỏ mé nam Thăng Long. Vợ chồng ông và đoàn tùy tùng lên ngựa, cò quạt mở đường, đường về kinh là đường chiến thắng.

Con Bão Đêm nay đã thành một con ngựa chiến đẹp tuyệt vời. Cô Mơ cưới một con ngựa trắng muốt duyên dáng như chủ của nó. Con Bão Đêm thì nhún nhảy theo tiếng trống dẫn lộ. Nó là một con ngựa chiến nhưng thanh mảnh, bốn vó viền lông trắng làm cho bộ mã lông đen của nó càng thêm sắc sảo. Nó là một con ngựa chiến nhưng đẹp quý tộc như một cô công chúa trẻ trung hào hoa ra trận.

Đoàn tùy tùng đưa Trần Nhật Duật qua cửa ô Kẻ Mơ. Đường này về Thăng Long sẽ qua phủ Chiêu Văn. Cả phủ Chiêu Quốc cũng ở ngay bên cạnh.

Phủ Chiêu Văn đã bị đổ trụi cả đại sảnh lẫn liên đình, chẳng còn gì. Bao nhiêu tranh đẹp, bao nhiêu đồ gỗ quý giá đều bị quân giặc lấy đi hết. Chỉ còn lại ngoài vườn những cây hoa quý mà Trần Nhật Duật đã sưu tầm hàng chục năm nay sum suê ngát hương. Vợ

chồng Trần Nhật Duật nhìn hồ hoa sen hoa rất nhiều. Kể cả sen trắng lẫn sen hồng. Riêng ngôi đình xây giữa gò giữa hồ bị đốt trụi. Chỉ còn ại cây cầu nhỏ bằng gỗ từ bờ bắc qua gò là còn. Vợ chồng Trần Nhật Duật qua cầu sang gò. Ông nói với vợ: “Ta chẳng tiếc gì, chỉ tiếc bức tranh Lưu Linh say ngủ.”

Mơ đã được xem bức tranh này. Đây là một bức trnah tài hoa vẽ một ông tiên say rượu, thơ hay nổi tiếng, nhất là khi thờ làm trong chiếu rượu la đà.

Bức tranh vẽ ông ta đang gối đầu lên gáo rượu ngủ say. Trong cơn say chắc đã làm mấy vần thơ trác tuyệt cho nên ông ta cười khi ngủ.

Vương phủ Chiêu Quốc thì còn nguyên vì một thời gian dài trong chiến tranh Chiêu Quốc vương Ích Tắc ở lại ngay phủ của mình. Quân Nguyên được nghiêm lệnh không được đụng đến nhà riêng của Chiêu Quốc vương Ích Tắc. Tùy tùng mời vợ chồng Trần Nhật Duật sang ở tạm bên phủ Chiêu Quốc nhưng ông không chịu. Ông nói:

– Vợ chồng ta sẽ ở tạm một nơi nào đó trong Thăng Long. Còn phủ riêng của ta sẽ làm lại tại nơi này.

Ông không nói đến cái ý nằm sâu trong tâm thức của ông: liên đình này, hồ sen này là nơi lưu giữ hồn ông. Thăng Long nhiều cảnh đẹp nhưng hồ sen này mới là nơi nghỉ chân của lòng ông.

Ông hạ lệnh cho đoàn tùy tùng vào Thăng Long. Giảng Võ đường đã bị giặc đốt trụi. Rải rác trên bãi trống rộng lớn, những cây giáo cán cháy một nửa, những lưỡi đao mẻ, những cây cung mất dây. Giấy tờ, sách, vở vất ngổn ngang. Ông cúi nhặt một cuốn. Đây là bộ võ kinh Tôn Tử, có thể đây là sách học của các tướng. Bên ngoài bãi trống là một cái chợ họp tạm của dân chúng phía nam Thăng Long. Người các làng chung quanh mang cỏ gà vịt ra bán cho dân thị thành. Mấy hôm nay, dân Thăng Long đi di tản ra các làng chung quanh tránh giặc đã trở về nhiều. Người mua kẻ bán ở trong chợ hồn nhiên, vui vẻ, họ không mặc cả, không nói thách. Giá bao nhiêu nói bấy nhiêu, nói bao nhiêu, mua bấy nhiêu. Hình như chỉ mấy tháng chiến tranh, chạy giặc, tránh giặc, đánh giặc làm cho người ta

thuần tính lại, đối với nhau còn hơn anh em ruột. Vợ chồng Trần Nhật Duật bỏ ngựa đi vào chợ. Dân chúng nhận ra ông hồ hồ chào hỏi. Vợ chồng ông hồ hồ đáp lễ. Ở giữa chợ dưới một gốc đa có một đám đông đang xúm quanh. Có tiếng đàn bầu và một giọng hát cất lên:

Mưa thì rào mưa thì rào...

Ruộng đồng sau cơn mưa hạn hán đến cơn mưa thì rào...

Nhà nông được mưa trời cho quý giá...

Chứ mưa thì rào, mưa thì rào...

Trần Nhật Duật ngấm nhìn cha con ông xẩm ngờ ngợ. Ông xẩm có vẻ mặt quen quen, nhưng nhìn cô gái chừng mười ba tuổi con của ông xẩm thì ông sực nhớ ra ngay ông đã gặp cha con của ông xẩm này trong một lần tuần thú ngoài vùng đảo vịnh Hạ Long. Lần ấy Đỗ Vĩ đã dẫn ông sang đảo Cái đảo Cột nghe hát xẩm và được chính ông già này hát cho nghe. Ông lại gần hỏi ông lão:

– Lão trượng về Thăng Long từ bao giờ?

Ông già tươi nét mặt cười hề hề:

– Tôi mới từ phía Bắc về đây hôm qua. Tôi từ bên kia biên giới về. Chả là vì chiến tranh là chuyện ngoại cuộc đối với những người hát xẩm rong. Tôi về đây là muốn tìm đức ông Quốc Tảng.

– Vì sao vậy? Tôi có thể thay đức ông Hưng Nhượng được không?

– Được, nhưng ở đây không tiện. Hẹn đức ông đến tối tôi sẽ gặp đức ông ở đền Đồng Cô. Chuyện quan trọng có liên quan tới một người bạn của đức ông và đức ông Hưng Nhượng.

Rồi người hát xẩm ở ngôi chợ tạm, vợ chồng Trần Nhật Duật đi về phía cửa đông thành Thăng Long. Có một đoàn người ngựa đi dọc sông Nhị từ mé nam Thăng Long tiến về. Viên tướng đi đầu nhỏ thó, lá cờ lệnh của Hành trung doanh báo hiệu hỏa tốc phe phẩy. Trần Nhật Duật nhận ra đây là Hoàng Đỗ, tướng tùy tùng ở Hành trung doanh. Vì đang bận lệnh hỏa tốc Hoàng Đỗ chỉ kịp giơ hai tay lên vái vợ chồng Trần Nhật Duật miệng hô lớn:

– Lát nữa khi xong việc quân, mặt tướng xin đến hầu tướng quân.

Trần Nhật Duật cũng hô lớn:

– Hẹn lát nữa. Ta cũng trên đường vào cung đây.

Đoàn tùy tùng của Trần Nhật Duật dạt sang bên đường nhường đường tiến cho đội quân của Hoàng Đế.

Ở cửa đông thành, viên tướng giữ cửa nhận ra Trần Nhật Duật, cung kính vái chào chúc phúc:

– Kính chào đức ông, tôi xin thông báo ngay để đức ông tiến triều.

Vợ chồng Trần Nhật Duật đi vào cung. Phần lớn các cung điện đều bị đốt cháy rụi hoặc cháy một nửa, khắp nơi là cảnh hoang tàn. Đối với cô Mơ đây là lần đầu tiên được thấy hoang cung nên cảm xúc không dữ dội còn với Trần Nhật Duật thì khác. Sinh trưởng ở đây, được phong vương ở đây, được biết hoàng cung Thăng Long thời huy hoàng, Trần Nhật Duật không thể tưởng tượng nổi điện Càn Nguyên nay chỉ là một bãi trống dù đã dọn sạch hết những gì cháy dở dang nhưng nền gạch lát tro ra vết lửa, trông thật hoang tàn. Trần Nhật Duật bồi hồi đi giữa cảnh hoang tàn ấy, lòng dỗi lên niềm căm thù. Trần Thánh Tông đang ngồi trong gian thảo điện của cung cũ Thánh Tử. Chính cung này cũng bị đốt cháy rụi, lính Thần Sách đã dựng tạm ngôi thảo điện vách nửa mái tranh này để thượng hoàng làm việc tạm. Nhưng không khí anh em gặp nhau thật hồ hởi vui mừng. Bao nhiêu kỷ niệm hào hùng lẫn cay đắng hai anh em trải qua làm cho họ thân thiết biết bao nhiêu. Thượng hoàng bảo:

– Em Sáu ngày mai em đi với ta làm lễ tế thành hoàng quốc đô. Em Ba là chủ tế, em là người Tây xướng.

Vợ chồng Mơ quỳ xuống làm lễ:

– Vợ chồng em tạ ơn thượng hoàng đã tứ hôn cho. Nay em đưa vợ em ra mắt và xin phép cho nhà em dâng lễ gia tiên.

Thánh Tông cười cho phép vợ chồng Trần Nhật Duật đứng dậy. Ông nắm cô em dâu và hài lòng:

– Ta đã hỏi ông học sĩ Đinh Cử Viên về việc của em. Ta đã chọn mũ tự để phong tước cho em. Cũng sáng mai vợ chồng em sẽ làm lễ tiến triều. Tờ chiếu lập phi và ban tước sẽ mang mũ tự à Trinh Túc.

Khi nghe thấy tước ban Trinh Túc, vợ chồng Trần Nhật Duật lại quỳ xuống tạ ơn:

– Tạ ơn thượng hoàng đã ban thưởng. Đây là mệnh ban phong đặc biệt xưa nay chưa từng có. Vợ chồng em xin đội ơn anh cả.

Trần Thánh Tông cười khà khà:

– Ta từng nghĩ đến việc này từ lâu rồi. Em dâu ta trong thời kỳ chinh chiến vừa qua đã chứng tỏ mình xứng đáng với hiệu ban phong ấy. Kìa nhìn xem, em dâu ta xinh đẹp đường bệ làm sao, xứng đáng là vương phi của một thân vương triều ta, một triều chiến thắng lừng lẫy. Em Sáu yên tâm, vương phi của em xứng đáng với danh hiệu Trinh Túc.

Sau đó Trần Thánh Tông sai ban đôn cho vợ chồng Trần Nhật Duật ngồi, sai tả hữu mang bánh trái và trà thơm cho họ ăn cùng mình. Từ đây chẳng còn không khí cung đình, mà là không khí gia đình đầm ấm. Trần Thánh Tông bảo em:

– Vừa qua Quốc công Tiết chế cho tướng hỏa tốc mang về một tráp về cho ta.

Trần Nhật Duật hỏi:

– Mới tới đây em thấy tùy tướng Hoàng Đỗ cầm cờ hỏa tốc mang vào cung. Chắc là chuyện đó.

– Đúng thế, ta mới đọc thử một hai lá. Đây là một tráp toàn thư giao dịch giữa hành doanh của quân dịch với vương hầu Đại Việt. Ta đọc một hai lá, toàn thư xin hàng. Lòng ta rung động. Có thể những người đưa thư xin hàng này nay còn nghẽn lại ở trong nước. Chứng cứ đầu hàng này là chứng cứ phản bội. Nếu trừng trị thì biết bao nhiêu người, biết bao nhiêu gia đình phải thụ hình, ta còn đắn đo chưa biết ra sao. Ý em thế nào?

– Đây là một việc lớn mà nah cả hỏi đột ngột, em chưa suy nghĩ thấu đáo nên không dám trả lời.

Sáng hôm sau, vào cuối giờ Tí, triều đình làm lễ tế thành hoàng quốc đô tại đền Bạch Mã. Ông chủ tế là Chiêu Minh vương. Lễ tế có sự hiện diện của hai vua. Bài văn tế được làm trịnh trọng, vì vừa qua Thăng Long bị giặc chiếm, nay quân ta đã giải phóng kinh thành, phải rước đức thành hoàng về an vị tại đền cho nên phải làm lại văn tế. Bài văn tế soạn lại do Lê Văn Hưu khởi thảo và đức ông Chiêu Minh duyệt lại. Vị Đông xướng là Trung Thành vương, vị vương trấn thủ Thăng Long. Vị Tây xướng là Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật. Đông xướng, Tây xướng đều là những vị thế rất quan trọng, có thể gọi là trịnh trọng nữa. Nhưng Trần Nhật Duật không thích làm nhiệm vụ Tây xướng bởi vì Tây xướng chuyên môn chỉ xướng mỗi lệnh bài trong khi Đông xướng toàn xướng lệnh hưng. Toàn bộ triều thần có mặt lúc bấy giờ tại kinh thành Thăng Long đều đứng vây xung quanh. Hai vua đứng lên đầu. Trần Nhân Tông biết lễ này là rất quan trọng. Lễ tế thành hoàng quốc đô sau khi giải phóng Thăng Long có nghĩa về mặt tâm linh từ nay quốc đô lại có chủ.

Trong bài văn tế, Lê Văn Hưu có nhắc lại toàn bộ sự kính trọng của nhân dân kinh thành và cả nước với thân Tô Lịch và nêu gương thần cho nhân dân Thăng Long và nhân dân cả nước noi theo là lòng hiếu đễ đối với cha mẹ tổ tông, là lòng nhân từ với đồng loại, là sự cần mẫn lao động làm ra lúa gạo và vật phẩm cho đời. Thành hoàng Tô Lịch đã bao đời nay nêu gương tốt đức độ một con người mẫu mực của mảnh đất Thăng Long. Trần Quang Khải đọc to bản văn tế. Ông cho dâng ba tuần rượu, dâng ba tuần hương. Ông cho tất cả quan viên trong lễ tế dâng năm lạy lên đức thành hoàng. Bài văn tế được hóa rất trịnh trọng. Pháo được nổ lên ba tràng. Không khí trang trọng đến nghẹt thở. Trung Thành vương được lệnh phò hai vua về cung. Dân Thăng Long về lúc này đã đông, họ bày hương án hai bên vệ đường chúc mừng hai vua. Cờ quạt và trống chiêng đầy nghẹt đường từ đền Bạch Mã về cửa Đông thành. Các vương hầu và các quan đi trong đám rước, tâm sự mỗi người mỗi khác bởi vì có một tin đồn từ đâu ra chẳng biết rằng hôm qua đã có một tướng tùy sai của đức ông Hưng Đạo dân vua một số văn thư mới bắt được ở mặt trận phía Đông...

Vì cuộc họp này là cuộc họp quan trọng cho nên Trần Thánh Tông đích thân đứng ra trông nom. Mặc dù điện Càn Nguyên đã bị đốt, cuộc triều hội diễn ra trong thảo điện vẫn hết sức trang trọng. Các vương hầu và các quan mặc triều phục. Các vệ ngự lâm cấp kiếm tuốt trần đứng canh từ cửa Đông vào. Trần Thánh Tông ra lệnh cho nội thị ban cho tất cả mọi người ba tuần rượu.

Nhưng tất cả chưa yên lòng, kể cả hai vua. Đêm hôm qua Trần Thánh Tông đã thức đọc tất cả sổ văn thư thu được. Cũng chỉ có vài mươi bức nhưng có liên quan đến vài chục gia đình các vương hầu, tướng tá của cả chi trưởng lẫn chi thứ. Trần Thánh Tông cực kì giận dữ. Ngài không thể nào tưởng tượng được những con người như thế lại có thể hàng giặc, mặc dù những lời lẽ trong thư viết là xin được “nội phụ”, có nghĩa là xin hàng dưới danh nghĩa là được thờ cúng tổ tiên ở quê nhà. Họ xin hứa nếu Đại Hãn cho gọi, họ sẽ đem quân theo tông chinh dù đi đánh ở bất kỳ nơi nào. Có kẻ hứa sẽ chỉ đường cho quân Nguyên đánh bắt hai vua, có kẻ hứa chỉ đường đánh chặn Hưng Đạo Vương và Chiêu Minh vương, có kẻ hứa sẽ tận trung để là cho đất Giao Chỉ thành đất trung thành với Đại Hãn. Và gần như tất cả đều xin là người được hưởng khố cho dòng họ Trần của Đại Việt. Nhưng tất cả những lá thư đó đều đã động tới chi trưởng, chi thứ của dòng họ Trần, họ hứa sẽ dùng huyết thống, ảnh hưởng để thuyết phục người nọ người kia sẽ theo họ đi theo con đường “nội phủ”. Chính ý kiến này làm Trần Thánh Tông suy nghĩ. Ông cảm thấy nếu nó bị lộ ra, họ Trần sẽ nghiêng ngả trước nhân dân cả nước. Uy tín của họ Trần sẽ bị chao đảo. Thượng hoàng Thánh Tông suy nghĩ rất lung. Như việc đưa công chúa An Tư làm vợ của Thoát Hoan chẳng hạn. Đó là lúc tình hình rất gay go. Giặc đã vào thành Thăng Long. Quân ta bị đánh từ phía bắc cuống, từ Chiêm Thành ra. Các đạo quan thiện chiến dưới sự chỉ huy của Trần Quốc Tuấn phải lần tránh vào rừng sâu, những đạo quân của Trần Quang Khải cũng dạt lên thượng lộ của châu Hoan. Họ phải dựa vào núi rừng để tồn tại. Đây là lúc có ý kiến dâng công chúa An Tư cho nguyên soái giặc. Chung quanh thượng hoàng lúc bấy giờ không có mấy ý kiến phản đối và mặc dù trong lòng ngượng và hổ thẹn, thượng hoàng cũng phải bằng lòng. Cho nên có thể nói khi thế

nước chông chênh không thể ai nói mạnh được. Cái tráp văn thư này nếu giao cho bộ Hình và Phủ Tông chính truy cứu tội trạng phản quốc của vương hầu và tướng tá muốn xin nội phụ thì thật là tổn hại đến uy tín của họ Trần trong dân gian.

Bấy giờ cái tráp ấy nó kia. Nó được đặt trên văn án giữa triều đường. Ông học sĩ Đinh Cửng Viên theo lệnh của thượng hoàng nói rõ cho mọi người biết nó đựng cái gì. Và ông cũng nói rõ là hiện này chưa một ai được đọc một chút gì trong đó. Và ông theo lệnh của thượng hoàng hỏi mọi người có ý kiến ra sao thì tâu cho rõ.

Tất cả mọi người đều xin được trình bày ý kiến. Trước hết họ hỏi phép nước có dung tha vương hầu xin hàng hay không? Sau đó họ hỏi gia đình có bị liên quan không?

Ý kiến của Chiêu Minh vương là không phân biệt vương hầu hay thứ dân, ai hàng là có tội. Thứ hai người chủ gia đình có tội thì toàn gia đình cũng có tội theo. Đứng về mặt luật pháp, Chiêu Minh vương là người là chịu trách nhiệm của triều đình. Ông không thể nói khác được. Sau khi nghe Chiêu Minh vương nói ý kiến, vương hầu và triều đình ngơ ngác. Chỉ nhìn qua nét mặt cũng đủ biết tâm trạng hoang mang và thất vọng.

Buổi sáng trước khi ra đền Bạch Mã làm lễ tế thành hoàng , thượng hoàng Thánh Tông cũng đã hỏi ý vua Nhân Tông. Ông vua trẻ này ngẫm nghĩ cũng khá lâu rồi hỏi lại cha:

- Tâu phụ hoàng, phải chăng trong thời gian sắp tới, con sẽ là người chịu trách nhiệm chính?

- Ngay từ bây giờ con vẫn là người chịu trách nhiệm chính. Chẳng qua việc quan trọng ta phải tạm nhúng tay vào đó thôi.

- Con là người chịu trách nhiệm chính, con cũng phải đối phó với tình hình của toàn dòng họ của triều đình và đất nước.

- Dĩ nhiên là vậy.

- Nếu vậy con không muốn phải đối phó với tình trạng hỗn loạn trong dòng họ và triều đình.

- Ý con là không muốn đem ra công khai mớ thư từ kia?

- Thừa phụ vương, đúng vậy.

Bây giờ đây, Thánh Tông nhìn tất cả các vương hầu và các quan. Thượng hoàng Thánh Tông nghiêm trang phán:

– Vừa qua đất nước ta chịu nhiều chao đảo. Giờ đây đất nước đã thanh bình, ta không muốn có sự đảo lộn trong lòng mọi người. Ta truyền đem cái tráp này nổi lửa thiêu tàn ngay trước mặt mọi người. Quan Trấn điện tướng quân, người sai lính đem cái tráp này đốt ngay trước mặt ta và mọi người.

Lệnh của vua được Trấn Điện tướng quân thi hành ngay. Người trước tiên thấy nhẹ nhõm là vua Nhân Tông, ngài không muốn trong thời gian sắp tới phải gánh chịu mớ hỗn loạn bỏ lại sau chiến tranh. Tất nhiên sau đó cả triều đình thờ phào làm cho người yên tâm vui vẻ nhất là Thượng hoàng Thánh Tông.

Trong buổi chiều, vua Nhân Tông diện kiến với bà phu nhân của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật. Đây là bà thím mới của vua. Ông cho vời bà phu nhân đến gần ngai vàng. Ông hỏi han, ban vàng, ban lụa và chủ yếu là ban tặng tước phong cho cô Mơ. Phủ Tông chính sau khi được ý kiến của thượng hoàng đã làm chiếu phong tước phu nhân Trịnh Túc cho cô Mơ. Vợ chồng Trần Nhật Duật nhận chiếu ban phong tước, lạy tạ hai vua. Vua Nhân Tông sai cung Quan Triều làm lại phủ cho Chiêu Văn Vương. Trần Nhật Duật lại lạy tạ cảm ơn. Nhưng sau đó ông xin hai vua cho ông được hỏa tốc lên biên giới:

– Tối hôm qua đã có tin về những mũi quân tìm cách cứu tướng quân Đỗ Vĩ. Mới đây đã biết được tin vì sao ông già Dao đỏ vì sao bị bắn chết. Tối hôm qua ông già hát xẩm ở chợ tạm Giảng Võ đã dẫn một ông già hát xẩm tới. Ông này mới ở bên kia biên giới về cho biết ông già Dao đỏ bị hạ sát vì thù riêng giữa hai dòng họ chứ không có liên quan gì đến quân đội và chính quyền. Vậy con đường trên rẻo cao vẫn có thể dùng được. Anh cả cho phép em lên ngay biên giới. Còn nước còn tát, biết đâu ta vẫn cứu được tướng quân Đỗ Vĩ.

– Vậy em không nhớ là mình mới lấy vợ à? Một mình em đi hay cả vợ cũng đi theo?

– Việc chinh chiến là trọng, một mình em đi thôi. Còn vợ em sẽ về quê ngoại thu xếp cho bà bác lên kinh.

- Đó là bà nhũ mẫu của em phải không?
- Dạ phải.
- Đón được bà lên là phải giữ bà ở lại Thăng Long – thượng hoàng chợt cười – có khi bà phải chăm trẻ con nữa đấy.

Chương 12

Một tin đồn trong giới phần son ven bờ Đại Giang làm cho nhiều người kinh ngạc. Phụng chúa Ly Ly vào đầu tháng Năm đột nhiên có một quyết định có thể gọi là quái đản: nàng ca kĩ nổi tiếng tuyên bố bỏ cầm, bỏ ca, hoàn lương đi lấy chồng. Cô lấy một người trẻ hơn cô bốn tuổi không biết hát, biết đàn, chữ đủ biết viết, chứ không đủ làm thơ nhưng lại khôi ngô kì vĩ, múa kiếm rất giỏi. Đó là võ sĩ Giao Chỉ nổi tiếng Lê Huy, gia tướng của Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc. Đỗ Vĩ nghe tin chỉ cười nhạt nghĩ thầm: ca kĩ mà lấy phần thần thì đúng quá đi rồi, có gì mà lạ.

Nhưng một buổi sáng tháng Năm gần đến rằm đột nhiên Đỗ Vĩ có khách. Khách đến ngựa xe dập dìu. Nam cưỡi ngựa, ngựa đẹp. Nữ ngồi kiệu, kiệu phủ nệm gấm. Đó là vợ chồng Lê Huy và phụng chúa Ly Ly.

Đỗ Vĩ nhớ mãi buổi sáng hôm gặp mặt hai vợ chồng Ly Ly. Đây là một cuộc gặp mặt thân mật giữa những người bạn tài hoa với nhau, riêng Lê Huy thì có thể kém một tí về tài hoa nhưng mặt thành thật thì lại đáng chú ý. Như thường lệ Đỗ Vĩ bày tiệc thết đãi vợ chồng Ly Ly. Anh chúc mừng vợ chồng trẻ. Khi tiệc đã đến la đà, Ly Ly chợt nhìn Đỗ Vĩ và nói:

– Chúng tôi lấy nhau chính là vì tiên sinh đấy.

– Tại sao lại vì tôi?

Lần này thì Lê Huy lên tiếng:

– Trước đây mười hôm tôi được Chiêu Quốc vương sai đi tìm Phùng Thất. Ông này đột nhiên thất tung, không ai biết đi đâu. Tôi được sai đi tìm cùng tìm câu âu. Trước hết là các cao lâu tửu điểm, hỏi dò các tửu bảo nhưng không thu được cái gì. Sau nữa là hỏi các sòng bạc, cho tiền mấy hồ lì cũng không tin gì đáng lưu tâm. Cuối cùng tìm tại các kỹ viện, ở viện Hồng Ngọc họ chỉ cho tôi phụng chúa. Tôi hỏi phụng chúa thì phụng chúa chỉ cho tôi đến tìm tướng

trấn thủ An Nha. Nhưng lại dặn là nói cho An Nha rõ tôi là người được phụng chúa sai đến.

Đỗ Vĩ ngạc nhiên nhìn phụng chúa. Ly Ly cất tiếng thánh thót nói:

– Thiếp được An Nha cho biết một tin quan trọng cho nên hôm nay phải đến đây. Phùng Thất đã nhận ra thơ đề trong tranh mỹ nữ là thơ của ai. Ông ta muốn báo tin này cho quan tướng triều đình Mông Cổ. Ông ta biết An Nha vốn là tiến sĩ cũ triều Tống, thơ văn sành sỏi chắc sẽ giúp được ông ta. Vậy muốn tìn tung tích của Phùng Thất thì phải đến tướng quân An Nha. Nhưng để không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra thì phải nói người đến là do tôi sai đến. Quả thật tìm được tung tích Phùng Thất và cũng may cho Lê Huy là An Nha cũng biết nể mặt tôi phần nào mà tha mạng sống cho Lê Huy.

– Như vậy An Nha đã xử lí ra sao với Phùng Thất?

Ly Ly cười khanh khách tiếng cười giòn tan như tiếng ngọc reo trên đĩa sứ:

– Sao tiên sinh không hỏi sao An Nha biết gì về nguyên do la của Phùng Thất?

Đỗ Vĩ cùng cười, cổ trấn tĩnh và hỏi:

– Vậy vì nguyên do gì?

– Trước khi đi gặp An Nha, Phùng Thất đã đến nghe hát ở viện Hồng Ngọc và đã hỏi cho chị em chúng tôi biết tác giả thơ đề trong tranh là thơ của ai. Không phải đợi đến khi Phùng Thất nói thì tôi mới biết đó là thơ của Lục Du. Tôi đã thuộc nhiều bài hát do Lục tiên sinh làm ra. Tranh mỹ nữ vẽ Vương Chiêu Quân, thơ đề cũng nói về việc cống Hồ Vương Chiêu Quân. Như vậy, về tác giả, về tranh và chọn thơ đề, hẳn là đã rõ phải không tiên sinh?

Đỗ Vĩ tái mặt, anh không ngờ một sơ suất lớn như thế đã xảy ra, khôn ngờ anh có thể coi thường kẻ địch như thế? Bức tranh treo hàng tháng trời, nhiều người đã được coi qua. Đỗ Vĩ nghĩ rất nhanh: vậy đôi này đến đây hôm nay có chuyện gì?

Lê Huy nói ngay:

– Tiên sinh không phải bắn khoản, chúng tôi hôm nay đến đây là bạn. Hôm ấy sự việc nó xảy ra như thế này. Tôi đến nơi đóng quân mới của bạt đô An Nha, ông tướng này tôi đã biết không có tài võ. Nếu có chuyện gì xảy ra tôi có thể bỏ chạy ngay. Toàn lính canh chắc không đủ bản lĩnh để giữ tôi lại. Tôi nói với ông ấy là lệnh trên giao cho tôi đi tìm Phùng Thất. Tôi nói liều rằng Phùng Thất có bảo tôi sẽ tìm đến bạt đô An Nha để hỏi một chuyện bí mật. Sau khi nghe tôi nói xong, An Nha chỉ cười mà khen tôi biết tìm bạn. Rồi cho bày tiệc rượu thết tôi. Không ngờ tôi bị trúng phải thuốc mê ngay trong bàn tiệc ấy.

Phụng chúa Ly Ly cười lớn:

– Sau khi Lê Huy đi khỏi thì tôi cũng lên kiệu đến đó ngay. Lúc ấy bàn tiệc còn nguyên, Lê Huy đã trúng thuốc mê và bị trói gô lại. Tôi phải cam đoan với An Nha rằng Lê Huy là bạn thì An Nha mới chịu tha Lê Huy, bằng không Lê Huy sẽ phải chịu số phận như Phùng Thất.

Lê Huy tiếp lời:

– Sau đó Ly Ly có hỏi An Nha: “Tôi muốn biết tướng quân có phải là bạn của Đỗ Vĩ không?” thì An Nha hỏi lại: “Nếu không là bạn thì sao, nếu là bạn thì sao?”

Đỗ Vĩ im lặng suy nghĩ. Phụng chúa Ly Ly cười khanh khách, nàng kĩ nữ nổi tiếng sắc tài Lư Châu nói:

– Tiên sinh Đỗ Vĩ bạt đô An Nha không phải tay vừa, ông ta nói với tôi: “Phụng chúa nên nhớ tôi đã từng đỗ tiến sĩ, làm sao tôi không biết đây là thơ của Lục Du. Lục Phóng Ông người Đất Việt Châu là một nhà thơ nổi tiếng.” Tôi thấy ông ta nói như vậy liền hỏi lại: “Vậy bây giờ ông có thể trả lời câu là bạn hoặc không phải là bạn cả Đỗ Vĩ tiên sinh.” Ông ta cũng cười: “Là bạn.”

Đỗ Vĩ hỏi phụng chúa Ly Ly:

– Thế còn phụng chúa thì sao?

– Là bạn. Tôi cũng là bạn của Đỗ Vĩ.

Tiếp đó, Ly Ly kể cho Đỗ Vĩ nghe câu chuyện về Phùng Thất. Phùng Thất đã đến tìm gặp An Nha để nói rằng Đỗ Vĩ là người của

Đại Việt qua, bằng chứng về tranh và thơ của ông ta. An Nha thất kinh, nhưng làm tỉnh, một mặt dặn Phùng Thất bí mật này không được lộ ra sẽ có thưởng, một mặt thưởng tiền cho y. một mặt bày tiệc thết đãi rồi rủ đi chơi chung quanh khu đóng quân, dẫn đến kĩ viện cho nghe hát, dẫn đến sòng bạc cho đánh bạc, dẫn đến vùng bán sơn địa cho đi săn.

Và cũng chính trong một lần đi săn, lựa lúc Phùng Thất đứng trên mỏm vực, An Nha đã bắn một phát tên trúng hòng y. Phùng Thất ngã nhào xuống vực.

Nghe Ly Ly kể, Đỗ Vĩ đã đoán sự tình. Anh cũng biết cả khu vực ấy bởi anh và An Nha đã từng đi săn ở đó. Nó quả là một nơi lý tưởng cho việc thủ tiêu - khi bạn nhân rơi xuống vực, hàng đàn chó sói đói mồi sẽ làm nốt việc phi tang dấu vết.

Đỗ Vĩ hỏi:

– Còn Lê Huy?

Nhưng câu này thì Lê Huy trả lời:

– Một là giết đi bịt miệng.

– Hai là, - Ly Ly cướp lời - kết bạn. Tôi chọn kết bạn. Con người của tiên sinh đã cảm hóa được tôi, đã cảm hóa được An Nha, vậy thì cũng có thể cảm hóa được Lê Huy.

– Trước hết tôi xin cảm tạ tình bạn của hai vị. Mặc dù An Nha hiện không có mặt, tôi cũng xin cảm tạ lòng chân thành của An Nha, mặc dù xét cho cùng tôi chưa xứng đáng được sự đối xử như thế. Hai là hai bức tranh có đề thơ, tôi phải đốt ngay...

Phụng Chúa Ly Ly cướp lời:

– Không được! Bức châm, An Nha xin bằng được. Tôi đã hứa là phải đem đến cho An Nha. Còn bức Chiêu Quân cưỡi Hổ là của tôi. Anh không cho tôi, không được.

Phụng Chúa quay sang bảo Lê Huy:

– Bây giờ chúng ta thu xếp đi về. Ahh thu hai bức tranh. Một bức châm của ông An Nha. Còn một bức nhất thi nhất họa vẽ mỹ nữ của tôi.

Lê Huy mau chóng thu hai bức tranh cuộn lại cẩn thận, lấy lụa trắng bọc cả hai bức lại. Lê Huy dad chuẩn bị lụa trắng, chứng tỏ việc lấy đi hai bức tranh cho kín đáo đã được bàn từ trước. Chỗ trống ở hai bức tranh lấy đi được thay vào bằng hai bức khác vẽ hoa điều. Đỗ Vĩ thấy vậy cứ để yên, anh tò mò nhìn Lê Huy và Phụng Chúa. Nàng danh kĩ bảo Lê Huy:

– Bây giờ anh đến chỗ lấy ngựa, đóng yên cương cẩn thận, rồi đem đến đây.

Lê Huy đi ngay. Nhà của Đỗ Vĩ không có gia đình. Anh ăn cơm hoặc mời tiệc đều do cao lâu Anh Hùng quán coi sóc. Còn các việc khác trong nhà, anh làm lấy tất. Việc buôn bán ngoài bến lúc nào cần anh sẽ ra, người làm không được phép vào đây. Bây giờ anh tò mò nhìn Phụng Chúa. Cô ta cũng nhìn lại. Một đôi mắt to, đen láy, mệnh mang ngó sững. Một cái mũi dương tị, trái mặt treo. Một đôi moi không tô son mà đỏ. Hôm nay cô ta búi tóc kiểu phương Bắc của người Nữ Chân. Đỗ Vĩ nhận ra cô ta không phải là người Hán. Anh mỉm cười hỏi:

– Cô làm thế là vì cái gì?

– Làm thế là làm thế nào? Vì là vì cái gì?

Cô cười giòn khanh khách, lúc này hai hàm răng trắng nõn như ngô nếp non mới lộ ra làm sáng rực cả bộ mặt. Đỗ Vĩ đã quen Ly Ly từ lâu nhưng chỉ đến hôm nay anh mới nhận thấy cô gái này có lúc xinh tươi hạnh phúc như thế.

– Cô cho tôi đường đột hỏi một câu có được không?

– Sao hôm nay anh khách khí thế? Anh cứ tự nhiên hỏi đi.

– Cô không phải là người Hán. Cũng không phải người gốc Lương Quảng. Cô cũng không phải người ven sông Đại Giang. Vậy cô là người ở đâu.

– Tiên sinh tinh mắt gớm. Tôi là đồng dãi một nòi thiểu số ở nước Đại Lý.

– Đây là một nước rất đẹp, tôi đã từng được qua. Núi cao trùng trùng điệp điệp. Sông dài hiểm trở. Đây là xứ của hoa đào.

– Tiên sinh biết rộng thật. Tôi là người Đại Lý nhưng không được trông thấy nước tôi. Nó ra sao tôi cũng không biết.

– Sao cơ?

– Tôi là người Padi, người Đại Lý mất nước cách đây bốn mươi năm. Bố mẹ tôi bỏ Đại Lý chạy vào nước Tống. Trong khi lưu lạc ở đây để ra tôi, về mặt là người Padi, hiểu biết là người Hán.

– Còn tâm hồn?

– Tâm hồn thì bây giờ lại là tâm hồn Padi. Một tâm hồn nhỏ nhoi của người dân thiểu số nước Đại Lý. Khi tôi lớn lên thì nhà Tống cũng mất nước. Quyền hành cả Trung Quốc rộng lớn về ray đại hãn Hốt Tất Liệt. Nhưng tôi không đau nỗi đau của người Tống mất nước mà tôi đau nỗi đau của người Đại Lý lưu lạc nên khi tôi thấy bài thơ nói về Vương Chiêu Quân cống Hồ tôi lại nghĩ đến thân phận của chị em chúng tôi, những cô gái bên bờ sông Kim Sa.

– Cô nhận ra bài thơ ấy từ khi nào?

– Ngay từ lần đầu tiên gặp tiên sinh tôi đã linh cảm thấy tôi đã gặp một người đồng điệu. Nhưng sau tôi nghĩ lại, việc mất nước lưu lạc đã đẩy tôi xuống vũng bùn, tôi không còn có thể tương xứng với người như tiên sinh.

– Sao tiểu thư lại nói vậy. Chiến tranh và cuộc đời đã xô đẩy cô đến bức đó chứ có phải cô muốn vậy đâu. Tôi còn không xứng với cô. Tôi chẳng qua chỉ là người lưu lạc giang hồ sống nay biết mai. Có gì là cao quý?

– Không phải, tiên sinh đừng nói vậy, tiên sinh không giấu được tôi đâu. Ngay lần gặp đầu tiên tôi nhận ra tiên sinh ngay. Tiên sinh là người coi mọi thứ trên đời đều là những cái bên ngoài thân. Thân ngoại chi vật, mọi sự đều bị tiên sinh coi thường. Vậy thì cái tiên sinh coi trọng là cái gì, có phải là vì đất nước của mình. Có phải là vì tiên sinh chiến đấu cho Tổ Quốc mình? Điều đó rõ như ban ngày. Trong tay của tiên sinh, bệch đồ An Nha chỉ như một con bài, như một cục bột mà tiên sinh nặn ra sao cũng được.

– Đâu có, An Nha ngày xưa cũng đã từng đổ tiến sĩ cùng khoa với Văn Thiên Tường.

– Mà Văn Thiên Tường đồ trạng nguyên chứ ngay An Nha có đồ trạng nguyên cũng vận thế thôi. Tôi cứ nghĩ không biết tại sao An Nha lại có thể bỏ lơ đi chuyện vẽ tranh của tiên sinh. Hay hẳn coi tiên sinh là bạn của hẳn?

– Nếu là bạn thật hẳn có phản tôi không?

– Có phản, vẫn phản. Có điều tôi nghĩ tiên sinh đã làm cho y nghĩ lại cái thân khuyển mã của y. Y cũng nghĩ là không có ai tìm được ra. Nhưng khi Phùng Thất đến nói về hai bức tranh thì An Nha buộc phải tìm kế thoát thân, gợn gàng nhất là để cho sự việc không xảy ra trắng đen rõ ràng. Tốt nhất là thủ tiêu Phùng Thất. Y đã dẫn Phùng Thất đi săn. Cả hai người đều là văn nhân nhưng riêng có An Nha là văn nhân bắn cung giỏi. Và tiên sinh là thầy dạy của An Nha về bắn cung. Và về nhiều cái khác nữa. Minh sự thì dẫn đến cao đồ.

– Có phải điểm hẳn bắn Phùng Thất là mỏm núi vùng bán sơn địa Quy Tĩnh.

– Đúng đó.

– Vậy thì chỗ đó tôi đã dẫn An Nha đến một lần.

– Và lần ấy tiên sinh đã có ý định dùng một mũi tên.

– Cô nương đừng nói quá. An Nha với Phùng Thất phải dùng cung tên. Còn tôi với An Nha đâu phải dùng đến cung tên. Chỉ bằng cái tay này không võ khí cũng đủ. Nhưng tôi đã không làm vậy. Tôi nhận ra con người này còn một điểm lương tri le lói, tôi đã không hành động.

– Và tiên sinh đã làm đúng. An Nha đã hứa với tôi sẽ đem bức chân của tiên sinh về Quý Châu quê y, chọn một ngôi chùa, sống quãng đời cuối cùng của một vị chân tu không màng tới bụi đời.

– Thế còn tiểu thư?

– Bầy chim phụng đã tôn tôi làm chúa. Tôi đã nhìn thấy biết bao văn nhân tướng võ, người giàu, người tài quỳ mọp dưới chân tôi. Nhưng khi tôi gặp tiên sinh tôi cảm thấy tôi mới là người phải quỳ mọp dưới chân tiên sinh. Nhưng sau đó tôi lại nghĩ cuộc đời đã xô tôi xuống bùn cứ để tiên sinh trắng trong như cây bạch ngọc. An Nha đã yên phận, tôi cũng dứt một nỗi lòng, nhưng còn việc tiên

sinh đang dang dở mà có người biết, đó là Lê Huy. Để bịt miệng anh ra không gì bằng vợ anh ta bịt miệng. Cho nên tôi tình nguyện làm vợ anh ta. Tuần trăng sau chúng tôi lấy nhau. Tôi đã chuộc thân ra khỏi kỹ viện bằng số vàng và đá đỏ mà tiên sinh đã tặng cho tôi. Hai chúng tôi sau lễ cưới sẽ lên đường về Đại Lý. Chúng tôi sẽ về bên dòng Kim Sa, làm một ngôi nhà sàn, sinh con đẻ cái ở đấy, như những người Padi lưu lạc về lại quê nhà. Chắc Lê Huy cũng yên lòng ở với tôi.

Đôi mắt to đen mênh mông lại chăm chú nhìn Đỗ Vĩ. Cái mũi trái mặt treo, đôi môi không tô son má đỏ, hé cười hai hàm răng hạt bắp non trắng nõn. Phụng Chúa Ly Ly quỳ xuống làm đại lễ làm cho Đỗ Vĩ lúng túng cũng quỳ xuống theo.

Có tiếng vó ngựa ngoài cửa. Lê Huy đã đem ngựa về đến nơi. Đỗ Vĩ tiến hai người ra cửa, vái chào thân mật:

– Lễ cưới của hai người tôi sẽ có mặt.

Chương 13

Trong thảo điện mới dựng ở đất cũ cung Quan Triều, vua Nhân Tông thiết một triều nhỏ với các quan có bài nhập nội như ông học sĩ Đinh Cửng Viên, ông học sĩ Đặng Ma La... Ngoài ra nhà vua còn cho vời thêm ông phó quản viện Thái học Lê Văn Hưu.

Đến hôm nay, nhà vua thấy rất rõ cuộc chiến có những vấn đề phải làm cho mình bạch. Và sau cuộc chiến những vấn đề khác sẽ xuất hiện và làm cho chúng được minh bạch không phải dễ. Sáng hôm qua việc thượng hoàng Thánh Tông cho đốt tráp thư tín thu được ở mặt trận phía đông là một minh chứng. Thượng hoàng đã đồng ý với chủ đích của nhà vua để dẹp đi những xáo động lớn có thể xảy ra trong tông tộc nhà Trần. Việc đốt cái tráp này có lợi cho họ Trần nhiều hơn. Nhân dân vẫn còn nguyên vẹn lòng tin cậy vào họ Trần.

Sáng nay nhà vua cho gọi mấy ông học sĩ để bàn một việc mà nhà vua băn khoăn hai hôm nay. Trước mắt là chuẩn bị cho việc phong thưởng các tướng có công lớn trong cuộc chiến. Ông học sĩ Đinh Cửng Viên tâu vua:

– Tâu quan gia, việc thưởng tiền, việc tiến chức đã có lệ của triều đình. Công to phong hiệu úy tướng quân, tiền thưởng mười lạng vàng; công nhỏ phong thiếu hiệu tướng quân, thưởng năm lạng vàng. Ghi công lao cho dân nước đã có các thẻ phù: đại công thưởng phù hổ, bậc dưới thưởng phù rùa, bậc dưới nữa thưởng phù ngựa.

Ông học sĩ Đặng Ma La nói:

– Những người góp lương không góp quân công thì phong trung lang tướng.

Ông sử học Lê Văn Hưu nhắc khéo:

– Tâu bệ hạ phải nhớ đến những người có công lao cực lớn. Chẳng những công lớn mà còn là những liệt sĩ hi sinh vì nước.

Nhân Tông hỏi:

– Ông học sĩ thử nói xem thí như ai?

Lê Văn Hưu xuất ban trang trọng quỳ xuống tâu:

– Như ông già bãi Mản Trò chẳng hạn. Như cụ Uẩn, cựu chiến binh từ Nguyên Phong, là giáo luyện trong đạo thủy quân Vạn Kiếp, liệt sĩ trong đại thắng Chương Dương... Hai người này ban tiền ban chức, họ cũng không còn để mà nhận nữa.

Nhân Tông nói:

– Ông học sĩ đứng dậy, ta cho phép bình thân. Sáng nay ta gọi các ông đến để bàn những điều ta băn khoăn. Ta cho phép các ông không phải giữ lễ.

Các ông học sĩ vái tạ ơn chia ngồi ở hai bên. Vua Nhân Tông sai đem các đĩa bánh và trà cho các ông ăn điểm tâm cùng với vua. Không khí vua tôi thân mật hẳn lên. Đặng Ma La nói:

– Hôm qua thượng hoàng cho đốt cái tráp tín thư bắt được ở chiến trường phía đông. Lúc bãi triều theo chân các vương hầu ra khỏi cung, tôi thấy không khí ai cũng vui vẻ, hồ hởi. Chẳng lẽ bấy nhiêu vị đều dính cả đến cái tráp tín thư đó chăng?

Đinh Cửng Viên nói:

– Không có đâu. Tôi thấy nét mặt rồng của thượng hoàng còn vui hơn. Chắc là ngài thấy đốt nó đi có lợi hơn bày tỏ trắng đen của nó ra.

Lê Văn Hưu nói:

– Trước hết lòng tin của dân vào triều Trần vào tông tộc họ Trần, các vương hầu họ Trần không bị suy suyền. Điều đó tốt cho việc giữ vững ngai vàng.

Vua Nhân Tông bảo:

– Nhưng các khanh mới chỉ nói việc thưởng tiền thưởng chức mà không thấy nói đến việc ban tước phong ấp?

Cả ba học sĩ đều tâu:

– Tâu bệ hạ, việc này là việc của nội bộ họ Trần, Chúng thần đâu dám nói vào.

Nhân Tông gạt đi:

– Các khanh cứ nói, lời nói của các khanh ta sẽ lưu ý và lựa chọn chứ đâu phải ta theo tất cả hoặc không theo tất cả.

– Thừa bệ hạ, phong ấp thưởng tước là phần thưởng vua ban cho chư hầu. Bệ hạ ban cho Hoàng thân quốc thích chứ những người thường đâu có được. Học là được tiền, được chức, ban thưởng đúng công là được.

– Vậy như tướng quân Hoàng Đổ, là một người công lớn vang lừng từ Đông chí Tây, lại có công cứu giá cho ta mà cũng không ban phong sao?

– Việc này chúng thần không dám nói vì không phải là việc của chúng thần.

– Không phải việc của các khanh nhưng các khanh cứ nói.

Lê Văn Hưu nói:

– Cứ như thần nghĩ thì không ban phong vì như thế không đúng với lệ thân phong để lại từ thời nhà Chu.

– Ta biết rồi, Chu Vũ vương phân phong cho các con làm vua ở các quốc gia nhỏ xung quanh vương quốc của Ngài. Đó là lệ của triều nhà Chu bên Tàu, dính gì đến ta.

Đặng Ma La tâu:

– Thừa có dính. Triều Trần là một vương triều. Việc phân phong chỉ dành cho các thân vương. Thí dụ Tĩnh Quốc Đại vương Trần Quốc Khang đã được phân phong đất Hoan Châu. Hưng Hiếu vương Quốc Nghiễn đã được ban phong đất Lạng Châu... Như vậy việc ban phong cho ai, phủ Tông Chính sẽ đề đạt lên thượng hoàng và quan gia.

– Vậy giả thử nếu bậc quốc sĩ Đỗ Vĩ trở về được. Các ông biết công việc của quốc sĩ Đỗ Vĩ chứ? Nếu quốc sĩ Đỗ Vĩ trở về được thì có ban phong không?

– Thần xin bạo gan tâu. Quốc sĩ Đỗ Vĩ làm việc gì bây giờ những bậc thân cận trong triều đều đã rõ. Người như Kinh Kha nhập Tần. Nhưng rõ ràng việc của người đã có nhiều kết quả lớn. Công lớn không gì sánh tày. Nhưng nếu muốn được ban phong cho thuận lễ,

trước tiên bệ hạ cho đổi họ của quốc sĩ về họ Trần. Sau đó sẽ có áp phong và tước phong. Chẳng hạn tướng quân Trần Bình Trọng. Đây là người thuộc họ Lê dòng dõi của Lê Đại Hành hoàng đế. Ông này đã lập được công lớn, đã được đổi họ, tước vương Bảo Nghĩa của ông là tước vương cho hoàng thân Trần Bình Trọng.

Nhân Tông trầm ngâm nghĩ:

– Như vậy tướng quân Hoàng Đổ có đại công chưa nên phong bây giờ chăng?

– Bẩm thế mới đúng lẽ.

– Lẽ gì mà kì cục thế?

– Tâu bệ hạ Hoàng Đổ còn trẻ, còn ban phong nữa. Miễn là bệ hạ đừng bỏ quên công của Hoàng Đổ,

– Công của Hoàng Đổ thì ta không quên đâu. Nhưng bây giờ hẵng cứ thưởng cho Đổ đã.

Nhân Tông ra lệnh triệu Hoàng Đổ vào triều.

Một trống canh sau, lính ngự lâm đưa Hoàng Đổ tiến triều. Hoàng Đổ làm lễ ngũ bái trước Nhân Tông rồi quay sang vái các ông hàn lâm. Vua Nhân Tông phán:

– Hôm nay, tướng quân sẽ lên đường về hành doanh phía Đông. Trên đường đi ta cho phép tướng quân tạt về thăm quê ở Xuân Đình. Ở đấy tướng quân còn ai là người thân không?

– Tâu bệ hạ, thần mồ côi mẹ từ nhỏ. Chan thần thì tử trận ở Mản Trò tháng Ba năm nay, hiện thần vẫn mang đại tang. Người thân thích của thần không còn ai ở Xuân Đình nữa.

– Ta ban cho khanh chức hiệu úy vệ Thần Sách. Ta thưởng cho khanh một trăm lạng vàng. Người về hành doanh phía đông trình với quốc công Hưng Đạo rằng cái tráp tín thư cực kỳ quan trọng đã được giải quyết như thế nào. Sau đó, người trở về đây chỉ huy vệ Thần Sách hầu cận bên cạnh ta. Đạo quân cũ của người sẽ được ta ban thưởng một trăm lạng bạc, người sẽ cầm theo cho anh em và đây là một lạng vàng chi cho cuộc rượu từ biệt của người anh em.

Hoàng Đổ rạp đầu lạy. Chú ta không thể tưởng tượng được mình lại được trọng thưởng như thế.

Hoàng Đổ từ tạ ra khỏi hoàng cung. Anh thấy lính Thần Sách đã tụ tập ở đấy khá đông. Họ đều là người của đô tả. Họ có phiên trực hôm qua, như vậy còn ban hôm nữa họ mới lại có phiên mới. Tin tức trong cung cũng rất nhanh, ai nấy đều biết chỉ trong một tuần trăng nữa vệ Thần Sách sẽ có tướng chỉ huy mới – đó là chính là ông tướng thấp nhỏ này. Đó là người đã lập công lớn trong việc đưa một mệnh lệnh vào cho Chiêu Minh vương Trần Quang Khải ở Nghệ An và cũng chính là người đã dẫn đường cho Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đánh trận phục kích lấy lừng ở cửa Hàm Tử. Còn trước đây ông tướng thấp nhỏ này là người chỉ huy đội viễn thám tại hành trung doanh của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn. Cho nên lính vệ tả của quân Thần Sách dùng luôn ba ngày nghỉ phiên của mình để theo phò ông tướng chỉ huy tương lai sang mặt đông.

Đường từ Thăng Long xuống bãi lầy Mản Trò có hai đường đi trên hai bờ sông của con sông Nhị. Hoàng Đổ chọn tả ngạn. Tả ngạn sông Nhị suốt nửa năm qua là vùng đất tranh chấp giữa quân đội đôi bên. Dấu tích chiến tranh còn đầy rẫy trong ruộng đồng làng mạc. Những vết tích cháy dở dang, đáng chú ý là những chùa chiền đền miếu đình làng bị đốt cháy. Bãi cháy dở to rộng, những cây cột cháy dở để lại những khúc to hơn vòng tay ôm. Hoàng Đổ chọn những đường tả ngạn chính là muốn chứng kiến kỷ lưỡng vụ tổn hại vùng quê chôn rau cắt rốn của mình sau chiến tranh. Mấy hôm vừa qua trời mưa rất to, nước mưa rất to, nước mưa xóa đi biết bao dấu tích chiến tranh và cũng thức đẩy nảy sinh biết bao mầm sống mới. Dọc đường đi ven bờ đê sông Nhị là không biết bao nhiêu đầm sen, đầm súng hoa nở đỏ rực ngát hương, lá sen chưa vào thu chưa bị xé rách, là tròn mơn mớn, cuống vươn hẳn lên trên mặt nước bằng cây đòn cán. Hoàng Đổ cùng đội quân nhỏ về tới làng Xuân Đình lúc trưa. Đình làng Xuân Đình không bị đốt nhưng ván ốp và bán lát đã được người dân Xuân Đình vận chuyển đi cất giấu trong bãi lầy Mản Trò cùng với đồ thờ tự từ đầu hè. Trong đình bây giờ làng đang tụ họp để bàn bạc những công việc trước mắt của làng, của xã. Dân làng cũng đang vận chuyển về đồ thờ tự và ván ốp, ván lát. Việc ai nấy làm, các cụ bàn việc thờ tự, việc lớn của xã. Còn việc của trai đinh nam nữ là vận chuyển đồ thờ tự về ốp lại ván tường, lát lại ván

sàn. Một số trai đình được giao việc cạo rửa lại bài vị thành hoàng. Khi Hoàng Đổ vào sân, đám lính theo anh rất có trật tự. Hoàng Đổ mặc áo chiến bằng vóc hồng, một thanh đơn kiếm giắt ngang lưng, đi đứng đàng hoàng. Anh vòng hai tay vái các cụ:

– Xin kính chào các cụ, con trên đường về hành trung doanh qua quê cha xin vào lạy các cụ.

Các cụ hoan hỉ đáp lễ. Cụ tiên chỉ nói:

– Chúng tôi xin kính chào tướng quân. May mắn quá, chúng tôi đang muốn được gặp tướng quân. Có một việc cần hỏi mà có lẽ chỉ tướng quân mới trả lời được cho chúng tôi,

– Thừa các cụ việc gì vậy, các cụ có điều gì cần hỏi. Hoàng Đổ này xin hết sức đáp ứng.

– Thôi được, thôi được, mời tướng quân hay vào trong đình ngồi chơi, hôm nay tướng quân và anh em tùy tùng phải được dân Xuân Đình mời uống rượu mừng mùa cá bắt đầu thắng lợi. Tướng quân là người ở đây chắc còn nhớ rõ những kỷ niệm mừng vui mùa cá chép ghép đôi. Mùa này người ta không đánh cá mà rước cá từ đầm ra sông và từ sông về đầm. Hội hè cả một vùng rộng lớn quanh đây tưng bừng cho đến giữa thu.

Các cụ mời Hoàng Đổ và đoàn tùy tùng vào trong đình chia ngồi thành tám chiếu. Hoàng Đổ bắn khoăn nói:

– Các cụ có điều gì muốn hỏi xin nói cho biết.

Các cụ gạt đi cười xòa:

– Bây giờ mời tướng quân và anh em uống một tuần trà ướp sen mới hái để giải nhiệt đã. Chuyện đâu có đó.

Hoàng Đổ cũng cười xòa:

– Vậy thì tôi cũng có ý kiến muốn nói ngay đỡ phải lưu lại trong lòng áy náy sợ quên. Đó là tôi mới được quan gia ban thưởng một trăm lạng vàng. Tôi xin biếu xã năm mươi lạng để mua đồ thờ tự và sửa lại đình miếu cho thật khang trang. Đây là lòng thành của tôi, xin các cụ nhận cho.

Cụ tiên chỉ đột nhiên trang trọng:

– Tướng quân đã nói rõ ý định của mình với quê cha đất tổ. Tướng quân đã dùng tiền thưởng của quan gia biếu xã sửa đình sửa miếu. Xã vui lòng nhận. Những xã phải nói luôn ý định hiện nay của bộ lão toàn xã vừa rồi ngập ngừng chưa nói cùng tướng quân. Xuân Đình ta tôn đức Chử Đồng Tử làm thành hoàng từ hai trăm năm nay. Nhưng từ hôm nay xã ta sẽ thờ ba vị thành hoàng. Vị thứ nhất vẫn là đức Chử Đồng Tử. Vị thứ hai mới được tôn là Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng. Vị thứ ba đồng tử với Bảo Nghĩa vương cùng trong một ngày là một vị họ Hoàng nhưng dân làng không nhớ được tên của người. Lúc sinh thời người chỉ được gọi là ông già Mản Trò hoặc ông trưởng Sáu vì chuỗi răng cá sáu luôn đeo trên cổ. Nay xin hỏi tướng quân, húy của cụ là gì? Xin cho dân làng biết để đề vào bài vị thành hoàng thứ ba của làng.

Hoàng Đỗ chảy nước mắt. Anh không biết trả lời các cụ thế nào. Ngay cả chính anh cũng không biết tên húy của bố mình là gì. Từ xưa anh chỉ xưng với bố là cha và con. Mọi người gọi ông là ông già Sáu hoặc giả là ông già Mản Trò. Có lẽ cứ gọi là ông già Mản Trò cho thích hợp với người và sông nước cửa Hàm Tử.

Mặc dù lễ mùa cá không dùng cá chép nhưng người ta dùng cá trắm, cá quả để mở tiệc. Linh Thần Sách được uống một bữa rượu cau với chả cá nướng bằng cá lăng tuyết vùi ở vùng bãi lầy Mản Trò. Họ nói tướng quân của họ là Thần cá vùng bãi lầy. Ông bố của tướng quân của họ được dân bãi lầy tôn làm thành hoàng.

Đấy là ông Thần cá sáu. Họ tên không ai biết. Người ta nói đấy là ông thần của vùng bãi lầy Mản Trò. Họ cũng không ngờ rằng chính con ông cũng không biết tên thật của ông là gì. Người ta gọi ông Tư vì chắc ông là con thứ tư. Nhưng trong cuộc đời chìm nổi ông Tư vẫn là ông Tư, ông vẫn sống cuộc đời lẩn lộn trong vùng đầm lầy Mản Trò. Ông có một bầy cá chạch nuôi kỳ quặc, đấy là một đàn cá sáu con to bằng cái thuyền, con nhỏ như cái cán dao. Mặc dù ông có nhiều cá sáu như vậy, những con sâu không phải do chạch nuôi mà ra nhưng thực ra ông muốn bắt lúc nào cũng được. Tuy thế ông rất ít bắt sáu trừ lúc bắt đắc dĩ, cho nên lúc nào ông cũng nghèo rớt mòng tơi. Ông lập gia đình bao giờ không ai biết. Ông có con bao giờ người ta cũng chẳng hay. Năm con ông lên ba thì ông góa vợ.

Năm con ông lên chín ông không thể nuôi nổi nó. Ông đem bán con là nô. Không phải vì ông quá thiếu tiền. Mà vì ông mong cho nó như hạt mưa được rơi vào bờ xôi ruộng mật. Thế mà nó lại không rơi vào những thửa ruộng phì nhiêu. Nó lại rơi vào một đơn vị quân đội trong chiến tranh. Chiến tranh dun dủi nó vào một đơn vị quân đội thiện chiến. Và cái này không phải là lỗi tại chiến tranh mà nó phải chiến đấu. Nó đã chiến đấu, đã lập công và số phận công bằng đã trả lại cho nó vị trí làm người, một người có chiến công sáng giá. Trời cao đã không phụ công lao của nó, cho nó một đất đứng vinh quang trong xã hội, cho nó ánh hào quang của chiến thắng, của chiến công.

Trên đường trở về hành trung doanh, Hoàng Đổ và đơn vị nhỏ của anh phi ngựa như bay. Đây là một vùng đất vừa qua chiến tranh. Mặt trận lan đi rất nhanh, toán giặc bỏ chạy không phải là một đơn vị lẻ mà là cả một đạo đại quân cả kỵ, cả thủy, cả bộ, từ nguyên súy cho tới những Vạn hộ hầu nổi tiếng thiện chiến. Số quân giặc này chạy qua đâu thì như lửa cháy ở vùng lau sậy chỉ bỏ lại những đám cháy nham nhở. Quân giặc bỏ chạy không thể nói là có tổ chức rút lui trật tự mà là những đám giặc chạy nhanh giữa những đám giặc chạy chậm. Có những đám quân vừa chạy vừa ăn. Chúng ăn những thứ gì chúng cướp được dọc đường, nhuỷng nải chuối, những củ khoai lang có luộc và không luộc chín. Có những đám đồ hản lại nổi lửa làm cơm, chấp nhận nếu bị đuổi kịp thì đánh mở đường máu. Không đánh được thì hàng, miễn là được ăn cơm no bụng. Cho nên giữa một đám nhốn nháo như vậy sau khi mặt trận qua đi, sự an toàn không có, sự bình yên cũng không có. Hoàng Đổ dẫn quân qua một vùng như thế. Dọc đường anh gặp không biết bao nhiêu những đám dân binh đang ủa đi truy lùng tàn quân giặc lẫn quất ở các bờ bụi, cù lao giữa sông. Vùng lộ Khoái và lộ Hồng là một vùng nhiều sông con chằng chịt. Chỉ mấy tháng chiến tranh, lau sậy đã đâm um trùm khắp nơi. Có những tên giặc còn lẫn khuất ở trong đó, cứ ban đêm chúng bò đi ra kiếm ăn, còn ban ngày lại về với lau sậy. Chúng vẫn hy vọng chúng trốn thoát được qua tuyến lửa mặt trận về với quân của chúng. Do đó việc an ninh ở vùng này là cực kỳ bấp bênh. Người ta không dám đi một hai người. Mà phải là

một ngũ một thập và có vũ khí đầy đủ. Nhưng những vụ tàn binh giặc tấn công dân thường không ít, nhất là các bà gánh gạo về nhà. Gạo đem từ nơi sơ tán dễ dàng làm mồi cho bọn đói ăn, nhất là trong gánh gạo đôi khi các bà con gánh theo nồi khoai đã luộc chín là thứ có thể bỏ vào mồm ăn ngay.

Hoàng Đỗ nhận thấy ngay hiện tượng này. Anh thấy cần chấm dứt ngay tình trạng mất an ninh nơi tuyến lửa mặt trận vừa tràn qua. Anh thấy cần đem lại sự an bằng cho hậu phương. Hoàng Đỗ cho gọi những ngũ trưởng dân binh lại và nói cho họ rõ: lũ giặc vẫn còn hy vọng chạy về sông Bạch Đằng đã cho thấy trước hết cho bọn giặc lẫn trốn biết rằng ta th mạng cho chúng, cho chúng ăn. Hơn nữa, bọn giặc này nhiều trên không phải là Mông Cổ mà là người Hán, người Đại Lý, người Miêu Cương, người Thiện Xiên... sẽ dễ dàng quay trở lại với ta, hàng để được sống, để được ăn no...

Theo lệnh của Hoàng Đỗ nhiều bếp ăn được nhóm lên, tiếng mõ rao bằng cả tiếng Hán gọi ra đầu hàng, gọi cho ăn... Đạo quân của Hoàng Đỗ đi qua đâu tiêng gọi ăn, gọi cho hàng vang lên. Đến gần trưa rất nhiều tên giặc ra hàng, nhiều tên từ trong những đám lau sậy giữa sông phất cờ làm bằng những quần áo buộc trên đầu những gậy tre đi ra. Chúng vác vũ khí chúc mũi xuống đất chứng tỏ đầu hàng.

Trong đám hàng binh có một tên mang rất nhiều đồ đạc lĩnh kinh các bồ sọt bằng tre làm cho anh em thu nhặt tàn binh e ngại. Họ hỏi y:

– Bồ sọt gì vậy?

– Dạ bồ thuốc.

Tên này chắc đã sang ta nên biết tiếng Việt. Anh em dẫn có đến trước Hoàng Đỗ. Đây là một tên đã già, người Hán, trông người gầy gò hiền lành.

– Mi làm gì trong quân đội Nguyên.

– Thừa tướng quân, tôi là ông lang. Những bồ sọt này đựng thuốc, toàn thuốc quý dành cho các tướng.

Hoàng Đỗ nghĩ ngay đến những thương binh của ta. Anh tức tốc cho áp giải ngay tên này về hành trung doanh theo anh. Đến chiều,

anh đã tới hành trung doanh vào ra mắt Quốc công tiết chế và vấn tắt trình bày cuộc sống cán về triều đình và những việc làm trên đường trở về.

Trần Quốc Tuấn trầm ngâm khi nghe những tin tức của Hoàng Đổ.

Hành trung doanh bận rất nhiều việc. Phạm Ngũ Lão bận tối mắt từ sáng tinh mơ đến tối mịt. Trương Hán Siêu cũng như vậy. Trần Quốc Tuấn đã ra mệnh lệnh cho tất cả toàn quân ra sức lùng bắt tù binh, lập ra những đơn vị tuy nhỏ nhưng khá nhiều quyền nhằm lọc ra, chi loại tù binh. Trong đám tù binh có rất nhiều nghề ngỗng tưởng như chẳng dính líu gì đến việc quân. Các ông lang trong quân ngũ là lẽ đương nhiên, có ông về nội khoa, có ông về ngoại khoa. Nhưng trong đạo quân xâm lược bỏ lại có cả những tên rất giỏi về bói toán, về phong thủy, về thiên văn. Có những tên có nghề thủ công rất giỏi, bồi tranh, dán tranh, đúc đồng rèn sắt, đóng, móng ngựa, đan dệt lông đuôi ngựa... đặc biệt có những tên làm bếp, rất giỏi các món thịt cừu, thịt dê, cá quả, cua đồng... Tất cả những tên này đều được lọc ra, thẩm định tài nghệ của chúng rồi đem dùng vào các việc mà ta đang rất cần.

Tên làm nghề lang thuốc hôm qua tự xưng danh là Trâu Tôn, được thẩm tra kĩ về tài nghệ. Hắn cũng giỏi về ngoại khoa nhưng cái chính là hắn chuyên môn về nội khoa. Phạm Ngũ Lão được lệnh Trần Quốc Tuấn áp giải Trâu Tôn về Phủ Ủng thăm bệnh cho Tầm. Tầm bị thương những việc bình phục không nhanh như mọi người mong đợi. Trâu Tôn thăm bệnh cho Tầm, tìm ngay ra nguyên nhân sâu xa của việc chậm bình phục của cô gái là tâm bệnh. Ông ta kê đơn cho cô gái. Ông ta nói riêng với Phạm Ngũ Lão rằng cô gái đang có điều buồn bực trong lòng.

Việc hồi phục sức khỏe của Tầm không chỉ phụ thuộc vào đơn thuốc bổ. Ông bố nuôi của cô nghe tin cô gái có tâm bệnh liền cho gọi Nguyễn Chế Nghĩa từ mặt trận về coi sóc việc quân, việc dân của Lộ Khoái...

Bữa tiệc từ biệt của Hoàng Đổ với đội quân viễn thám ở hành trung doanh, Hoa Xuân Hùng và cô chỉ huy nữ dân binh làng Ngo

diễn ra một chiều đầu tháng Bảy rất vui. Hoa Xuân Hùng thay Hoàng Đổ chỉ huy quân viễn thám. Ông tướng của họ lại sắp lấy vợ. Má vợ của ông tướng cũng biết cầm quân. Làng Ngọ có đình làng bị đốt cháy một nửa. Hoàng Đổ đã lấy hai mươi lạng vàng đưa biếu làng Ngọ để làm lại đình. Bô lão làng Ngọ sai chép vào hương khoán lệ làng kết chạ giữa ba hương là hương Ngọ, hương Mản Trò, hương Vĩnh Bảo. Kể từ nay ba hương này kết chạ mỗi năm mở hội tại một hương. Trai gái các làng ngày hội sẽ làm lễ đócọ văn tế và ghép đôi theo lệ tắt đèn tắt nến. Các bô lão làng Ngọ cử hai phái đoàn về Vĩnh Bảo và Mản Trò để thông báo những điều đã quy định.

Hoa Xuân Hùng tiễn Hoàng Đổ ra tận đầu làng. Bấy giờ đã chập tối. Cô Hồng cũng theo ra. Cuộc chia tay thật bịn rịn. Đám lính quân Thần Sách còn một ngày nghỉ nữa đã vào phiên trực mới nên họ phải hành quân đêm về kinh. Phóng ngựa trong đêm tại một vùng mới hồi sinh, cảnh thôn quê như có một hơi thở mới. Trời bắt đầu vào thu mát lạnh. Hoàng Đổ nhớ tới những người bạn mới và những người bạn cũ. Chỉ mới mấy tháng thôi (năm tháng chứ mấy – *nguyên văn của tác giả*) mà cuộc đời Hoàng Đổ như thay đổi đổi. Bấy giờ cậu có thể ngẩng cao đầu mạnh dạn đi vào cuộc đời không chút e ngại. Tảng sáng, họ đã đến tả ngạn sông Phú Lương. Nhìn sang bên kia sông, lâu đài, đền các cửa Thăng Long thấp thoáng trong màn cây che phủ.

Các bến đò ngang đã làm việc trở lại đưa dân chúng và những người làm việc công qua sông.

Kinh thành chứng kiến những biến thiên của lịch sử nhưng không biết kinh thành có hiểu đến chỗ sâu cùng những làn sóng lòng của quân và dân Thăng Long hay không.

Chương 14

Thăng Long giải phóng chưa được nửa tuần trăng. Các quan từ vùng sơ tán đến nay đã tập trung về kinh gần đầy đủ. Không khí chiến tranh đã như tan biến. Không khí hòa bình an lạc đã tràn về kinh thành. Những buổi chiều đã tập hợp đầy đủ các quan đứng đầu từng bộ, từng khoa. Lễ phục đại triều đã có đầy đủ hết. Từ ngoài hoàng cung, bên ngoài cửa ngõ môn tuy chưa tới giờ nhập triều nhưng các quan đã tề tựu chờ sẵn. Mọi việc bắt đầu dềnh dàng đúng giờ đúng việc. Mọi chỗ đứng đã tự nhiên dành riêng cho các quan to đứng trên, các quan nhỏ đứng dưới. Các quan võ tự nhiên đang ra xa nhường chỗ cho các quan văn đứng hàng trước.

Hôm nay là phiên cung Quan Triều hành lễ. Vua Nhân Tông sẽ ngự triều. Cung Quan Triều cũng đã bị đốt trụi. Lính Thần Sách đã làm gấp chín gian cung bằng tre lợp cỏ gianh để triều thần làm việc tạm.

Mấy tháng vừa qua, bên ngoài các ngành văn ít thấy thêm quan mới. Vua Nhân Tông nhận thấy việc của ngành văn vị dồn ứ lại, cần phải thêm người làm gấp. Trong số người được chọn thêm có Đỗ Khắc Chung. Hồi đầu năm, quân ra đang phải lui, nhường đất cho quân giặc chiếm đóng. Chúng chiếm cả Thăng Long. Bấy giờ tư tưởng chiến và hòa xung đột nhau dữ dội từ trên xuống dưới. Thậm chí có cả việc gả con gái của thượng hoàng cho tướng giặc, ý là muốn chúng thư thư trong việc tiến quân. Để thương lượng, triều đình phải cử một phái đoàn đến để xin giặc ngừng tiến binh. Khi chọn người đứng đầu phái đoàn thì nhiều người từ chối. Tất nhiên về lí lẽ rất hợp tình. Có người nói rằng miệng lưỡi không linh hoạt, không thích hợp với việc nghị hòa. Có người nói rằng vốn là người nóng tính sợ làm hỏng việc của triều đình... Nói chung là nhiều lí lẽ nhưng cái lí thâm sâu ở bên trong thì ít ai dám nói ra: đó là đem thân vào miệng cọp, chưa biết cọp nóng giận hay cọp hiền từ, chỉ biết nếu nó muốn đớp là nó đớp được, nếu nó muốn ngoạm là nó

ngoại được. Cái việc cầm đầu phái đoàn này nên nhường cho người khác. Nhưng có một người dám nhận, đó là Đỗ Khắc Chung – một tùy sai cấp thấp. Để làm tăng uy tín của phái đoàn, triều đình thăng Đỗ Khắc Chung lên chức quan to. Cờ quạt, võng lọng của phái đoàn được cấp phát vượt tuyến. Phái đoàn của Đỗ Khắc Chung đến Thăng Long vừa bị chiếm đóng xong. Viên quan này đang phấn khích vì bỗng chốc được lên bậc cao, tự nhiên trong lòng phát sinh ý tưởng có chết cũng cam lòng. Cho nên ông ta đi đứng rất tự nhiên, đàn ông hoàng, giặc mời rượu cũng uống, tay cầm chén rượu không run, mặc dù chung quanh gươm giáo sáng lóa. Đến lúc bàn việc, vốn dĩ là người dọc ngang chời bởi coi giời bằng vung, Đỗ Khắc Chung đã đối phó rất thành công trước phó nguyên súy A Lý Hải Nha. Phó nguyên súy đánh giá cao Đỗ Khắc Chung. Đứng trước uy vũ mà không chịu khuất phục, chẳng những thế đi đứng tự nhiên như không. A Lý Hải Nha đã từng nói thầm trong bụng là trong đám ngựa thồ ăn no vác nặng sao lại sinh được con ngựa chiến tài ba như thế. A Lý Hải Nha đã nhận lời chúc mừng cho hàng của phái đoàn dù chẳng tỏ ý rút quân, cũng không nhất trí cho hàng nhưng vẫn cho phái đoàn, mặc dù chẳng tỏ ý rút quân, cũng không nhất trí cho hàng nhưng vẫn cho phái đoàn và viên trưởng đoàn nhiều quà tặng và tiễn ra về đến tận cửa doanh thật lịch sự.

Sau vụ đi sứ này, Đỗ Khắc Chung được mọi người tôn trọng và kiêng nể, đặc biệt là được vua Nhân Tông chú ý.

Hôm nay, người đầu tiên nhận chức vụ mới là Hoàng Đồ, anh được phong Điện tiền hiệu úy chỉ huy đô tả trong quân Thần Sách, nghiễm nhiên trở thành một trong tám vị quan võ to nhất nội cung. Người thứ hai nhận chức vụ mới là hành khiển Đỗ Khắc Chung. Từ nay mọi chức quan từ hành khiển trở xuống sẽ do Đỗ Khắc Chung sắp xếp.

Việc ban thưởng cho các tướng võ có quân công sẽ do hành trung doanh đề đạt nhưng việc ban thưởng cho các quan văn có công trong việc tòng vong sẽ do triều đình tiến hành. Nhân Tông giao việc này cho Đỗ Khắc Chung và dặn trừ các ông học sĩ Thánh Tử sẽ do chính cung Thánh Tử xét và ban thưởng. Cung Thánh Tử là cung riêng của thượng hoàng Thánh Tông.

Nhân Tông cho bãi triều và giữ vài viên quan lại để làm việc thêm. Đỗ Khắc Chung cũng được giữ lại. Cả sử gia Lê Văn Hưu cũng nằm trong danh sách. Vua ban bánh ngọt và trà thơm cho các quan. Nhân Tông nói:

– Đây là việc kín ta hỏi các người. Nếu có ý gì các người cứ mạnh dạn nói.

Nhà vua tư lự. Các quan kinh sợ cũng ngồi im. Giờ lâu, Nhân Tông mới hỏi:

– Vì sao tin của quốc sĩ Đỗ Vĩ lại xuất hiện trong hàng ngũ quan lại cao cấp trong triều?

Các quan thấy tin này vừa đột ngột vừa khó trả lời. Ai cũng ngần ra không biết phải nói ra sao. Mãi sau Lê Văn Hưu mới tâu:

– Phái Đỗ Vĩ đi là do đức ông tiết chế. Ngoài hai vua và các đại thần tả hữu thì chỉ còn mấy cửa quan do các đức ông trấn thủ để đón tin về là được biết để sẵn sàng tiếp nhận. Tin quốc sĩ Đỗ Vĩ bắt đầu rộ lên ở trong quân là khi quân ta vỡ mặt trận. Có nhiều tướng và vương hầu bỏ chạy hàng giặc. Đó là bắt đầu phát giác.

Ông hành khiển Lê Đà, tùy viên ở cung Thánh Tử thì nói:

– Cựu trấn thủ lộ Quy Hóa là đức ông Trần Ích Tắc, cựu trấn thủ lộ Tam Đái Giang là đức ông Trần Văn Lộng, cựu trấn thủ lộ Thanh Hoa là đức ông Trần Kiện. Mấy đức ông này đều là những người được biết hành tung của Đỗ Vĩ. Đức ông Trần Ích Tắc vốn là người giữ lộ Quy Hóa, đường đi trở về mạn tây của Đỗ Vĩ cho nên đức ông được thông báo chuẩn bị đón Đỗ Vĩ. Đức ông Trần Văn Lộng trấn thủ Tam Đái Giang cũng được thông báo đón Đỗ Vĩ. Đức ông Trần Kiện trấn thủ lộ Thanh Hoa thì chuẩn bị đón Đỗ Vĩ nếu Đỗ Vĩ về bằng đường thủy qua đảo Hải Nam. Cả ba đức ông đều đã xin hàng giặc. Ba đức ông này và tả hữu của họ đều có thể tiết lộ cho giặc về hành tung của Đỗ Vĩ.

Đỗ Khắc Chung vốn dĩ là người nói năng mạnh bạo sống sượng, ông ta nói:

– Cũng chưa thể nói ba đức ông này tiết lộ hành tung của Đỗ Vĩ, bởi vì chính chúng ta là những người kề cận của hai hoàng đế, tin gì mà không biết, nhưng chỉ tuần trăng trước chúng ta mới biết có

chuyện này. Thế thì người để sống miếng chắc chắn là người trên chúng ta. Thần bạo gan nói hoặc giả bệ hạ hoặc đức thượng hoàng để lộ tin thì sao? Không lẽ bọn kia đã hàng giặc thì tội gì cũng đổ cho chúng là xong hết.

Cách nói năng mạnh bạo sống sượng của Đỗ Khắc Chung làm cho Nhân Tông phải công nhận cái lí có thể phải của Đỗ Khắc Chung. Vả chẳng bây giờ Đỗ Khắc Chung đã được ban quốc tính họ Trần. Giang sơn này là của họ Trần, ông ta có quyền nói vào đó.

Cuộc điếm tin mật ngừng ở đây. Vậy là tin về Đỗ Vĩ có thể lộ ra từ ngay cung Thánh Từ và cung Quan triều. Nhân Tông cho các quan bãi châu. Nhà vua gọi Hoàng Đỗ bắt thay quần áo ngự lâm quân, bản thân nhà vua cũng thay áo chiến của một võ quan bình thường. Nhân Tông quyết định vi hành trong kinh đô.

Từ dạo rời bỏ Thăng Long đi kháng chiến. Nhân Tông mới biết thế nào là cuộc sống khoáng đạt bên ngoài hoàng cung. Trở về Thăng Long giải phóng, nhà vua lại cảm thấy tù túng trong hàng rào ngăn cách cử cũng thành, cửa lính ngự lâm. Cho nên hôm nay, nhà vua quyết định chỉ đem theo một mình Hoàng Đỗ để vi hành. Trông hai người đi trong phố phường người ta chỉ tưởng một viên tướng nhỏ có một chú bé đi hầu. Nhân Tông hỏi Hoàng Đỗ:

- Nhà người có biết phủ của Chiêu Minh Vương không?
- Thừa biết, tiểu tướng đã được theo Chiêu Văn Vương đến đó.

Hai thầy trò đi từ cửa đông thành ra ven sông Nhị, chỗ này có bến đò ngang và một cái chợ nhỏ để cho những người sang sông bán cất hàng. Người ta gọi cái chợ đó là cái búa. Búa họp ngay tại bến Đông Bộ đầu. Nhân Tông đi vào búa. Nhà vua rất thích chen chúc vào dân thường. Tình hình Thăng Long sau giải phóng rất ổn định, người nào cũng có tâm lí của người chiến thắng. Đi dọc theo sông, Nhân Tông đi về phía cửa ô Yên Hoa. Trên đường đi, dọc theo bên phải con đê là phủ đệ của các vị vương tử Chiêu. Phủ Chiêu Văn đã bị đốt trụi. Phủ Chiêu Quốc thì còn nguyên vẹn. Rồi đến phủ Chiêu Minh nơi đặt hành doanh của tướng giặc Thoát Hoan. Nhân Tông tạt vào. Lính canh cửa định ngăn giáo chặn lại thì

viên tiểu tướng chỉ huy đội canh nhận ra nhà vua. Y hoảng sợ định phục xuống làm lễ thì Nhân Tông ngăn lại.

– Ta miễn lễ cho. Chủ của nhà ngươi có nhà không?

– Muôn tâu, có.

– Thông báo có khách. Đừng làm ồn. Cứ để ta vào như người thường.

Chiêu Minh Vương hôm nay không có phiên chầu bên cung Thánh Từ. Ông ở lại phủ xem các bản báo cáo từ các ải biên thù phía bắc. Khi thấy Nhân Tông vào Chiêu Minh Vương đứng bật dậy sụp lạy.

– Bệ hạ đi thế này nếu có chuyện gì xảy ra thì vạ lớn đến với đất nước.

– Đừng nói thế. Nếu có vạ lớn đến với đất nước thì trong mấy tháng vừa qua chúng đã đến rồi. Ta đã quen với cuộc sống tang bồng hồ thi. Ta thấy chẳng có điều gì phải sợ. Bữa nay ta đến hỏi thái sư mấy việc. Đây không phải hoàng cung, không phải giữ đại lễ. Đây là việc của họ Trần, ta là phận cháu, chú Ba là người thân.

– Đành rằng như vậy. Nhưng bệ hạ đi thế này có chuyện gì xảy ra thì vạ rất lớn – Ông nói với Hoàng Đổ – Nhà ngươi sao không ngăn việc đi vi hành trong hoàng thành. Đây là việc cấm kỵ với ngự lâm quân. Tội chém đầu đấy.

– Lỗi không phải tại nó mà chính ta ra lệnh. Nó lại mới nhậm chức hiệu úy điện tiền. Luật lệ nó chưa biết. Chú Ba bỏ qua cho nó.

– Mệnh vua như núi đã ban ra thì ta tha lần này, nhưng lần sau người phải biết đây là việc không được làm.

Hoàng Đổ toát mồ hôi, anh không ngờ những điều lệnh của hoàng thành và nội cung lại ghê gớm như vậy.

Nhân Tông và Trần Quang Khải chia ngồi quanh bàn. Hoàng Đổ đứng hầu.

– Việc là thế này. Cháu đã điểm lại cho kỹ trường hợp tin tức về Đổ Vĩ loan truyền trong thời điểm nào, từ đâu và từ ai ra.

– Vậy cháu có thấy điều gì lạ không?

– Tin về Đỗ Vĩ loang ra từ khi có những hàng giặc. Đó là vào tháng Năm. Sau đó tin tức này càng loang ra nhiều rộng hơn. Tin loang ra có thể từ ba nơi: lộ Quy Hóa, Châu Ái và đoàn tùy tùng đi cùng hoàng tộc. Còn từ ai thì không xác định được. Ngay cháu đây cũng có thể là người sống miệng.

– Cháu làm thế là rất đúng và thấu đáo. Ngay chú đây cũng chỉ biết tin Đỗ Vĩ khi tin đã loang ra rồi, chính chú cũng không biết Đỗ Vĩ đã sang Trung Quốc từ lúc nào. Chú chỉ biết Đỗ Vĩ là một người tài hoa đánh đàn hay, hát hay, vẽ đẹp. Chính chú cũng có một bức tranh Đỗ Vĩ treo trong nhà, bây giờ thì mất rồi vì khi rời Thăng Long không đem được theo. Bây giờ chẳng biết nó đâu. Bức tranh vẽ cảnh sông Nhị, vẽ tại đây. Hưng Ninh vương đã giới thiệu Đỗ Vĩ đến đây vẽ tranh cho chú. Bức tranh đẹp lắm. Chú rất tiếc.

– Bây giờ sự việc đã đến thế này chú tính sao?

– Trước hết là ngăn chặn việc loang tin. Phủ thái sư sẽ ra một mệnh lệnh không cho bàn tán xôn xao về việc này việc nọ, về người này người nọ. Thứ hai là hạ lệnh mật cho các đạo quân phía Bắc phải bắt cho được vài tướng giặc cao cấp. Nếu được thì ta có điều kiện đổi Đỗ Vĩ về. Trường hợp này hơi trái ngược với lệnh cũ là không được đánh giặc cùng đường. Vậy phải giải thích rõ cho ba người hiện đang đánh ở biên thủy phía Bắc là Quốc Nghiễn, Quốc Tảng và Nhật Duật. Và dặn họ giữ kỹ. Cứ để phủ Thái Sư ban mệnh lệnh còn cung Quan Triều cứ bình lặng như không có việc gì xảy ra.

– Phải là mệnh lệnh gấp. Ngay trưa nay. Nếu có thể được có người thân tín đi theo để giải thích rõ mệnh lệnh.

– Ngay trưa nay thì được rồi, con người thân tín đi theo thì không nên vì sợ loang thêm tin ra.

Bàn chuyện biển Đông, Nhân Tông hỏi:

– Vịnh Hạ Long và Bái Tử Long quân thủy tuần phòng thế nào? Có ra lệnh cho các vệ quân thủy bắt giữ tàn binh giặc không?

– Lệnh đã ban ra từ lâu. Nhưng vì khi ta rút lui quân thủy của ta phải vào các cửa biển ở Ái châu nên bây giờ lại phải tiến ra vùng vịnh chậm thời gian. Tuy nhiên chính ở vùng này ta bắt được rất nhiều tù binh và chiến cụ. Thuyền vận tải thì bắt được nhiều nhưng

thuyền chiến thì có ít. Trên bộ tàn binh giặc tản mát trong dân làm cho an ninh ở làng quê bị xâm phạm nhưng trong đám tàn binh ta bắt được có nhiều loại ta có thể dùng được. Đức ông tiết chế đã có bản tấu trình xin phép được dùng các loại thầy lang những người làm trò, những người xem thiên văn tính đại li, tính số. Việc này thì cung Quan Triều nên hạ chiếu cố cho phép phân loại tù binh để dùng.

Lúc này là đầu tháng Bảy, vụ ngô mùa. Phủ Chiêu Minh lại gần bãi giữa sông Nhị có ngô non. Nhà bếp đã nấu chè ngô bưng lên đức ông Chiêu Minh tiếp khách. Chú cháu ngồi vào bàn, cho phép cả Hoàng Đổ ngồi hầu. Bữa chè ngô đầu mùa thật ngon ngọt thân mật. Lúc này là lúc người ta xởi lởi nhất. Nhân Tông hỏi Chiêu Minh:

– Tại sao lại ngăn ta không cho đi vi hành. Ta thấy đi thế này rất có lợi. Trong cuộc chiến ta đã đi như thế này. Tại sao thời bình lại không đi được.

– Không thể được, tâu bệ hạ. – Chiêu Minh lại dùng lối nói rất cung đình. – Trước đây là chiến tranh việc bó buộc phải như thế. Bây giờ là hòa bình lại phải cẩn thận kỹ lưỡng hơn. Bệ hạ là bậc chí tôn, cả nước trông vào, nếu có gì xảy ra thì biết làm sao? Không thể được, tâu bệ hạ.

Chương 15

Từ trên một sườn núi cao, Bộ tư lệnh quân Nguyên quan sát thế trận. Từ sáng hôm qua, đột nhiên quân Việt xuất hiện bịt chặt đường về của quân Nguyên. Cờ phướn trương dày đặc núi rừng. Tiếng trống đồng ầm ỹ đánh điệu xuất quân. Tiếng tù và gọi nhau nhưng cũng có lúc là tiếng chiêng thu quân. Thật không thể phán đoán được quân Việt muốn gì? Họ muốn đánh hay muốn lùi bởi vì chần chừ đứng một đạo quân gần sáu vạn lính thiện chiến và kỵ binh Mông Cổ thì chẳng phải là dễ dàng.

Thoát Hoan nhăn mặt nhìn ra sau. Trên bộ mặt mệt mỏi của chiến binh Mông Cổ vẫn thấy sự tung bừng của những dấu hiệu sắp xung trận quyết liệt. Sinh ra từ nòi cửa tướng, Thoát Hoan cảm thấy trước khó khăn là cần phải có ý chí quyết thắng. Nếu ra trận mà gặp phải những trận đánh dễ, chạm quân địch không thiện chiến thì chiến thắng có gì là thích thú. Đã đánh trận là phải gặp địch thủ xứng đáng, có như vậy thắng trận mới giá trị.

Vẳng nghe bên tai mấy vần đầu tiên trong bài ca tặng Thành Cát Tư Hãn, vị đại hãn đầu tiên của người Mông Cổ:

Đất Bun Đắc trên dòng sông Ô Nôn quê hương

Cờ của bộ tộc bằng lông ngựa chiến tía

Kèn vòi, trống đại, sáo trúc, thảo nguyên mệnh mông

Bên dòng Kê-ru-lan, nơi cả bộ tộc tôn Hãn...

Bài hát làm cho Thoát Hoan dâng lên trong lòng ý chí quyết chiến cho xứng đáng với người khai sinh ra triều Mông Cổ quyết liệt. Thoát Hoan nhìn sang bên phải, phó nguyên soái A Lý Hải Nha, ông thầy và vị tướng của Thoát Hoan đang nheo mắt ngắm trận thế diễn ra trước mắt. Thoát Hoan hỏi:

– Thưa thầy, ta đánh thử một chuyến xem sao?

– Quân địch lúc tỏ ra muốn đánh, lúc tỏ ra muốn ngừng, chính là chúng muốn kéo dài thời gian. Chắc chúng chờ thêm viện binh. Như vậy đánh lúc này là hợp lẽ. Nhưng thầy em mặc dù quân địch chưa đủ lực lượng ta cũng không xuyên thủng nổi hàng trận giặc mà rút về nước. Hãy nhìn xem lính của ta. Họ mệt mỏi rồi, nhiều người bị thương và cái chính là quân ta không còn ý chí quyết đánh.

– Như vậy chả lẽ ta cứ đứng ở đây chờ địch tập trung đủ quân để đập nát quân ta.

– Tất nhiên ta không chờ, ta phải đánh. Nhưng ta phải dựa vào ý chí con người lúc nào cũng níu lấy cái sống. Ta sẽ nói cho lính của ta biết đánh thủng hàng trận quân Việt là ta tới biên giới của ta. Đó là đất sống. Quân ta nghe thấy vậy sẽ đánh quyết liệt để mở một đường máu.

Chánh phó nguyên soái quân Mông chia quân là hai cánh. Họ tuyên bố hiệu lệnh cho toàn quân đội là quyết đánh để mở đường máu. Quân đánh đi không cướp bóc, không thu vũ khí, không bắt tù binh; có nghĩa là đánh qua là tiến luôn về phía trước, không chần chừ và mũi tả đánh trước, mũi hữu đánh sau vò đúng lưng của mũi tả.

Giữa trưa, quân Mông Cổ bày trận xong. Kèn vòi thúc lệnh xung trận. Sau hai loạt tên bắn như lông nhím quân Nguyên xông lên nhưng đằng sau loạt lau sậy đng buổi cuối hạ úa vàng quân Việt cũng reo hò nhưng không xông ra ứng chiến. Tiếng dây nổ bật bung búc và một rừng câu liêm tua tua chĩa ra chặn đứng các chiến binh của quân Nguyên. Chúng ngừng lại một lúc. Các thiên hộ, bách hộ thúc giục lính của mình:

– Xông lên, đánh qua dãy đồi bên kia là đất của mình rồi.

Thực ra dãy đồi bên kia và liên tiếp các dãy đồi sau đó mấy chục dặm vẫn còn là đất Việt. Lính Nguyên uể oải đứng dậy theo lệnh xung trận vào hàng ngũ quân Việt đứng nấp sau màn lau sậy dày đặc. Rõ ràng quân Việt không muốn xung trận và cũng không muốn cho quân Nguyên đánh qua.

Thoát Hoan nóng toát mồ hôi. Hắn định xoay trận nhưng nhìn thầy học vẫn giữ vững điều lệnh mặc mấy lần áo giáp nên lại thôi. A

Lý Hải Nha là người giữ chỉ huy cánh tả xông đầu tiên. Hắn nằm trong làn xung phong thứ nhất tiếp giáp quân Việt. Và hắn cũng ném mũi tên nổ bắn ra của quân Việt. Áo giáp ken mây của người Padi rất độc đáo, chúng đủ cứng và đủ dai bề quần mũi tên nổ không cho xuyên qua. Nếu không có thứ áo giáp này chắc A Lý Hải Nha đã bị thương. Thoát Hoan nhìn thầy muốn vắn kếp. A Lý Hải Nha là một tướng già đời. Đánh được thì đánh, chưa đánh được thì ngừng. A Lý Hải Nha cho quân lui về phía sau. Quân Việt reo hò thúc trống đồng thổi kèn vùi nhưng ở đầu vẫn ở đấy, họ không đuổi theo.

A Lý Hải Nha lại gần Thoát Hoan:

– Quân Việt mai phục ở gò thấp và các đám lau sậy, chúng nghĩ rằng chỗ này quân ta sẽ đánh vào. Mà quả thực quân ta đã đánh vào. Vậy thì tối nay là đêm cuối tháng không có trăng trời tối đen như mực. Ta sẽ lại phá vây, nhưng hướng phá là cánh rừng rậm phía tây.

Nắng xế chiều, Thoát Hoan cho quân ăn cơm trước. Lệnh là ăn cơm xong sẽ tiến quân. Thoát Hoan ra lệnh phát rượu cho quân, mỗi tên ba chén. Thoát Hoan ra lệnh bỏ lại đồ đạc nặng để xung trận được nhanh. A Lý Hải Nha đã dặn Thoát Hoan cho quân bỏ lại đồ đạc nặng để cho lính tăng thêm ý chí phá vây hòng thoát chạy cho nhanh.

Tuy nhiên ý của hai tên tướng Mông Cổ không thực hiện được. Chúng chưa kịp bày lại quân thì đột nhiên quân Việt tấn công. Ý chí rút chạy của quân Mông Cổ biến thành ý chí phá chạy. Trước những làn xung phong quyết liệt của quân Việt quân Nguyên chạy tóe ra ngoài cánh đồng. Lúc này thì hai viên tướng quân Nguyên chẳng còn nhìn được thấy nhau thế nào nữa. Thoát Hoan chạy một nẻo, A Lý Hải Nha chạy một nẻo. Sáu vạn quân tan trong một vùng thung lũng rộng và rậm rạp cây rừng. Nhưng quân Việt cũng không đánh sâu, họ đánh chiêng thu quân. Nhưng chưa được một khắc thì lại có trống đồng lệnh đánh. Tiếng hò la lại dậy đất nhưng quân Việt cũng không xông lên. Trời tối, đúng đêm nay không có trăng. Trời tối đen như mực. Tiếng hò la trong đêm của cả tiếng Việt lẫn tiếng Mông Cổ kéo dài từ đầu thung lũng tới cuối thung lũng và cứ như thế tới nửa đêm. Tiếng chiêng thu quân, tiếng trống xuất quân, tiếng hò la trộn

lẫn vào nhau. Như vậy là cả một đêm náo động bởi vì sau nửa đêm, quân Việt không hành động nữa nhưng quân Mông Cổ cũng không thể yên được.

Mờ sáng, Thoát Hoan và A Lý Hải Nha mới gặp nhau. Hai tên chia nhau đi xếp lại quân. Các tướng dưới quyền gom quân gom ngựa. Chúng được lệnh thổi cơm ăn. Ý chí đánh, ý chí chạy đều tan cả.

Bên phía đối địch là cánh quân của Hưng Vũ Vương Trần Quốc Nghiễn. Tổng số quân chỉ có một vạn bảy. Đúng là Hưng Vũ Vương Quốc Nghiễn đang chờ thêm viện binh. Không đủ quân để đánh tiêu diệt và cũng không đủ quân cản đường chạy của giặc. Quốc Nghiễn phải bày ra cái trò vừa đánh vừa đánh vừa nghỉ. Trong số quân của Quốc Nghiễn có hơn năm nghìn là dân binh lộ Quý Hóa giang. Số quân này đánh mai phục thì tốt nhưng bày đánh bày trận thì không tốt. Chính vì vậy mới có trận đánh như vừa qua.

Giữa trưa, Quốc Nghiễn sai một viên tiểu tướng và một ngũ lính không mang binh khí mà mang một lá thư gửi A Lý Hải Nha. Trong thư Quốc Nghiễn nói rõ các đường đi đã bị chặn cả quân Nguyên nên hạ vũ khí để cho đỡ tổn hao xương máu của lính. Ngũ lính này còn dắt theo mười con ngựa thồ lương biếu A Lý Hải Nha.

Quân Nguyên cũng biết đến cái điều đôi bên giao tranh đều phải kính trọng sứ giả. A Lý Hải Nha bày tiệc mời các viên tiểu tướng và ngũ lính rồi mới cho về.

Gói hàng và biếu lương là tỏ ra thế mạnh thế no. Bày tiệc và cho về là tỏ ra lương thảo dồi dào và thế vẫn mạnh.

Nhưng xét cho cùng quân giặc vẫn bị ta chặn đứng ở một chỗ.

Ghim quân bày trận không phải là sở trường của A Lý Hải Nha, cũng không phải là thích thú của Thoát Hoan. Dòng tướng của Mông Cổ thiên về đánh vận động. Tiến đánh bày trận, thế công thế thủ đều ở trong lúc đang di động. Thoát Hoan quen nghĩ thế trận đang di chuyển. Cho nên bị chặn đứng lại trong vùng thung lũng rộng này là gò bó đối với y. Nó làm cho y bứt rứt đứng ngồi không yên. Thoát Hoan đem theo mấy tên tùy tướng theo triền núi bên trái leo ngược mãi lên, y muốn lên tới chỗ cao nhất để quan sát trận địa quân Việt.

Leo chừng nửa buổi lên tới một chỏm cao, ở đây có một miếu thờ sơn thần.

Quân Mông Cổ có một thói quen là rất tôn trọng các ông từ bà đồng coi các đền miếu. Những người này rất được kính trọng, họ được coi là những người có cách giao tiếp thông tin với thế giới bên kia. Đó là một thế giới khác biệt với thế giới chúng ta đang sống, thế giới ấy gồm những thế lực thần bí, những con người thần bí có cách suy nghĩ lập luận khác lạ với suy nghĩ lập luận của chúng ta bây giờ. Cho nên khi ông từ coi miếu thần ra cửa đón, Thoát Hoan vái chào rất kính nể. Thoát Hoan hỏi:

- Miếu này thờ ai vậy?
- Thừa tướng quân, miếu này thờ sơn thần.
- Đưa ta đi xem.

Ông từ là một ông già ngoài bảy mươi tuổi quắc thước đưa Thoát Hoan lên miếu. Nhưng kỳ lạ thay đây là miếu thờ sơn thần mà tượng thần là thường luồng đen. Thường luồng đen thường được thờ ở các ngã ba sông. Còn ở những mỏm núi như thế này thường thờ Thần Hổ, hổ vàng, hổ trắng, hổ đỏ, hổ xanh, hổ đen. Thần ngũ hổ thường thờ ở khắp núi cao. Nhất là hổ đen.

- Đây là mỏm núi cao, sao thờ sơn thần lại là thờ thường luồng?
- Thừa tướng quân, ngày xưa ở chỗ này là một xóm vắng có năm nhà dân, mỗi đời thường có một người con gái xinh đẹp cho nên các quan lớn thường về đây kén chọn mỹ nữ làm vợ. Một đợt có một cô con gái nhan sắc tuyệt đẹp huyền bí như rừng đêm, lông lầy như trắng đầu ghèngh. Làng là một làng dệt cửi chuyên dệt một vải gai may váy của các cô gái. Cô nàng xinh đẹp hôm ấy đang ngồi trong khung cửi dệt vải chợt thấy một người con trai từ trên nóc nhà nhảy xuống tự xưng là hắc long, người con gái sợ quá vùng lên chạy, người con trai hiện nguyên hình thánh thường luồng đen cuốn chặt lấy thân người con gái kéo suốt xuống núi xuống tận bến sông Hiến giang. Khi cha mẹ về nhà thì người con gái đã bị thường luồng kéo đi mất. Người mẹ tìm vết chỉ thấy một sợi tơ gai từ khung cửi kéo dài mãi xuống núi tới bến sông rồi mất tích. Ở tại bến này, bà mẹ thuê người lặn xuống sông thấy đáy sông có một hang đá, lần

hang vào bên trong được mấy chục bước thì thấy hang rộng lớn dần ra. Dần dà có lầu cao nhà gác, đài đệ nghiêm trang như cung vua phủ chúa lại ở trong có vắng ra tiếng đàn sao nhộn nhịp như cảnh tượng lễ cưới tưng bừng vui vẻ. Bà mẹ nghe kể liền cho làm một cái lồng bằng tre, trong lồng chứa diêm tiêu và thứ bắt lửa, chung quanh thân lồng trát kín bằng sáp vàng rồi cho thả cái lồng xuống đáy sông. Chỉ thấy ngọn lửa từ dưới đất bốc lên rồi núi Hiến Sơn đổ xuống, ở chỗ núi đổ còn thấy nghi ngút như có ẩn phục ngọn lửa, người ta thử đem cành khô ném vào chỗ ấy thì lửa bắt cháy ba ngày sau mới tắt. Khúc sông này, mồm núi trên này đời sau người ta lập miếu thờ. Ở khúc sông miếu thường luồng đen được biến thành miếu thường luồng vàng. Còn ở trên núi, sơn thần được thờ cũng là thường luồng. Miếu thờ đã có mấy đời nay rồi.

– Như vậy thường luồng được thờ ở nơi không phải là đất dụng võ của nó.

– Đúng vậy, thừa tướng quân cũng như hổ không bao giờ hoành hành được ở đồng bằng.

– Hổ xuất lâm môn. Hổ ra cửa rừng còn gì là hổ dữ nữa, đến người nông phu quen với cái cày con trâu cũng trói được hổ.

Thoát Hoan dâng hương, thường cho ông từ rồi ra về. Một ý nghĩ kì lạ nảy sinh trong lòng viên tướng Mông Cổ: muốn vượt thoát vòng vây thung lũng thì phải làm những cái gì ngược với thói quen của quân Mông Cổ. Nếu quân Mông Cổ là quân thiện chiến trên thảo nguyên, thì bây giờ phải chiến đấu trên núi rừng. Nếu quân Mông Cổ quen đánh những trận tập trung lớn thì bây giờ phải chia nhỏ ra. Nếu quân Mông Cổ quen đánh ban ngày thì bây giờ phải đánh đêm.

Từ trên sườn núi cao nhìn xuống thung lũng, Thoát Hoan hình dung trận đánh đêm hôm nay. Trận đánh quân Mông Cổ từ trên núi cao đánh xuống, đánh bằng những đơn vị nhỏ. Trận đánh chắc chắn sẽ gây không ít bất ngờ cho quân Việt. Thoát Hoan tổ chức đánh trận, chia nhỏ quân đội, cho quân ăn cơm sớm trước khi mặt trời lặn. Trời chập tối, Thoát Hoan cho quân lên sườn núi bên tả. Bữa nay cuối tháng không có trăng, quân Mông Cổ theo lệnh đánh ào xuống, quân tràn như nước lũ dâng lên bờ suối chẳng cái gì ngăn

được. Đến nửa đêm đạo quân thoát khỏi thung lũng sông Hiến. Cũng lạ như thường luồng được thờ trên mỏm núi.

Nhưng vừa ra khỏi thung lũng Thoát Hoan lại dẫn quân vào một vùng cỏ gianh bạt ngàn. Viên tướng Mông Cổ mất gần một ngày để vây quân lạc tướng, tướng lạc quân chẳng còn biết đâu mà lần. Theo quan niệm của dòng tướng Mông Cổ, cái chết của dũng tướng là da ngựa bọc thây. A Lý Hải Nha đã dạy cho học trò mình thâm nhuần triết lí ấy. Sau trận bị vây bọc trong thung lũng Thoát Hoan lại trở thành một dũng tướng linh hoạt trong chiến đấu và cầm quân. Vùng cỏ gianh này là đất hoạt động quen thuộc của kỵ binh Mông Cổ, chỉ hiếm ngựa nghèo lạc lung tung, kỵ binh không có ngựa. Thoát Hoan hạ lệnh tập trung ngựa được mấy nghìn con. Y tổ chức thành một đạo quân xung kích, y ra lệnh tập trung cung cho đạo quân này. Ra lệnh tập trung giáo nhẹ, tập trung giáp nhẹ, còn trường thương đại đao thì giao cho đạo quân đi theo sau.

Quân Mông Cổ tiến tràn quan vùng đồi gianh. Thoạt đầu cuộc tiến quân rất thuận lợi. Tuy cỏ gianh có cản trở vó ngựa đôi chút. Nhưng về sau thành lĩnh quân Việt nổi lửa đốt đồi gianh, ngựa sợ lửa phá chạy lung tung. Làn sóng lửa chặn hãm đường tiến của quân Mông Cổ. A Lý Hải Nha thấy thế nguy hiểm cho quân chạy men theo sông Hiến lấy thể nước sông để chặn lửa. Mãi tới chiều, quân Mông Cổ mới chạy được tới một vùng đất ổn định nghĩa là có gò có đồi, có rừng cây có khe suối. Quân Mông Cổ thiết lập trận địa ổn định thổi cơm ăn. A Lý Hải Nha không dám cởi áo giáp, y đến gặp Thoát Hoan để bàn định ngày bỏ chạy tiếp theo.

Chiều tối hôm ấy, quân Việt rúc tù và đánh trống đồng suốt đêm, tiếng tù và đêm rền rĩ báo hiệu một ngày sắp tới đầy biến động.

Từ sườn núi thấp nhưng có cây mọc rậm rạp, Trần Quốc Nghiễn đặt hành trung doanh của ông, chỉ vén lá cây là có thể quan sát trận địa đóng quân của quân Nguyên trên vùng đồi lau sậy khô cháy. Bữa nay, hành doanh của Trần Quốc Nghiễn có cuộc họp. Dự cuộc họp có Trần Quốc Nghiễn, Trần Quốc Tảng, Hoàng Mạnh, Trịnh Mác... nghĩa là có khá nhiều tướng thiện chiến vùng rừng núi. Cuộc họp làm thế nào tìm ra cách đánh địch với mục đích là bắt được một vài tướng quan trọng của quân Nguyên. Cuộc họp đang dở dang thì

một tùy tướng vào thông báo có Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật mới ở Thăng Long lên đem theo mệnh lệnh mới: tìm cách bắt cho được một vài tướng quan trọng của địch để có thể đổi lấy Đỗ Vĩ.

Trần Quốc Nghiễn nói:

– Thừa chú, hiện nay chúng ta đang ra sức thực hiện việc này. Một số trận vừa qua thắng lớn nhưng tướng giặc đều tử trận, chỉ bắt được một số trên thiên hộ nhép, sợ đem đổi không cân xứng.

Trần Nhật Duật cả cười:

– Vịt làm sao đổi được với trâu. Dọc đường đến đây chú có gặp một người có thể cần cho ta. Ông ta đang chờ ở ngoài cửa doanh. Cháu ra lệnh cho lính đưa ông ấy vào.

Mọi việc được tiến hành rất nhanh. Người được đưa vào quân doanh chính là ông từ coi miếu sơn thần mà hai hôm trước đã được đối thoại với Thoát Hoan.

– Thừa các vị, hai hôm trước đây tôi có được đối thoại với một tướng Mông Cổ. Tôi ngờ rằng hấn chính là Thoát Hoan. Bởi vì người này rất trẻ, ăn mặc hùng dũng nhưng vẫn hoa mỹ. Dáng điệu thì quyền thế. Trong hai tướng giặc cầm đầu lần xâm lược này thì Thoát Hoan là đứa trẻ nhất.

– Hấn nói với ông cái gì?

– Hấn lấy làm kì lạ là miếu sơn thần mà lại thờ thường luông. Hấn quên rằng nước dâng lên thì thường luông lên. Lúc mất lũ thì thường luông ở đâu chết ở đó. Và người ta thờ thường luông ở nơi không ai ngờ được.

Trần Quốc Nghiễn nói:

– Kì lạ thật, hấn đã không làm gì ông à?

Trần Nhật Duật nói:

– Người Mông Cổ từ Thành Cát Tư Hấn đến nay đã trải qua nhiều đời Hấn khác nhau. Chúng đi tới đâu thì lại chịu ảnh hưởng của đạo giáo nơi ấy tới đấy. Có người theo đạo Hồi. Có người theo đạo Phật. Có người theo đạo Lạt Ma Tây Tạng. Có người theo cả đạo La Mã. Đời Hấn Mông Kha theo lệnh của Khả Hấn mỗi đạo được cử một đoàn nhỏ địa diện để tranh biện về giáo lí.

Hoảng Mãnh hỏi Trần Nhật Duật:

– Mông Kha là thằng cha nào thế?

– Đừng có nói bậy. Mông Kha là anh ruột Hốt Tất Liệt, vị Khả Hãn đang là vua nhà Nguyên.

– Thừa đức ông, ngài là người giao du rộng, có bạn là nhiều người khách nước ngoài. Đức ông thấy triều đình nhà Nguyên đối với tôn giáo ra sao?

- Trước hết phải nói triều Nguyên là triều đình Mông Cổ khi đã chiếm được Trung Quốc. Đây là lúc đạo Phật đang mạnh nhất. Nhưng trước khi dung nạp đạo Phật người Mông Cổ trong lúc tung hoành thiên hạ thì đến đây thấy cái gì hay thì họ cũng dung nạp. Cho nên Hãn lều dung nạp các giáo sĩ thiên chúa giáo Nestor, còn các Hãn thuộc dòng Oa Khoát Đài, Tra Khát Đài lại dung nạp đạo Hồi. Nhưng nói chung người Mông Cổ có một luật riêng: đạo luật Yassa. Chính Thành Cát Tư Hãn đã dùng đá xếp đạo luật đó trên bờ đông của rừng Thiên Sơn. Đó là “Nếu trên trời chỉ có một thượng đế thì dưới hạ giới chỉ có một chúa tể là ta – Thành Cát Tư Hãn.” Như vậy theo đạo gì thì theo, người Mông Cổ là chúa. Cái vị khách đến thăm miếu hôm ấy có cái gì đáng chú ý mà ông muốn dặn dò chúng tôi?

– Thừa đức ông, theo tôi nghĩ việc này khá quan trọng. Thứ nhất viên tướng này là viên tướng to. Thứ hai y thấy miếu sơn thần trên núi mà lại thờ thần thường luồng làm cho y tỉnh ngộ điều gì đấy.

– Tướng trẻ vậy thì có thể chỉ là Thoát Hoan. Sơn thần là thường luồng thì có thể làm cho y liên tưởng đến hồ ra đồng bằng thì hết thiêng. Hoặc giả y nghĩ đến hành động ngược lại sở trường. Hồ hành động như thường luồng. Và ngược lại.

Các tướng cảm ơn ông đồng miếu sơn thần. Thường và cho ông về. Mọi việc đã rõ. Quân giặc sẽ hành động ngược lại cái gì xưa nay chúng vẫn làm. Và hai ngày nay chúng đã làm như vậy. Chúng phân tán đánh cả ban đêm, đánh bộ...

Trần Nhật Duật thông báo lệnh của triều đình là cấm không cho một tướng nào có tước phong từ thượng vị hầu trở lên được đánh qua biên giới. Đồng thời cũng cấm không cho một tướng nào trá

hình qua biên giới. Rõ ràng triều đình đề phòng những khó khăn trong việc bàn hòa khi kết thúc chiến tranh. Đồng thời cũng đề phòng có tướng bị bắt sẽ là điều kiện để cho địch đòi bồi thường. Khi được thông báo hai điều kiện này, Trần Quốc Tảng có vẻ bức bối. Đức ông Hưng Nhượng trong thâm tâm đang muốn đích thân trá hình qua biên giới. Bận nỗi khổ của đức ông đang bị kẹt ở đâu đó bên đất Trung Quốc. Đức ông muốn qua biên giới để cứu bạn. Và chắc hẳn triều đình biết rất rõ điều này nên mệnh lệnh trên hình như chỉ nhằm vào đức ông Hưng Nhượng.

Trần Nhật Duật khi lên biên giới có đem theo một ông hát xẩm kiêm nghề thầy mo người Dáy, một dân tộc ít người ở vùng Quảng Tây. Ông thầy mo này về Thăng Long để tìm gặp Trần Quốc Tảng nhưng không gặp mà chỉ gặp được Trần Nhật Duật. Đức ông Chiêu Văn biết ông thầy mo này mang tin của Đỗ Vĩ cho Trần Quốc Tảng nên khi lên biên giới, đức ông đã cho ông thầy mo này theo lên.

Đức ông Chiêu Văn để ông thầy mo này chờ trước cửa hành doanh và đưa Trần Quốc Tảng ra đón.

Chương 16

Trần Quốc Tảng đưa ông thầy mo vào hành doanh riêng của mình. Ông thầy mo này có người anh là bạn rất thân của Đỗ Vĩ. Ông ta mang theo những tin tức của ông anh báo về cho ông.

– Anh tôi sai tôi đến gặp đức ông và báo tin là anh tôi đã giao tín hiệu cho một cô gái người Việt là người hầu của bà chúa An Nam mang về. Cho đến nay đã có hai người chết vì nó bởi đây là một tín hiệu rất cần. Hiện nay tướng quân Đỗ Vĩ ở Trì thôn và được hai người bạn rất thân của anh tôi che chở. Tướng quân Đỗ Vĩ bị giam lỏng. Nếu có thể được thì tổ chức đánh tháo cho tướng quân.

Trần Quốc Tảng xét thì cô gái mang tin về chính là Tầm. Như vậy tin tức đã đến nơi, còn Đỗ Vĩ không còn ở mạn Bắc nữa mà đã về giam ở Trì thôn. Trì thôn chỉ cách biên giới hai ba ngày đường. Rất tiện cho việc đánh tháo. Như vậy bây giờ chỉ có hai việc: một là bắt vài tướng giặc để làm vật trao đổi nếu cần, hai là tổ chức đánh tháo cho Đỗ Vĩ nếu được. Nhưng việc đánh tháo cho Đỗ Vĩ phải tiến hành trong khi tướng ta không được trá hình qua biên giới.

– Thừa đức ông, tôi sẽ dẫn người của đức ông đi đường núi đến Trì thôn. Hiện nay những người hát xẩm hát mo đều bị cấm không cho đi lại ở quanh Trì thôn, nhưng tôi có một ông chú ruột rất thông thạo đường lối bên đó, lại là ông lang thuốc cho nên làm việc này rất thuận lợi.

– Tốt lắm. Bây giờ ông hãy nghỉ ngơi, tôi sắp xếp kế hoạch, chiều tối ta sẽ lên đường.

Trần Quốc Tảng đưa ông thầy mo vào chỗ nghỉ còn đức ông đến gặp Quốc Nghiễn và Nhật Duật để bàn kế hoạch.

Quốc Nghiễn sẽ bảo đảm việc đánh bắt một vài tướng giặc. Còn Nhật Duật và Quốc Tảng sẽ bàn việc qua biên giới.

Trần Nhật Duật và Quốc Nghiễn suy nghĩ rất nhiều về tên tướng Mông Cổ đến thân miếu sơn thần. Là tướng to thì chắc chắn rồi, còn

có phải Thoát Hoan hay không thì chưa chắc. Nhưng dù nó là ai thì cũng là tướng to. Nhưng muốn tìm được nó trong cái đám giặc gần chục vạn người đôi bên thì quả là không phải chuyện dễ dàng.

– Trước hết là chúng ta phải lên chỗ cao để tìm xem nó ở đâu. Có phải ông từ cho biết hắc đội lông cáo bạc xứ tuyết và áo khoác bào trắng?

– Và hia đỏ, túi đeo cung cũng đỏ.

– Thằng này ra trận mà ăn diện như đi dạo phố.

– Đúng thế đó. Riêng cái mặt ăn mặc thì có thể khẳng định thằng này chính là Thoát Hoan.

Hai người đem theo mấy người lính tùy tùng vạch cây vén lá trèo lên vách núi đá rất cao mé trái. Không tin ở ai quan sát, hai người đích thân leo lên một vách núi đá rất cheo leo bởi vì chỗ này không có cây cối nào có thể che được tầm mắt nhìn khoảng trống đầy lau sậy ở bên dưới. Từ trên cao dễ nhận thấy những vật đôi yên ngựa lau sậy vàng úa chen lẫn những vật đen để lại từ những đám cháy. Quân Nguyên dựng lều bạt khắp nơi. Các vọng canh đẩy ra xa nơi đóng quân của giặc đóng trải dài khắp nơi. Những lều dành cho tướng không nhiều, rải rác giữa những lều dành cho quân. Lều tướng mái phủ gấm. Cửa lều có màn che, bên trái là một lá phướn to.

– Như vậy chỗ này phải có tám tên Vạn hồ hầu. Đây là những tên chỉ huy một đơn vị một vạn quân, nhưng trong tám tên chỉ có hai tên là phướn màu vàng, đây chắc là A Lý Hải Nha và Thoát Hoan. Trong hai tên này lại chỉ có một tên ngoài lá phướn màu vàng còn có một lá quân kỳ kết bằng lông đuôi ngựa. Lông đuôi ngựa màu trắng. Đó là một dấu hiệu của nguyên soái. Vậy lều này là chỗ đóng quân của Thoát Hoan.

Cửa lều có quân kỳ đuôi ngựa có chừng hai ngũ lính hộ vệ canh phòng. Từ chỗ đó lên đến chỗ nấp của Trần Quốc Nghiễn và Trần Quốc Tảng khá xa. Nhưng nhìn vẫn rõ. Hai người nhìn thấy có người từ lều đi ra.

– Xem kìa thằng này đội mũ lông cáo bạc, áo chiến trắng.

– Túi cũng của nó màu đỏ, hia cũng màu đỏ.

– Địch thắng Thoát Hoan rồi.

Hai người bàn định cách đánh ngay tại trận địa. Họ chỉ cho nhau đường tới điểm đánh. Họ chỉ cho nhau phải bố trí những cánh quân hỗ trợ như thế nào để cản không cho giặc có thể ngăn trở mũi nhọn xung kích.

– Tướng chỉ huy mũi đánh phải là một mãnh tướng. Tôi nghĩ ra một người rồi.

– Cháu cũng nghĩ ra người ấy.

– Vậy cháu thử nói tên người ấy là ai. Phải là một mãnh tướng kiêu hùng dám hi sinh tính mạng, chỉ huy một mũi dao nhọn rất nhỏ rất sắc rất nhọn đánh xuyên sâu vào lòng địch, mặc cho kẻ địch sau khi bị xuyên qua bọc lại muốn vây bắt sống.

– Đó là người em kết nghĩa của đức ông – Minh tự Hoàng Mãnh.

– Đúng người ta chọn nhưng chỉ hiềm Hoàng Mãnh bị thương xả vai trong trận Chương Dương.

Trần Nhật Duật không nói tiếp thêm là nhát kiếm này đáng ra chém vào Trần Nhật Duật nhưng Hoàng Mãnh đã hứng lấy vì anh lao vào cho nên kiếm bị lạng đi. Nhát kiếm chém không vào sâu chứ nếu không chí ít Hoàng Mãnh sẽ cụt tay.

– Ta đề nghị tướng chỉ huy mũi này là Nguyễn Địa Lô, không ai xứng đáng hơn viên tướng này. Anh ta là người chỉ huy toán quân bắn chết Trần Kiện.

– Cháu đồng ý.

*

* *

Trận đánh diễn ra lúc sẩm tối, mũi chủ công chỉ có một trăm người, chọn cẩn thận, sức khỏe, võ nghệ, tinh thần chiến đấu. Những người này được giao cho Nguyễn Địa Lô. Đức ông Trần Quốc Nghiễn là người đứng ra giao mệnh lệnh. Quốc Nghiễn nói:

– Đây không phải là một trận đánh lớn nhưng lại là một trận đánh có mục tiêu lớn. Chúng ta phải đánh xuyên vào hàng ngũ quân giặc, bắt cho được tướng giặc. Công lớn là ở chỗ thắng lợi này có thể cứu được bạn đồng ngũ của chúng ta.

Binh lính đồng thanh reo vang: Tuân lệnh!

Để mờ màn hai nghìn quân khiên nỏ xuyên vào hàng trận đã chọn sẵn, một trăm quân tính luyện đã chọn sẵn, xoáy sâu vào chỗ mũi nhọn đã khoan thủng, đánh rất nhanh vào hàng ngũ giặc. Họ không ngoảnh lại bắt tù binh, họ không ngoảnh lại kết thúc tính mạng của những tên giặc mà đánh như chớp vào hướng căn lều có trận có phước, có quân kì đuôi ngựa. Nói thì chậm nhưng mà thực hành thì nhanh. Chỉ nháy mắt họ đã đến trước căn lều trận trước khi quân giặc có một phản ứng nhỏ, bấy giờ người trong lều trận mới túa chạy ra. Nhưng giữa những người lính đánh mũi tiêm đao với căn lều trận lại có một hẻm suối hẹp rất sâu chắn ngang, hẻm suối này từ chỗ cao Trần Nhật Duật và Trần Quốc Nghiễn không nhìn thấy. Hẻm suối đã ngăn những người lính không thực hiện được chiến công bất ngờ của họ. Khi họ vượt qua suối và lên được bờ bên kia thì chỉ kịp nhìn thấy tên tướng giặc và đám tùy tùng chạy về sau. Nhưng cũng đủ làm cho bọn giặc mất vía. Mũi tiêm đao và hai nghìn quân mở đường đánh một vết dài vòng sang mé tả quay về hàng trận mình. Mé tả là rặng núi cao, là trận địa của quân ta cho nên giặc không dám đuổi theo.

Trận đánh làm cho Trần Quốc Nghiễn và Trần Nhật Duật thất vọng. Một hẻm núi là hỏng một trận chiến chắc thắng.

Nhưng trận đánh lại làm cho hàng ngũ giặc hoang mang mất tinh thần. Mờ sáng tướng giặc họp hội nghị ngay tại mặt trận.

A Lý Hải Nha, Thoát Hoan và các vạn hồ hầu khác họp ngay để bàn và nhận định về trận đánh vừa qua.

A Lý Hải Nha nói:

– Rõ ràng là nó đánh là để bắt cóc tướng . Tại sao mũi đánh lại xoáy vào lều trận của nguyên soái.

Bọn chúng bàn và nhận ra rằng mục đích của quân Đại Việt đúng là như vậy. Vậy thì cớ phước phải hạ xuống không trượng nữa. Mũ lông cáo bạc xứ tuyết, áo bào trắng sẽ bỏ không dùng nữa. Giày đỏ, bao tên đỏ, bao cung đỏ cũng thay đổi. Các tướng từ Vạn hộ hầu trở lên đến A Lý Hải Nha và Thoát Hoan đều phải thay đổi chiến phục, mặc lẫn vào như đám chiến binh thường. Lúc trời sáng mọi

việc đã được tiến hành theo như lệnh bàn. A Lý Hải Nha và Thoát Hoan đi quan sát trận địa. Đây là những đơn vị thiện chiến của Mông Cổ của người Man bạch y, của người Thiện Xiễn. Họ đang nấu cơm sáng. A Lý Hải Nha sà xuống một bếp người Mông Cổ đang nướng thịt dê. Lính Mông Cổ dọn chỗ mời chánh phó nguyên soái cùng ngồi. Thoát Hoan ngồi xuống cạnh một người lính, đó là một người lính còn rất trẻ, anh ta chưa tới hai mươi. Thoát Hoan hỏi:

- Mi tên gì?
- Gu-úc, thừa tướng quân.
- Cha mẹ còn không?
- Mẹ tôi còn hiện nay ở thung lũng sông Kê-ru-lan. Còn bố tôi chết rồi. Chết trong trận đánh nước Nam Tống ở hồ Phiên Dương.
- Có anh em gì không?
- Thừa, tôi là con một.
- Người tông chinh đã lâu chưa?
- Thừa, hai năm.
- Vậy thì kì này về đến nước ta sẽ cho anh về phụng dưỡng mẹ già.

Thoát Hoan và A Lý Hải Nha đi xem tình hình mặt trận. Trong đám tùy tùng ta thấy có người lính trẻ Gu-úc. Mặt trận lúc về chiều càng tăng vẻ thê lương ảm đạm sau những trận nóng kéo dài ngày, rừng cây lá xanh đen không chút sinh khí. Không khí càng ngọt ngào khi màn đêm sắp sửa buông xuống. Cả một vùng rộng lớn dưới quyền kiểm soát của quân Nguyên các bếp đang bốc khói. Sắp đến bữa chiều. Theo phong tục của quân Nguyên khi đnag tấn công mà bình thường chúng là quân tấn công, thì mặt trời đã lặn trận chém giết tạm thời dừng lại chờ ngày hôm sau. Nhưng ở đây quân Nguyên là quân đang bị tấn công, đang bị đánh. Cho nên khi mặt trời lặn thì không phải là lúc trận đánh tạm dừng. Có thể khi ấy quân Việt lại đánh. Quyền đánh hay không đánh ở chiến trường là ở tay họ. Mé bên trái vẫn là dải núi cao vách đá. Đây là nơi ẩn náu của quân Việt. Tối nay họ có đánh không? Không biết nữa!

A Lý Hải Nha bảo:

– Ở cuối trận địa có một làng nghề rèn thép, đúc đồng. Đây có lẽ là một quân xưởng, ta lại xem đi.

Nhìn quang cảnh thì đúng là một quân xưởng. Có thể là một quân xưởng lớn bằng vào những dụng cụ lao động còn vứt lại. Những bể lò rèn rất lớn, loại bể thường chỉ dùng để rèn những chiến cụ của quân thủy như mỏ neo, bờ bến. Những lò nung đồng cực lớn, các khuôn đúc đồng còn bỏ lại cái vỡ đôi, cái vỡ ba. Đây là những khuôn đúc chiêng đồng, trống đồng, những dụng cụ thông tin trong quân đội.

Thoát Hoan nhìn những khuôn đúc đồng, vị nguyên soái quân Nguyên nghĩ đến những chiêng trống quân Việt đã đóng lên trong những trận chiến vừa qua. Thoát Hoan còn nhớ tại mặt trận sông Cầu dàn trống đồng quân Việt bày trên bờ sông ngay trên bãi cát ven sông đối diện với hướng bỏ chạy của quân Nguyên. Khi Thoát Hoan dẫn quân xuống bãi, dàn trống đồng không bỏ chạy mà lại đóng lên khúc quân tranh. Nghe tiếng trống, theo lệnh trống, quân Việt từ thượng lưu và hạ lưu sông cùng túa ra đánh ập lại. Quân Nguyên không còn chí khí chiến đấu, bỏ chạy về phía mặt nam, liều chết phá vây mở một đường máu. Trận này Thoát Hoan nhớ mũi phá vây rất mệt nhọc rất gian nan nhưng mở được vây và giết được tướng địch chặn đánh – đó là một tướng trẻ, quá trẻ.

A Lý Hải Nha bình tĩnh nói:

– Cuộc chiến đã đến hồi kết thúc. Cuộc này chúng ta đã thua. Phải thực thà mà nhận định như vậy. Có nhận định như vậy chúng ta mới có can đảm quay lại đánh báo thù. Người Hán có một câu châm ngôn: “Đợi mười năm trả thù không phải là muộn.” Đây mới là ý chí chủ đích đáng của người anh hùng. Bây giờ chủ yếu là tìm đường thoát, và thoát cho bằng được.

Đoàn tùy tùng lại ra sức quan sát trận địa. Mặt trời đã lặn sau đỉnh núi, phía tây, chiến trường tối lại rất nhanh, tất cả đều một màu xanh đen sẫm. Bên phía quân Việt vẫn im lìm bất động. Thình thoảng một tiếng tù và rúc lên, những tiếng tù và trong chiến tranh là một hiệu lệnh gì đấy nghe đầy chết chóc và tang tóc. Khói lam chiều

đã gần lẫn vào màu xanh đen của rừng, quân Mông Cổ đã ăn cơm chiều và sẵn sàng ứng chiến, gọi là ứng chiến cho oai chứ thực ra là sẵn sàng giữ mình. Thoát Hoan chợt thấy vắng lên trong tâm hồn bài tang ca của bị đại hãn đầu tiên – Thành Cát Tư Hãn. Bấy giờ quân Mông Cổ vây đánh nước Tây Hạ. Vây gần tuyệt lương nhưng quân Tây Hạ chưa chịu đầu hàng. Hai bên chiến đấu mãi, chiến đấu mãi cho đến một hôm Thành Cát Tư Hãn trúng một mũi tên ở gót chân. Với một chiến tướng cả đời chinh chiến, một mũi tên ở gót chân có là gì. Thành Cát Tư Hãn vẫn đốc thúc quân vây đánh thành. Mỏm thành phía đông bị đánh sập, quân Tây Hạ phản công lấy lại mỏm thành. Mỏm thành phía tây lại bị đánh sập, quân Tây Hạ lại phản công lấy lại mỏm thành. Đến khi đánh mỏm thành phía nam, lúc gần lấy được mỏm thành thì cũng là lúc vết thương ở gót chân của Thành Cát Tư Hãn nhiễm độc, cái chân trái sưng to như cái cột nhà. Chính vào lúc mỏm thành phía nam bị hạ cũng là lúc Thành Cát Tư Hãn từ trần. Các con của Thành Cát Tư Hãn: Mục-ca-li. Giê-bê, Giê-mê giữ kín tin Thành Cát Tư Hãn băng hà. Chỉ đến khi hạ xong thành, bàn xong việc đưa đại hãn về an táng ở ngọn nguồn sông Kê-ru-lan thì tin băng hà mới được tung ra.

Thi hài của đại hãn được đặt trên cỗ xe chiến, hai bên là hai hàng dũng tướng Vạn hồ hầu đi hộ vệ. Sau xe là các bà phi, các vương tử tiễn đưa Người về sông Kê-ru-lan.

Con mãnh sư của bộ tộc, sứ giả của thượng đế

Con của trời xanh, ôi thượng linh

Ngài bỏ tất cả bộ tộc trung thành và giã biệt chúng con ở đây

Xa kia là đất người sinh thành xưa.

Xa nọ là nơi các bà vợ yêu dầu và nhà nước hùng mạnh

Chung quanh là các chiến binh cứng rắn

Các quầng sao của dân

Tất cả vương quốc lập trên luật lệ là đây, nơi ông sinh ra, nước gột rửa cho ông.

Dân hưng thịnh các hoàng thân quý giá cực thịnh và đất nước Bun-đắc trên dòng sông Ô-nôn quê ông.

Cờ của bộ tộc bằng lông đuôi ngựa chiến tía. Kèn, trống, sáo, thảo nguyên bên dòng Kê-ru-lan nơi ông xưng hãn.

Nàng Boóc mà khi xưa còn bé thơ đã được chọn làm vợ

Tất cả ở kia

Miền chôn rau cắt rốn hạnh phúc dân quê huy hoàng, Boóc-ca, Mực-ca-li những chiến binh đồng ngũ tất cả ở kia

Vợ, tử hũ, công chua Ka-lan thân yêu tất cả gần đại hãn

Đến đây bài tang đột nhiên trở nên rầu rĩ

Mày

Bởi vì xứ sở có Diêm vương cai trị nóng hơn nước của dân tộc ta, dân nó đông bạt ngàn và chưa chịu luật của mày như ả hoàng hậu Tây Hạ

Nàng Ka-tun xinh đẹp

Mày bỏ dân mày đi hay không chúa tể

Bọn tao chẳng còn làm vách lũy cho mày

Chúng tao đưa linh cữu mày đến quê cha đất tổ để thỏa lòng trăm họ và ở đấy bà Boóc nhìn thấy mày

Ôi đại hãn mày đã bỏ chúng tao mà đi

Bản tang ca vang lên trong lòng của Thoát Hoan.

Chương 17

A Lý Hải Nha mấy hôm nay sùng sục tuần duyệt các tu man đang có mặt. Tình hình chẳng sáng sủa gì thêm. Bên phía quân Việt thì hiện tượng tăng quân thấy rõ, số lượng đôi bên bây giờ thiên hẳn về phía quân Việt. Họ có thể có lực lượng đông hơn gần gấp đôi quân Nguyên. Bằng chứng là họ không nấu mình sau màn cây lá rừng xanh thẫm nữa. Đã có những đơn vị viễn vọng cũng như tiền tiêu trượng cờ trượng phướn đóng nhô hẳn, có khi lẫn vào trận địa của quân Nguyên, những đơn vị viễn vọng của họ có cảm giác rất vững chắc. Nhiều trận đánh quân Nguyên tiến lên nhằm quét những đơn vị viễn vọng này đi nhưng không được, một phần là họ chống đánh dữ tợn, song phần chủ yếu là vì những đơn vị hỗ trợ khác phản công bảo vệ họ. Sau đó, cờ phướn của họ vẫn trượng ra hiên ngang như khiêu khích quân Nguyên.

Bên phía quân Nguyên tinh thần binh sĩ xuống nghiêm trọng. Buổi tối khi mặt trời lặn rồi, mặt trăng chưa lên người ta lại nghe thấy tiếng hát của quân Mông Cổ nhớ đến vùng sông Ô-nôn, vùng sông Kê-ru-lan trầm trầm rền rĩ mang tiếng gió ù ù của thảo nguyên và tiếng hú của chó sói gọi đàn, còn ban ngày vào những bữa cơm người ta ăn vội ăn vàng, vũ khí để kề bên cạnh, tay nải bao lương để kề bên cạnh. Hình như lúc nào chúng cũng nơm nớp sợ bị tấn công.

Tinh thần của Thoát Hoan, người học trò cưng của A Lý Hải Nha xuống đến mức thấp nhất. Không tính đến sự thăng thất, không tính đến sự sáng suốt trong chỉ huy, Thoát Hoan ở trong trạng thái cam chịu bất động. Đó chính là điều A Lý Hải Nha lo lắng. Là người được Hốt Tất Liệt chọn làm phó tướng cho con mình, làm thầy cho con mình ngay từ khi Thoát Hoan còn nhỏ cho nên A Lý Hải Nha rất hiểu Thoát Hoan. Thoát Hoan là một hoàng tử trẻ dòng dõi chiến tướng anh hùng. Trong việc chiếm đóng và bình định Đại Lý một đất nước cũng không mấy ngoan ngoãn, Thoát Hoan đã tỏ ra mình là người

có tài làm tướng, có nắm tay chắc bóp nghẹt cái đất nước bướng bỉnh có dòng sông Kim Sa hung dữ đẹp tuyệt vời. Thoát Hoan được chọn làm tướng đánh Đại Việt. A Lý Hải Nha được chọn làm phó tướng cho Thoát Hoan để giúp học trò mình lập một vương quốc mới ở phương xa. Trong trận chiến từ năm ngoái đến nay, Thoát Hoan tỏ ra mình là một nguyên soái xông xáo. Trong những khó khăn A Lý Hải Nha tỏ ra mình giúp được nguyên soái của mình rất nhiều. Nên ngay khi thấy những dấu hiệu hạ thấp tinh thần của Thoát Hoan, A Lý Hải Nha rất lo lắng. Hắn biết nếu để học trò của mình ngồi yên thì sức ỳ sẽ giết chết viên tướng này. Cho nên A Lý Hải Nha luôn xóc Thoát Hoan đi kiểm tra trận địa.

Hôm nay A Lý Hải Nha lại dẫn Thoát Hoan đến kiểm tra phía nam chiến trường. Mặt này quân Việt không mạnh lắm. Một số trận đánh nhỏ đã chứng tỏ điều đó. Quân Mông Cổ đánh, quân Việt lùi, khác với phía bắc chiến trường quân Việt không lùi một bước mà mỗi lúc đánh sâu vào trận địa của quân Mông Cổ. Ở phía nam chiến trường có xưởng quân cụ cũ của quân Việt bỏ lại. Thoát Hoan lại vào xem. A Lý Hải Nha thấy học trò của mình e ngại nhìn những khuôn trống đồng, chiêng đồng. A Lý Hải Nha chăm chú quan sát học trò của mình, phó nguyên soái thấy học trò của mình đắm chiêu suy nghĩ.

Hắn nghĩ gì đây? Hắn nghĩ đến dòng võ tướng đất nguồn sông Ô-nôn và Kê-ru-lan, đến đất sa mạc Ba Tư, đến vùng rừng núi xứ Tây Hạ. Dòng võ tướng này quyết không chịu nhục, quyết không chịu lùi. Nhưng trong chiến tranh lúc tiến, lúc lùi, lúc sang tả, lúc sang hữu đều được cả. Chỉ cái kết cục mới là quan trọng. A Lý Hải Nha đã bảo với Thoát Hoan:

– Người Hán có câu: “binh bất yếm trá” có nghĩa là việc dùng binh không cấm kị điều lừa dối. Còn người Việt có bốn điều căn dặn người chiến đấu trong chiến trường là: “Vinh lợi sỉ tử tứ vị tử thủ”. Cái danh cái lợi cái hổ thẹn cái chết là bốn điều phải giữ thật kỹ trong chiến tranh. Lúc chưa đạt được cái gì thì phải tránh. Lúc chưa nên làm thì dứt khoát không làm.

– Thầy đã dạy điều này tôi xin ghi nhớ. Bây giờ xin đến doanh quân chuyển tin.

Doanh quân chuyển tin chuyên việc báo hiệu, ban ngày dùng cờ các màu, ban đêm dùng hiệu lửa. Họ chuyên về dùng chuông, dùng trống, dùng chiêng, dùng kèn vò truyền tin cho các đơn vị nhưng họ cũng có những phương tiện kì thú. Nếu ở gần là điều giấy. Nếu muốn báo tin bình an thì kéo điều màu xanh lọt lên, nếu muốn được giúp đỡ chi viện thì dùng điều màu đỏ thắm. Còn đối với phương xa, với hậu phương hành tỉnh, thì dùng chim bồ câu và chim cắt đưa thư. Chim bồ câu bay nhanh hơn nhưng có khi bị chim dữ dọc đường tấn công giết chết. Chim cắt thì đủ sức tự vệ nhưng không bay được quá hai nghìn dặm.

Doanh quân truyền tin của hành trung doanh có một lồng bồ câu và một lồng chim cắt. Tất cả đều đã được huấn luyện kĩ lưỡng. Thoát Hoan bảo viên tướng chỉ huy doanh quân truyền tin cho xem đàn bồ câu và đàn chim cắt.

Chúng đều được chăm sóc rất cẩn thận, mặc dù đánh nhau dữ tợn như vậy nhưng đàn chim vẫn được cho ăn uống đúng phép. Đêm ngủ có quạt mát, chúng rất sung sức. Thoát Hoan hỏi viên tướng chỉ huy doanh quân:

– Trạm tới là đâu?

– Thừa nguyên soái, đây là hai đàn một cho trạm Trì thôn, một cho trạm Xuyên Châu.

– Từ đây đến Trì thôn và Xuyên Châu bao nhiêu lâu?

– Thừa nguyên soái, đến Xuyên Châu một ngày, đến Trì thôn chỉ nửa ngày.

– Người gửi ngay cái này cho cả hai trạm Xuyên Châu và Trì thôn. Dùng cả chim cắt và bồ câu, mỗi trạm mỗi chuyến hai chim.

Thoát Hoan đưa ra những bản mệnh lệnh y viết sẵn từ bao giờ cuộn nhỏ cuộn chặt trong ống lông ngỗng và sai buộc vào chân của chim cắt, chim bồ câu. Mọi việc đều được làm xong rất nhanh. Chim thả lên trời bay như tên trong chớp mắt đã lẫn vào mây, riêng chim cắt khi thả lên chúng còn rít lên những tiếng kêu giết chóc.

– Thừa thầy, tôi đã hạ lệnh cho Trì thôn và Xuyên Châu xử tử hình nhưng giữ toàn thân người anh em kết nghĩa của hoàng thân dòng hãn Lều Vàng.

Chương 18

Đỗ Vĩ tựa cửa sổ nhìn lơ đãng phong cảnh quanh Trì thôn. Anh nhớ lại trước đây gần hai tháng một trong những ngày vừa vui vừa buồn hiếm hoi trong cuộc đời của anh.

Đó là một buổi chiều trời trong mát như ngày thu đất Việt. Đó là ngày vui của Phụng chúa Ly Ly, Phụng chúa thành hôn với chàng trai trẻ người Việt Lê Huy. Phụng chúa và Lê Huy đã đích thân đến mời Đỗ Vĩ và họ nhấn mạnh anh phải có mặt trong lễ cưới của họ.

Là đám cưới của Phụng chúa cho nên tất cả các chim phượng trong vùng đều có mặt. Theo chân các chim phượng là các danh nhân tài tử hào hoa mé nam sông. Chỉ cách nước Đại Việt chưa đầy mười ngày đường mà cuộc sống khác hẳn. Nơi kia là chiến tranh, là chết chóc, đốt phá, bắn giết; còn nơi đây là hoan lạc, là rượu tràn trề, là hương phấn son. Nơi kia là những gương mặt tang tóc, là khóc lóc rên rỉ; nơi đây là những nụ cười như hoa nở, là liếc mắt đưa tình. Mặc dù trong lòng sôi động vì thương nhớ, vì đau buồn nhưng vẻ mặt Đỗ Vĩ cứ thản nhiên như không, thậm chí anh còn cười được, cười rất tươi, cười rất mặn mà. Một cây hồ trong tay, anh đàn một bản Phụng cầu hoàng tặng cho vợ chồng mới cưới. Mặc cho tài tử trong tiệc khá đông, nhưng đa số các chim phụng cứ vây lấy chung quanh Đỗ Vĩ, họ đối ẩm với anh và anh không từ chối một ai. Họ đồng thanh ghép cho anh một chim phượng rất trẻ. Đó là nàng Hạnh Hoa, một cô gái người Miêu Cương đẹp huyền bí như rừng núi. Và từ lúc ấy Hạnh Hoa cứ đeo bám lấy Đỗ Vĩ. Anh nhìn đôi mắt của cô nàng, mắt nâu và lòng trắng xanh lơ ngây thơ tưởng cuộc đời chỉ là hạnh phúc và hoan lạc. Đỗ Vĩ không nỡ từ chối cô gái, anh cầm tay cô gái dắt đi trong tiệc rượu. Đại sảnh rộng mênh mông, người rất đông, rượu ngon chảy tràn trề, tiếng cười, tiếng hát điệu Triều Châu, Quảng Châu, tiếng đàn tiếng phách chen lẫn với tiếng rít của cây vĩ đàn hồ cầm. Đỗ Vĩ đưa Hạnh Hoa đến đám đánh cuộc uống rượu. Người đang cầm chịch ở đám này là An Nha, ông

tướng mới mất chức chỉ huy Lư Châu. Tham gia đám này có cả chú rể và cô dâu. Vừa trông thấy Đỗ Vĩ, An Nha kéo Đỗ Vĩ vào:

– Vào đây, tiên sinh vào đây, Tôi giới thiệu với tất cả, đây là nhà danh hoạ Đỗ Vĩ.

Đỗ Vĩ là người cả vùng này hầu như ai cũng biết tiếng nên tất cả ồ lên reo mừng, họ đều muốn làm quen với anh.

Liên tiếp ba tuần rượu là ba tuần rượu mừng, không có rượu phạt. Sau những câu đưa đẩy giao đãi, An Nha kín đáo kéo Đỗ Vĩ ra một nơi cho biết An Nha đã chuyển sang một chức quan văn nhưng An Nha sẽ bỏ chức quan về ẩn ở vùng hồ Phiên Dương. Khu hồ này có một vùng rất hoang vu. Ở đây thật đáng cho Phạm Lãi về ở ẩn. An Nha rủ Đỗ Vĩ về cùng mình ở đó:

– Tiên sinh về cùng tôi. Cuộc đời chẳng có gì đáng lưu giữ, tất cả chỉ là giả dối tranh giành danh lợi. Tất cả chỉ là trò bạc bịp. Tiên sinh cho Hạnh Hoa đi theo đi. Thế mới là Phạm Lãi Tây Thi thời mới.

Đỗ Vĩ bật cười:

– Tôi không có tài làm tướng thì đâu có vụ bỏ ẩn từ chức, đem người đẹp đi chơi vùng sông hồ.

– Ngay cả Phạm Lãi so với ngài cũng không bằng.

– Ở đất này tôi là người ngoại quốc, ở đâu tôi cũng là người ở ẩn.

– Nhưng ở đây thì có nhiều người nhận ra tiên sinh, có ở ẩn được hay không?

– Lời nói của tướng quân rất hấp dẫn, nhưng cho phép tôi nghĩ ba ngày.

– Tôi còn ở đây ba ngày. Đến ngày thứ tư tôi sẽ bỏ quan về hồ Phiên Dương.

Tiệc cưới cứ hoan lạc diễn ra mãi đến nửa đêm khách ra về lần lượt, vợ chồng Phụng chúa tiễn An Nha và Đỗ Vĩ ra cửa. Đến lúc này Đỗ Vĩ mới tặng Phụng chúa một cặp xuyên ngọc thạch nạm đá đỏ rất quý. Đỗ Vĩ nói:

– Đây là ngọc thạch và ngọc đỏ của xứ Giao Chỉ, người ta chỉ tặng xuyên ngọc cho em gái của mình. Cô là em tôi, xin nhớ lấy.

Phụng chúa khom lưng bái tạ.

* * *

Đỗ Vĩ băng khuâng ngắm cảnh Trì thôn trước mắt đang đi vào lúc hoàng hôn. Đây là cảnh đã bắt đầu vào thu. Rừng cây chung quanh đã bắt đầu đỏ lá. Con đường ruột dê từ đỉnh đồi ngoằn ngoèo xuống dốc. Chân dốc là trạm tiêm binh gồm toàn lính tinh nhuệ giỏi võ của Vạn hộ hầu A Rích kén chọn và chỉ huy, mỗi tên là một cao thủ, tuy đối phó với Đỗ Vĩ thì không tên nào địch được với anh nhưng hợp sức lại chúng thừa sức cản đường Đỗ Vĩ không cho thoát đi.

A Rích là một viên tướng rất tinh tường, y không có một sơ suất nào trong việc đối phó với kẻ bị giam của y. Lệnh từ hành trung doanh Thoát Hoan xuống cho y: giam lỏng không cho thoát nhưng đủ lễ kính trọng tên tù.

Vì coi Đỗ Vĩ là anh em kết nghĩa của một hoàng thân dòng hãn Lều Vàng, dòng hãn đã ủng hộ cho Hốt Tất Liệt được trúng cử đại hãn trong Ku-rin-tai mới đây cho nên Hốt Tất Liệt và con em phải kính trọng những anh em kết nghĩa của hoàng thân hãn Lều Vàng.

Đỗ Vĩ nhìn xuống dưới. Những kẻ canh phòng không hề lơ lửng. Mới đây chúng đổi phiên. Một trăm tên chia bốn ngả ra bốn phía tới bốn vọng đổi phiên. Mặt trời đang tây đã khuất núi, trời tối sầm lại. Bất chợt từ phía nam lên có hai cánh chim xẹt tới: một con chim bồ câu và một con chim cắt. Chặng đường này gần, con bồ câu chưa bỏ xa chim cắt, hai con cùng như một lúc đáp xuống nóc của trạm. Đỗ Vĩ biết rằng đây là chim đưa thư, chim của hành doanh đang tiến đánh Đại Việt. Chắc rằng có tin mới. Nhưng tối hôm ấy không có cái gì lạ xảy ra. Đỗ Vĩ suy nghĩ suốt đêm. Bây giờ là thời gian đôi bên phải có quyết định. Nhưng Đỗ Vĩ nghĩ quyết không thể để kẻ địch nhận thấy mình chú ý đến điều đó. Tốt nhất là chờ cho kẻ địch lộ diện.

* * *

Vạn hộ hầu A Rích đọc cả hai bản mệnh lệnh do chim bay mang tới. Trong chiến tranh lệnh do phi cáp truyền thư bao giờ cũng là lệnh gấp. Thế mà lệnh này được mang đến từ một chim câu và một từ chim cắt chứng tỏ cấp trên muốn mệnh lệnh phải đến tận tay A

Rích. Vậy thì đó là một mệnh lệnh quan trọng phải thực hiện bằng được. Đó là y chưa biết có hai bản mệnh lệnh nữa đi hành tỉnh Xuyên Châu. Nhưng dù sao mệnh lệnh quan trọng đã đến tay A Rích. Tờ lệnh viết:

“Xử tử tù binh Đỗ Vĩ. Xử tử bí mật. Cho được toàn thây. Có thể chọn giữa thắt cổ đến chết và hạ độc. Nhận được mệnh lệnh này thì hành ngay”. A Rích được chọn giữa hai hình thức là thắt cổ và hạ độc. Chọn thắt cổ thì đơn giản hơn. Có thể thi hành ngay trong đêm nay. Nhưng bằng võ công của Đỗ Vĩ mà A Rích biết được thì chưa chắc đã êm thấm. Có thể cuối cùng vẫn thắt được cổ. Nhưng có thể máu vẫn đổ, và như thế là chết không toàn thây. Cho nên A Rích chọn hạ độc. Nhưng Đỗ Vĩ là một con người khá nổi tiếng ở miền nam Trung Quốc, lịch lãm, giang hồ, từng trải. Một con người như thế này hạ độc cách thông thường chưa chắc đã thành công. Phải hạ độc bằng một phương thức độc đáo. Nhưng muốn như vậy phải mất mười ngày chế thuốc.

A Rích hội quân lại ra nghiêm lệnh: việc canh phòng tù binh diễn ra không được có một sai sót nhỏ. Còn A Rích đích thân đi cách xa bốn dặm để chế độc. Hàng ngày A Rích sẽ phải mất một trống canh buổi tối để luyện độc. Đây là một loại độc được gốc từ Miêu Cương, không màu không sắc, người trúng độc sẽ không có cảm giác gì khác, có điều ba ngày sau mới phát tác. Mà phát tác trong lúc ngủ để không bao giờ trở dậy nữa. Độc này không có thuốc chữa. Nhưng có thuốc phòng. Đó là rượu. Thông thường tâm lý người đề phòng bị hạ độc bao giờ cũng đề phòng rượu, nhưng trường hợp này mỗi lần uống rượu thì chất độc sẽ theo mồ hôi tiết ra. Và uống ba ngày thì độc sẽ ra hết. Nhưng người bị hạ độc, hoặc đề phòng bị hạ độc đều không dám uống rượu, thành thử chắc chắn không giải được độc và sẽ chết.

Đỗ Vĩ xưa nay vẫn coi A Rích là người nông nổi phôi bò, chắc không thể nào ngờ A Rích sẽ phát xuất được mẹo hiểm.

Đỗ Vĩ chờ A Rích có hành động báo hiệu. Và ngược lại. Nhưng từ buổi chiều có hai con chim đáp xuống Trì thôn có thể là chim đưa thư nhưng vẫn không hề thấy có sự động tĩnh gì ở trạm Trì thôn. Mỗi buổi chiều vẫn như thường lệ A Rích lại lên thăm Đỗ Vĩ, khi lên vẫn

có một bình rượu ngon đưa tặng. Cứ mỗi bận như vậy Đỗ Vĩ bày ra hai chén rót luôn rượu vào mời A Rích cùng uống. A Rích để ý thấy chén rượu của Đỗ Vĩ vơi đi nhưng tay áo của anh ướt rượu. Chứng tỏ Đỗ Vĩ ngại uống rượu của A Rích. Những lần sau là những loại rượu thơm như mai quế lộ, bồ đào tửu là những loại rượu dễ hạ độc vào. Đỗ Vĩ vẫn thản nhiên như không, cười nói chuyện vui. Nhưng sau A Rích sai người rình từ xa. Thế rồi có một lần sau khi A Rích ra về tên thủ túc của A Rích từ đằng xa nhìn qua rèm thấy Đỗ Vĩ đổ rượu xuống đất. A Rích vẫn chưa tin là mẹo của mình đã đắc thế. A Rích rủ Đỗ Vĩ đi thăm chợ Trì thôn vào phiên. Ở chợ A Rích kéo Đỗ Vĩ vào hàng rượu rủ Đỗ Vĩ ném đủ thứ, rượu này rượu khác. Đỗ Vĩ đã khéo léo uống và sau mỗi lần phát áo bào qua miệng, Đỗ Vĩ lại phun rượu ra tay áo.

Một buổi chiều sau lần thay phiên canh, có một đoàn quân hộ tống hai cái võng vào trạm. Đó là hai cô hầu của công chúa An Tư. Viên vạn hộ hầu hộ tống hai cô nói với A Rích:

– Lệnh của nguyên soái là cho tôi đưa hai cô nàng đi chuẩn bị chỗ ở cho phu nhân của nguyên soái. Họ đưa hai cô vào chỗ ở, đêm nay nghỉ tại Trì thôn. Mai sớm sẽ chọn địa điểm cho lệnh bà phu nhân của nguyên soái. Nhưng họ đến Trì thôn còn mang cả những tin tức sống động về cuộc chiến giữa Nguyên và Việt. Cuộc chiến gần như ngã ngũ rồi. Chỉ dăm hôm nữa thôi có thể nguyên soái sẽ về qua đây. Trì thôn phải chuẩn bị sẵn lương thực đón mấy vạn quân rút qua. Cho nên chung quanh Trì thôn náo loạn hẳn lên, tin thua trận rút chạy làm cho dân chúng cũng hoảng hồn ai nấy chuẩn bị thu xếp đồ đạc, đồ quý giá đem giấu vào núi để phòng lúc quân địch đánh sang tới đây. Tình hình này cũng hợp với mưu sâu của A Rích. Việc luyện thuốc đã được sáu ngày rồi. Đến lúc ấy vừa hạ độc, vừa đón quân của nguyên soái về qua. A Rích tin rằng mẹo của y chắc chắn thành công. Đỗ Vĩ tỏ ra rất đề phòng chuyện hạ độc. Nhưng cũng chính vì thế việc hạ độc mới thành công. Bữa nay có hai cô nàng người Việt đến nơi, tốt nhất là mở một tiệc nhỏ mừng hai cô nàng, đồng thời mời Đỗ Vĩ cùng dự để đánh tan sự nghi ngờ.

* * *

Họ đưa hai cô gái Việt vào nhà làm việc của trạm Trì thôn. Hai cô được đối xử như thượng khách, còn hơn thượng khách là khác. Một cô tên là Thuỳ, một cô tên là Liên. Họ đều là người trong đội thị nữ được triều đình Việt tuyển chọn cho theo hầu công chúa An Tư đi lấy chồng. Công chúa An Tư coi việc đi lấy chồng này là bị cưỡng bức và làm nhục thì đội thị nữ cũng coi như bị cưỡng bức và làm nhục. Trong hai cô, cô Thuỳ tính đằm hơn còn cô Liên sôi nổi; cả hai cô đều mất đi tính vui mừng. Vượt qua biên thuỳ, không còn nghe thấy tiếng mẹ đẻ. Trước đây ở trong quân của Thoát Hoan mặc dù chung quanh chỉ toàn là tiếng nước ngoài, tiếng Ui-gua, tiếng Hán, tiếng Đại Lý, tiếng Bạch Y, tiếng Miêu Cương nhưng vẫn còn tiếng Việt ở trong đám dân bên ngoài, ở trong đám tù binh bên trong. Đã một ngày nay qua biên giới hiện tượng này không còn nữa. Trong tâm hồn của hai người, quê hương xứ sở đã qua lâu rồi, chung quanh chỉ còn là tiếng động, những tiếng động ồn ào vô tổ chức, không có tiếng của con người nói với nhau. Vạn hộ hầu A Rích nói với hai cô:

– Nguyên soái đã lệnh cho chúng tôi chọn nơi ở cho lệnh bà An Tư. Nơi ở phải thật xứng đáng với vị thế của bà. Chọn nơi nào thì phải được hai cô đồng ý thì mới được. Hôm nay hai cô đi đường đã mệt, hai cô hãy nghỉ tại đây. Ngày mai tôi sẽ đưa hai cô đi thăm nơi định chọn. Nguyên soái biết các cô rời xa quê hương chắc cũng không vui cho nên đã ra lệnh cho tôi tìm cách giải khuây cho hai cô.

– Cả tôi và chị Thuỳ đây chỉ buồn vì tới đây không được nghe tiếng nói của quê tôi. Còn thì hai chúng tôi rất cảm ơn tướng quân đã chăm sóc cho chúng tôi chu đáo.

– Thế thì hai cô yên trí. Sáng mai tôi có cách để hai cô được nghe tiếng của quê hương xứ sở. Ý của A Rích là cho hai cô được gặp Đỗ Vĩ. Điều này có hai cái lợi cho ý. Một là hai cô được chiều đãi sẽ vui lòng. Hai là Đỗ Vĩ được chiều đãi sẽ giảm nhẹ sự nghi ngờ đề phòng. Như vậy mẹo hiểm của A Rích rất dễ thành công. Và chẳng ba hôm nữa thuốc đã luyện xong.

Buổi tối hôm ấy là một bữa tiệc nhỏ mở ngay tại trạm. A Rích không sợ bị lộ vì chim câu và chim cắt đã bị giết ngay sau khi đưa thư đến nơi. Tối hôm ấy, A Rích vẫn đứng lệ đi luyện thuốc một

trống canh. Khi đi về hỏi tả hữu được biết hai cô thị nữ của công chúa An Tư đã đi nghỉ, A Rích an tâm. Hắn thảo một thông tư cho dán ở Trì thôn và mười dặm chung quanh cấm bất cứ một người lạ nào bước chân vào khu vực hành binh, ai trái lệnh sẽ bị xử tử.

Từ sân sau nhà trạm, Liên nhìn lên căn lều trên đỉnh đồi cao. Một con đường ruột dê ngoằn ngoèo từ chân đồi lên đỉnh. Dưới chân đồi là một trạm canh. Rõ ràng căn nhà này có ẩn giấu một cái gì khác lạ. Có tiếng nói bên cạnh tai Liên, đó là tiếng nói của Thuý:

– Căn nhà được quân Nguyên canh phòng này hẳn có ẩn giấu sự gì bí mật.

–Ồ, chị làm em giật mình, em chợt nghĩ chọn ngay chỗ này làm nơi ở của lệnh bà An Tư là vừa khéo. Đây là một nơi ở kín đáo, lại được canh phòng cẩn mật. Mà đây lại là nơi có cái gì bí mật mà ta muốn xem. Hai chị em nhất trí với nhau. Lúc mặt trời lên, A Rích đến mời hai chị em đi xem một số nơi để chọn làm nơi ở cho công chúa An Tư thì Liên chỉ ngay lên ngôi nhà và hỏi:

– Kia là nơi ai ở?

– Tôi cũng định mời hai cô nương lên đó xem. Đây là nơi có một thượng khách người Việt ở. Ngày mai sẽ mời hai cô nương lên đó dự một bữa tiệc nhỏ.

Và A Rích đưa hai chị em đi xem một số nơi trong vùng, có thể đây là những nhà riêng của quan địa phương, một số chùa quán... Tất cả những địa điểm này có thể có những điểm phù hợp với lựa chọn nhưng Thuý và Liên đều đồng thanh nói rằng có thể sẽ chọn một điểm nào đấy vào ngày mai, sau khi dự bữa tiệc trên ngôi nhà ngọn đồi. Hai chị em muốn biết ai là người ở trên ngôi nhà đó.

Đỗ Vĩ chợt thấy có tiếng người léo xéo bên ngoài, tiếng con gái, tiếng Việt. Anh giật nảy mình. Từ ít lâu nay anh thèm nghe tiếng nói của người Việt, anh cảm thấy mình rất cô đơn. Và những người lạ đẩy cửa vào chòi của anh như vào chỗ không người. Đó là hai cô gái và mấy người lính Mông Cổ do Vạn hộ hầu A Rích dẫn đầu. Bước chân vào lều, hai cô gái im bất không nói nữa. A Rích nói:

– Đỗ Vĩ tiên sinh, đây là lệnh của thượng cấp, tôi buộc phải tuân theo. Hai cô gái này là người hầu của phu nhân nguyên soái chúng

tôi. Hai cô có mệnh lệnh đi chuẩn bị chỗ ở cho phu nhân chúng tôi. Đổ Vĩ nghĩ thầm: té ra là người hầu của công chúa An Tư đi lo chỗ ở. Và anh chợt thấy không phải mình thèm nghe tiếng Việt. Mà chính là mình muốn nghe tiếng nói của đồng đội, vậy mà hai cô này không phải đồng đội của mình. Anh lạnh lùng trả lời:

– Tướng quân còn phải tuân lệnh nữa là thứ tôi.

– Đâu có, tiên sinh nói quá. Tiên sinh không phải dưới quyền ai cả. Hai cô này muốn xem nơi ở của tiên sinh có thích hợp làm chỗ ở tạm của phu nhân tôi hay không.

– Nếu thích hợp thì sao, tôi phải dọn đi à?

– Đâu có. Nếu hai cô chọn nơi này làm chỗ ở tạm cho phu nhân, thì tôi sẽ thu xếp chỗ ở khác cho tiên sinh.

– Còn hai cô nghĩ sao?

Hai cô gái chỉ mới trạc đôi mươi, mặt mũi thông minh đôn hậu. Một cô có chiếc răng khểnh khể lé ra mỗi khi mỉm cười làm cho cô càng có vẻ tinh nghịch. Cô ta trả lời:

– Em là Tiểu Thuý. Chúng em được lệnh chọn sẵn chỗ ở cho chị chúng em. Trong đoàn tùy tùng của công chúa, chúng em coi nhau như chị em. Tuy tiên sinh đánh giá thế nào cũng được nhưng chúng em được công chúa coi như em.

– Vậy sao lại phải chọn chỗ ở cho công chúa?

Lúc này hai người nói với nhau bằng tiếng Việt. A Rích nghe không hiểu mặt cứ ngẩn tò. Cô kia chen vào:

– Tình hình là thế này: Quân Nguyên sắp rút về nước. Nguyên soái Thoát Hoan đem công chúa theo. Công chúa sẽ phải theo quân nhưng sẽ được ở một nơi riêng biệt.

Đổ Vĩ trả lời ngay:

– Tức là họ tìm một chỗ ở vừa giữ chắc người ở, vừa cách li với chung quanh.

– Còn em là Liên, như vậy tiên sinh đã nói đúng. Một chỗ giam lỏng tù. Nhưng là loại tù được chiều, được đãi.

Đổ Vĩ bật cười:

– Vậy tôi cũng là loại tù được chiều, được đãi chảnh?

Và anh nhanh chóng xoá đi sự ngẩn ngơ của A Rích. Anh dùng tiếng Trung Quốc nói với A Rích:

– Hai cô này muốn chọn chỗ này làm nơi ở. Tôi không hiểu tại sao họ lại chọn chỗ này, leo lên đã mệt, muốn rong chơi ngắm cảnh chẳng có chỗ nào mà đi. Mà nếu lấy chỗ này làm chỗ ở thì tôi phải đi đâu. A Rích cười:

– Tiên sinh sẽ có chỗ ở, yên trí. Nếu cần tiên sinh xuống ở với tôi, chỗ tôi ở có dãy nhà ngang cách biệt với trại quân, yên tĩnh và rất tiện cho việc tôi hầu hạ tiên sinh.

Đỗ Vĩ cười ha hả:

– Làm sao tôi có thể đòi hỏi tướng quân phải chăm nom cho tôi. Nói cho thẳng ra, tôi ở đây không khác gì tên tù giam lỏng, được tướng quân đối xử thế này là tốt rồi.

A Rích gạt đi:

– Làm sao tiên sinh là tù giam lỏng được. Tiên sinh là An Đa kết nghĩa của một hoàng thân dòng Lều Vàng. Đó là Ba Tu, Vạn hộ hầu hầu cận của hãn Lều Vàng. Chúng tôi đã có hỏi thì được biết Ba Tu đã qua đời cách đây bảy năm.

Đỗ Vĩ kêu lên:

– Anh em kết nghĩa của ta qua đời rồi ư? Sao đến hôm nay ông mới cho ta biết tin này?

– Đó là vì lệnh trên không cho phép tôi nói. Vì tiên sinh là anh em kết nghĩa của hoàng thân Ba Tu, hoàng thân thuộc dòng hãn Lều Vàng, cánh tay kết nghĩa của đức hoàng đế Hốt Tất Liệt. Cho nên sự đối xử với tiên sinh phải có sự đồng ý của hãn Lều Vàng. Đến nay hoàng thân đã qua đời rồi, mọi việc đã dễ dàng.

Đỗ Vĩ nghĩ rất nhanh, vậy là giặc đã điều tra kẻ có que trúc Thiên sơn tám ngựa nhưng tên này đã qua đời, do đó có thể dẫn đến hai quyết định: một là chúng không phải e ngại gì cứ việc khử ngay Đỗ Vĩ mà không sợ dòng hãn Lều Vàng phản ứng, hai là có thể hãn coi việc kết nghĩa là có thực. Nhưng nếu hãn coi việc kết nghĩa là có thực thì làm sao Tổng hành doanh Mông Cổ không có quyết định gì?

Và Đỗ Vĩ nghĩ rằng có thể chúng đã có quyết định là giết Đỗ Vĩ. Giết ngọt và không có bằng chứng. Có thể bằng bỏ độc. Có thể bằng gây tai nạn. Như vậy việc đề phòng càng phải đặt ra riết róng

Hai cô gái nhìn hai người nói chuyện không hiểu nội dung nên chỉ cười. Đỗ Vĩ dùng tiếng Việt nói với hai cô:

– Thế là từ nay hai cô sẽ ít có dịp để nghe tiếng nói của người cùng quê. Hai cô quê ở đâu?

Anh vừa hỏi vừa cười rất tươi làm không khí nói chuyện vui tươi nhẹ nhàng lên. Và A Rích cũng thấy hơi lòng hơi dạ. Cô Thuý nói:

– Chuyện này là điều lạ nhưng ngay từ trong nước chị em tôi đã nghe chuyện về tiên sinh.

Cô Liên tranh nói:

– Chị em tôi đều nghe nói tiên sinh là bậc quốc sĩ có công lớn với đất nước.

Đỗ Vĩ giật mình nhìn sững song anh chợt liếc sang A Rích và đổi nét mặt tươi cười như lúc thường:

– Bậc quốc sĩ là bậc gì. Tôi chỉ là một lái buôn đã rời xa đất nước mấy năm.

– Chúng tôi không biết việc làm của tiên sinh thế nào. Chỉ biết nguyên soái Thoát Hoan đã hạ lệnh giết tiên sinh. Đỗ Vĩ cười xoa:

– Thôi ta đừng nói chỗ này nữa, tiện đây tôi đề nghị để ông A Rích mở một bữa tiệc mời hai cô cùng dự. Tiệc này có thể coi là tiệc những người xa quê gặp nhau.

– Hoặc có thể coi là những người quý nhau gặp nhau.

– Muốn thế nào cũng được. Nhưng những chuyện vừa rồi không nên nói rộng. Vì những người hầu của tướng quân A Rích có nhiều người nói được tiếng Việt.

– Nhưng y thì không biết đâu.

Một bữa tiệc được ấn định vào tối mai, đêm mười sáu tháng Bảy. Một bữa tiệc mà cả bốn người dự, mỗi người có một quyết định riêng.

Chương 19

Theo lệnh của Hành trung doanh, Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Chế Nghĩa chỉ huy cuộc làm sạch vùng đảo Hạ Long và Bái Tử Long. Thật không thể ngờ được sau khi quét sạch quân Nguyên những tưởng vùng đảo này trở nên sạch và vắng người, nào ngờ mấy nghìn hòn đảo nằm rải rác mấy trăm dặm hầu như đảo nào cũng có người, những con người thành tích bất hảo, những con người phạm đủ các tội từ đốt nhà, giết người đến hiếp dâm, cướp của. Đây là những con người gồm đủ sắc tộc cả hai phe. Về phía Việt có người Kinh, người Tày, người Dao, người Mán đỏ, Mán Làn Tẻn, người Mường, người Nùng Phàn Xinh... Về phía Mông Cổ có người Hán, người Bạch Y, người Nam Chiếu, người mười hai châu Thái, người Đại Lý và cả người Mông Cổ... Quân Nguyên rút qua, quân ta đuổi đến có một khoảng thời gian vùng đất này không có người cai quản. Những bọn người phạm tội kia biết chắc nếu chính quyền nào đứng vững chúng cũng đều bị trừng trị, vì thế cho nên việc đầu tiên là chúng tránh gặp mặt tất cả mọi người. Kể cả giữa chúng với nhau chúng cũng có những quan hệ rất lỏng lẻo, chúng gần như có một sự chia nhau lẫn khuất trên các đảo, kể cả những đảo nhỏ nhất. Thức ăn là những thứ gì chúng kiếm được từ dưới biển lên, cá tôm ngao sò và một số ngô thóc cần quét vơ vét được trước khi bỏ trốn ra vùng hải đảo này.

Việc truy quét bọn này không khó nhưng cực kỳ nguy hiểm. Đứa nào cũng có vũ khí, nhiều vũ khí là khác. Từ cung đơn đến cung kỵ sĩ ngắn hơn, từ mã tấu nặng nhẹ khác nhau, giáo trường, câu liêm đến những thanh kiếm cực kỳ quý, lạ, có thanh có tên đặt - đây chắc là những thanh kiếm của các võ tướng cấp cao lúc bỏ chạy bị thất lạc rơi vào tay đám cướp bóc kia. Trần Quốc Tuấn sai Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Chế Nghĩa quét sạch vùng đảo này bởi vì vài tháng nữa vùng đảo này sẽ là nơi tập nập thuyền bè, từ vùng đảo Đông Nam, từ nước Trảo Oa đến Chân Lạp sẽ tụ tập về đây đem hàng

đến bán và cất hàng ở đây đi nơi khác. Nơi tập trung thuyền bè như vậy, hàng hoá như núi như mây không để kẻ cận đám người sẵn sàng phạm tội kia, phải quét sạch chúng đi, chúng là sản phẩm của cuộc chiến tranh vừa xảy ra. Chính chúng là những đứa nhĩ mình đã đến thời kiếm ăn được. Và quả thực chỉ trong vài tháng đánh nhau chúng đã kiếm ăn được, kiếm dễ dàng và bây giờ đây cơ hội của chúng đã qua. Bỏ chạy theo quân Nguyên cũng không được, đòi nào chúng chấp nhận đám cận bã xã hội này. Mà ở lại với quân Việt cũng không được, đất nước này đâu có chỗ dung thân cho tội ác, tốt nhất là ra hoang đảo và như thế chúng tránh các đảo to ở vào các đảo nhỏ. Mỗi đảo một đứa, hai đứa, chúng lý luận nếu đông người vừa khó nuôi nhau vừa đánh động cho nhà chức trách đến càn quét. Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Chế Nghĩa phải chia nhau lên từng đảo nhỏ lòng sục, càn quét ở nơi nào có dấu hiệu người ở như dấu bếp làm cơm, lông gà lông vịt là phải lòng sục thật kỹ thật cẩn thận e bọn chúng chó cùng dứt đuôi, cũng vì thế công việc tiến triển rất chậm, hàng mười ngày sau chỉ mới được một vùng đảo nhỏ...

Sáng nay hai tướng họp nhau trên đảo Ngọc Vũng. Nguyễn Chế Nghĩa bảo Phạm Ngũ Lão:

– Chắc đức ông Tiết chế có định một chuyện gì với tiểu tướng nên mấy lần Đức ông định nói rồi lại thôi.

Phạm Ngũ Lão tủm tỉm cười:

- Chắc là chuyện vui thôi.
- Chuyện vui sao định nói lại thôi.
- Chắc là chưa đến lúc nói được.

Nguyễn Chế Nghĩa bắn khoăn:

– Mấy ngày hôm nay tôi bắn khoăn đứng ngồi không yên, chắc có chuyện gì lạ sắp xảy ra - Rồi đâm ra mê tín - Tôi thấy có con chim khách cứ đậu ở đầu thuyền báo hiệu. Làm sao tôi biết là nó báo hiệu? Là vì nó cứ nhìn vào mặt tôi mà hót.

- Chắc lúc bấy giờ hiền đệ đang ăn cái gì phải không?
- Ăn thì không ăn nhưng tay tôi đang cầm một tấm bánh.

Phạm Ngũ Lão cười lớn:

– Thế là nó đòi ăn bánh. Hiền đệ có cho nó miếng nào không?

Nguyễn Chế Nghĩa ngẩn ngơ:

– Tôi cũng không nghĩ nó hỏi xin bánh nên cũng không cho nó miếng nào.

– Thế thì phải rồi, nó bay đi rồi nó lại bay lại cũng vì xin bánh, hiền đệ không cho nó ăn nó còn xin.

– Nhưng đâu phải đối với nó chỉ có miếng ăn là quan trọng, còn nhiều cái khác nữa chứ?

Và đúng thế, Phạm Ngũ Lão chợt nghĩ ra một điều quan trọng. Ở các đảo nhỏ lẩn trốn là điều dễ dàng, ở đây chỗ ẩn náu không thiếu. Nơi cất dấu lương thực cũng dễ dàng, cũng không thiếu. Nhưng cái thiếu ở đây là nguồn nước uống, thiếu thức ăn vài ba ngày không sợ nhưng thiếu nước vài ngày thì không ai chịu nổi. Như vậy chỉ cần chọn trong vùng đảo này những nơi có nước ngọt rồi canh phòng cẩn mật, dựng cờ chiêu an, phát thức ăn, phát nước uống, phát thuốc men cho những người hồi lương chắc là sẽ thu được kết quả lớn. Phạm Ngũ Lão bày mưu ấy cho Nguyễn Chế Nghĩa. Hai người mừng rỡ tiến hành kế hoạch.

Mười hôm sau đã có hơn bốn nghìn tên ra đầu thú. Tất cả đều được cho ăn, cho uống, đối xử tử tế và được tuyên bố tha bổng tất cả các tội phạm phải. Miễn là từ đây trở đi phải ăn ở như người tử tế.

Cuối tháng sáu Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Chế Nghĩa được lệnh thu quân về, trao vùng đảo lại cho Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư. Trên đường trở về hai anh em đứng trên mũi thuyền tướng. Phạm Ngũ Lão bảo Nguyễn Chế Nghĩa:

– Ta đã biết đức ông Tiết chế định nói gì với hiền đệ rồi.

Nguyễn Chế Nghĩa giục:

– Đại huynh nói đi, chuyện gì vậy.

– Ở quê, ta có một cô em nuôi. Đúng hơn là mẹ ta nuôi cô ta làm con nuôi nên cô trở thành em nuôi của ta. Đức ông Tiết Chế đã từng gặp mặt cô ta, đức ông còn nói cô này phải có chồng là một vị tướng mới xứng đáng. Chả là vì cô ta đã lập công lớn, cô ta đã đem về tin

tức cho quân ta. Còn Tiết chế ngậm ngừng chưa muốn nói là vì cô ta đang bị trọng thương.

Chả lẽ nói ra là gả cho hiền đệ một cô gái còn đang bị thương thì không tiện lắm.

Phạm Ngũ Lão hiểu ý Quốc công Tiết chế cho hai anh em làm tướng quét sạch vùng đảo chính là để cho hai người có dịp gần nhau. Sau này nếu làm em rể anh vợ với nhau càng thêm thân tình.

Nhưng thực ra Tiết chế còn có ý sâu sắc hơn. Gả chồng cho Tầm không gì bằng Phạm Ngũ Lão đứng ra làm chủ hôn.

Khi thuyền đưa Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Chế Nghĩa về đến cửa Suốt thì đã thấy trên bến có thuyền cắm hiệu cờ Nguyên soái. Quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn và Đức ông Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư đã chờ sẵn họ trên bến. Họ đã đến đây gần được một trống canh. Họ trông hiệu cờ, họ biết Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Chế Nghĩa sắp về tới nơi. Quốc công Tiết chế sai dựng sẵn lều trận chờ hai người. Họ mừng rỡ khi bước lên bến. Đức ông Nhân Huệ vương cười khà khà:

– Vùng đảo Bái Tử Long này che dấu không biết bao nhiêu bí mật. Hai tướng quân mới đi mười ngày làm sao biết hết được. Ở vùng này chỉ có hai người thuộc lòng bàn tay quần đảo Bái Tử Long. Một là vương tử thứ ba Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng và người thứ hai là Dư này. Nhưng Hưng Nhượng vương cũng không vượt quá được đảo Minh Châu, ngoài khơi Vân Đồn là đất của Dư này.

Trần Quốc Tuấn gạt đi:

– Đừng nói thế đến tai Tảng, nó lại tự phụ. Về một vùng đất nhất là đảo đá, đảo đất chi chít như thế này ai lại có thể tin là mình nắm chắc được nó. Tôi hỏi đức ông nhớ: có bao nhiêu đảo có nguồn nước ngọt, những nguồn nước ngọt lộ thiên và những nguồn nước ngọt còn nằm trong hang kín.

Trần Khánh Dư nói:

– Không phải tự phụ, có bao nhiêu nguồn nước ở đây tôi đã vẽ hết vào bản đồ. Có lụt là một đôi nguồn ở kín.

– Đấy mới là điều đáng nói, mỗi một nguồn nước ở kín có thể là chỗ dựa của một đô quân mai phục. Đức ông đừng tự phụ. Đảo có nước hay đảo không nước như vấn đề âm dương xoay đổi nhau biết thế nào mà bàn được. Âm dương là chuyện sáng tối, là chuyện cõi trần và cõi u linh, nó chính là cội rễ của mọi vấn đề. Như thế với việc dùng binh âm dương sẽ là sự thành bại.

– Tạ ơn Quốc công đã chỉ bảo, tôi chỉ được cái nói mồm tự phụ thôi chứ thực ra rảnh lúc nào là tôi dẫn thuyền đi tuần thú mà đã đi tuần thú là toàn vào những nơi chưa bước chân đến.

Lính canh thông báo lều trận đã lập xong, hai đức ông dẫn tả hữu về lều trận của Hành trung doanh. Phạm Ngũ Lão vốn là tướng chỉ huy Hành trung doanh nên mau chóng xem xét việc dựng lều trận. Anh ra ngay lệnh cho nhà bếp chuẩn bị bữa ăn trưa. Trần Quốc Tuấn vẫy Nguyễn Chế Nghĩa theo vào lều trận. Hai đức ông ngồi bên trên, Nguyễn Chế Nghĩa ngồi bên dưới. Quốc công Tiết chế nói:

– Ta định gặp mấy tướng có liên quan đến việc dùng binh sau này ở đây. Đó là đức ông Nhân Huệ vương là Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng. Là tướng quân chỉ huy Thánh Dực quân và là tướng quân chỉ huy Hành trung doanh.

Người thứ tư là người, tướng trấn thủ lộ Khoái. Ta đã quyết định người cầm lộ Khoái từ hôm qua.

Nhân Huệ vương hỏi:

– Chúng nó còn có một tí tàn binh ở Lạng Giang thì cần gì đến việc chuẩn bị địa bàn ở đây?

Hưng Đạo vương nghiêm trang hỏi:

– Nếu đức ông Nhân Huệ là tướng giặc, giả sử như thế thì lần vừa rồi tướng quân tiến binh theo đường nào?

– Đường tiến binh chủ yếu của giặc vẫn là đường lộ Lạng Giang. Hai đường tiến binh phụ có thể từ Quy Hóa ra tiến đến sông Lô và một mặt men theo ven biển qua cảng Thiên Uy.

– Chỉ có thể thôi ư?

– Không đâu, nếu tôi cầm quân tôi sẽ có một cánh quân thủy đông mạnh qua cửa Vân Đồn tiến vào cửa Lục. Cánh quân này vừa

là quân chiến , vừa là quân tải lương có thể là hai cánh có tướng riêng biệt nắm chắc. Quân tải lương dùng thuyền vận tải, quân thủy chiến dùng thuyền nhẹ. Khi đánh vào trong đất liền, cánh quân thủy sẽ không kém quan trọng chút nào đối với ba cánh quân bộ đi cùng.

– Thế tại sao địch không dùng thế?

– Tại chúng chưa biết thế đất của ta.

– Vậy bây giờ chúng đã biết chưa?

– Chúng biết rồi, chúng đã để lại một số tên để vẽ bản đồ vùng biển Đông Bắc. Hành doanh thủy quân Vân Đồn của ta đã bắt được một nhóm ba tên và đang truy bắt một nhóm sáu tên nữa. Chúng là chín tên được A Lý Hải Nha chọn và để lại. Chúng toàn là những đứa có học nếu bắt được coi như A Lý Hải Nha không để được đứa nào lọt vào nước ta.

– Nhưng nếu chúng còn để lọt lại.

Đến chỗ này thì Trần Khánh Dư im lặng. Trần Quốc Tuấn cười khà khà:

– Đức ông Nhân Huệ tắc kỳ ngôn lộ rồi hử.

Phạm Ngũ Lão vào cửa thưa:

– Hai đức ông còn làm việc nữa hay không? Nhà bếp đã soạn xong cơm. Thỉnh hai đức ông uống rượu, nghỉ trưa chiều làm việc tiếp.

Trần Quốc Tuấn bảo:

– Không cần, vừa uống rượu vừa bàn càng tốt, cho tướng quân và Nguyễn Chế Nghĩa được dự. Và hình như trong đoàn quân của tướng quân có tướng chỉ huy dân binh Hoa Xuân Hùng đi theo trong việc giữ gìn an ninh ngoài hải đảo phải không? Nếu đúng thì cho cả Hùng dự. Anh ta sắp lấy vợ người làng Ngộ. Vợ anh ta là chỉ huy nữ binh sông Bạch Đằng và sông Tranh. Chuẩn bị kiến thức về vùng này phải nhờ tới vợ chồng ấy.

Bữa tiệc bày ra trong lều trận không ai ngờ là nó lớn đến như vậy. Các thứ hải sản bày la liệt, cua, ghẹ, sò, cá... thứ nướng, thứ hấp, thứ luộc, thứ nấu canh chua cay.

Trần Khánh Dư cười khanh khách:

– Đã thấy vùng đảo chưa? Thật là hải sản ê hề, thứ này thì tốn rượu lắm. Dân nhà binh, lính tráng được thế này thì quý quá. Nhưng làm sao mà chuẩn bị được nhiều thứ thế này - Đức ông tò mò nhìn - Lại có cả rượu tiết ngán.

Trần Quốc Tuấn tò mò hỏi:

– Ngán là con gì? Ăn nó thế nào?

– Ngán là một thứ ngao vỏ sù sì, màu vàng nhạt. Người ta trần một con ngán bằng nước sôi rồi lấy con ngán ra cho vào rượu đánh kỹ, máu ngán sẽ ra thành một thứ rượu màu đỏ uống ngon lắm.

– Thế là nó cũng như rượu tiết dê à?

– Đúng là nó như rượu tiết dê nhưng được tính của nó lại ngược lại. Rượu ngán uống hạ hỏa. Vừa qua chúng ta đi đường xa kể cả đường thủy lẫn đường bộ, hỏa đều bốc. Bây giờ uống rượu hạ hỏa, thì ăn đồ hải sản mới thích hợp.

– Kỳ nhỉ.

Trần Quốc Tuấn nhìn Phạm Ngũ Lão hỏi:

– Đầu bếp nào mà giỏi thế, biết được người dự tiệc đang bốc hỏa mà cho uống rượu ngán.

Phạm Ngũ Lão cười thưa:

– Thưa đấy là vợ chưa cưới của Hoa Xuân Hùng. Cô Hồng, tướng nữ binh sông Bạch Đằng. Trong khi truy bắt bọn tàn binh giặc trên các đảo cô đã kiếm được những thứ này.

Hai đức ông cười khì khì trở Hoa Xuân Hùng:

– Nhà người có cô vợ giỏi thật, đánh giặc cũng giỏi, chăm sóc chồng càng giỏi hơn, làm bếp lại thật tuyệt.

Hoa Xuân Hùng chỉ một đĩa hải sản nói:

– Đây là con sam, món quý vùng Đông Bắc, con sam bao giờ cũng đi đôi, con đực đở trên lưng con cái, hai con đưa nhau đi kiếm ăn, con cái kiếm thức ăn đùn lên cho con đực, đã làm thì bao giờ người ta cũng làm cả đôi, thịt nó ngọt như thịt cua nhưng không dai bằng cá mực, người ta ăn sam được bỏ cả hai mặt âm dương. Đàn ông và đàn bà ăn đều được, ông già và trẻ nhỏ ăn cũng được.

- Thế thì tuyệt. Thế còn cái này là cái gì?
- Đây là con cu ki, một thứ cua tròn thu lu, mai tròn, càng tròn, ăn còn mềm và ngọt hơn cua biển.
- Đây là lần đầu tiên ta trông thấy nó.
- Còn đây là canh cá mú để uống rượu say thì húp một bát cho già rượu.
- Thôi ăn đi. Mãi nghe chuyện ăn uống ta quên cả chuyện ta muốn bàn.

Chỉ còn Trần Quốc Tuấn và Trần Khánh Dư đi dọc theo bờ biển. Biển đã về chiều xanh ngắt, mặt biển hôm nay hơi lặng sóng, những dãy đảo xa xa xám đen một màu bí ẩn. Trần Khánh Dư đi theo Trần Quốc Tuấn, ông im lặng vì biết rằng Quốc công đang mãi suy nghĩ một vấn đề quan trọng. Mãi lâu Quốc công mới nói, sẽ sàng nhưng dần từng tiếng:

– Nếu chúng sang lần nữa chắc chúng sẽ sử dụng quân thủy. Đường vào là qua cửa Vân Đồn, cửa khẩu vào đất liền phải là cửa Lục. Như vậy chiến trường sẽ có thể là hai nơi: một là ngoài biển rộng mênh mông từ cửa Vân Đồn về cửa Lục. Hai là vùng sông ngòi chằng chịt ngay sau cửa Lục.

Trần Khánh Dư sẽ sàng nói như thăm dò:

– Sẽ là trận đánh giữa quân chiến với quân chiến hay là trận đánh giữa quân chiến với quân vận tải.

Trần Quốc Tuấn nhú hai mày lại:

– Phân rõ thắng bại trên chiến trường cuối cùng là quân bộ đôi bên. Quân bộ của địch cộng thêm quân kỵ. Nhưng để cho quân bộ và quân kỵ có cái ăn là phải có quân thủy vận tải. Cho nên điều quyết định cho cả chiến cuộc chính là ở đây, ở mặt trận thủy này. Cho nên vừa qua ta rất bằng lòng với bữa rượu bàn chơi hoá ra bàn thật. Trận đánh ở vùng sông chằng chịt sẽ do ta chỉ huy, có Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa, có Hoa Xuân Hùng. Người sẽ chịu trách nhiệm ven cửa Lục là Phạm Ngũ Lão. Người chịu trách nhiệm ở vùng sông chằng chịt là Nguyễn Chế Nghĩa và vợ chồng Hoa Xuân Hùng. Còn đức ông sẽ phải chịu trách nhiệm chính là đánh tan

đoàn thuyền lương của địch. Đức ông phải chọn chiến trường mai phục sao cho thích hợp. Đức ông sẽ phải chọn bao nhiêu quân là thích hợp, đức ông sẽ phải chọn tướng phù tá nào thích hợp, đức ông sẽ phải chọn biện pháp nào là giữ được bí mật. Có thể chúng phải chuẩn bị ba, bốn năm nữa mới sang vì thu gom thuyền đâu phải một hai năm đã đủ thời gian. Vậy thì trong vài ba năm tới đức ông phải lập bốn xưởng đóng thuyền trong châu ái, châu Hoan cho kín đáo, gỗ lạt từ châu ái, châu Hoan vẫn còn nhiều và dư dật, chỉ cần phao tin là đoàn thuyền đóng để đi tuần thú Chiêm Thành, Chân Lạp. Việc bí mật là quan trọng nhất, không thể để bất kỳ một ai biết được. Còn Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Chế Nghĩa đóng thuyền thì không thể nào ngờ được vì thuyền bè đều đóng ở lộ Long Hưng dùng cho quân thủy của hai vua.

Trần Khánh Dư ngoảnh nhìn Quốc công Tiết chế:

– Anh trưởng lo việc chiến tranh trước hai, ba năm quả thật là chỗ dựa của nhà nước, mọi việc anh trưởng giao em sẽ cố hết sức làm tròn.

Trần Quốc Tuấn nghiêm sắc mặt bảo:

– Không được một sơ suất nào, phải lấy đầu mình ra để thế đó.

Chương 20

Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật dẫn vào một người khách lạ. Cuộc họp chỉ có mấy vương hầu quan tọng nhất ở mặt trận phía Bắc, đó là Hưng Hiếu vương Trần Quốc Nghiễn, Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng, còn Trịnh Mác và Hoàng Mãnh chỉ được ngồi nghe.

Chiêu Văn vương giới thiệu người khách là: đó là một ông nhà buôn nổi tiếng ở các bậc dịch trường phía Bắc, ông Mai Thúc Lại. Nhưng từ khi cuộc chiến tranh nổ ra giữa hai nước Nguyên và Đại Việt thì mọi cuộc buôn bán giữa hai bên đều bị cấm. Riêng ông Lại có số hàng còn đọng lại bên nước Nguyên rất lớn, có thể là vốn buôn của hàng chục nhà buôn lớn. Chiêu Văn vương nói:

– Ông Lại là bạn hàng quen thuộc của Đỗ Vĩ. Có thể trong một vài cuộc buôn bán họ còn là người chung vốn. Hai người rất tin cậy nhau. Còn chúng ta, chúng ta chỉ còn cách nhờ vào ông Lại đưa tin đến cho Đỗ Vĩ.

Các vương hầu đều biết Đỗ Vĩ đã được phóng đi, người phóng chính là Quốc công Tiết chế. Nhưng Trần Nhật Duật đã có một thời gian dài là người coi quản việc phóng gián điệp thu thập tin tức và chống gián điệp đối phương cho nên Trần Nhật Duật biết rất rõ Đỗ Vĩ quan hệ với ông Lại tin cậy và thân thiết đến mức nào. Và một khi Đỗ Vĩ được phóng đi rồi thì chưa có lệnh, anh ta chưa quay lại đất nước. Có thể bây giờ Đỗ Vĩ như người ngồi trên lửa chờ tin nước nhà đưa tới. Nhưng ở đây, Quốc công Tiết chế vắng mặt, Trần Nhật Duật định họp các vương hầu trọng yếu xem ý kiến mọi người thế nào. Có thể là rút, có thể là lệnh cho Đỗ Vĩ trở về Cao Ly.

Chỉ là một cuộc họp, rất ngắn. Ý kiến mọi người rất thống nhất: Lệnh cho Đỗ Vĩ tùy ý lựa chọn đi Cao Ly hay trở về nước. Một bữa tiệc nhỏ được bày ra để thết đãi ông Lại. Tiệc nhỏ, món ăn là đặc sản của vùng Cao Bằng - đó là chả đông trùng hạ thảo. Mùa này

đồng trùng hạ thảo sắp nở thành bướm. Chúng đang rất béo. Mỗi con đều ẩn náu trong một cây lau. Người ta gặt cỏ lau về nhà, tách lau ra, một con sâu trong nú ních nằm ẩn bên trong. Loại chả đồng trùng hạ thảo chỉ có trong mười lăm ngày, mà trong đó có năm ngày ngon nhất. Đây là một loại thuốc bổ bền dai cực kỳ. Ăn một bữa đồng trùng hạ thảo có thể bổ trong ba năm liền. Đã thế còn tránh được các loại bệnh âm hỏa. Ông Lại cười:

– Các đức ông cũng ăn rất sành, loại này tôi được ăn một vài lần. Ngày xưa Đỗ Vĩ đã rủ tôi từ miền biển lên Cao Bằng ăn chả đồng trùng hạ thảo. Lần ấy tôi mới biết thế nào là đồng trùng hạ thảo. Mà anh ta có quý tôi lắm anh ta mới rủ đi ăn. Mà anh ta cũng phải biết lúc nào có đồng trùng hạ thảo mà ăn.

Trần Quốc Tảng ngẩn mặt, đức ông cũng là bạn thân của Đỗ Vĩ mà chưa hề được mời dự một buổi nào. Ông Lại bảo:

– Chắc các đức ông có điều gì muốn sai bảo tôi chẳng. Xin cứ nói, nếu vì Đỗ Vĩ thì các vị không ngại, việc khó đến đâu tôi cũng làm bằng được.

Trần Nhật Duật nói rằng, hiện nay Đỗ Vĩ đang ở bên kia biên giới. Bây giờ muốn gọi Đỗ Vĩ về, thì phải đưa tin đến tận tay anh ta sao cho kín. Nhưng mà cũng không biết Đỗ Vĩ ở đâu. Cho nên đó là một việc khó tày trời. Ông Lại cười khà khà.

– Nhưng tại sao đức ông biết tôi có quen Đỗ Vĩ.

– Tại vì công việc của tôi bắt buộc phải thế. Tôi biết Đỗ tiên sinh với Mai tiên sinh à chỗ bạn tâm giao. Cho nên tôi buộc phải tìm bằng được tiên sinh từ vùng ven biển đưa lên đây.

– Thảo nào họ mời tôi lên đây mà như áp giải tù,

– Xin tiên sinh thứ lỗi, là vì chúng tôi rất cần tiên sinh có mặt ở đây đúng ngày.

– Mười tỳ tướng giải tôi đi, người nào trông dáng dấp cũng võ nghệ siêu quần, không một lúc nào người ta rời mắt khỏi tôi. Về ăn uống thì cực kỳ thịnh soạn, về chỗ ngủ thì cực kỳ an toàn, chỉ có muốn rời một tý cũng không được. Nói các đức ông tha lỗi, ngay khi tôi đi ỉa, đi đại cũng có người đứng xem.

Các đức ông cười ồ lên. Trần Nhật Duật nói:

– Việc là đưa tin đến cho Đỗ Vĩ. Và nhất là phải tìm biết xem anh ta ở đâu và phải làm rất nhanh.

Trần Quốc Tảng nói:

– Anh Đỗ là bạn thân của tôi. Ông Mai là bạn thân của anh Đỗ vậy cũng là bạn thân của tôi. Tôi xin nói thật, việc này quan hệ đến tính mạng của anh Đỗ, việc đưa tin nóng như lửa bỏng.

Ông Mai Thúc Lại cả cười:

– Ông Đỗ ở đâu tôi vẫn biết. Vừa lên đến biên giới đây tôi đã có tin của ông Đỗ. Có người trông thấy ông ấy ở một thôn bên kia biên giới. Vẫn khỏe mạnh.

Các vương hầu nhao nhao:

– Thôn nào vậy?

– Đây là Trì thôn, thôn này cách biên giới hai ngày đường, nếu đi ngựa thì một ngày.

– Nếu đem một đoàn quân nhỏ sang có được không?

– Không được. Trì thôn là một thôn nhỏ nhưng hiện đúng đây là nơi tướng địch giữ hậu cứ đóng. Quân có cả vạn. Tướng tinh nhuệ có cả trăm. Người giỏi võ phải hàng nghìn. Từ đây đến Trì thôn có bốn trạm canh. Mỗi trạm ba nghìn quân, cho nên một tốp quân nhỏ dù là rất tinh nhuệ cũng không qua được nổi một trạm.

Tất cả các vương hầu đăm chiêu, ông Lại lại nói:

– Nhưng nếu chỉ đưa tin đến cho Đỗ Vĩ thì có thể được. Tôi có thể làm được việc đó. Ngày xưa, việc buôn bán giữa hai bên vẫn có những mặt hàng không bên này thì bên kia cấm, chúng tôi vẫn có cách thông thương được. Những trạm chuyển hàng của chúng tôi có khi ở đỉnh núi, có khi ở lưng chừng núi, có khi ở trong các chùa đền. Cho đến nay họ vẫn là những bạn hàng chí thiết của tôi. Tôi tin là tôi đi vẫn được. Những các ông cần cho tôi biết Đỗ Vĩ làm gì, đối với các ông là thế nào? Các ông phải tin cậy tôi, cho tôi biết để yên tâm, để tôi quyết chí làm bằng xong.

– Hưng Nhượng vương đây là bạn thân của Đỗ Vĩ. Đỗ tiên sinh đi làm việc nước. Ngay làm việc gì chúng tôi cũng không được biết.

Bây giờ tình thế cần phải gọi về, việc tiên sinh có thoát thân được hay không là do ông đưa được tin đến cho ông ấy.

Ông Lại cười hà hà:

– Thế thì tôi hiểu rồi. Đổ tiên sinh là sinh gián. Chưa có lệnh ông ta không dám về. Tôi là bạn của ông ấy. Bây giờ tôi còn kính trọng ông ấy hơn nữa. Xin các ông cứ giao việc. Tôi sẽ hoàn thành.

– Ở trong nước tôi là người chịu trách nhiệm về việc này. Nhưng tôi không phải là người chỉ huy chính của ông ấy. Ông ấy dưới quyền của một người cao chức hơn tôi rất nhiều. Nhưng người đó bây giờ không có mặt ở đây. Vậy thì tôi sẽ ra lệnh thay. Lệnh của tôi là thế này: Về ngay hoặc đi bất kỳ đâu đó.

Ông Lại nhìn Trần Nhật Duật tò mò hỏi:

– Lệnh có vậy sao?

– Lệnh nói truyền miệng, không đòi hỏi trả lời. Còn truyền lệnh lúc nào là tùy ông miễn là chỉ có một người nói, một người nghe. Cũng không cần nói lệnh do ai truyền.

– Tất nhiên là như thế rồi. Đổ tiên sinh tất nhiên là phải biết ai truyền lệnh. Và riêng việc tôi là người đưa tin thì Đổ tiên sinh phải tin. Nhưng tôi cũng phải nói để các đức ông biết rằng, các ông quý Đổ tiên sinh một thì tôi quý Đổ tiên sinh hai. Bởi vì tôi, ngoài việc đều là những người Việt trong cùng một nước, Đổ tiên sinh còn là bạn tôi và Đổ tiên sinh còn là đồng môn của tôi. Tôi và Đổ tiên sinh cùng nằm trong một môn phái võ, hai người đã được hai sư phụ chọn để truyền dạy. Sư thúc tôi dạy Đổ tiên sinh. Sư phụ tôi là sư huynh. Đứng theo vai vế, Đổ tiên sinh phải là sư đệ của tôi. Nhưng trong môn phái của tôi, Đổ tiên sinh là đệ tử y bát truyền nhân. Tôi là bậc trên của sư đệ tôi. Tôi có bổn phận phải đi cứu sư đệ tôi. Nhưng bản lĩnh tôi không có đủ. Mà quyền lực tôi cũng không có đủ. Tôi phải thỉnh giáo sư thúc của tôi, sư thúc chương môn mới đủ quyền.

– Việc của quý môn phái chúng tôi không thể nào can dự được nhưng xin phép được hỏi một câu: tại sao phải thỉnh giáo sư thúc của tiên sinh?

– Điều này rất đơn giản vì tôi chưa đủ tài. Sư thúc tôi không những võ nghệ cao cường mà còn là người thâm trầm, biết lẽ tiến

lui hàng mười năm trời. Có thể nói một làn gió thoảng là sư thúc tôi biết có khách đến chơi.

– Vậy người này có thể biết được sự tồn vong của số mệnh chăng?

– Không đâu. Người không phải là một bậc tiên tri nhưng phải xin ý kiến của người để biết những hướng phải đề phòng.

– Nhưng sư thúc tiên sinh có ở gần đây chăng. Mà việc cứu Đồ tiên sinh như cứu lửa, rất cấp bách.

– Không biết sư thúc của tôi nay có ở tại am núi Tuyết không. Nhưng sư phụ tôi hiện đang chờ tôi ở bên ngoài chắc người cũng đến vì việc của sư đệ tôi.

Các vương hầu quan tướng mừng rỡ:

– Nều vậy cho mời ngay thiền sư vào đây.

Trần Quốc Tảng đứng ngay dậy, rảo bước ra ngoài cửa. Mai tiên sinh cũng vội vã bước theo. Trên đỉnh đồi cao một nhà sư gầy gò chống một cây gậy ngồi trên một tảng đá, tay trái đang lần một chuỗi hạt. Sau lưng có một chú tiểu đứng hầu. Trần Quốc Tảng rảo bước tới, chắp hai tay thì lễ cung kính:

– Bạch thiền sư, nghe tin thiền sư tới chúng tôi rất vui mừng và kính chúc thiền sư mạnh khỏe.

– Xin đức ông đừng giữ lễ quá thế. Tôi chỉ là người trong dân gian, mặc dù ở thiền môn cũng được dự trong tứ vị hộ pháp chùa Yên Tử.

Trần Quốc Tảng đưa thiền sư vào, các vương hầu có mặt đều cúi đầu chào cung kính. Tả hữu bưng đôn mời thiền sư ngồi. Tả hữu dâng trà xanh giải khát. Đây là một con người có những nét gầy sắc như dao, nét mặt rất hiền từ, những lại toát ra một sự cứng rắn không gì bẻ gãy nổi. Thiền sư nói:

– Bàn tăng là Phổ Hiền là một trong tứ vị hộ pháp ở chùa Yên Tử. Bàn tăng là thầy dạy học của Mai Thúc Lại đây. Sư đệ của bàn tăng là Phổ Đức lại là chủ trì của phái võ Yên Tử. Ngoài ra sư đệ của bàn tăng còn là trụ trì chùa Yên Tử nhưng hai năm nay, sư đệ của bàn tăng đã từ chức trụ trì và nhường cho sư đệ Phổ Ân. Sư

đệ bỏ chùa đến núi tuyết lập am Tiên. Sư đệ của bản tăng rời bỏ công việc của thiền môn để chuyên chú nghiên cứu về y học, ngỗ hầu để cứu giúp trăm họ. Sư đệ của bản tăng có thu nhận một đồ đệ từ lúc còn rất nhỏ đào luyện trở thành một kỳ tài. Chính vì việc của anh ta mà hôm nay tôi có mặt ở đây. Anh ta chính là Đỗ Vĩ, hiện nay ở đâu đó bên kia biên giới. Sư đệ của tôi có cho gọi tôi đến bảo tôi mời các vương gia, các vương gia nếu có rảnh xin mời lên am Tiên.

Trần Quốc Tăng nói:

– Đỗ Vĩ là bạn của tôi. Cho nên xin cho phép tôi được nói trước. Chúng tôi có mặt ở đây là để tìm cách đưa bạn tôi về nước. Chuyện của bạn tôi tôi không được phép nói ra, nhưng xin các vị tin cho bạn tôi là người có công lớn đối với đất nước và dân tộc. Hiện nay tính mạng của bạn tôi hết sức nguy cấp. Bạn tôi đủ tài để thoát hiểm. Nhưng tôi biết tính bạn tôi rất phân minh, yêu ghét cái gì cũng quá mức cho nên người như thế nếu không có lệnh dứt khoát không về nước. Tình hình như thể nước sôi lửa bỏng. Nếu bây giờ lên am Tiên tìm Phổ Đức thiền sư cũng phải mất nhiều thời gian. Nếu có chuyện gì xảy ra thì tính sao đây

Sư cụ Phổ Hiền nói:

– Nhưng phải tìm sư đệ của tôi. Sư đệ tôi tinh thông y lý, sư đệ tôi ngoảnh mặt vào vách tiêm tu và tìm nghĩa lý trong y đạo. Có thể trong vụ tìm cứu Đỗ Vĩ sẽ sử dụng độc và giải độc. Có như vậy tìm được Đỗ Vĩ mới có ý nghĩa. Vả chăng đồ đệ tôi mang người đi vào đất địch là một đoàn buôn đi trống dong cờ thì cũng phải sáng mai mới lên đường được.

Mai Thúc Lại nói:

– Thừa các vương gia, tôi đang tập trung đoàn buôn của tôi. Hàng hóa phải thuộc loại tuyệt hảo. Nào là ngọc trai, nào là hắc thạch sa, ý dĩ là vị trọng yếu cũng cần phải có một số lượng lớn. Nhưng cái chính là tôi chờ hai tay cao thủ về thủy hành, thủy chiến. Để nếu có gì tôi không về thẳng xuống biên giới phía nam và vòng lên Khâm Châu Liêm Châu về nước bằng đường biển. Hai người đó tối nay sẽ tới đây. Còn sư thúc của tôi tiêm tu ở am Tiên nhưng thực

ra đêm qua người cũng đã tới đây, hiện nay người đang ở trên am Cỏ sườn núi mé trước này. Ta đi chỉ một lát là tới.

Trần Nhật Duật vùng đứng lên quyết định ngy:

– Tất cả chúng ta tới am Cỏ.

Đường lên am Cỏ quanh co như ruột dê cao chót vót... Am Cỏ ở khuất sau những bụi lau bụi sẹ um tùm. Sư cụ Phổ Hiền dẫn đầu đoàn người tiến vào am Cỏ. Một nhà sư đã đứng đón sẵn ở đấy, chắc là Phổ Đức. Mà đúng là Phổ Đức thật vì Phổ Hiền đã chấp tay chào:

– Kính chào sư đệ chường môn. Bữa nay bần tăng đưa các đức ông và đồ đệ Mai Thúc Lại lên diện kiến sư đệ. Xin chường môn sư đệ cho biết chính kiến.

Mấy quan tướng họ Trần tò mò ngắm quanh am Cỏ. Mọi thứ đều hết sức sơ sài. Mái lau tường sậy, những cái bồ đoàn dệt thô sơ bằng gianh vút rải rác trên nền đá. Nhưng tất cả cho một cảm giác sạch sẽ như lau như li, thanh tịnh như trời xanh núi xanh và tĩnh lặng một vẻ thiền trong sáng. Sư cụ Phổ Đức mình hạc còn gầy gò và khô lạnh hơn thiền sư Phổ Hiền. Phổ Đức chấp hai tay thi lễ:

– Các đức ông mạnh giỏi, bần tăng không xuống núi vì đã có lời thề ngoảnh mặt vào vách tiềm tu cho đến khi viên mãn lăm các đức ông phải lên tận trên này, thật có lỗi.

Các quan tướng họ Trần đồng thanh nói:

– Vì việc đời việc nước chúng tôi làm bận đến việc thanh tu của thiền sư. Nhưng vì muốn cứu bạn, chúng tôi phải lên đây thỉnh giáo thiền sư.

– Xin mời các đức ông an tọa. Dù sao ở đây tôi cũng có chè xanh để thết đãi các đức ông.

Sư cụ Phổ Đức đặt xuống trước mặt mỗi người một chiếc dọi da lươn và từ một cái ấm đất lấy từ trên bếp xuống rót vào cái dọi cho mỗi người một chút trà xanh trong vắt. Và chìa hai tay gầy guộc xương xẩu mời:

– Xin mời các đức ông, xin mời sư huynh, xin mời đồ tôn.

Vị trà xanh gợi nhớ hương núi rừng. Không khí trầm hản xuống. Mọi người nhấp trà, đặt dọi xuống im lặng giờ lâu. Mãi sau Phổ Đức mới nói:

– Đồ đệ tôi hiện ở Trì thôn. Có người cùng môn phái đã lặn lội đến đây cho tôi biết tin ấy. Nó không bị giam nhưng bị quản thúc. Cách quản thúc bề ngoài tưởng là lỏng nhưng kẻ quản thúc toàn là cao thủ, chúng cho đồ đệ của tôi được tự do đi lại trong một vùng hạn chế. Chúng nghĩ là với lực lượng của chúng thì đồ đệ của tôi khó mà trốn thoát. Nhưng tôi biết sức của đồ đệ tôi, nếu nó muốn thì một lực lượng gấp ba lần như thế cũng không cản được nó vì không phải nói về sức mà nói về mưu. Nhưng tôi cũng biết nó còn ở lại đây vì một lẽ gì đó.

Trần Nhật Duật nói ngay:

– Vì nghĩa sĩ Đỗ Vĩ còn chờ lệnh, bây giờ chúng tôi muốn đưa lệnh đến cho nghĩa sĩ.

Thiên sư Phổ Đức tươi nét mặt:

– Vậy thì bây giờ tôi nói điều tôi nghĩ, tôi tính. Như vậy bây giờ cần nhất là chống kẻ thù dùng độc. Quân Nguyên đã làm cỏ nước Đại Lý, Thiện Xiển. Và làm chủ vùng Miêu Cương, vậy khả năng dụng độc, xử độc của những vùng này có thể đã được quân Nguyên sử dụng. Dụng độc của Miêu Cương rất khác với nguyên tắc dụng độc của Trung Nguyên. Và giải độc cũng khác hẳn. Cho nên đề phòng việc đồ đệ tôi không nắm được y lý trong việc dụng độc giải độc mà thu nó trận này thì thực đáng hối tiếc. Việc đánh độc của Miêu Cương nhằm vào thần kinh của đối thủ. Mà việc giải độc lại sử dụng những biện pháp xưa nay không ai dùng trong việc giải độc như nước lã, như rượu. Tôi muốn truyền đến đồ đệ tôi cách đề phòng này.

Trần Nhật Duật nói:

– Bọn quan tướng chúng tôi đã có lệnh là không được qua biên giới. Người đi giải cứu kỳ này là Mai Thúc Lại tiên sinh đây.

Thiên sư Phổ Đức nhìn Mai Thúc Lại chăm chú:

– Ta đã nhiều công dạy dỗ sư đệ của cháu. Ta muốn cương vị chưởng môn sẽ giao vào tay Đỗ Vĩ nhưng bây giờ thì không được

nữa rồi. Hiện nay sư diệt sắp lên đường để giải cứu Đỗ Vĩ nhưng ta chắc Đỗ Vĩ không qua được mệnh trời. Sư diệt đã nhiều công được sư huynh ta dấy dỗ vật bây giờ trước khi lên đường ta muốn chuyển giao cương vị chưởng môn cho con.

Vị thiền sư Phổ Đức đứng dậy lại bên án thờ nhỏ xíu ở vách lau có một bức tranh Phật Thích Ca tọa thiền. Trên án thờ có một chuỗi tràng hạt bằng bồ đề dùng đã lâu ngày lên nước bóng loáng. Thiền sư Phổ Đức cầm chuỗi lên đến trước mặt Mai Thúc Lại và nghiêm trang nói:

– Con quỳ xuống làm lễ trước chân dung đức Thích Ca.

Mai Thúc Lại cưỡng lại:

– Thừa sư thúc chưởng môn, cương vị này là của sư đệ con, sư đệ con là Đỗ Vĩ thiền lực cao thâm, võ công cao cường, đạo đức đầy sâu.

Phổ Đức nghiêm khắc gạt đi:

– Đây là lệnh. Lệnh của chưởng môn, núi không đổi, sông không dòi. Con quỳ xuống đi.

Mai Thúc Lại quỳ xuống chấp hai tay làm lễ. Phổ Đức nói:

– Hôm nay phái võ Yên Tử có chưởng môn mới. Có sự hiện diện của cao thủ Phổ Hiền sư huynh và các đức ông triều đình.

Phổ Đức choàng chuỗi tràng hạt lên cổ Mai Thúc Lại. Không khí trang trọng:

– Từ nay con là chưởng môn đời thứ ba của phái võ Yên Tử. Con phải trông nom đến sự tồn vong của môn phái và từng đệ tử trong phái võ. Con cầm quyền chưởng môn là ta yên tâm. Con đi cứu sư đệ con lần này là ta cũng yên tâm.

Mai Thúc Lại khóc và nói:

– Sư thúc chưởng môn giao trọng trách cầm đầu phái võ cho con, con xin tạm nhận để sư thúc chưởng môn yên lòng. Nhưng cương vị chưởng môn này phải do sư đệ của con nắm giữ mới xứng đáng. Con cứ đi và cố cứu sư đệ của con trở về. Khi đó con trả lại quyền chưởng môn cho sư đệ của con nắm giữ.

Phổ Hiền, Phổ Đức cùng long lanh nước mắt nâng Mai Thúc Lại đứng lên. Các quan tướng họ Trần đứng lặng người đi. Họ cảm thấy tình sư huynh, sư đệ, tình sư phụ đệ tử của phái võ Yên Tử thật đáng trân trọng.

Mờ sáng hôm sau, đoàn buôn của Mai Thúc Lại lên đường. Việc buôn bán giữa hai nước đã từ hơn trăm năm trước, đỉnh cao là cuối triều Lý. Bấy giờ, ở dọc biên giới Đại Việt, Đại Tống và gần đây là Đại Nguyên,, những bậc dịch trường to nhỏ, hiện diện của sự phồn thịnh về buôn bán giữa hai nước. Ít lâu nay, sự buôn bán trên mặt biển quan trọng hơn. Trước hết là vì quy mô các nước tham dự ví như Trảo Oa, Chân Lạp, Miến Điện, Mã Lai... và sau nữa là sự phong phú của mặt hàng. Qua cửa khẩu Vân Đồn ngoài khơi của vịnh Bái Tử Long người ta biết đến chất thép của vùng Tây Á, người ta biết đến những bộ áo giáp và lá mộc đồng bằng Tây Âu. Cũng qua cửa khẩu Vân Đồn, người ra bán qua Tây Á trầm hương, hồ tiêu, hương liệu quý. Qua giao dịch người trong nước biết rằng ở xứ xa xôi kia ai có đến một vốc hạt tiêu là có thể được coi là giàu. Công nương xông áo xống bằng hương liệu Đại Việt, và trong nhà những phú gia dịch quốc mới có hương trầm ngan ngát. Người ta biết đến Vân Đồn những người ta vẫn chưa quên các bậc dịch trường ở trên bộ. Trong đoàn buôn của Mai Thúc Lại có những anh hòa nổi tiếng trong các bậc dịch trường. Ngoài ra trong đoàn của ông có hai người thông thạo đường biển, thông thạo đường Vân Đồn, quen biết nhiều những buôn biển lớn. Cứ trông hai đồ dùng họ cầm trong tay cũng đủ rõ: một cái bới chèo thuyền bằng gỗ cau lên nước đen bóng như bằng sừng, một sào trường bằng tre đực chắc là có kén chọn nên sào rất dài mà thân sào rất nhỏ chỉ vừa nắm trong chét tay. Hai người này mỗi người cầm một thứ trong tay, họ ra đi kỳ này không phải vì chuyến buôn trên bộ. Họ ra đi để tìm đến Khâm châu Liêm châu tìm đến những chiến công tương lai.

Đoàn buôn của Mai Thúc Lại đi ở đường thượng lộ, đường đi theo rẻo ở của người Mán đầu đở. Là những người rất tin cậy với Mai Thúc Lại qua nhiều chuyến buôn từ khi ông chỉ là một chú nhỏ đi theo hầu cơm hầu rượu ông trưởng đoàn. Đường đi theo đường ruột dê cheo leo ngay cả với những chân ngựa hồ quen thuộc. Đoàn

của ông ra đi lúc tờ mờ sáng đến chiều thì đến một bản Dao đỏ. Trẻ con dân bản ùa ra đón đoàn buôn. Một cô người Dao đỏ chỉ tuổi mười chín đôi mươi reo mừng:

– Bác Mai, bác Mai. Bác còn sống à?

– Cháu Leng Chín đây à, mấy năm rồi mà cháu vẫn nhận được ra bác.

Leng Chín tíu tít:

– Làm sao cháu quên bác được. Cứ tưởng chinh chiến giữa hai nước sẽ cắt đứt mối giao tình đôi bên.

– Ông nội cháu thế nào? Bố mẹ cháu thế nào?

– Bố mẹ cháu vẫn khỏe, rất mong các bác sẽ qua lại như xưa, con ông cháu thì đã qua đời ba năm rồi.

Cô bé chớp chớp đôi mắt, lệ đọng trên mi.

Mai Thúc Lại vốn là bạn buôn quen biết với gia đình Leng Chín. Đã ba năm nay ông bỏ đường buôn trên bộ, dùng đường thủy buôn bán qua cửa Vân Đồn với Trảo Oa. Đúng lúc này bố Leng Chín từ trên nhà sàn chạy xuống reo mừng:

– Bạn Mai, bạn Mai, vợ chồng tôi thiếu bạn quá.

Hai người bạn ôm chầm lấy nhau mừng rỡ trong khi đó đoàn buôn của Mai Thúc Lại đi vào trong bản. Chiều tối hôm đó đoàn buôn nghỉ tại bản Dao đỏ. Ông Leng Páo sai giết lợn thết đoàn.

Mọi người quây quần xung quanh bếp lửa, bây giờ là mùa hè nhưng ở trên bản cao này lạnh hơn mùa đông ở miền xuôi. Hút thuốc lào xung quanh bếp lửa thật ấm và đậm đà.

Ông Leng Páo sai đem ra hũ rượu ngâm huyết tu linh:

– Đi trong sương gió có mưa thì có rượu tu linh là thứ tốt nhất.

Mai Thúc Lại lấy ra một cái túi đưa cho ông Leng Páo:

– Đây là một túi hạt trai biển đông. Ông bạn đã biết giá trị chữa bệnh của hạt trai rồi đấy nó dùng cho người bị thương rất là hiệu nghiệm, vừa cầm máu, vừa sinh huyết. Vùng này đang qua chiến tranh, người bị thương đôi bên đầy đường, cái này cần lắm đấy.

– Có chiến tranh thật, nhưng ở đây trên núi cao chẳng có ai đi qua. Ngay cả trưởng thôn cũng chẳng có ai gọi về huyện nghe lệnh. Chiến tranh chỉ đi bên cạnh chúng tôi mà thôi. Nghe nói hiện nay huyện rời sang chỗ khác, chỗ huyện cũ là trại đóng quân. Người ta bắt đi vòng đường khác. Xa hơn mất ba ngày đường.

– Người ta có xét hỏi không?

– Có đấy, nhưng với người buôn thì chi đi thoải mái.

– Tôi muốn tới Trì thôn, đi đường nào thì tiện?

– Tới Trì thôn thì không được đâu lố? Trì thôn bây giờ là trại binh. Cả ngàn cả vạn người. Cút người, cút ngựa đầy rừng. Người lạ đến gần bắt chém ngay.

– Kể cả người quen, kể cả lái buôn, kể cả người Nguyên?

– Tất cả phải có thẻ bài do chính ông tướng chỉ huy ở đấy cấp. Còn tất cả tới cách mười dặm là phải rẽ đi đường khác.

– Nhưng tôi vẫn muốn tới Trì thôn, có cách nào bạn Lèng giúp tôi được không?

– Có đấy, có đấy, nhưng mà rất khó.

– Đã thế khó cũng cứ làm.

Chương 21

Hai cô khách quý của tướng quân A Rích đang tranh luận với nhau ráo riết. Hai cô đã đến mấy hôm nay, hôm nào cũng một cô xuống chợ vì ngay từ khi đến nơi hai cô đã chọn túp lều trên mỏm núi nơi ở cũ của Đỗ Vĩ. Còn anh thì từ khi hai cô chiếm mất nơi ở của mình thì tướng quân A Rích cho chuyển anh xuống nơi làm việc của trạm Trì thôn. Người ta soạn cho anh dãy nhà ngang ba phòng trước đây là chỗ âm việc về giấy tờ của tướng quân trấn phủ. Cô Thúy là một cô gái miền núi Tản, sông Đà tính người đảm nói năng từ tốn và là một người thùy mị. Còn cô Liên là một cô gái quê gốc Nghi Tàm làng dệt lụa nuôi tằm ngay bên hồ Tây, đây chính là cô gái có cái răng khềnh, hay nói hay cười, tính hoạt bát vui đùa của người làng ven đô.

Hôm nay cô Liên từ trên lều cao xuống chợ. Chợ Trì thôn đã cấm họp chợ từ ít lâu nay. Các lều quán ven chợ cũng bị bắt chuyển đi xa. Trì thôn từ lâu đã trở thành trại quân. Nhưng đi quanh chợ vẫn có cảm giác là đến một nơi đông người, nó đem lại cho người ta sự vui vẻ. Từ trong sân trạm Trì thôn, Đỗ Vĩ đứng lơ đãng nhìn ra ngoài đường. Con đường từ phía nam lên phía bắc. Đỗ Vĩ nhìn Liên và cô cũng nhìn thấy anh đang ngắm mình. Một nụ cười đồng cảm cũng nở trên đôi môi của hai người. Liên rẽ vào sân trạm:

– Hôm nay tiên sinh không đi chơi?

– Tôi không được tự do đi lại trong Trì thông, Muốn đi tôi phải báo địa điểm với trạm canh cho nên tôi không đi đâu cả. Chợ có họp đâu mà cô cũng xuống chợ?

– Ở quê tôi cũng không có chợ. Chúng tôi đi chợ bán hàng là bán tơ lụa cho người buôn ở Thăng Long.

Cô gái này hay nói, khi nói thì nói tía lia nhưng Đỗ Vĩ lại rất thích vì nó gọi không khí Thăng Long rất thương nhớ của anh và nhất là

anh tin cô. Chính cô là người đã nói cho anh biết lệnh của Thoát Hoan với số phận của anh. Đỗ Vĩ mời:

– Mời cô vào tạm trong phòng này. Trong này tôi có rượu.

Đỗ Vĩ liếc mắt thấy mấy tên Mông Cổ từ xa vẫn theo dõi kỹ lưỡng. Anh mời cô gái vào phòng. Trong phòng có một bàn ghế trúc đơn sơ, trên tường treo một bức tranh phong cảnh hùng vĩ và bí mật.

– Cô thích bức tranh này à? Đây là cảnh rừng núi vùng ven biển Đông.

Nhưng anh lại cầm tay cô gái lên cầm bút viết lên lòng bàn tay: rượu có độc. Cô gái điềm đạm rót rượu ra hai chén và hai người cùng giơ chén lên mời nhau nhưng lúc đưa lên miệng uống, hai người cùng giơ chén đổ rượu xuống đất. Rồi cùng nhau nhìn nhau cười. Một cảm giác ấm áp tin cậy trong lòng Đỗ Vĩ:

– Tiên sinh ở Thăng Long có biết đến làng Nghi Tàm quê em không?

– Đây là nơi tôi đã mấy lần qua chơi, vẽ tranh, uống trà ướp sen của sư bà chùa Kim Liên.

– Ước gì chúng ta có thể quay trở về đây được.

– Đúng thế. Đây là một đất ở của một thi nhân và một đất ở của mỹ nhân.

Liên cảm động. Cô ngồi xuống bàn chầm rượu viết lên mặt bàn: Tại sao không trốn? Đỗ Vĩ điềm đạm rót rượu ra chén rồi cũng chầm rượu viết lên mặt bàn: Không thể trốn nổi. Liên lại viết: Quan hai đêm nữa sẽ có cơ hội. Đỗ Vĩ viết: Còn cô thì sao? Liên cười xòa nói:

– Em là con gái Thăng Long, dù có ở đâu thì Thăng Long cũng ở chung quanh em.

Và đôi bên đắm vào câu chuyện chiến tranh ly tán diễn ra vào hồi cuối. Họ nhàn thấy ở nhà trên vạn hộ hầu A Rích đang đứng ngoài sân nhìn về nhà ngang. Và họ thấy A Rích đi về phía họ. Họ đứng lên nghênh tiếp A Rích. Mấy người chào hỏi nhau thân thiết và bình thường như giữa họ không có gì xảy ra. A Rích nói:

– Có một việc tôi phải nhờ tiên sinh. Nơi ở tạm của phu nhân chúng tôi đã trang trí xong nhưng còn thiếu một bức tranh treo trên tường và một lá quạt. Tôi mời tiên sinh vẽ cho tôi một bức tranh sao cho phu nhân hài lòng. Và tôi cũng mời tiên sinh làm cho tôi một lá quạt có chữ đề của tiên sinh, có một bức tranh nhỏ của tiên sinh trong lòng quạt để cho phu nhân của tôi thích thú.

– Ý muốn của tướng quân tôi sẽ hoàn thành rất nhanh, nhưng chọn cảnh nào thì tướng quân cho tôi biết. Phong cảnh xứ Việt hay phong cảnh Lưỡng Quảng, Vân Nam. Chắc chắn phu nhân sẽ thích cảnh xứ Việt và chắc chắn phu nhân muốn cầm trong tay một hình ảnh thu nhỏ của xứ Việt. Nhưng có khi tướng quân lại không muốn như thế. Có khi tướng quân muốn phu nhân quên đi đất Việt, người Việt. Tôi thật lòng xin tướng quân đừng giận, có khi tướng quân muốn phu nhân quên mình là người Việt.

A Rích vẫn bình thản như không:

– Dù phu nhân quên hay không quên, phu nhân cũng không còn là người Việt nữa. Ngay cả mấy cô thị nữ ở đây cũng vậy. Qua một vài năm, họ sẽ không còn là người Việt.

Liên nói chen vào:

– Họ sẽ lấy chồng ở đây, nuôi con lớn lên làm quan trong triều nhà Đại Nguyên và khi về già họ là những bà vợ quan, vợ tướng của triều đình Đại Nguyên.

Đỗ Vĩ kinh ngạc nhìn Liên, anh không ngờ cô có thể bình thản nói lên một điều chắc rằng trong thâm tâm mình không nghĩ như thế. Nhưng Liên nói tiếp:

– Cuộc đời xoay vần không biết thế nào tính được. Nay là người Việt, lấy chồng rồi thì thành người Nguyên, về già nuôi con, khi chết đi nằm xuống gửi đất Nguyên.

– Cô Liên nói nghe sao buồn thế. Tướng quân A Rích đây có thể kiếm một người Việt ở bên đất này cho cô làm chồng.

– Đâu mà dễ kiếm thế. Những người Việt vào nội phủ ở bên này đều là những người tùy tùng của đức ông Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc và Chương Hiến hầu Trần Kiện, họ đều mang cả gia đình vào theo.

– Thôi đừng tính toán lời thôi nữa, mọi việc có trời xếp đặt sẵn. Chồng thế nào, vợ thế nào đã có ông tơ bà nguyệt lo.

A Rích nói với Đỗ Vĩ:

– Ngay chiều hôm nay tiên sinh có thể lên lại lều trên vẽ tranh.

– Việc vẽ tranh thì dễ thôi. Còn quạt thì không dễ như thế. Tôi có lá quạt Hới này nhưng là quạt thước dùng cho các lão ông. Tướng quân có biết không, những ông già xứ tôi hay dùng cái quạt thước đi đường có thể xò ra che nắng, gấp lại thì quạt mát, trở ngược đầu quạt thì có thể đánh cho đến tru lẫn méo lộn.

Cả ba người cười ồ lên. Đỗ Vĩ tiếp:

– Nhưng với các công nương thì khác. Với họ phải là quạt trầm hoặc là quạt Hới loại thật nhỏ, mỗi nan quạt là ghép đôi hai mặt cật, mặt quạt không vẽ mà bôi một bài thơ giữa hai lần giấy. Đây là quạt của các công nương tài hoa lỗi lạc. Nhưng ở đây sao kiếm được lá quạt như vậy. Trước đây buôn bán giữa hai bên chưa bị gián đoạn còn có thể kiếm được của những đoàn buôn Đại Việt. Bây giờ thì buôn bán gián đoạn rồi, Các bậc dịch trường đã bị giải tán cái chợ Trì thôn này ngày xưa mười ngày một phiên, các lái buôn Đại Việt đến tụ họp ở đây rất đông nhưng bây giờ thì ngay đến chợ cũng bị đuổi ra ngoài xa mười dặm, việc kiếm lá quạt Hới, lá quạt trầm là cực kỳ khó khăn.

– Tiên sinh yên trí, chiến tranh chưa chấm dứt nhưng việc buôn bán giữa đôi bên đã nối lại từ lâu, chợ tuy phải rời Trì thôn mười dặm nhưng các lái buôn đã đặt trạm tuần trăng trước. Hai hôm nữa tôi sẽ đưa tiên sinh đi chợ, tiên sinh có thể tìm ở đấy đủ thứ cần dùng, tôi muốn khi phu nhân tôi đến đây bà sẽ vui lòng.

Liên liếc mắt nhìn Đỗ Vĩ. Cô muốn truyền cho anh là cơ hội sẽ xảy ra trước mắt có công của cô. Đỗ Vĩ nhận ở Liên ánh mắt trao đổi tin bí mật, anh mỉm cười với A Rích:

– Vậy thì tướng quân có thể yên tâm, người thợ thủ công Đại Việt rất khéo tay và tất cả mọi người sẽ làm việc để phu nhân của đại nguyên soái hài lòng.

A Rích rất chăm cho việc vẽ tranh của Đỗ Vĩ. Căn lều trước kia của anh được trang trí kỹ lưỡng những lá màn lụa chấn gió màu

cổm non phủ một màu huyền ảo ở cửa sổ. Buổi vẽ tranh về tối lúc canh hai. Căn lều như rực sáng lên dưới ánh bạch lạp. Chính giữa lều là một cái bàn rộng mặt rất phẳng. Cô Liên và cô Thúy đón tiếp khách vào. Đó là Đỗ Vĩ và A Rích. A Rích hỏi Đỗ Vĩ:

- Có người lạ tiên sinh vẽ tranh có bị ảnh hưởng gì không?
- Cũng có đấy, vẽ tranh cần phải tĩnh tâm, có người lạ, xúc cảm phân tán, vẽ không thể xuất thần được.
- Nếu vậy hai cô nương đây và tôi sẽ rời xa nơi này để tiên sanh yên lòng vẽ tranh.
- Không đâu hai cô sẽ làm mẫu cho tôi vẽ. Mỗi cô mỗi vẽ mà tôi muốn trong tranh tôi có các vẽ khác biệt.
- Vậy thì hai cô sẽ ở lại. Còn tôi sẽ rời nơi đây. Ở đây có đủ rượu đủ trà. Lính của tôi đã thu xếp đầy đủ.

A Rích chỉ tay vào cái kỷ nhỏ góc lều, trên đó bày đủ trà rượu, trà là trà Ô Long, trà Tuyết, rượu là rượu thanh mai, rượu cúc, rượu sen, các loại rượu có hương thơm rất mạnh. A Rích vái chào rất lịch sự và y vén là rèm lụa bước ra ngoài. Tên lính hộ vệ nhìn y nhưng y phát tay ra hiệu cho theo hầu. Thầy trò A Rích theo nhau xuống núi. Bỏ lại trong phòng chỉ còn ba người. Thúy và Liên trải lên mặt bàn một mảnh lụa tơ tằm, chỉ nhìn cũng biết là loại lụa người bán ở Thăng Long. Lụa này còn cứng chứng tỏ chưa chuội chanh. Đỗ Vĩ đặt tay lên mặt lụa khẽ cúi mặt, một vị tanh quen thuộc phả lên mũi.

- Lụa này chính gốc lụa Đông Ngàn đấy.
- Lụa này đem đi từ thành Thăng Long. Chính cô Liên đây đưa ra ý kiến vẽ tranh với tướng quân A Rích.
- Nhưng trải thế này chưa được, bức tranh này tôi vẽ phải hai hôm. Một hôm vẽ tranh, một hôm sửa lại và đề thơ. Vậy hôm nay sắp xếp để vẽ, cố xong trước canh ba. Ngày mai sẽ sửa và đề thơ. Còn bây giờ phải làm cho bức lụa không xê dịch. Phải làm thế này.

Đỗ Vĩ lấy từ trong túi ra một dúm đinh dăm. Anh dùng sức ấn những chiếc đinh dăm vào bốn góc và ở hai chiều dài ấn hai chiếc đinh nữa.

- Như thế ngày mai ta tiếp tục mà không sợ màn lụa xê dịch.

Anh ngược nhìn lên, hai cô gái tò mò nhìn anh mắt như cười.

– Tại sao tiên sinh lấy hai chúng tôi làm mẫu.

– Cô Thúy có mái tóc rất dày nhưng người mảnh mai rất trái ngược. Cô là một người điềm tĩnh. Cô Liên tóc tơ nhưng là người khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Tôi muốn lấy cái người của cô Liên và mái tóc của cô Thúy.

– Có cần thế không nhỉ?

– Đúng là không cần. Tôi chỉ muốn giữ hai cô ở lại đây để nói chuyện, để nghe tiếng nói của người Việt với nhau. Có lẽ cũng chỉ còn vài ngày nữa tôi được nghe tiếng Việt. Tôi linh cảm thấy có một chuyện gì sắp xảy ra với tôi.

Anh đi về cuối lều chỗ có cái kỷ bày rượu. Anh lấy lên một nậm rượu rót ra ba chén. Anh chấm tay vào một chén rượu rồi viết lên kỷ: rượu độc. Anh đưa chén rượu lên ngang mũi, mùi rượu thanh mai không át được mùi tanh của chất kịch độc. Anh nghiêng chén cho rượu chảy xuống dưới đất. Hai cô gái cũng cầm chén của mình lên như uống nhưng cũng nghiêng chén cho chảy xuống đất.

– Rượu thanh mai ngon thật. – Đỗ Vĩ nói rất to.

Đỗ Vĩ ngâm nghĩ dụng độc như thế làm sao qua mặt được anh, thậm chí anh có thể uống cái thứ rượu độc này rồi giải sau cũng được nhưng anh không thể dùng giải pháp nguy hiểm thế.

Liên nói:

– Hiện nay chợ Trì thông không mở nhưng chợ được họp ở xóm Núi cách đây ba chục dặm. Có cả đoàn buôn của Đại Việt đã đến rồi. Đến ngày kia là có phiên. Đến ngày ấy tôi sẽ đến để kiếm quạt trầm. Có thể xin với tướng quân A Rích để tiên sinh cùng đi. Vì chọn quạt làm sao có người tài hơn tiên sinh được.

Đỗ Vĩ hiểu rằng việc vẽ tranh vẽ quạt là do Liên bày ra để tìm cách cho anh rời khỏi Trì thông và rời khỏi luôn cả đất Nguyên. Một tình cảm kỳ lạ nảy nở trong lòng anh. Là sự cảm ơn, sự đồng điều hay là tình yêu? Trong buổi tối hôm ấy Đỗ Vĩ vẽ tranh miệt mài, đã hơn một năm rồi chưa bao giờ anh vẽ miệt mài và say sưa như thế và cũng trong buổi tối hôm ấy ba người đã uống rượu bốn lần và

cũng là bốn ần cho đất uống rượu. Tranh anh vẽ một mỹ nữ mặc trang phục Đại Việt có một mớ tóc óng ả rất dày, bới trể nải và có một vẻ đẹp khỏe mạnh của người con gái đồng bằng sông Cái. Khác với mọi tranh mỹ nữ xưa nay Đỗ Vĩ vẽ là những người con gái nghiêm trang thùy mị thùy đây là một cô gái tươi tắn yêu cuộc sống. Cô ta đang cười lộ ra một chiếc răng khểnh nom vừa tươi vừa nghịch ngợm.

Nhưng cây bạch lạp soi sáng căn lều, mùi sáp nến sáp ong quen thuộc.

Sáng sớm hôm sau một buổi sáng quá đỗi nhàn rỗi với Đỗ Vĩ. Không có việc gì để làm. Không thể có nơi nào để đi đến dù chỉ là đi chơi, để ngắm cảnh. Và cả một buổi sáng không có người để nói chuyện. Đây quả là một buổi sáng cô đơn. Kể từ khi anh rời đất Việt đi, cảm giác cô đơn luôn luôn theo sát anh. Nhưng là một sự cô đơn ồn ào giữa chợ, nói cho cùng, chung quanh là kẻ địch cũng vẫn là người, có tiếng cười. Đằng này là một sự tĩnh lặng hoàn toàn. Những tên lính Nguyên, những tên tướng Nguyên đồn trú tại Trì thông mọi khi vẫn lảng vảng nhòm ngón chung quanh khu nhà anh ở. Hôm nay chúng biệt tăm. Cả A Rích cũng vậy. Mọi hôm gần như lúc sáng bao giờ hán cũng đảo qua thăm hỏi anh ngủ có ngon giấc không. Hôm nay thì hán bất tăm.

Tới gần trưa, đột nhiên Liên xuất hiện, cô báo tin rằng ngày kia thì phù bài cho phép anh đi chợ núi mua sắm mới xong, còn cô thì có thể đi ngay ngày mai. Như vậy tối hôm nay anh vẫn tiếp tục vẽ tranh đề thơ trên lều.

Liên không muốn nói cho anh biết giữa hai cô có một cuộc trao đổi có thể là gay go đến mức cãi nhau: ai là người sẽ được trốn theo Đỗ Vĩ về Đại Việt. Và người ấy sẽ tình nguyện cả đời nâng khăn sửa áo cho Đỗ Vĩ.

Hai cô cãi nhau, cô nào cũng cho mình làm vợ Đỗ Vĩ là hợp. Còn ai theo Đỗ Vĩ bỏ trốn thì cũng thế mà thôi.

Cuối cùng lý lẽ Liên đưa ra thì Thúy không thể cãi được. Đó là Liên là người đã nghĩ ra kế vẽ tranh, vẽ quạt dẫn đến việc phải cho Đỗ Vĩ đi xóm núi để tìm quạt. Người nghĩ ra kế là người công lớn,

Thúy phải chịu thua. Như vậy đến ngày kia, Đỗ Vĩ sẽ được đi xóm Núi vì khi đó phù bài cho phép mới làm xong. Còn ngày mai thì Liên có thể đi trước để thăm đường.

Nhưng cô chỉ nói với Đỗ Vĩ một điều là ngày mai phù bài của anh mới làm xong. Như vậy ngày kia anh mới đi được. Cô nghĩ rằng cô sẽ là người đi trước một hôm thăm dò đường.

Vừa lúc ấy thì A Rích xuất hiện trên nhà trên và đi xuống khu Đỗ Vĩ ở. Ông ta vái chào và nói rất lễ phép thân mật.

– Buổi sáng hôm nay tôi có lên lầu cao xem tranh tiên sinh vẽ. Mọi khi tiên sinh vẽ phong cảnh tôi rất thích, lần này tiên sinh vẽ người mà lại vẽ mỹ nữ thì rất đẹp tôi càng thích. Không biết phu nhân thế nào chứ tôi thì tôi thích vô cùng.

– Ô, tôi nghĩ rằng tôi chọn một đề tài không thích hợp, vẽ tặng mỹ nữ, vẽ tranh treo phòng riêng của mỹ nữ mà lại vẽ mỹ nữ thì làm sao vừa lòng chủ nhân được. Nói thế này có lẽ hơi phạm thượng vì phu nhân cũng là người, đàn bà giống nhau hết, ghen nhau cái đẹp, ghen nhau cái tài, ghen từng tí một.

– Kể cả cô Liên đây nữa hay sao?

– Thưa cô nương tôi xin cứ nói thẳng ra, đàn bà là giống nhau hết.

– Thưa tiên sinh, lỡ ra có người khác thì sao?

– Không có người khác vì không có trường hợp đặc biệt.

A Rích tò mò nhìn Đỗ Vĩ, hắn lấy làm lạ rằng Đỗ Vĩ không muốn lấy lòng hai cô thị nữ của công chúa An Tư. Tối hôm qua khi Đỗ Vĩ về nơi ở, quân hầu vào dọn chỗ vẽ, hắn đã dặn tên tiểu tướng xem xét kỹ bình rượu, xem xét kỹ rượu dùng rồi và có đồ đi đâu không. Tên tiểu tướng đã báo là có một góc lầu đồ đồ ẩm rượu. Như vậy cả Đỗ Vĩ và hai cô này đều không uống rượu, thế thì độc dược sẽ xâm nhập vào cơ thể của ba người. Có thể họ sẽ chết cả ba, chết êm ái toàn thân. Và quân Nguyên chẳng có tổn hại gì trong chuyện đó. Việc kính trọng ngoài mồm hai cô thị nữ của công chúa An Tư chỉ nhằm làm cho Đỗ Vĩ yên tâm mà thôi.

– Tối nay tiên sinh vẫn vẽ tranh trên lều. Phù bài của tiên sinh chiều mai mới lập xong vì viên thư lại coi phù bài đi có việc bận mãi trưa mai mới về.

–Ồ, tướng quân khỏi bận tâm, xong lúc nào là tôi đi ngay. Còn nếu chậm việc mà không phải do tôi thì tôi chẳng bận tâm. Phu nhân lệnh bà không phải chủ của tôi, cũng không phải người thân của tôi. Tôi làm là theo ý của tướng quân mà thôi.

– Tối nay tiên sinh vẽ tranh có cần tôi bảo tả hữu làm mấy món nhắm, mấy món bánh để nếu khi vẽ tranh khuya ăn đêm một tý cũng tốt. Tiên sinh thích món gì?

– Món gì cũng vậy, mùa này đã vào thu rồi, mọi khi thịt thú rừng bán đầy chợ nhưng bây giờ nếu kiếm thịt dê núi cũng khó. Vậy thì tốt nhất là hầm cho mấy con gà là đủ.

A Rích vái chào từ biệt. Vậy tối nay mấy người này sẽ bị hạ độc là tối thứ hai. Mà ba tối là giới gỡ. Xem ra họ mắc mưu ta thật rồi. Đỗ Vĩ tiễn Liên ra cửa, Liên kéo ngay anh ra phố chợ Trì thôn xưa kia chỗ này rất đông, có những quán ăn, có những quán hàng bán các loại sản phẩm mà thường biên giới hai bên đều có. Nhưng bây giờ vắng teo, nhà không có chủ. Còn quân Nguyên đóng xung quanh Trì thôn trên các mỏm đồi thấp lè tè. Liên bảo Đỗ Vĩ:

– Sáng mai em sẽ đi chợ xóm Núi, đi trước một ngày, tiên sinh có dặn gì không?

– Nghe nói xóm Núi bây giờ đã có những đoàn buôn Đại Việt tuy không nhiều không đông bằng trước nhưng tôi chắc người tôi quen đã có mặt.

– Tiên sinh có thể cho em biết là ai không?

– Tôi chưa biết là người nào nhưng nếu người dẫn đường là người Dao Đỏ tên là Lèng Chín là đúng. Hoặc nếu không phải cô Lèng Chín thì là Lèng Páo bố của cô ta. Ông Lèng Páo rất biết các bạn của tôi. Cô cứ đưa cái này cho ông ta.

Anh đưa một que chuyền bằng tre cho cô để làm tin. Đây chính là que chuyền thẻ phù Tiều Bội đã đưa lọt về Đại Việt năm lần.

Bất chợt Liên như nhận ra có người chú ý đến mình, Liên đưa mắt về phía nhà làm việc thấy A Rích đứng bên trong nhìn ra. Cô khéo léo rút khăn là đưa cho Đỗ Vĩ, cách đưa thân mật, mơn trớn như tặng chiếc khăn cho anh, cô nói nghiêm trang nhưng lại cười rất tươi.

– Tướng giặc đang nhìn.

Buổi tối hôm đó, buổi vẽ tranh thứ hai bắt đầu. Khi Đỗ Vĩ bước vào trong lều thì lều sáng trưng. Hôm nay không đốt bạch lập mà là những cây nến đỏ rất đẹp to bằng cổ tay cắm trên những chân nến bằng đồng đen có chạm trổ tinh vi. Ở cái án gốc lều có bày rượu và vài món ăn quý. Có thịt dê rừng nướng, có gà nuôi ống hầm. Còn rượu là loại bồ đào rất nặng, rất thơm của vùng trồng nho xứ Ba Tư. Thứ rượu này là loại rượu quý, vua nhà Nguyên Hốt Tất Liệt thưởng cho con từ khi chiến tranh mới bắt đầu. Nhưng đó là bộ phận cung phụng bếp núc của quân Nguyên chỉ gửi được một lần ra trận cho nguyên soái Thoát Hoan còn về sau do hành trung doanh của Thoát Hoan di động đến rất nhiều nên rượu không thể gửi tới nơi và còn lại đến nay mấy vò lớn. A Rích biết mếp rượu của Đỗ Vĩ, mang lên đây hai nậm có hạ độc, là loại thuốc độc dễ nhận. Gã tin rằng Đỗ Vĩ chắc chắn nhận ra mà không uống. Gã thích thú khi biết rằng Đỗ Vĩ sợ rượu độc mà không uống mà Đỗ Vĩ là người sành rượu, thích uống mỹ tửu và bây giờ không dám uống, sống trong sự thèm thuồng. Phải nói rượu là một thứ quyến rũ đặc biệt mà bồ đào mỹ tửu càng quyến rũ rất nhiều: dân mếp rượu dù biết rượu độc, dù nguy cấp, thà nguy cấp vẫn uống. Như thế A Rích thích thú vì đã đánh trúng huyết đối thủ. Trên cái án giữa nhà vẫn găm bức tranh hôm qua mới vẽ xong. Khoảng trống bên trái tranh vẫn trình nguyên chờ bài thơ đề.

Hai cô Thúy và Liên đón Đỗ Vĩ vào lều, họ rúi rít vui mừng cười. A Rích và hai tên lính hầu vái chào họ và rút lui ngoài xuống núi. Thúy nói với Đỗ Vĩ:

– Hôm nay không phải vẽ tranh mà chỉ có đề mấy câu thơ chắc là dễ dàng và đỡ mất thì giờ, tiên sinh ngồi đấy để chị em tôi hầu chuyện.

– Không đâu, hôm nay tuy không phải vẽ tranh nhưng đề bốn câu thơ phải mấy không ít thời giờ. Đề bốn câu thơ là định hình cho về tâm linh cho bức tranh. Nói khác đi là thổi hồn vào bức tranh, Chọn thơ đã khó, chọn thơ cho hợp ý lại càng khó hơn mà chọn thơ để bày tỏ ý mình lại càng khó nữa. Tranh là tranh, vẽ để tặng một người có tên, có tâm sự, người vẽ tranh muốn gợi ý cho người chủ tranh buộc tâm linh người này hướng về ý mình định.

Không khí trang trọng khiến Thúy và Liên không dám nói nữa. Hai chị em im lặng trang nghiêm ngồi ngắm Đồ Vĩ. Anh mài mực nhẹ nhàng và bảo với hai cô:

– Người ta nói, mài mực ru con, mài son đánh giấc. Khi mài son thì mài hùng hục, còn mài mực thì phải rất nhẹ, kiên nhẫn thì mực mới nhuyễn và khi viết không sợ bút, không óc sạn trong nét bút. Các cô xem, mực này đã nhuyễn chưa?

Anh tẩm ngọn bút vào đĩa mực, chọn một tờ giấy lụa thảo lên trên một chữ “phật”, nét bút như rồng bay phượng múa.

– Các cô xem này, mực đen láy, nét mịn màng, các cơ bút cung rất rõ, thứ này dùng đề tranh mới hợp.

Anh lại gần bức tranh, dùng những đồng tiền ngũ thù đặt làm dấu cho các dòng, các chữ trong khoảng trống dành cho đề thơ.

– Thơ tôi sẽ viết đá thảo, nét bút sẽ vòng xuống vòng lên, phải có các đồng tiền này làm cữ cho thơ cân đối với bố cục của tranh.

– Bây giờ thì tiên sinh uống rượu cho có hứng khi đề thơ.

Liên nói nhưng mắt lại hơi cười. Cô rót rượu ra các chén. Bò đào mỹ tửu đằnga phải uống chén pha lê hay dạ quang nhưng ở đây làm gì kiếm ra loại ấy. Liên phải rót vào chén sứ bạch định, loại chén nổi tiếng của nhà Tống. Ba người nâng chén lên mời nhau, nhưng họ nghiêng chén đi đổ xuống đất. Liên soi lên ánh nến. Một chút cặn dạ quang bám xung quanh thành chén. Cô nghiêng chén cho Đồ Vĩ nhìn. Anh bật cười. Hạ độc cách này thì ai không nhận ra, không khí rất thân mật. Liên nói nhỏ:

– Mai em sớm lên đường đi xóm Núi từ sáng sớm, từ đây lên đây cũng xa, cả đi lẫn về phải sớm tối em mới về tới nhà.

– Tôi mong cô đi gặp được Lèng Chín hoặc bố cô ta. Nếu gặp Lèng Chính thì cô dễ nhận hơn. Cô ấy có nước da trắng nõn như trứng gà bóc và tóc thì hung hung đỏ. Không phải loại tóc của người Lưỡng Quảng hoặc Đại Việt. Nếu gặp được cô ta thì việc lớn của chúng ta xong. Tôi cầu chúc chúng ta gặp may. Bây giờ thì tôi chuẩn bị đề thơ.

Anh lấy ra một đôi quạt chính là đôi quạt Hới đánh chó mà anh vẫn thường nói. Anh dùng đôi quạt Hới lúc xòe ra lúc cụp lại, múa chậm rãi một bài múa quạt; chậm rãi tới mức như điệu múa của các vũ nữ Chiêm Thành. Hai cô con gái biết Đỗ Vĩ dùng múa quạt để làm mềm mại những động tác của mình. Họ im lặng và ngắm người nghệ sĩ đang tập trung tinh thần cho điệu múa. Đỗ Vĩ múa rất lâu, dễ đến một nửa canh giờ. Đến lúc gần như anh thấy gân cốt của mình dẻo quẹo mới ngừng tay. Anh đứng trước án, nhắm mắt lại vẽ mặt trang trọng. Hai cô con gái không dám cử động. Giờ lâu, Đỗ Vĩ mới mở mắt ra, anh thận trọng cầm lấy bút tẩm bút đấm vào nghiên mực, anh hít một hơi dài và giơ bút lên viết một mạch gần như không nhắc bút bốn câu thơ:

Tóc thoảng hương mai má nhụy đào

Liếc nhìn mà dạ nao nao

Thịt da một bọc tanh nồng đỏ

Ngắm cắt lòng người chẳng mượn dao

Bài thơ viết theo lối thảo, chữ nọ liền chữ kia, câu nọ liền câu kia gần như không nhắc bút. Các nét sổ, các khuôn đao không còn góc cạnh chỉ còn tròn xoe như búi dây tơ hồng kéo liền vào nhau. Bài thơ viết thật đạt, nét bút phóng khoáng, phong cách của người viết cực kỳ phong trần.

– Bài này là bốn câu kệ trong tập thứ hai của bộ sách Khóa hư lục của thượng hoàng Trần Cảnh. Sau này cô trình phu nhân, cô nói rõ cho lệnh bà biết tôi đề thơ này không phải là để dành tặng lệnh bà mà chính là để cho tôi. Tất nhiên vẽ tranh mỹ nữ mà tặng một người

đẹp lại đề từ như thế này là không nên, là xúc phạm đến người đẹp. Lệnh bà nên nhớ tôi biết cái này chính là tôi tự răn mình.

Anh chỉ đề có bốn câu thơ mà công việc từ mài mực, múa quạt đề thơ xong cũng phải đến gần canh ba mới hoàn tất. Nhưng anh không nói tất cả các công việc đó cũng không dài và không tử công công phu như việc chọn thơ.

Không khí đầu thu ở vùng núi về ban đêm đã se lạnh nhưng ở trong nhà, ba ngọpì thấy ướt đầm mồ hôi. Chẳng hiểu từ lúc nào và A Rích có rình chờ hay không mà đúng lúc ấy viên tướng vạn hồ hầu vén rèm lụa bước vào lều. A Rích vái chào và bước nhanh đến án giữa lều ngắm bức tranh. Những đồng tiền đặt làm dấu vẫn chưa được cất đi in những vết tròn đen làm ảnh hưởng đến bức tranh. Gã hỏi:

– Những đồng tiền này đã cất đi được chưa?

– Được rồi.

Đỗ Vĩ nhẹ tay nhặt những đồng tiền trên bức tranh. Bức tranh nhất thi nhất họa bấy giờ mới phô hết vẻ đẹp hài hòa. Vẽ đẹp chữ đẹp thơ hay. Một bức tuyệt mỹ duy chỉ có điều tặng cho một người đàn bà đẹp thì lại là cái tát vào mặt người ấy.

Sáng hôm sau Đỗ Vĩ dậy rất sớm nhưng toán lính Mông Cổ hộ tống cô Liên lên đường còn sớm hơn rất nhiều. Anh đi ra ngoài Trì thôn, đây là một vùng rừng áp sát vào thị trấn. Mặc dù chung quanh có nhiều quân đội đóng nhưng do rừng quá rậm, gà rừng vẫn từng đàn, từng đôi đi kiếm ăn ở những thửa ruộng nhỏ bỏ hoang. Một cảm giác tiêu sơ xâm chiếm trong lòng Đỗ Vĩ. Nhưng anh thấy ánh mắt nhìn như có một màn sương bao phủ. Nhìn cái gì cũng không rõ, nhìn gần, nhìn xa đều không rõ. Anh quay trở về nhà và thấy người mệt mỏi, anh lên giường nằm giấc ngủ đến. Anh thiếp đi, anh không biết đằng sau cánh cửa nhà việc, vạn hộ hầu A Rích vẫn chăm chú theo dõi. Thấy anh lên giường nằm, A Rích lẩm bẩm:

– Sao phát sớm thế này, đáng lý ra phải tối hôm nay.

Hôm qua A Rích dùng nền đỏ, đây là loại nền mà A Rích tin rằng dùng rất có lợi cho công việc của y.

Chương 22

Đoàn hộ tổng đưa cô Liên đi chợ xóm Núi từ mờ sáng, đường núi từ Trì thôn đến xóm Núi phải non nửa ngày đường. Đoàn đi từ mờ sáng, hãy còn một chút trắng mọc muộn, lãnh muộn. Họ để Liên cưỡi một con ngựa thồ cách cưỡi vắt chéo hai về một bên. Con đường chỉ đi một thoáng đã bắt đầu vào đường núi, con ngựa quanh co lái trái, lái phải. Đây là giống ngựa vùng núi thấp nhỏ, lông dài đậm, vó rất chắc chắn mặc dù không phải là loại ngựa có tốc độ nhanh. Do đường núi nên cưỡi rất xóc. Liên phải căng mắt ra vì có thể ngã ngựa bất cứ lúc nào. Cho nên đến lúc sáng rõ mặt trời thì Liên còn khỏe mạnh, nhanh nhẹn, nhưng mặt trời lên đến non nửa thì bất chợt Liên buồn ngủ rũ mắt ra. Cô cố căng mắt ra để chống lại cơn buồn ngủ song vẫn vô hiệu. Tới gần trưa thì cô ngủ gật trên ngựa. Vào tới cái phố nhỏ mới dựng cho chợ xóm Núi thì cô ngủ thật. Và cô không biết gì nữa...

Khi cô dần dần tỉnh lại, nói đúng ra là tỉnh ngủ cô nhìn thấy một khuôn mặt khả ái có đôi mắt rất sáng và một mớ tóc vàng hoe trên đầu. Đang ngả xuống chăm chú nhìn cô.

– Đây là đâu thế này. Tạo sao tôi lại nằm ở đây

– Cô đang ở trong xóm Núi, vừa qua đoàn người ngựa của cô vào đến xóm Núi thì bất chợt cô ngã ngựa. Chúng tôi là thương đoàn người Việt cùng bà con với nhau nên tôi vực cô đưa vào đây cứu tỉnh. Trong số người của thương đoàn có lương y giỏi nên họ cứu tỉnh cô không khó lắm.

Liên nhìn chăm chú mái tóc vàng hoe của cô gái. Một lời dặn của Đỗ Vĩ thoáng trong óc. Cô thận trọng hỏi khe khẽ:

– Cô tên là gì? Cô không phải là người Việt mà.

– Đúng, em không phải là người Việt. Em là người Dao đỏ ngoài biên giới nhưng bố em và cả nhà em làm ăn buôn bán với người

Việt năm này qua năm khác đã nhiều đời. Do đó em nói tiếng Việt rất sôi. Em tên là Lèng Chín.

–Ồ.

– Sao cơ, tên em xấu lắm hả?

– Không xấu đâu, chị đang muốn tìm em đấy, đoàn người của em có người nào từ đất Việt theo sang đây không?

– Có đấy, nhưng việc này em không được nói. Em sẽ đi báo ngay cho họ để họ đến đây với chị. Đoàn hộ tống của chị đóng đầy chung quanh đây. Vì khi chị ngã ngựa em vực chị vào đây thì đoàn hộ tống đuổi hết người của thương đoàn ra, chỉ để em là con gái ở lại trông nom cho chị. Mà sao chị ngủ gù mà khiếp thế, ngủ say đến mức ngã ngựa mà mặt xuống nền đường, xấp xỉ thế kia.

– Chị chưa bao giờ có cách ngủ kỳ lạ như thế này. Đây là lần đầu tiên. Hình như cha em tên ông là Lèng Páo đúng vậy không.

– Đúng cha em tên là Lèng Páo nhưng hôm nay cha em không theo đoàn vào đây, cha em ở nhà.

– Vậy thì em nghe kĩ nhé, chớ chịu sự ủy thác của một người đi tìm cha con em. Bây giờ chị tìm được em rồi. Chị nói cho em biết, chị là thị nữ hầu cận lệnh bà An Tư. Chị cần tìm một người thân tín của thương đoàn để trao một tin quan trọng.

– Chị cho phép em ra ngoài một lúc tìm người.

Lèng Chín ra ngoài. Bọn quân Nguyên tò mò nhìn cô. Cô gái tươi cười nói bằng tiếng dân tộc:

– Nhìn gì, lạ lắm hả.

Làm cho tất cả cười ồ lên, cả lính Nguyên lẫn cô gái. Một lát sai cô ta dẫn đến một người của thương đoàn, bưng theo một liễn cháo. Cô nói với tên lính Nguyên canh phòng ở bên ngoài:

– Đây là ông lang.

Tên lính Nguyên gật đầu. Lèng Chín và ông lang người Việt vào trong nhà.

– Tôi là người Việt. Cô có thể tin cậy ở tôi, cô cần gì cô nói đi.

– Tôi chịu sự ủy thác của một người tên là Đỗ Vĩ đến đây tìm cha con cô Lềng Chín. Từ cha con cô sẽ tìm ra một người Việt tin cậy. Bây giờ tôi tìm được rồi, ông đã đến đây rồi. Đây là tín vật.

Cô đưa một que chuyền có khắc chữ Bội. Mai Thúc Lại cầm que chuyền tò mò ngắm. Ông không biết chuyện que chuyền nhưng ông biết chuyện Đỗ Vĩ qua biên giới làm cái việc gì đó, ông lại được các đức ông nhà Trần phái qua đây để tìm Đỗ Vĩ và trao cho mệnh lệnh cho anh.

– Tôi đúng là người Đỗ Vĩ cho tìm, tôi cũng là người đi tìm Đỗ Vĩ. Nhưng làm sao sắc mặt cô đỏ bừng lên thế. Ấn đường có ngấn tím đen, có tia máu ăn xuyên vào đồng tử. Mà cô ngã ngất trên đường có phải là bệnh thường xuyên của cô hay gặp không?

– Không phải là em ngã ngất mà là em ngủ say, dúi mắt xuống mặt đường, đây cũng không phải là chứng bệnh em hay gặp.

– Vậy thì kỳ lắm, cô có thấy chóng mặt không?

– Không chóng mặt mà chỉ buồn ngủ.

– Vậy thì đúng rồi, cô bị hạ độc. Để tôi cho cô thuốc giải.

Mai Thúc Lại giở ngay hồ rượu đeo ngang vai ra. Anh rót một chén to và bảo cô gái uống ngay, sau đó anh lấy chăn trùm kín và anh nói:

– Thế này mới ra mồ hôi.

Quả nhiên chừng một khắc sau, cô gái toát mồ hôi dầm dề. Mùi mồ hôi thơm thoang thoảng như mùi xạ hương.

– Đúng là hạ độc bằng nọc rết và nọc bọ cạp mà dùng xạ hương để dẫn. Bây giờ uống rượu để nọc độc toát theo hơi rượu ra ngoài qua đường mồ hôi là yên tâm rồi. Bây giờ có thấy buồn ngủ không?

– Không, bây giờ thì em lại tỉnh táo như mọi khi rồi.

– Tại sao quân Nguyên cho cô đến chợ xóm Núi?

– Đỗ Vĩ sai em đến chợ xóm Núi, đúng hơn là quân phải đồng ý để Đỗ Vĩ sai em đến chợ xóm Núi, bề ngoài là tìm một đôi quạt Hới bề trong là tìm cha con chị Lềng Chín. Xong rồi thì quay về Trì thôn, ngày mai tiên sinh Đỗ Vĩ sẽ đích thân đến xóm Núi chọn quạt. Còn ý định của tiên sinh Đỗ Vĩ như thế nào em không biết.

– Theo như cô nói thì ba người ở trên lầu không uống rượu độc, không ăn gì có khả năng có độc bên trong. Bây giờ cô bị thế này thì cả hai người kia cũng bị giống như thế. Theo như lời dặn của sư phụ tôi thì có thể chuyển độc bằng hoa, bằng hương, bằng đèn nến. Như vậy trong lầu không đốt hương, không cắm hoa mà vẽ tranh vào buổi tối thì phải có đèn nến.

– Vậy thì đúng rồi, tối hôm đầu thắp sáng bằng nến bạch lập, tối thứ hai tức là tối hôm qua thắp sáng bằng nến đỏ.

– Sư phụ tôi nói, qua hai lần bạch lập và nến đỏ là chúng đã khóa độc trong người các cô rồi. Thứ độc này giải thông thường không được mà phải giải bằng rượu như cách tôi vừa giải cho cô nhưng cô đã qua hai lần nhiễm độc thì phải giải hai lần hai ngày bằng rượu.

– Tội tôi ở Trì thôn có bao giờ thiếu rượu, rượu quý mức nào cũng có. Nhưng chúng bỏ độc vào rượu, chính Đổ tiên sinh đã phát hiện ra và chỉ cho chị em tôi chúng tôi tránh.

– Bây giờ tôi nói thật. Đổ Vĩ là sư đệ của tôi, tình thân hơn anh em ruột thịt, sư đệ của tôi dùng độc, giải độc đều giỏi tuyệt vời. Thứ độc bỏ vào rượu thì ăn nhằm gì với sư đệ của tôi. Bây giờ cô ở đây để giải rượu cho thoát chết. Còn chúng ta cũng phải đưa được tin cho sư đệ của tôi kịp thời. Còn chúng ta cũng phải đưa được tin cho sư đệ của tôi kịp thời. Có thể tôi nói rằng bệnh của cô đi thì chết. Cô phải ở lại đến mai. Còn cô thì nói cô phải về ngay đưa quạt cho Đổ tiên sinh. Tôi sẽ cho cô Lèng Chín thay cô đưa quạt và đưa lệnh về cho Đổ tiên sinh.

Mai Thúc Lại đỡ cô Liên ngồi dậy bón cháo cho cô, sau đó ông ra ngoài.

Gần xế chiều, đoàn quân Nguyên lại quay về Trì thôn, không có Liên mà thay vào Liên là một cô gái người Dao đỏ mới lớn, cô Lèng Chín.

Đội quân Nguyên hộ tống Lèng Chín khởi hành từ xóm Núi lúc xế chiều. Vì vậy cho nên đến tối mịt mới đến Trì thôn. Khi đến nơi, tình hình đã thay đổi.

Thứ nhất là công chúa An Tư và đoàn tùy tùng đã đến Trì thôn từ lúc sẩm tối.

Thứ hai là tất cả đang nhốn nháo vì người tỳ nữ còn lại của công chúa An Tư là Thúy đã bất tỉnh nhân sự từ xế trưa. Và Đỗ Vĩ cũng ở trong tình trạng như vậy từ buổi sáng. Cả hai người đều được cứu chữa hết sức sốt sắng nhưng vẫn không tỉnh. Cả những ông lang giỏi giang nhất trong vùng đều được gọi đến nhưng đều chịu bó tay. Cả hai bệnh nhân cứ bần bật, mỗi lúc mỗi đi dần vào cõi u linh.

Tả hữu đưa Lệnh Chín vào yết kiến công chúa An Tư. Lệnh bà hỏi:

– Cô em từ xóm Núi về à?

– Dạ thưa lệnh bà, tôi là người trong thương đoàn Đại Việt. Có một cô gái là người hầu của lệnh bà là cô Liên đã ốm và ngất đi tại chỗ tôi. Do cô không đi được nên ủy thác cho tôi đem về dâng lên lệnh bà đôi quạt này. Không biết chiếc nào sẽ được chọn. Vì người lựa chọn và ra lệnh cho cô Liên đến xóm Núi kiếm quạt là tiên sinh Đỗ Vĩ nay bị bất tỉnh nhân sự.

An Tư liếc nhìn lên vách lều. Bức tranh mỹ nữ đã treo lên trang trọng. Hai cô hầu còn lại của An Tư đã treo tranh lên, bây giờ một cô đang chăm sóc cho cô Thúy nằm ở góc lều. Một cô còn lại đỡ lấy hai cái quạt dâng lên An Tư. Hai chiếc quạt này, một chiếc là quạt Hới, một chiếc là quạt trầm chạm. Cả hai chiếc quạt này đều đẹp. An Tư đã biết mục đích chọn quạt của Liên. Lệnh bà nói:

– Nếu đề thơ vào quạt thì phải là quạt Hới, còn nếu quạt trầm thì mấy câu thơ đó đã được khắc rồi nhưng nay thì mọi dự định đề thơ chẳng có nghĩa gì cả vì người đề thơ đang bần bật mỗi lúc mỗi đi vào cõi u linh.

Đỗ Vĩ còn bị nặng hơn Thúy, có lẽ vì anh là đàn ông. An Tư băn khoăn hai người ở đây, một người ở xóm Núi đều nhuốm bệnh như nhau nhưng xét cẩn thận mọi thứ trong lều không hề thấy dấu hiệu của bỏ độc. A Rích đã cẩn thận thu dọn từ sáng tất cả những cái gì có liên quan đến độc dược và đem vứt hết đi rồi. Tuy thế, An Tư rất cẩn thận dùng mọi thủ pháp giải độc với hai người nhưng đã hai trống canh mà mọi việc chẳng có kết quả gì. Gần tới canh ba thì hai người nối tiếp nhau ra đi. Đỗ Vĩ tắt thở trước nửa trống canh rồi đến lượt Thúy.

Vì tình như chị em với Đỗ Vĩ và vì sự kính trọng. An Tư ra lệnh cho A Rích chuẩn bị làm lễ mai táng cho hai người. Lệnh bà ra lệnh song táng ngay trước mặt ngôi lầu đỉnh núi. Thật là nửa đêm vắng, vừa buồn, vừa đau đớn. An Tư sai cuộן bức tranh mỹ nữ lại cất đi và gọi Lềng Chín và bảo:

– Tôi chưa được quen cô lâu nhưng nghe cô nói biết rằng cha mẹ coo và cả chính cô nữa đã được gặp Đỗ Vĩ tiên sinh, nên tôi rất tin cô. Sáng mai sau khi mai táng xong cho hai người cô quay trở lại ngay xóm Núi và mang một lệnh của tôi cho cô Liên: bỏ về ngay Đại Việt và báo rằng chiến tranh không chấm dứt đâu.

– Nếu cô Liên muốn quay trở về đây hầu lệnh bà thì sao? Hoặc nếu bệnh của cô không qua khỏi thì như cô Thúy ở đây thì sao?

– Nếu nó chết thì ta sẽ đem nó về đây chôn cạnh Thúy và Đỗ Vĩ. Còn nếu nó sống hoặc sông được thì lệnh của ta Liên phải về Đại Việt. Cô nói với nó rằng ta rất yêu nó, nhớ nó. Nói cho nó biết rằng quân của Đại Nguyên soái Thoát Hoan đã bỏ chạy được sang bên này biên giới và chắc rằng họ chưa rời bỏ ý định đánh chiếm đất Đại Việt đâu. Vậy thì nó phải về Đại Việt, và nhớ trả thù cho ta, trả thù cho Thúy và trả thù cho Đỗ Vĩ tiên sinh.

Chương cuối

Triều đình ra lệnh mở yến mừng công ở kinh đô Thăng Long. Tất cả các đạo quân đều có đại biểu về dự. Các tướng danh tiếng nhất, các tướng công to nhất đều có mặt. Từ biên giới về là đạo quân Sông Đà của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, của Minh tự Hoàng Mãn, của Mai Đà hầu Trịnh Mác; còn có đạo quân của Hưng Hiếu vương Trần Quốc Nghiễn, của Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng từ miền biển lên, có đội thuyền chiến của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư, có đội thuyền nan của làng Cóc với các nữ binh của cô Hồng. Lộ Khoái có đạo quân của Nguyễn Chế Nghĩa mới được phong chức Khoái hầu có tường tùy tùng là Hoa Xuân Hùng. Hành trung doanh là Phạm Ngũ Lão và các tướng tùy tùng là Yết Kiêu và Dã Tượng. Mãi đến gần ngày Thái bình diên yến mới thấy Nguyễn Địa Lô dẫn quân về. Dân binh còn có nữ binh của Hương Hoảng do Trinh Túc phu nhân chỉ huy. Còn dĩ nhiên các tướng lĩnh trọng yếu đều không thiếu mặt. Người ta thấy đức ông Chiêu minh vương Trần Quang Khải, đức ông Tĩnh Quốc đại vương Trần Quốc Khang, đức ông Hưng Ninh Vương Trần Tung. Còn Quốc công Tiết chế ít khi người ta thấy mặt, e rằng đức ông nhuộm bệnh chăng. Nhưng không phải, ngay tối hôm tiệc mừng, đức ông dẫn Nhân Huệ vương ra tận bến sông và cầm tay dẫn dò:

– Đừng coi thường lời ta dặn. Giặc sẽ còn sang. Tin của Đỗ Vĩ đưa về là như vậy. Tiệc xong rồi em về ngay Vân Đồn chuẩn bị đóng thuyền chiến và mộ lính chiến. Tất cả những người thông thạo đường thủy phải huy động ngay một cách kín đáo. Lời ta dặn đây là loại thuyền đánh trên biển nhưng là loại thuyền nhẹ xoay trở nhanh, Đừng coi thường lời ta dặn. Giặc sẽ còn sang. Tin của Đỗ Vĩ đưa về là như vậy. Tiệc xong rồi em về ngay Vân Đồn chuẩn bị đóng thuyền chiến và mộ lính chiến. Tất cả những người thông thạo đường thủy phải huy động ngay một cách kín đáo. Lời ta dặn đây là loại thuyền đánh trên biển nhưng là loại thuyền nhẹ xoay trở nhanh,

có thể chứa được chất cháy. Phải lập tức giăng mạng lưới tuần phòng tra soát vuốt ven biển từ Vân Đồn đến châu Hoan. Thôi em đi đi.

Sáng hôm sau đến lượt vợ chồng chưa cưới Hoa Xuân Hùng và Vi Hồng cũng đem quân về ven biển. Họ được lệnh lập trại đóng thuyền nhưng là loại thuyền nan có thể đội đi từ sông này qua sông bên kia bằng đường bộ. Họ được dặn là lập những đội quân biết đan thuyền nan để sẽ đưa vào trong ái châu.

Còn biết bao nhiêu công việc khác phải xem xét trong một cuộc chiến tiếp theo có thể xảy ra mà cũng có thể không xảy ra nhưng vị tướng lĩnh này nắm quyền bảo vệ nước không có quyền bỏ qua.

Trong khi đó, các quan văn võ trong triều lại tung bừng với các tước vị mới, quyền lợi mới... Riêng Trần Quốc Tảng trở về Uông Bí với tâm trạng buồn nhớ người bạn xưa.

Trước khi về Uông Bí, Trần Quốc Tảng tìm đến chùa Nghi Tàm. Ông dâng hương ở ban thờ Đỗ Vĩ và chào từ biệt ni cô Diệu Liên. Đức ông Trần Nhật Duật đã về Nghi Tàm nói với sư bà chùa làng làm lễ xuống tóc cho Liên và đặt ban thờ Đỗ Vĩ ở đó. Ban thờ có để một chiếc quạt Hoir rất trang trọng.

HẾT.